



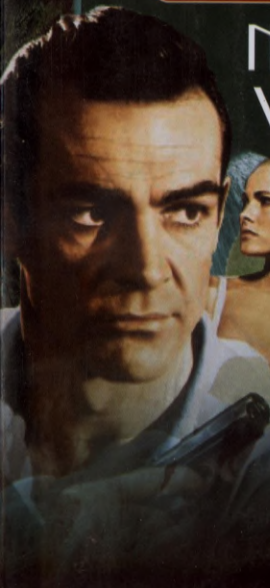
FACE

ĐIỆP VIÊN VÀ ĐIỆP VỤ

LỪNG DANH THẾ GIỚI

Tập Thứ Hai

NGƯỜI ĐẸP VÀ ÁI TÌNH



NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG



FACE

ĐIỆP VIÊN VÀ ĐIỆP VỤ

LỪNG DANH THẾ GIỚI.

Tập Thứ Hai

NGƯỜI ĐẸP VÀ ÁI TÌNH



NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG
TRUNG TÂM VĂN HOÁ NGÔN NGỮ ĐÔNG TÂY

LỜI GIỚI THIỆU

Các điệp viên và điệp vụ lừng danh thế giới trong lần in này là một bộ sách gồm bốn tập, kể về cuộc đời, hoạt động và những điệp vụ xuất sắc nhất của các điệp viên hàng đầu trong thế kỷ XIX và XX, - hai thế kỷ ghi dấu ấn công lao của ngành phản gián thời chiến trong suốt một thời kỳ dài của lịch sử thế giới, thời kỳ của những cuộc Nội chiến và Thế chiến. Mỗi tập của cuốn sách giới thiệu một cách chi tiết và sinh động với độc giả về những điệp viên và điệp vụ kỳ tài, cả chuyên nghiệp lẫn được chiêu mộ từ nhiều ngành nghề khác nhau, được chia theo các chủ đề như sau:

Tập 1: *Khi văn nghệ sĩ làm điệp viên*: Các điệp viên là nhà văn, nhà báo, nghệ sĩ nhiếp ảnh... trong số đó có những người nổi tiếng thế giới về sự nghiệp nghệ thuật, văn chương như Daniel Defoe (với *Robinson Crusoe* bất tử); Ernest Hemingway; Graham Greene (tác giả của *Người Mỹ trầm lặng* rất quen thuộc với bạn đọc Việt Nam); William Somerset Maugham; Kim Philby; John le Carre; và gần gũi với chúng ta là nhà báo - " điệp viên hoàn hảo" Phạm Xuân Ẩn, v.v...

Tập 2: *Người đẹp và ái tình*: Nhân vật chính của tập sách này là các giai nhân, và dĩ nhiên đi kèm cùng với họ như cặp bài trùng, là ái tình. Ở đây có Mata Hari, nữ điệp viên hai mang xinh đẹp với vô số huyền thoại; Louisa de Bettini, nữ điệp viên được coi là xuất sắc nhất của Thế chiến Thứ nhất với những điệp vụ được thực hiện thành công từ việc coi cái chết như một trò đùa; Josephine Baker, vốn là một nữ ca sĩ lừng danh và xinh đẹp với

những hoạt động góp phần tích cực vào thay đổi cục diện của Thế chiến Thứ hai; và nữ đại tá anh hùng tình báo Việt Nam Đinh Thị Vân suốt mấy chục năm âm thầm làm nhiệm vụ cực kỳ nguy hiểm trong lòng địch, v.v...

Tập 3: *Những điệp vụ và những ông trùm*: Tập này dành nói về những điệp vụ nổi tiếng trong lịch sử tình báo thế giới, và bên cạnh đó là những "ông trùm" mật vụ - những nhà tổ chức các mạng lưới điệp viên và các hoạt động tình báo, như Allen Dules - giám đốc Cục Tình báo Trung ương Mỹ; Khang Sinh - "trùm mật vụ quái vật", "kẻ thứ năm trong bè lũ bốn tên" trong Cách mạng Văn hoá ở Trung Quốc; Valter Sellenberg - trùm AMT6 của Đức Quốc xã; và Mười Hương - người chỉ huy tình báo huyền thoại trong cuộc chiến tranh chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta.

Tập 4: *Điệp viên hành động*: Trong tập sách này tập hợp đông đảo lực lượng chính làm nên sức mạnh của ngành tình báo, phản gián thế giới - các điệp viên trực tiếp hành động trong lòng địch, trên chiến trường, đối mặt với hiểm nguy và cái chết: từ Piot'r Tolstoi - điệp viên quý tộc của Piot'r Đại Đế, Carl Sulmaster - gián điệp vĩ đại của Napoleon; đến Frans fon Rintelen - điệp viên biệt kích vĩ đại nhất của Thế chiến Thứ nhất; rồi Richard George - siêu điệp viên của tình báo Xô Viết; Otto Scorseni - điệp viên SS khát máu; và cả Vũ Ngọc Nhạ - vị cố vấn của ba đời Tổng thống nguy Sài Gòn; Nguyễn Thành Trung - điệp báo viên sau 20 năm ẩn tích ném bom Dinh Độc Lập, v.v...

Ở mỗi tập của bộ sách chúng tôi cố gắng cung cấp tư liệu một cách hệ thống, hy vọng có thể đáp ứng được cả nhu cầu tìm hiểu lẫn giải trí của đông đảo độc giả.

Người biên soạn

ELIZABETH VAN LEW

NỮ ĐIỆP VIÊN “TÌNH NGUYỆN” TRONG CHIẾN TRANH NAM - BẮC MỸ

Cuộc Nội chiến ở Hợp chủng quốc Hoa Kỳ bắt đầu năm 1861 giữa quân Liên bang miền Bắc ủng hộ xóa bỏ chế độ nô lệ và phe các bang theo chế độ nô lệ miền Nam. Cả hai bên đều có các cơ quan tình báo và phản gián với không ít nhân viên là phụ nữ.

Nữ gián điệp sáng giá nhất của liên quân miền Bắc là miss Elizabeth Van Lew (1818-1900). Có thể đặt bà ngang hàng với những nhân vật xuất sắc nhất của các cục mật vụ trong suốt toàn bộ lịch sử hoạt động của chúng.



* Từ tư tưởng bãi nô

Elizabeth sinh năm 1818 tại Richmond, thủ phủ bang Virginia. Học xong ở Philadelphia, bà trở thành một người theo chủ nghĩa bãi nô cuồng nhiệt - ủng hộ việc giải phóng người da đen. Bà không che giấu quan điểm của mình, công khai giải phóng chín nô lệ của riêng mình và mua thêm mấy người để tái hợp họ với người thân đang thuộc quyền sở hữu của gia đình mình.

Bà mẹ và cô con gái Van Lew là những người mến khách, khả ái và hào phóng. Những quan điểm tiến bộ không khiến họ bị cô lập mà có rất nhiều bạn bè và người quen trong xã hội thượng lưu trong vùng. Các mối quan hệ đó đóng vai trò rất lớn trong hoạt động tình báo sau này của bà. Trong số bạn thân thiết gần gũi của bà có viên Chánh pháp quan các bang miền Nam John Marshall là người có uy tín tuyệt đối; ca sĩ nổi tiếng Jenny Lind thường xuyên biểu diễn trong các dạ hội tại nhà Van Lew, là nơi lui tới thường xuyên của các sĩ quan và quan chức nổi tiếng của miền Nam - bởi vì Richmond chính là thủ phủ của phe miền Nam và toàn bộ những luồng tin mới nhất đều chảy qua phòng khách nhà Van Lew. Sau các cuộc trò chuyện, khách khứa để lại đây những thông tin vô giá.

Elizabeth Van Lew là một phụ nữ thể chất yếu đuối, nhỏ nhắn nhưng đường bệ, đài hoàng, linh hoạt và quả quyết, với vẻ bề ngoài nghiêm khắc, khắt khe. Sự lựa chọn con đường tranh đấu của bà được thúc đẩy bởi vụ xử tử John Braun - một chiến sĩ nổi tiếng đấu tranh vì công cuộc giải phóng người da đen. *“Từ thời khắc đó, nhân dân chúng tôi đã ở trong tình trạng chiến tranh”* - bà đã viết như vậy trong nhật ký.

*** ... Van Lew bước vào cuộc đời tình báo nguy hiểm**

Và bà bước vào cuộc đời hoạt động tình báo. Theo sáng kiến riêng của bản thân, bà liên tục gửi thư cho chính quyền Liên bang thông báo tình hình ở miền Nam. Đồng thời bà bạo gan phát biểu ngay trên đường phố Richmond như một người bãi nô chủ nghĩa nhiệt tâm: từ chối giấu mình dưới chiếc mặt nạ “người yêu nước trung thành miền Nam”. Bà công khai từ chối may áo cho binh lính bang Virginia. Hành động “xấu xa”

của miss Van Lew và mẹ bà bị nghiêm khắc chỉ trích trên các báo, gây nên sự cuồng nộ của đám đông. Nhưng phần lớn những người miền Nam bình thường đơn giản chỉ coi bà là kẻ gàn dở, nguyên nhân dẫn đến những hành động đó chẳng qua chỉ là cơn điên rồ vô hại và gọi bà là “Bet loạn óc”. Van Lew không gặp nguy hiểm cũng bởi dân Virginia không thể tưởng tượng rằng một cô nương quý tộc có thể chống sự nghiệp của toàn thể dân miền Nam.



Quay lại với những bức thư mà “Bet loạn óc” đã gửi đến Bộ Tổng tham mưu phe miền Bắc. Ban đầu chẳng ai để ý coi trọng chúng. Nhưng một hôm có viên công chức nào đó cầm những lá thư của bà xuất hiện ở Bộ Chiến tranh. Chúa ơi! Chúng ta tiêu tốn không biết bao nhiêu tiền của và sức lực để có được những thông tin chính xác và kịp thời về tình hình các trại miền Nam. Vậy mà đây, các vị hãy xem những tin giá trị nhất lại do một người phụ nữ ở chính giữa thủ phủ miền Nam tự ý gửi cho chúng ta!

Vậy là công việc của Elizabeth lần đầu tiên được đánh giá đúng thực chất, và bà trở thành nhân viên một cơ quan tình báo thường xuyên và duy nhất hoạt động suốt thời kỳ chiến tranh tại hậu cứ của kẻ thù.

Vì lợi ích công việc mà bà phụng sự, Elizabeth Van Lew không hề từ nan, không chỉ tự thân thường xuyên đối mặt với nguy hiểm mà còn mạo hiểm cả cuộc sống của mẹ và người em trai, tiêu tán tất cả tài sản của gia đình, nhiều lần suýt trở

thành nạn nhân của tòa án. Mặc dù bà bị buộc tội theo chủ nghĩa bãi nô và có thái độ thân thiện với miền Bắc nhưng không một nhân viên phản gián nào ngờ được đó là một chỉ huy mạng lưới gián điệp dũng cảm và nhiều sáng kiến.

* Một điệp viên tài trí, thông minh

Trước hết Elizabeth sắp xếp việc thu thập tin. Bên cạnh những vị khách thường xuyên viếng thăm phòng khách của mình, bà còn thiết lập quan hệ với hàng chục người nắm các nguồn tin khác nhau mà bà có thể sẽ cần đến. Tai mắt của bà ở khắp mọi nơi. Chẳng hạn Elizabeth có một nữ nô lệ da đen tên là Mary Bauser rất thông minh mà bà đã trả tự do vài năm trước khi chiến tranh xảy ra và cấp tiền cho cô lên miền Bắc ăn học. Khi nguy cơ chiến tranh đã thấp thoáng, Elizabeth gọi cô trở về Richmond và không lâu sau sắp xếp cho cô làm người phục vụ trong “Nhà Trắng” của miền Nam, bên cạnh chính Tổng thống Jefferson Davis.

Một trong những đầu mối thông tin cho phe miền Bắc thật kỳ lạ lại chính là nhà tù quân sự “Libby”, nơi giam giữ các tù binh miền Bắc. Họ nắm được rất nhiều điều về chiến thuật của quân miền Nam, về kế hoạch bố trí quân, các vị trí trọng yếu... Elizabeth và mẹ bà chiếm được lòng tin của viên chỉ huy nhà tù là trung úy Todt nên được phép vào nhà tù dưới hình thức cứu giúp nhân đạo các thương binh, và không lâu sau, với sự ủng hộ, ngạc nhiên của Bộ Chiến tranh, một luồng thông tin rộng đã được khai thông từ nơi đó.

Elizabeth duy trì việc liên lạc với những trợ thủ tự nguyện của mình bằng rất nhiều biện pháp khác nhau. Thư từ trao đổi được giấu trong giỏ thực phẩm hoặc cuộn trong những lọ

nhỏ đựng thuốc. Tủ binh được gửi sách, sau vài ngày những cuốn sách đã quay về với các dòng chữ được đánh dấu kín đáo khó nhận thấy. Đôi khi họ còn được phép trò chuyện riêng với các tù binh.



Nhà tù quân sự Libby

Bất chấp hành động “phản miền Nam” công khai của Elizabeth và những lời buộc tội trên mặt các báo đối với bà, sự trừng phạt duy nhất mà “Bet loạn óc” phải chịu là bị cấm đến thăm nhà tù quân sự. Chuyện xảy ra như vậy đã vài lần. Khi đó Bet liền diện bộ váy áo đẹp nhất của mình và không mấy may mắn, đến gặp tướng Wilder - Giám đốc cơ quan phản gián hoặc Jood Benjamin - Bộ trưởng Chiến tranh miền Nam. Bà buộc phải nghe mấy lời mắng mỏ trong vài phút vì hành động ngu ngốc, rồi tỏ ra ăn năn hối lỗi và thề thốt và... mọi chuyện lại kết thúc bằng việc Benjamin hay Wilder ký lệnh cho phép viếng thăm nhà tù quân sự! Cũng có khi Elizabeth đến bí mật vào ban đêm, ăn mặc giả làm một cô nông dân.

Những thông tin thu thập được còn phải chuyển về Bộ Tổng tham mưu phe miền Bắc cho tướng Sarpo. Vì mục đích này bà xây dựng năm điểm liên lạc. Điểm đầu tiên là nhà riêng của bà, nơi thực hiện công việc mã hóa và che giấu điệp viên - liên lạc viên đến từ miền Bắc. Đôi khi những điệp viên này không tới, sau đó có tin đồn về các vụ bắt bớ và xử bắn gián điệp. Khi đó bà liền phái những gia nhân đã trở thành trợ thủ tin cậy của mình vượt phòng tuyến.

Những báo cáo bí mật được Bet mã hóa theo khóa mã riêng thường do một gia nhân nào đó của bà viết tay. Bà xoay xở cho họ các giấy thông hành quân sự cho phép đi về dễ dàng giữa ngôi nhà trong thành phố của bà và trang trại, nơi có một điểm trung chuyển. Gia nhân thường mang những giỏ thực phẩm như một giỏ trứng có lẫn những chiếc vỏ rỗng nhét báo cáo mật ở bên trong; hoặc cô thợ may trẻ đi từ nhà Van Lew sẽ mang qua mặt trận những bản báo cáo được khâu trong vải mẫu hay trong váy. Hệ thống liên lạc được xây dựng sao cho phát huy tối đa hiệu quả. Một lần sau bữa chiều, Elizabeth ra vườn nhà hái một bó hoa lớn, và sáng ngày hôm sau bó hoa đã được mang tới trong bữa sáng cho tướng Grant - chỉ huy quân miền Bắc.

Elizabeth nghĩ ra cách chuyển báo cáo bên trong ngôi nhà mình như sau: trong thư viện của bà có một tượng sư tử nằm. Nó có thể nhấc lên được như một chiếc nắp hộp. Elizabeth thả các bản báo cáo của bà vào đó như thả vào thùng thư, một gia nhân làm nhiệm vụ dọn dẹp sẽ lấy báo cáo ra và mang đến trang trại Van Lew. Sở dĩ phải đóng kịch vòng vèo như vậy để nếu xảy ra chuyện, gia nhân có thể đặt tay trên *Kinh Thánh* thề rằng không hề có bất cứ sự ủy thác nào từ phía miss Van Lew và gia nhân đó cũng không nhận một tài liệu nào từ tay bà.

Elizabeth cho rằng không cần tránh né nguy hiểm mà phải đối mặt với nó. Có một đạo tư lệnh quân quản phụ trách khối tù binh là đại úy Gibbs. Elizabeth đã đưa cả gia đình ông này về ở cùng trong ngôi nhà của bà như những vị khách trọ và suốt một thời gian dài lợi dụng ông ta làm lá chắn bảo hộ. Đôi khi hành vi của "Bet loạn óc" thực sự cũng đi quá giới hạn tỉnh táo. Khi Bộ Chiến tranh miền Nam trưng dụng ngựa của các chủ ngựa tư nhằm củng cố quân khinh kỵ, Elizabeth đã

giấu con ngựa cuối cùng của mình trong văn phòng, quán rơm vào móng nó để không nghe được tiếng gõ móng.

Như nhà nghiên cứu tiểu sử về Bet tên là William Gilmor nhận xét: *“Trong ngôi nhà Van Lew, các gián điệp miền Nam và miền Bắc gặp gỡ nhau, đồng thời chỉ huy trưởng nhà tù quân sự và những tù binh đào thoát được từ nhà tù đó, những kẻ đào ngũ và một con ngựa lậu thuần chủng đã sống tại đây, dưới chuồng ngựa là văn phòng của nữ chủ nhân dùng làm cả bàn tham mưu của cơ quan bí mật lẫn trung tâm cứu trợ lương thực cho tù binh chiến tranh, và nơi tổ chức các cuộc trốn chạy của tù binh”*.

Một lần Van Lew suýt bị lộ tẩy. Một điệp viên của bà hóa ra là kẻ khiêu khích và đã khai hết với quân miền Nam về những người có liên hệ với hấn. Nhưng những người bị hấn phản bội đã không khai ra bà.

Trước khi Richmond thất thủ, theo yêu cầu của Elizabeth người ta chuyển cho bà một lá cờ Liên bang. Khi đội quân tiên phong vào thủ phủ miền Nam, lá cờ đó tung bay phấp phới trên nóc ngôi nhà Van Lew.

* Kết cục đáng buồn

Cuộc đời về sau của Elizabeth ảm đạm và buồn, mặc dù tướng Grant khi này đã trở thành Tổng thống đánh giá cao công trạng của bà và thay mặt chính phủ và quân đội miền Bắc trân trọng nói với bà: “Bà đã cung cấp cho chúng tôi những tin tức hết sức giá trị chỉ có thể nhận được từ Richmond trong thời kỳ chiến tranh” - và chỉ định bà làm giám đốc sở bưu điện Richmond. Trong công tác người ta buộc phải chịu đựng bà nhưng cái xã hội mà bà “phản bội” lại không tha thứ. Vì những

công trạng đối với liên quân miền Bắc bà chẳng nhận được một xu nhỏ nào. Hơn nữa người ta còn không hoàn lại những khoản mà bà đã chi. Sau khi Tổng thống Grant rời vị trí nguyên thủ quốc gia, bà bị trừ dập trong công tác và trở thành một tiểu công chức của Bộ Bưu chính, sau đó thì chỗ làm việc khiêm tốn ấy cũng bị tước mất. Những năm cuối đời bà sống trong nghèo túng, tồn tại chỉ nhờ khoản trợ cấp do bạn bè và họ hàng của đại tá Poli Revir là người bà đã giúp vượt ngục năm xưa phát cho. Bà được những người da đen trung thành nay cũng già lão nghèo khổ như bà chăm sóc.

BELLE BOYD

KHI NGƯỜI ĐẸP MÊ HỒN LÀM ĐIỆP VIÊN

Các mỹ nhân có thể đảm đương được công việc của một điệp viên tình báo hay không? Câu trả lời chắc chắn là: Có! Không những thế, nhiều người trong số họ còn là ngôi sao trong lĩnh vực phiêu lưu và mạo hiểm này. Miss Bell Boyd (sinh năm 1844) là một trong những người như thế. Ngoài tài năng và lòng dũng cảm cần có của một điệp viên, cô còn là một mỹ nhân. Và tất nhiên, điều này là một lợi thế không nhỏ...



Hoàn toàn có thể gọi miss Bell Boyd là một ngôi sao tình báo của phe miền Nam. Tiểu thuyết gia Mỹ Joseph Gerhaschamer đã viết về bà như sau: “*Miss Bell Boyd quả thực là một cô thiếu nữ đẹp mê hồn mặc váy phồng*”. Đó là con người phiêu lưu bẩm sinh, coi những cuộc phiêu lưu trong chiến tranh là nhu cầu không thể thiếu như cơm ăn áo mặc, sinh ra trong gia đình một công chức bang miền Nam Virginia.

* Từ hành động nông nổi của một cô gái trẻ...



Tháng 7 năm 1861, khi đang có Nội chiến, cô chỉ vừa tròn mười bảy tuổi. Thành phố Martinsberg quê hương cô bị quân miền Bắc chiếm. Một lần đám lính muốn treo lên nóc ngôi nhà của gia đình cô lá cờ liên quân, mẹ của Bell phản đối và định đóng sập cửa trước mũi họ. Khi đó, một viên hạ sĩ quan liên quân liền đập âm âm vào cánh cửa và nói những lời thô bạo với bà mẹ. Bell

không chịu nổi điều đó đã "... nổi khùng lên vì phẫn uất, vớ ngay khẩu súng lục và bắn cho hấn một phát. Hấn ta bị thương nặng và chết sau đó không lâu". Các sĩ quan liên quân tiến hành truy cứu vụ ngộ sát một cách khoan dung, chú ý đến tuổi đời non trẻ của Bell và thừa nhận rằng cô hành động nông nổi, vô ý thức.

Việc thoát khỏi bị trừng trị khiến miss Bell phấn chấn và cho cô cảm giác bản thân mạnh hơn "bọn Yanki". Ít lâu sau, cô bắt đầu hoạt động tình báo cho quân miền Nam.

* ... Đến "gián điệp của quân phản loạn"

Bell dễ dàng đọc được những tin tức quân sự mới nhất ở tay phóng viên tờ *New York Herald* và các sĩ quan liên quân đóng ngay trong ngôi nhà của gia đình mình. Cô đã chuyển cho Bộ Tổng tham mưu phe miền Nam nhiều bản tin và báo cáo. Đến ngày 23 tháng 5 năm 1862, cô đã thu thập được những tin

tức đặc biệt quan trọng về các cuộc tấn công sắp tới của các đạo quân miền Bắc: Các lực lượng liên minh của tướng Banks, Mait và Fremont có nhiệm vụ đánh tan quân của tướng Jackson. Những tin tức này cần được chuyển về Bộ Tổng tham mưu phe miền Nam. Nhưng không có ai dám vượt qua ranh giới mặt trận. Bell Boyd liền tự mình mang tin đi. Với bản tính ưa phiêu lưu và thích làm những việc mạo hiểm giữa thanh thiên bạch nhật chứ không phải trong đêm tối, cô diện một bộ váy xanh sẫm, đội chiếc mũ tròn trắng nhỏ, và đeo tạp dề hồ bột trắng tinh đi ngang qua đội hình chiến đấu của liên quân miền Bắc và lọt vào vành đai trung lập dưới làn đạn. Súng vãi đạn, lựu đạn nổ xung quanh - một quả lựu đạn nổ cách cô chỉ bảy mét, rắc đầy mảnh, nhưng cô đã bình yên vượt qua tất cả và vui vẻ vẫy chiếc mũ nhỏ xinh chào các chàng lính trung đoàn Mariland I và lữ đoàn Lusiana cũng đang hân hoan chào đáp lại.

Tướng Jackson, người được trao ngay tức khắc bản báo cáo quan trọng đó, biết đánh giá cao những nỗ lực của ngành tình báo và thông tin do nó cung cấp. Ông lập tức cho tập trung tất cả các đạo quân của mình vào những hướng chính yếu và đập tan các đơn vị tấn công của phe miền Bắc.

Sau đó ít lâu, cô gái trẻ nhận được thông điệp:

"Miss Bell Boyd! Tôi nhân danh bản thân và quân đội cảm ơn cô vì những đóng góp to lớn mà cô đã mang lại hôm



nay cho Tổ quốc mình. Mãi là bạn của Cô. T. D. Johnson, Tổng tư lệnh quân miền Nam”.

Sau thành tích đặc biệt đó, Bell Boyd tiếp tục giúp quân đội miền Nam. Nhưng ít lâu sau, cô phạm sai lầm nghiêm trọng vì đã tin cậy trao báo cáo của mình cho một gián điệp của phe miền Bắc. Bản báo cáo được trao tận tay Bộ trưởng Chiến tranh Liên bang Stanton. Ông này lập tức phái thám tử của cơ quan tình báo Liên bang Crids đến bắt và đưa Bell Boyd đến Washington. Crids là con người thô bạo, tàn nhẫn, không bị quyến rũ bởi nhan sắc của cô gái trẻ và tuyệt đối thực hiện đúng mệnh lệnh.

Nhưng Bell gặp may. Một thời gian ngắn sau cô được mang trao đổi với một gián điệp của phe miền Bắc bị bắt ở miền Nam. Bell được đưa về thủ phủ của phe miền Nam là thành phố Richmond. Nơi đây, cô được đội vệ binh bông súng đón chào, buổi chiều tối, dưới cửa sổ căn phòng cô, ban nhạc thành phố chơi bản Serenad. Cuộc đời về sau của người nữ điệp viên xinh đẹp, yêu kiều này có thể gọi là một *happy end* điển hình. Cô xuống tàu biển đi du lịch. Đến nước Anh, cô gặp gỡ một sĩ quan hải quân Liên bang là Wildo Harding. Tình cảm của ông đối với cô quá mãnh liệt, đến nỗi ông không đắn đo xin từ chức luôn và miss (cô) Boyd đã trở thành mrs (bà) Harding. Cô không bao giờ mấy may hồ thẹn với danh tiếng “gián điệp của quân phản loạn” mà còn tổ chức nhiều cuộc nói chuyện về các chiến công của mình, thậm chí trở thành tác giả của những hồi ký về hoạt động tình báo của bản thân.

MATA HARI

NỮ ĐIỆP VIÊN VỚI VÔ SỐ HUYỀN THOẠI

Mata Hari (1876-1917) là một nữ điệp viên xinh đẹp. Cuộc đời của cô ngay từ điểm xuất phát đã rất nhiều chìm nổi. Song là một phụ nữ mạnh mẽ, cô đã bất chấp khó khăn và mạo hiểm để trở thành gián điệp cho cả hai phía Đức và Pháp. Chính sự liều lĩnh này đã khiến cô phải lĩnh án tử hình vào năm 1917. Tuy nhiên, xung quanh cuộc đời cô vẫn còn rất nhiều những bí mật, thậm chí đã trở thành huyền thoại, được viết thành truyện và dựng thành phim, do các minh tinh màn bạc thủ vai.



*** Cô vũ nữ xinh đẹp và nhiều mơ ước Mata Hari**

Margaret Gertruda Tselle sinh ngày 7-8-1876 tại thành phố Lauvarden (Hà Lan) trong gia đình một người thợ làm mũ. Từ nhỏ, Margaret đã phải sống rất vất vả (cha phá sản, mẹ qua đời), cô phải ở với người chú. Cuộc sống tỉnh lẻ nghèo nàn khiến cô ghê sợ. Cô mơ ước được phiêu lưu, đến nhiều nước xa xôi. Một lần đọc báo kết bạn trăm năm cô đã làm quen với Rudolf Makleod, một đại úy quân thuộc địa. Ít lâu sau cô đã

trở thành vợ anh và được biết những vùng đất lạ của Sumatra và Java. Tuy nhiên, cuộc sống vợ chồng của cô kéo dài không được bao lâu. Tính hẹp hòi và tàn bạo của Rudolf đã khiến một người làm công trong gia đình cô uất ức đến mức đầu độc hai đứa con của cô. Rất may, cô con gái nhỏ của cô được cứu thoát. Năm 1903, Margaret chạy sang Châu Âu, để lại con gái cho chồng nuôi.



Điệu múa Phương Đông làm rung động cả Châu Âu

Tại Paris, Margaret làm nghề diễn viên nữ kỹ sĩ cho một rạp xiếc, sau đó chuyển sang tạp kỹ. Cô có vẻ đẹp Phương Đông huyền bí, rất mềm mại, lại biết múa những điệu lễ thức của những dân tộc hoang dã ở Java và Sumatra. Ông chủ rạp xiếc đã giúp cô trình diễn trong những salon sang trọng. Cô đã lấy một cái tên ngoại lai, “Mata Hari”, không ai biết nghĩa là gì, nhưng một số tác giả bảo có nghĩa là “ban mai”, “tĩnh mộng”, hoặc là “ánh mắt hừng đông”, đại loại như vậy...

Trước chiến tranh, những cảnh múa Phương Đông lạ lẫm, kết hợp cả thoát y vũ do Mata Hari trình diễn đã làm rung động cả Châu Âu. Cả Paris, Vienna, Berlin, Amsterdam, Roma, Monte-Karlo đều quỳ rạp dưới chân cô. Tiền của cứ tự nhiên vào túi Mata Hari. Đã có lúc cô mua mấy cái biệt thự và nhiều cổ phiếu. Nhưng rồi sau đó, mọi thứ lại ra đi, cô lại nợ nần chồng chất đến nỗi phải trốn các chủ nợ. Cô đã định theo đoàn lưu diễn khắp Châu Âu, nhưng không thành.

Tuy nhiên, chính trong thời gian này, sự hoà trộn nhiều đặc tính - huyền bí, xinh tươi, quan hệ rộng với các giới quan chức, đặc biệt rất cần tiền của cô đã được các tổ chức điệp vụ chú ý.

*** Vì tiền trở thành điệp viên cho cả Đức và Pháp**

Nhưng cô có trở thành điệp viên hay không, mà nếu có thì là của ai, khi nào, cô có cung cấp được cho các ông chủ những nguồn tin quý báu hay không, hay là cô chỉ ghi danh vào “cơ quan điệp vụ” và nhận tiền của họ?

Thực sự Mata Hari là ai? - điệp viên, kẻ phiêu lưu, hay nạn nhân của toà án bất công? Nếu có người hỏi: “Cô làm việc cho ai? thì cô có thể thành thật trả lời rằng “Cho chính mình”, và như thế cũng không xa sự thật là mấy.

Một cách lý giải cho rằng Mata Hari là điệp viên của Đức một thời gian dài trước chiến tranh, năm 1914, ngay sau khi ly dị, khi cô đang rất cần tiền, dù chỉ là những khoản nhỏ. Phụ họa cho cách lý giải này là sự kiện cô đã mang biệt danh H-21, trong đó chữ cái “H” là biệt danh chung của các điệp viên thời trước chiến tranh (những người hoạt động ngay sau

khi bắt đầu chiến tranh có mã số AP). Ngoài ra, không hề có các bằng chứng nào khác. Cũng không hề có thông tin gì nói rằng đã có những bí mật của Pháp trước chiến tranh bị rò rỉ sang Đức.

Một cách lý giải khác: Tháng 7 năm 1914, mấy tuần trước khi bắt đầu đánh nhau, Mata Hari đã rời Paris sang Đức. Vào ngày tuyên bố chiến tranh người ta thấy cô ngồi ăn sáng với trùm cảnh sát Berlin. Sau này người ta vin cơ đó để khẳng định rằng anh chàng này đã tuyển mộ được cô. Bản thân Mata Hari giải thích rất đơn giản. Trước toà cô nói: “Tại Đức cảnh sát có quyền kiểm duyệt quần áo của nhà hát. Người ta bảo tôi ăn mặc hở hang quá. Ông cảnh sát trưởng đã đến xem xét và thế là chúng tôi quen nhau”.

Cũng có một cách lý giải khác cho rằng Mata Hari được tuyển mộ trong thời kỳ chiến tranh bởi một tuý viên quân sự Đức ở Madrid là Hans fon Kalle, mà cô là người tình trong một thời gian. Cách lý giải này gần giống với sự thật, bởi vì về sau chính từ Madrid xuất hiện một bản tin mật mang tai họa đến cho Mata Hari. Hơn nữa, người ta còn kể rằng tham gia vào việc tuyển người này còn có Đô đốc tương lai Canaris, lúc này ông mới là một thuyền trưởng khiêm tốn của một chiếc tàu ngầm, nhưng nhiều năm sau ông là người lãnh đạo ngành tình báo quân sự của nước Đức Hitler. Khi các bạn bè hỏi về sự kiện này ông chỉ cười trừ không đáp. Một số người khẳng định rằng chính nam tước Fon Mirbakh đã tuyển chọn cô ở Madrid. Tuyển chọn xong cô đã nhận một khoản tiền lớn.

Mata Hari lúc nào cũng cần tiền: cô luôn luôn bội chi. Nhưng lấy tiền ở đâu? Cô đã chấp nhận một quyết định

ngược đời và tai họa: “Nếu tình báo Đức đã dễ dàng cho ta một khoản tiền lớn, thì tại sao lại không đòi hỏi cả tình báo Pháp nữa?”.

Mata Hari đến gặp người chỉ huy phản gián, đại úy Liadu, với lý do cô cần giấy thông hành đi đến thành phố sát mặt trận Vittel, là nơi ông Thị trưởng đã mời cô từ lâu, hơn nữa, cô cũng cần tới đó điều trị một đợt.

Cô đã thương lượng được với đại úy Liadu và bắt đầu phục vụ cho tình báo Pháp, mà không hề nói rằng cô làm cho tình báo Đức.

Cô nhận được nhiệm vụ đầu tiên đi Tây Ban Nha, sau đó đi Bỉ.

Khi chia tay, đại úy Liadu đã cố ý nhắc nhở cô rằng đừng bao giờ làm việc cho cả hai mặt trận, cần chọn lấy một, nếu không thì kết cục sẽ rất xấu. Mata Hari trả lời bằng một câu bóng bẩy theo kiểu Phương Đông, đại ý rằng cô sẽ phục vụ tình báo Pháp bằng tấm lòng trung thành và bằng sự thực.

Để cho Mata Hari đi Tây Ban Nha, Liadu đã hành động gần như chắc chắn: Tình báo Pháp đã biết được mật mã mà tùy viên quân sự Đức đã dùng để liên lạc với Bộ Tổng tham mưu ở Berlin.

Quả thật, ít hôm sau Liadu nhận được mật điện:

“Điệp viên H-21 đã tới Madrid. Đã bắt đầu làm được việc



cho Pháp. Xin chỉ thị và xin tiền. Đang cung cấp thông tin về các nơi đóng quân... Cũng cho biết rằng nhà hoạt động quốc gia Pháp N. đang có quan hệ mật thiết với một công nương nước ngoài...”.

Trong điện trả lời, bộ chỉ huy Đức ra lệnh:

“Đề nghị H-21 về ngay nước Pháp và tiếp tục công việc. Nhận ngân phiếu của Kremer năm ngàn frank đề tên Kotuar de’ Eskont”.

Sau này người ta biết rằng không phải mọi thông tin về các trung đoàn của Pháp là chính xác, thông tin về những cuộc phiêu lưu tình ái của nhà hoạt động quốc gia cũng không có gì đáng chú ý lắm.

Đối với cuộc đời của Mata Hari, những bức điện ít ý nghĩa ấy lại là quyết định - cơ quan phản gián của Pháp đã nhận được lời khẳng định rằng chính cô ta là điệp viên của Đức mang tên H-21.

Nhưng đồng thời Mata Hari lại góp công lớn cho phản gián Pháp. Thông qua người tình của mình, điệp viên Đức Hans fon Kalle, cô biết rằng quân Đức đã biết về việc người Anh đổ quân bằng tàu ngầm lên cảng Marroco và bộ chỉ huy Đức đang chuẩn bị đập tan số quân đó. Cô lập tức đến gặp điệp viên Pháp ở Madrid, đại tá Danvil, và thông báo cho ông biết. Đại tá mật báo về Paris. Bọn Đức đã bắt được điện ấy. Khi hiểu ra “gió thổi từ đâu”, bộ chỉ huy tình báo đã nghiêm khắc cảnh cáo Hans fon Kalle, anh này lại mắng nhiếc thậm tệ người tình. Mata Hari hiểu ra sự tình và đã quyết định đúng đắn: Cô chạy đến Danvil, cho ông biết chuyện buồn - người Đức đã biết mật mã của Pháp và đã đọc được các bức điện. Chỉ cần một thông tin đó, chưa kể đến thông tin trước

đã cứu sống hàng trăm binh lính và thủy thủ, Mata Hari cũng đã xứng đáng được nhận khoản một triệu đồng mà Liadu đã hứa. Nhưng “lòng biết ơn” mà cô nhận được lại là dạng khác.

Chỉ bao lâu sau, Noel 1916, ở Tây Ban Nha, mặc dầu đang là thời kỳ chiến tranh, Mata Hari vẫn rất đỗi đáng và trang trọng đi về Paris. Mọi người đều muốn có chuyến đi này của cô: Người Đức muốn có vì cô hứa hẹn sẽ có thông tin quan trọng, phản gián Pháp cũng muốn vì “cánh chim” này đã tự bay vào bẫy của họ, còn chính Mata Hari cũng muốn vì cô hy vọng sẽ nhận được khoản tiền một triệu.

*** Điệp viên “hai mang” hay “vật hy sinh” của quân đội Pháp**

Đúng một tháng sau khi trở về Paris, ngày 13 tháng 2, Mata Hari bị cảnh sát Pháp bắt và bị buộc tội làm gián điệp cho Đức.

Ngày 24 tháng 7 năm 1917, vụ án được đưa ra xét xử. Họ buộc tội Mata Hari là vì cô mà mười bảy tàu chiến của liên quân bị chìm, gần một sư đoàn quân bị thiệt mạng. Tình cảnh của người đàn bà bất hạnh này lại càng sâu nặng thêm vì tất cả những lời buộc tội đó lại dựa trên nền tảng vững chắc của dư luận xã hội đã náo động lên vì sự thất bại của chiến dịch được gọi là “Nivel” - tức là cuộc tiến công mùa xuân của quân Pháp - mà lý do là vì bọn tình báo Đức, trước hết là Mata Hari. Trong chiến dịch này quân Đồng Minh đã mất hơn hai trăm hai mươi ngàn binh lính và sĩ quan.

Các chuyên gia thì đánh giá nguyên nhân thất bại do: Việc chuẩn bị chiến dịch kéo dài mà lơ là việc nguy trang tác chiến và chiến thuật áp dụng phương thức tấn công lỗi thời là

dùng đến sinh lực, không đánh giá hết năm mươi hai sư đoàn dự bị chiến lược của Đức. Sau thất bại này có hàng loạt tướng tá bị cách chức và đuổi khỏi quân đội.

Thật ngọt ngào khi giải thích thất bại bằng sự phản bội của người đàn bà bất hạnh đã bị bắt hai tháng trước khi nổ ra cuộc tiến công kia, một tháng trước đó đã có những vấn đề riêng của mình, hơn nữa lại mất liên lạc với bộ chỉ huy Đức! Thật quan trọng khi tìm được “vật hy sinh”! Nhân dân đang cần máu để trả nợ máu đã đổ trên bãi chiến trường.

Dù sao đi nữa thì tiết lộ bí mật về cuộc tấn công đó vẫn là tội chính. Còn một tội nữa là nhận tiền của Đức. Mata Hari nói rằng một phần tiền ấy cô nhận được không phải vì hoạt động gián điệp, còn một phần khác thì do bọn điệp viên Đức gán ghép cho cô để chúng thanh toán các khoản chi tiêu của chúng, nhưng toà án không chấp nhận. Toà nhất trí tuyên án tử hình.

Margaret Tselle chờ đợi cái chết của mình trong phòng đơn của nhà tù Sen-Lazar. Cho đến phút chót cô vẫn đóng vai Mata Hari của chính mình: Cô vẫn múa những điệu múa lễ thức trước những người tu hành đến an ủi cô và khuyên cô nhập đạo, cô đã hứa nói ra ba điều bí mật cho một ông bác sĩ: điều thứ nhất - cho ông tình yêu, điều thứ hai - cho ông tiền bạc và điều thứ ba - cho ông cuộc sống vĩnh hằng; một ông luật sư già yêu cầu cô tuyên bố rằng cô đã có mang với ông, nghe xong cô đã cười lớn.

Sáng sớm ngày 15 tháng 10 năm 1917 người ta đánh thức cô dậy. Cô vẫn đồng cảm: “Sao vậy? Sớm thế kia ư! Ngay buổi sáng à! Kiểu gì mà lạ vậy?” Cô từ chối không hút thuốc lá, nhưng uống một ly rượu grog. Có đề nghị đưa đức cha đến làm lễ, nhưng cô tuyên bố: “Tôi không muốn tha tội cho người

Pháp. Nhưng thế nào cũng được. Tất cả đều như nhau. Sống không là gì, mà chết cũng không là gì. Chết, ngủ, mơ, những cái đó có nghĩa gì không? Cũng



như nhau, đúng không - chết hôm nay hay chết ngày mai, chết trên giường mình hay lúc dạo chơi? Tất cả đều là lừa dối”.

Cô được phép viết ba bức thư ngắn: cho một quan chức nào đó, cho người tình Vadim và cô con gái.

Ngoài cổng nhà tù đã có 5 chiếc ô tô. Buổi sáng âm ỉm hôm ấy người ta đã bắn cô trong khu rừng cạnh bãi tập Vensen. Cô yêu cầu không phải bịt mắt và mỉm cười nhìn lên bầu trời xám xịt, âm thấp.

*** Cuộc đời Mata Hari đã trở thành huyền thoại**

Cuộc đời, những chuyện phiêu lưu và đặc biệt là cái chết của Mata Hari là nguồn gốc biết bao huyền thoại về cô. Điệp viên người Anh Bernard Nyumen viết: “... Tôi hoàn toàn không muốn nói rằng dường như không bao giờ có điệp viên phụ nữ, mặc dầu hoạt động của họ không phải thật là xuất sắc. Trong số họ chỉ có Mata Hari, mà cô ấy cũng chưa hoàn thành được một phần trăm những gì người ta gán ghép cho cô trong những tác phẩm đầy lãng mạn, hoặc một phần ngàn những gì được nói đến trong những cuốn sách có vẻ như là nghiêm túc”.

Nhưng bên cạnh những cuốn sách về Mata Hari người ta

còn dựng nhiều phim nữa. Năm 1921, Lyudvig Wolf dựng cuốn “Nữ tình báo Mata Hari” do Asta Nilsen đóng vai chính. Năm 1927 đạo diễn Fridrikh Feger phản ánh hình tượng giai nhân khoả thân trong phim “Mata Hari, vũ nữ xinh tươi”. Sau đó có hai minh tinh màn bạc giành nhau vinh quang thể hiện tài tình hình ảnh Mata Hari là Marlen Ditrikh trong phim của Fon Shtenberg “Người con gái bị lãng nhục” năm 1931, và Greta Garbo một năm sau đó trong phim “Mata Hari” của đạo diễn Fitsmoris. Như vậy là Mata Hari dù đã kết thúc cuộc đời trần thế nhưng vẫn còn được tiếp tục sống trên màn hình.

LOUISA BETTINI (ALISA DUYBUA)

THÀNH CÔNG SAU NHỮNG TRÒ ĐÙA VỚI CÁI CHẾT

Louisa de Bettini (mất năm 1918) luôn nói với các đồng nghiệp của mình rằng: “Nếu ngày mai tôi hoặc một người nào đó bị quân Đức bắt được và phải đối chất với người của ta thì trí nhớ của bạn phải ngừng làm việc. Một người thất bại - không quan trọng. Người đó là ai - bạn không quen và người đó phải chịu số phận của mình. Những lúc đó tình thương và tình bạn chỉ có nghĩa là bản án tử hình đối với bạn và những người liên lụy. Hãy nhớ như vậy”.

Mọi người đều nhớ, chỉ riêng Alisa trong phút giây khủng khiếp của đời mình thì lại quên. Cô đã bị quân Đức bắt, chịu án chung thân, nhưng lòng dũng cảm, sự mưu lược của cô đã cứu sống tổ chức của mình. Cô được nhiều chuyên gia sử học ngành tình báo tôn vinh là điệp viên xuất sắc nhất trong Thế chiến Thứ nhất.

*** Những khả năng và phẩm chất của một siêu điệp viên**

Louisa de Bettini là một cô gái Pháp trẻ trung, xinh đẹp, người tâm thước, dáng vẻ dịu dàng, tóc màu hạt dẻ, mắt màu tro lấp lánh, mặt trái xoan, da mịn, đôi môi gợi cảm và một nụ cười mê hồn. Cô sinh ở vùng Bắc Pháp, nhà cô ở Lille, lúc đó đang rơi vào tay quân Đức, nên cô phải chạy về thành phố Sent-Omer ở Pháp, nơi mẹ cô đang ở. Dù nghèo khó nhưng cô

tự hào về nguồn gốc thượng lưu và trình độ văn hoá của mình, nói được cả tiếng Anh lẫn tiếng Đức. Trước chiến tranh cô làm gia sư cho các gia đình giàu sang và có tước vị của Pháp và Đức, thậm chí có lần cô còn từ chối làm gia sư cho gia đình thừa kế ngai vàng Áo-Hung. Vì cô là dòng dõi quý tộc nên mọi người coi cô là ngang hàng, tạo điều kiện cho cô đi những chuyến đắt tiền khắp cả Châu Âu, mời cô chơi bài với cả những khách quý tộc.

Năm 1914, trong dòng người chạy loạn về phía biển La Manche cố chiếm chỗ trên các con tàu Anh, để trốn quân Đức lúc này đã chiếm được Bỉ và tràn vào Pháp, tại một trạm kiểm soát, Louisa đã khiến các quân cảnh kinh ngạc về chất lượng và số lượng thông tin cô cung cấp về quân Đức mà một điệp viên chuyên nghiệp chưa chắc đã thu được. Cô được đề nghị làm điệp viên, trở về Lille, tổ chức mạng lưới tình báo, gửi thông tin về cho tướng French ở Sent-Omer và Trung tâm tình báo ở Folkston. Khi cô hiểu thực chất công việc được đề nghị, cô hoảng sợ thật sự. Vì cô biết bọn Đức trừng trị điệp viên thế nào, trình độ phản gián của chúng, và biết mình sẽ ra sao nếu chúng bắt được, thế nhưng dòng máu dũng cảm truyền thống trong cô đã thắng thế, nó nhắc cô phải làm một việc gì xứng đáng với cha ông.

*** Xây dựng mạng lưới bí mật**

Louisa sang Anh, qua Hà Lan lúc đó không bị chiếm đóng. Cô đến một làng nhỏ có cái tên rất kêu “Phillipin” ở biên giới giữa Hà Lan và nước Bỉ bị chiếm đóng. Trên suốt dọc biên giới, bọn Đức chăng hàng rào dây đặc, có dây thép gai bắt điện cao thế, lúc tối có đèn pha. Bên phía Bỉ cũng có dây thép dẫn điện,

bầy sập và các bãi mìn. Tất cả đều được chuẩn bị chu đáo theo kiểu người Đức. Đến tối Louisa mặc bộ đồ đen, đứng bên phía Hà Lan chờ người dẫn đường.

- Anh ta tên là Alfons Verstapen, người Bỉ, một tay buôn lậu chuyên nghiệp. Chiến tranh biến anh thành người yêu nước. Anh rất thuộc đường biên giới. Tôi nghĩ rằng chúng ta có thể tin vào lòng yêu nước của anh, nhưng không biết anh ấy giữ mình thế nào trước một người con gái xinh đẹp. Nếu cô cảm thấy có chút nghi ngờ thì chúng tôi sẽ tìm người khác, - viên sĩ quan Anh nói.

Nhưng một cô gái khác thường như Louisa có thừa bản lĩnh để tự tin vào mình. Cô đã không nề hà vượt qua biên giới với người đó. Như một cái bóng, anh lướt đến gần cô, nói mật khẩu, cô trả lời và thấy thoảng mùi thuốc lá. Anh ta nhìn cô một chút rồi cầm lấy tay dẫn đi trên con đường rừng chật hẹp không nói một lời. Đến sáng, mọi thứ đã ở phía sau, nhưng mỗi góc phố đều có bọn tuần binh Đức. Chúng kiểm tra căn cước, "giấy thông hành" và hỏi mục đích đi đâu. Hai người đều có giấy tờ chắc chắn. Đến tối họ đến nhà Louisa. Sáng hôm sau Louisa mặc một bộ quần áo màu sẫm nghiêm trang. Trong túi xách có giấy tờ mang tên cô thợ thêu và bán đăng ten Alisa Duybua.

Khắp nơi là bóng dáng quân xâm lược: tuần binh và bột gác, bột gác và tuần binh. Nguy hiểm hơn cả là hệ thống phản gián, mà như cô được biết, bọn Đức tung ra trên toàn bộ các vùng chiếm đóng. Phải dè chừng không những là bọn Đức chuyên nghiệp và bọn tay sai, mà cả những người hàng xóm yếu bóng vía. Cảm giác nguy hiểm làm trái tim cô đập mạnh.

Alisa đi khắp thành phố và ngoại ô để bán đăng ten, nhưng thực ra là để nắm tình hình và tìm người hỗ trợ. Trong một quán nhỏ cô gặp người bán hàng trẻ tuổi cương nghị Maria Leonia Vanhut. Hai người thấy mến nhau ngay. Alisa mời Maria giúp mình, chị đồng ý và nhận biệt danh "Sharlotta", làm nghề bán rong phở mát. Alisa cũng đã mời được những người trong thành phố Muskron - hai vợ chồng nhà hoá học De Geyters, nhà của họ trở thành một trong những căn cứ bí mật. Trong phòng thí nghiệm của ông bắt đầu có những đồ vật dị thường: máy chụp ảnh các cở, máy phóng, các hoá chất để làm mực tàng hình, các bảng khắc bằng thép, máy nén bằng tay có thể tháo lắp nhanh chóng, các vật liệu sửa chữa radio. Chỉ cần bọn Đức phát hiện ra một thứ là chủ nhân gặp lăm chuyện rầy rà. Tại thành phố Santes, người vẽ bản đồ Pol Bernar đã giúp cô bằng nét chữ và ngòi bút thư pháp của mình. Nhờ kính lúp, hệ thống chữ tốc ký và mực không mầu ông đã giúp cô viết các báo cáo dài đến 3000 chữ trên một tờ giấy bóng kính khổ nhỏ dán trên kính mắt.

Tổ chức của cô đã thu hút được những người thuộc các nghề nghiệp và vị thế xã hội khác nhau ở nhiều thành phố tham gia. Số điệp viên gồm 38 người do cô trực tiếp chỉ đạo. Nhiều trường hợp cô phải đích thân làm nhiệm vụ liên lạc. Alisa không chỉ quan tâm đến việc thu thập thông tin, mà còn cả việc đảm bảo an toàn cho mọi người, làm sao để nếu có người bị lộ thì những người khác vẫn hoạt động được. Cô thường dặn mọi người phải không hay không biết gì hết nếu không may bị địch bắt, phải đối chất với người của mình và bị tra khảo, để tránh được nguy hiểm cho cả tổ chức.

* Những nhiệm vụ đầu tiên chỉ là “trò chơi” thử thách lòng dũng cảm

Tổ chức bắt đầu hoạt động. Nhiệm vụ đầu tiên cũng đơn giản. Sau những trận đánh dữ dội, điều quan trọng đối với quân Đồng Minh là phải biết những tổn thất của quân Đức. Những đoàn xe chở thương binh đi qua Lille. Cửa sổ những ngôi nhà hướng ra đường sắt bị bắt buộc phải che màn kín suốt ngày đêm. Bất kỳ lúc nào thấy cửa hé mở hoặc có ánh đèn là lính Đức có thể ập đến hoặc một viên đạn bay tới. Nhưng người ta đã chọc thủng những tấm màn, qua lỗ nhỏ nhìn thấy đường sắt, mỗi đoàn xe đi qua người quan sát đánh một ký hiệu riêng. Con số tính được người đó báo cho Alisa và Alisa báo cho Bernar để ông viết vào báo cáo.

Khó khăn nhất đối với Alisa là quãng đường vượt qua nước Bỉ bị chiếm đóng. Thường là tuần nào cô cũng phải đi cùng với một người trợ giúp. Khó khăn thật sự xuất hiện khi bọn Đức hỏi cung kèm theo lục soát. Nếu chúng thấy báo cáo tức là chết. Nhưng nhờ tài năng của Bernar mà báo cáo ba ngàn chữ vẫn được chuyển qua kính mắt. Ông còn có thể bóc ảnh trên thẻ căn cước, dán báo cáo xuống dưới rồi lại dán ảnh lên. Một lần cô đang đi trên đường, tay cầm một cây đèn pin với một cây nến. Lúc sắp bước vào một ngôi nhà cần thiết thì bọn tuần binh giữ lại. Cô biết rằng người sắp khám cô là một mục trước đây làm cai tù của Đức, biệt hiệu “Con cóc”. Alisa bình tĩnh tắt nến cho “đỡ phí” rồi mới cho khám. “Con cóc” lật hết toàn bộ quần áo của cô, nhưng không phát hiện được gì. Chỉ có điều mục ta không biết nhìn vào lỗi của cây nến!

Một lần khác, cũng vào ban đêm, khi bọn tuần binh giữ

Alisa, cô đã kín đáo ném được một cuộn len đen vào bụi cây. Khám xong ít phút, cô quay lại để lấy báo cáo.

Một lần vào buổi sáng trong một khách sạn cô rất sợ hãi. Tối hôm trước cô để giấy ngoài cửa để đánh rửa. Sáng hôm sau thấy mất. Cô sợ không phải vì mất giấy, mà vì trong đó có báo cáo! Quả thật là giấy đó bị cảnh sát lấy đi. Chúng muốn kiểm tra mọi khách trọ, nhưng chúng giữ giấy chỉ để khẳng định khách không đi đâu. Đến lượt Alisa bị hỏi, chúng trả lại cô đôi giấy đã sạch sẽ tinh tươm, hỏi mấy câu rồi thả ra.

Các báo cáo được giấu trong nịt vú, mép váy, ve áo, lót giấy, tay dù, ví đầm, các hộp bánh kẹo...

Đôi khi các cô gái còn phải vượt qua một kênh nước sâu. Alisa có một bộ quần áo riêng màu tối và nhẹ. Cô là một tay bơi giỏi, cô công "Sharlotta" trên lưng rồi bơi sang.

Các "trò chơi" với quân cảnh Đức buộc họ mỗi lần phải nghĩ ra một mẹo, không bao giờ được lặp lại. Một lần chuyển tàu hỏa mà các cô đi bị giữ lại giữa đường. Chúng khám xét toàn bộ từ toa đầu. Các cô ở toa cuối. Các cô liền chui xuống gầm tàu, bất chấp tàu có thể lăn bánh bất kỳ lúc nào, để lần lên toa đầu, là toa đã khám rồi. Trèo lên rồi mà mãi mới hết sợ. Tại một khách sạn, nơi Alisa thường ở, bọn chúng hay kiểm tra ban đêm. Alisa chọn khách sạn này vì chúng kiểm tra sơ sài và kiểm tra đúng giờ. Khi có tín hiệu báo cảnh sát đến, cô mặc quần áo đen, trèo qua cửa sổ lên mái rồi xuống sân đi trốn. Nhưng giường nệm lại không dọn được nên dễ bị nghi. Cô bèn nhờ bà chủ sống với các con ở phòng kế bên, khi nào có cảnh sát thì bà cho một cậu bé sang nằm vào giường cô. Cảnh sát ngó vào thấy thằng bé liền bỏ đi. Kiểm tra xong, bà chủ cho tín hiệu gọi cô trở về.

* Một nữ điệp viên nhanh trí và dạn dày

Alisa ngày càng tự tin hơn. Cô coi mọi việc phiêu lưu như trò chơi và dần dần không thấy sợ nữa. Một lần cô dám vào hẳn khu vực cấm mật có đại bản doanh của Hoàng thân Ruprekht Bavarski là tư lệnh vùng của quân Đức. Lấy được thông tin, cô quay ra, bản báo cáo để trong túi xách. Đến vọng gác, tên lính bất ngờ nói:

- Cái giấy phép này không được. Cô phải có một giấy phép đặc biệt.

Cô định làm ra vẻ giận dữ, nhưng tên Đức không mắc mưu. Đúng lúc đó thì cánh cửa biệt thự mở ra. Một viên tướng bộ vệ bước ra cùng với đoàn sĩ quan tùy tùng: cô đã biết rồi - đó là Hoàng thân. Cô chợt nhớ đến buổi tối ở Baden-Baden. Một gia đình Đức, nơi cô làm gia sư, đã mời Hoàng thân đến chơi bài, hôm đó ông ta thua một khoản lớn. Không do dự, cô băng sang đường chặn Hoàng thân lại:

- Thưa ngài, ngài có nhớ tôi không ạ? - Cô mỉm cười hỏi. - Tôi đã thắng ngài một ván tại nhà nữ bá tước Orlando ở Baden-Baden mấy năm trước đây.

Ông ta không nhớ cô, nhưng có nhớ Baden-Baden, nhớ nữ bá tước Orlando và ván bài thua. Ông ta vui mừng chào cô.

- Đó không phải ván bài thua duy nhất của tôi hồi ấy, nhưng cô thì tôi nhớ.

- Thưa ngài, tôi cứ sợ rằng ngài nói cho vui, chứ thật ra không phải như vậy. Tôi đâu dám phê phán chuyện đó.

Ông ta cười phá lên vui vẻ rồi bước đi. Cuộc nói chuyện đã gây ấn tượng cho đám lính, và Alisa đã mang được về cho thượng cấp bản báo cáo chi tiết về số lượng và cách bố phòng

các đơn vị pháo trong vùng quân sự quan trọng này. Lúc này những thông tin của cô là rất quan trọng đối với quân Đồng Minh, họ đã tăng cường các biện pháp để cô hoạt động liên tục. Một lần cô mang cả một túi bóng bay chưa thổi. Tên lính gác hỏi để làm gì, cô đáp:

- Đồ chơi cho trẻ con. Nếu ông sợ rằng tôi dùng bóng bay để bay mất thì ông cứ việc tịch thu.

Sự tháo vát của cô đã chiến thắng, tên lính gác là một người đa cảm đã có con cái nên cho cô đi. Nhưng chỉ ngày hôm sau quả bóng bay đã bay qua chiến tuyến, một người lính Anh đã bắn rơi và bản báo cáo đã về đúng địa chỉ.

Một lần khác lúc nửa đêm, một chiếc máy bay đã hạ cánh xuống quảng trường gần Mouscron, dỡ xuống mấy thùng hàng kín rồi biến đi trước khi bị lính Đức phát hiện. Đêm hôm đó những người liên lạc đã có được một đội chim đưa thư. Cuối cùng Alisa đã tự tin đến mức yêu cầu phải có liên lạc radio. Ban lãnh đạo lo rằng nguy hiểm. Nhưng Alisa đòi hỏi bằng được. Ngày nhận lệnh cuối cùng của máy liên lạc vô tuyến điện cô mừng như được chiếc áo mới của thợ may thời trang Paris.

*** Một người lãnh đạo đầy mưu lược**

Nhưng lúc này bọn phản gián Đức cũng không ngu. Ít ai biết rằng 226 người Bỉ đã bị bắt, bị tù và bị xử tử vì tội gián điệp. Một thời gian dài sở đặc nhiệm của thiếu tá Rotseler đứng ngồi không yên vì rò rỉ thông tin từ khu vực hoạt động của Alisa. Nhưng mọi mưu toan tìm ra thủ phạm đều vô vọng. Đã có nhiều chỉ thị phải tăng cường kiểm soát, tuần tra. Alisa biết tất cả, nhưng điều đó chỉ càng làm tăng lòng can đảm của

cô trong các trò đùa với cái chết. Nhiều người đã lo lắng cho sự liều mạng của cô. Cuối cùng một người nói:

- Cô liều mạng công khai quá, và như thế là liều cả mạng chúng tôi. Tôi không biết rằng công việc của chúng ta mang lại lợi ích gì, chỉ biết rằng cô vẫn gửi thông tin đi. Không biết những người nhận tin có quan tâm đến những thông tin ấy hay không?

Alisa là người lãnh đạo có khá nhiều kinh nghiệm để hiểu được tinh thần suy sụp của quân mình. Cô biết rằng ý kiến của người đó được mọi người khác đánh giá cao. Vậy người đó không được hoài nghi rằng họ làm đúng. Để thuyết phục và trấn an các đồng sự, cô đã thoả thuận với lãnh đạo liên minh rằng vào một đêm, đúng lúc một giờ, một máy bay phải đến ném bom một kho quân bị mà cô đã thông báo. Đêm ấy cô mời những người hoài nghi đến phòng mình, và khi tiếng máy bay rền vang và những tiếng nổ vang lên thì mọi người ôm chầm lấy cô mà hôn. “Cuộc nổi dậy” đã được “dập tắt”.

Thành công đã thúc đẩy Alisa. Cô đã lập xong bản đồ hoạt động trong vùng, đã đánh dấu các kho quân trang quân bị ở ngoại ô thành phố Lille, những điểm này về sau đã bị nổ tung. Để thưởng công, chỉ huy đã ra lệnh mở rộng hoạt động tổ chức của cô sang khu bên cạnh.

Đường như mọi việc tốt đẹp. Nhưng tai họa đã rình rập. “Sharlotta” bị bắt. Alisa nghe thấy đồng nghiệp nói thế liền lập tức cải tổ mạng lưới điệp viên để nếu cô bị bắt thì công việc không hề hấn gì. Cô gửi gấp báo cáo cho sếp. Bernar viết mấy cột số lên một tờ giấy vẽ, Alisa cuộn lại thành một cái vòng nhẫn mỏng rồi lồng xuống dưới chiếc nhẫn mặt đá mang dấu ấn của gia đình De Bettini. Trước đó cô đã gửi giấy cho một bạn gái là Margarita hẹn chỗ đón. Ngay khi gặp nhau thì cả

hai cùng bị bắt. Họ bị đưa đi đâu không rõ vì cửa sổ bị che kín. Qua kính trước Alisa nhìn thấy ông bà De Geyter. Lúc đó mất bình tĩnh cô kêu lên:

- Nếu các ông không tin tôi, xin hỏi ông bà De Geyter xem tôi là ai.

Xe đỗ lại gần hai ông bà. Bọn Đức đưa Alisa xuống. Trước khi bọn Đức kịp nói thì Alisa đã kêu lên:

- Thưa bà De Geyter, bà có biết là tôi vẫn may quần áo cho bà không?

Cô không thể nói bằng mắt được, bởi vì có một thằng quan sát cô và một thằng khác quan sát ông bà.

- Thưa, có phải tôi là người tản cư từ New-Angli và sáu tháng vừa rồi tôi vẫn may vá cho bà không?

Đó là giây phút khủng khiếp đối với cả ông bà và cả Alisa. Họ phải trả lời: "Có, chúng tôi có biết cô gái này", hay là họ phải hành động như cô vẫn thường nói: "Nếu nhìn thấy ai trong tay bọn Đức thì đừng có nhận là quen biết, hãy bỏ mặc người đó cho số phận". Bà De Geyter nhìn Alisa và nhún vai:

- Không, thưa cô, tôi không quen cô.

- Dù sao thì cả hai vị cũng phải cùng đi với chúng tôi, - một tên lính nói.

Cả 4 người bị đưa vào một nhà tù, nơi có "Sharlotta". Nhà De Geyter bị lục soát. Nhưng tổ chức của Alisa rất nhạy bén. Họ biết ngay là cô bị bắt và khi cảnh sát xuất hiện thì mọi chứng cứ đã bị thủ tiêu. Hai ông bà được tạm thả. Alisa bị đưa đi hỏi cung. Một trong những tên bắt cô nói:

- Tôi để cô ngồi một mình mấy phút. Đừng nghĩ đến chuyện chạy trốn nhé.

Hắn đi ra và quay ổ khoá. Cô còn lại một mình và biết rằng bất kỳ lúc nào hắn cũng có thể quay lại, không phải quay lại một mình, mà còn có cả kẻ thù cũ của cô, đó là “Con cóc”, kẻ đã lục soát cô từ đầu đến chân. Alisa không thể làm được gì khác, ngoài việc lấy mảnh giấy con dưới cái nhẫn ra và nuốt trôi. Cô bị tổng giam, bên ngoài buồng giam có ghi bằng tiếng Đức “Tù nhân nguy hiểm”. Một giờ sau chúng dẫn “Sharlotta” vào. Chúng hỏi:

- Cô có biết người này không?

- Không.

Cái từ “không” ấy vang lên như một điệp khúc cho đến ngày ra toà. Toà án quân sự buộc tội họ làm gián điệp và kết án tử hình. Khi nghe tuyên án Alisa nói trước toà:

- Thưa các ngài! - Cô nói bằng tiếng Đức, cho nên “Sharlotta” không hiểu. - Tôi xin các ngài đừng xử bắn bạn gái tôi. Cô ấy còn trẻ. Tôi khẩn cầu xin các ngài rủ lòng thương. Còn về phần tôi, tôi sẵn sàng chết.

Leonida cũng có yêu cầu như thế đối với Alisa. Các cô được đưa về xà lim. Bọn cai ngục Đức cũng thấy cảm động và thương xót.

- Thật đáng thương, nhưng các cô bị kết án tử hình rồi. Hãy yêu cầu những gì các cô mong muốn. Ai nữ từ chối các cô.

Trước ngày bị hành quyết, các cô xin tướng Bissing gia ân cho được sống với nhau một đêm. Lính gác quay lại, mặt mày hớn hở:

- Ông ta từ chối! Lạy Chúa! Như thế nghĩa là ngày mai các cô không bị bắn. Nếu không thì ông ta đã đồng ý.

Buổi sáng hôm ấy mặt trời lên muộn, trời đầy mây và có mưa. Hai cô không phải là duy nhất bị bắn hôm đó. Họ

nghe thấy Gabriel Peti, một cô gái xinh đẹp, từ xà lim chạy ra thét lên:

- Xin chào! Ôi, Tổ quốc thân yêu của ta!

Tiếng thét đó làm rung động trái tim hai cô. Liệu họ có đủ sức mạnh để chào vĩnh biệt Tổ quốc khi bị đưa ra pháp trường hay không? Nhưng tên lính gác đã biết là hấn nói gì. Tướng Bissing thông báo cho họ: “Người Đức cũng biết đền bù xứng đáng cho chí anh hùng”. Bản án của Leonia được đổi thành 15 năm khổ sai, còn của Louisa thành tù chung thân. Cả hai được đưa về Đức.

Mặc dù Louisa bị bắt, nhưng nhờ những biện pháp cô tiến hành mà tổ chức của cô không hề hấn gì, mọi người vẫn sống. Nhưng trong nhà tù Đức cô bị thương hàn. Các bác sĩ nhà tù phải bó tay. Khi quân đội Anh vào Cologne, họ thấy trong nghĩa trang địa phương có một cây thánh giá bằng gỗ sơ sài với dòng chữ: *Louisa de Bettini (?- 27.9.1918)*. Tại Pháp đám tang Louisa được tổ chức với nghi thức quân đội. Người ta gắn trên nền nhung 4 tấm huân chương của cô - hai tấm của Anh và hai tấm của Pháp. Trong bản sắc phong Bắc đẩu Bội tinh cho cô có viết: “... *Cô đã tự nguyện hiến mình cho Tổ quốc với lòng dũng cảm vô song; cô không hề run sợ khi gặp khó khăn, nguy hiểm; nhờ khả năng xuất chúng cô đã vượt qua bao gian khổ, bao rủi ro thường trực..., đã thể hiện được chủ nghĩa anh hùng siêu việt*”.

Còn “Sharlotta”, cô cũng được thưởng công xứng đáng, đã trở về quán hàng của mình ở tại Rube.

MARTA RISHE

CON “SƠN CA” LẶNG LẼ

Sau cái chết của người chồng, Marta Rishe (sinh năm 1891) đã quyết tâm trở thành nhân viên của cơ quan phản gián Pháp, nhận nhiệm vụ làm “điệp viên Đức”.

Sự xinh đẹp, trí thông minh và lòng căm thù sâu sắc đã mau chóng giúp cô trở thành tình nhân của một tùy viên quân sự Đức, một người cô luôn căm ghét và ghê tởm. Mỗi quan hệ gần gũi này đã mang lại cho cơ quan phản gián Pháp nhiều tin tức vô cùng quan trọng.

Cô là một điệp viên mạnh mẽ, sẵn sàng hy sinh hạnh phúc bản thân để thực hiện lý tưởng và mục tiêu của mình.

*** Người đàn bà mạnh mẽ trở thành “điệp viên Đức”**

Marta Betenfeld sinh ra ở Lotaringa trong một gia đình người Đức. Đầu tiên gia đình làm nghề thợ may ở Paris. Năm 1913, lúc 22 tuổi, cô là một trong những phụ nữ đầu tiên của Pháp có bằng lái máy bay. Marta lái máy bay rất giỏi và là một thách thức đáng kể đối với các bậc thầy râu. Cô là người đi đầu trong nghề thể thao hàng không của nữ giới. Năm 1914, cô kết hôn với phi công quân sự Andrey Rishe, ba năm sau anh qua đời ngoài mặt trận. Là một người rất yêu nước, sau khi chồng chết, Marta muốn trả thù bọn Đức bằng mọi giá, nên muốn

trở thành phi công quân sự, nhưng không được chấp nhận. Khi đó cô đệ đơn phục vụ cho Phòng Năm - tức cơ quan phản gián Pháp do đại úy Liadu lãnh đạo. Cô được mang biệt danh "Sơn ca".



*Bãi biển San - Sebastian,
nơi Matar Rishe thực hiện nhiệm vụ đầu tiên*

Cô đã kinh ngạc khi đại úy Liadu cử cô đi Tây Ban Nha, nhưng cô không thể từ chối được, chẳng bao lâu sau cô đã có mặt trên bãi biển San-Sebastian với một mục đích duy nhất - trở thành "điệp viên Đức". Chỉ

mấy ngày nhàn rỗi trên bờ biển bọn Đức đã "cắn mồi". Lợi dụng lúc cô thiếu thốn tiền bạc, chúng đã "chiêu mộ" được cô một cách dễ dàng. Chúng đặt biệt danh cho cô là C-32, trao cho cô nhiệm vụ đầu tiên, cung cấp tiền bạc, chỉ thị và các phương tiện ghi mật tụy. Trở về Paris, cô báo cáo lại hết với đại úy Liadu, ông lấy làm vui lắm:

- Thật là tuyệt. Cô đã tiếp xúc được đúng người chúng ta cần đến ở Tây Ban Nha. Tay này là Nam tước fon Cron, tuy viên quân sự Đức ở Madrid, là cháu của tướng Ludendorf.

Đại úy Liadu nói rằng cô phải thể hiện mình không những là một điệp viên, mà còn phải là một người đàn bà.

- Bằng cách đó cô sẽ cứu được bao nhiêu sinh mạng. Công việc đòi phải như vậy.

Ba ngày sau Liadu cung cấp cho cô những điều cần biết

của Cron. Mọi thông tin đều chính xác, nhưng đã cũ, và là thông tin do các điệp viên hai mang khác cung cấp. Mấy hôm sau Marta quay về Tây Ban Nha, cô thực sự bắt đầu trò chơi hai mặt. Fon Cron tiếp cô ở San - Sebastian, cho cô ở một biệt thự sang trọng, chẳng mấy chốc người thiếu phụ hai mươi sáu tuổi xinh đẹp ấy phải trở thành tình nhân của con người mà cô căm ghét và ghê tởm. “Sau này công việc của tôi thành công thì chủ yếu là nhờ lòng căm thù ghê tởm đó, nó đã cho tôi lòng can đảm, sự tàn bạo và tráo trở”.

*** Trò chơi hai mặt**

Chiếm được lòng tin của fon Cron, Marta đã hành động trong vai “liên lạc” của hần với bọn chủ mưu, đang chuẩn bị nhờ người Đức tổ chức một cuộc nổi dậy ở Marocco, và cô đã xác định được tọa độ nơi gặp gỡ các tàu ngầm Đức và việc áp tải các tàu chở vũ khí cho phiến quân Marocco. Cuộc nổi dậy ấy đã bị ngăn chặn.

Theo sáng kiến của Marta, fon Cron giúp cô tổ chức một salon mỹ viện “Gương soi của bảy sơn ca”, mà hần muốn dùng để phục vụ cho những quyền lợi của mình - để nguy trang và tô điểm cho những điệp viên được gửi sang Pháp. Khi làm đầu cho họ, Marta đã kịp làm những dấu hiệu để dễ dàng tóm được chúng, khi chúng tới Pháp. Một thời gian sau cô lại phát hiện được một đường đi xuyên qua dãy núi Pirene của tỉnh báo Đức. Muốn thế cô phải dùng đến mưu mẹo thuần túy đàn bà: thứ nhất, tạo ra một cuộc “theo dõi” từ phía người Pháp, khiến cô không có khả năng công khai về Pháp; thứ hai, tìm cách để có bầu với fon Cron, mà muốn phá thai thì phải sang Pháp. Dù muốn hay không fon Cron cũng phải cho cô đi qua con đường

bí mật. Về sau, trên con đường này, một số tên gián điệp nguy hiểm của Đức đã bị bắt.

Một lần fon Cron và Marta bị tai nạn ô tô. Cô gãy chân và phải nằm hai tháng. Trên báo Pháp xuất hiện một bài đả kích, trong đó nêu ra một câu hỏi: Marta Rishe làm gì ban đêm trên đường cùng với tùy viên quân sự Đức? Bài báo mang tựa đề “Điệp viên trong ô tô: fon Cron và bà Rishe”. Thế là bên cạnh nỗi đau thể chất lại còn thêm cả nỗi đau tinh thần: cô nhận được một bức thư của mẹ nói rằng cả nhà cô ở Pháp đang bị theo dõi và bị nhục nhã. Nằm dài trong nhà fon Cron, cô nghe được nhiều chuyện của hắn với các điệp viên. Một hôm cô thấy nói đến việc chuẩn bị làm nổ nhà máy thuốc súng Buno gần Bayonna và cô đã kịp thời chuyển thông tin mật đó về Phòng Năm. Nhưng có điều gì đó trục trặc. Nhà máy nổ tung, chết đến chín mươi người.

Lúc này cô có một kế hoạch mới. Cô gửi kế hoạch cho đại úy Liadu. Vì biết được mật số để mở tủ kín của fon Cron và hy vọng lấy được chìa khoá của hắn, cô dự định tìm cách cho hắn ngủ, lấy giấy tờ trong đó ném ra ngoài cửa sổ để đồng nghiệp của cô nhặt lấy. Theo cô biết thì trong két sắt có hình chụp của các điệp viên, có số liệu về các điểm cung cấp trang bị cho các tàu ngầm ở Địa Trung Hải và Đại Tây Dương, số liệu về những nơi có hàng rào mìn, các mật mã, điện tín, danh sách những người Tây Ban Nha sùng Đức đang hoạt động chống Pháp.

Khi lành vết thương ở chân cô đến nghỉ ở một nhà an dưỡng bên bờ biển của Tây Ban Nha. Tại đó xảy ra một trường hợp huyền thoại: trong khi bơi thuyền đã có người định dìm chết cô, nhưng nhờ thể trạng tuyệt vời, nhờ công phu luyện tập

thể thao mà cô thoát chết. Cô liên hệ với fon Cron và được biết rằng vụ mưu sát ấy là của nhóm điệp viên của fon Kalle, tuy viên quân sự Đức, đối thủ của fon Cron.

* Kết thúc trò chơi và vạch mặt “người tình”

Nhưng Marta không hề nhận được tin tức gì về chuyện kết sát. Cô sốt ruột quá, nên một hôm bảo với fon Cron rằng cô muốn về Pháp.

- Tôi là người Pháp, anh hiểu không? Anh phải biết rằng từ ngày tôi ở Tây Ban Nha tôi vẫn làm việc cho Tổ quốc tôi, tôi vẫn theo dõi anh, anh có hiểu không?

Fon Cron đỏ mặt lên, rồi sau tái đi, hấn nở một nụ cười méo mó:

- Không thể thế được... Không đúng đâu, - hấn nói nhỏ. - Tôi không tin...

Đột nhiên hấn điên cuồng tát Marta một cái khiến cô rụng một chiếc răng.

- Anh đã ký vào án tử hình của chính anh rồi đấy, - Marta nói. - Ngài công sứ Đức sẽ biết mọi chuyện. Tôi sẽ chuyển cho ông ấy những bức thư tình của anh.

- Cô không làm được đâu! - Hấn kêu lên.

Ngày hôm đó một viên cảnh sát đến khách sạn định bắt cô. Nhưng Marta không bối rối. Cô nhắc ống nói và yêu cầu gặp công sứ Đức. Ngài Công tước Ratibor đích thân gặp cô.

- Tôi là tình nhân của fon Cron. Và tôi có đủ bằng chứng nói với Ngài rằng anh ấy đã nuôi tôi bằng số tiền dùng để trả cho các điệp viên của anh ấy.

Marta chuyển cho ông những bức thư tình, dãy mặt số để

mở kết sắt. Cô không thể lấy hết được những thứ trong tủ, nhưng đã làm huỷ hoại hết giá trị của chúng. Toàn bộ tổ chức của fon Cron phải làm lại từ đầu. Marta về Pháp không có visa. Một thiếu uý cảnh binh nhận ra cô trên biên giới:

- Xin chào “Sơn ca”!

Thủ trưởng mới của Phòng Năm, đại tá Guber, người thay thế Liadu, tuyên bố với cô:

- Thưa bà, sau khi bà đã thất bại chúng tôi không cần đến sự giúp đỡ của bà nữa.

*** Công lao của con chim “sơn ca” được thừa nhận**

Bản anh hùng ca “Sơn ca” đã chấm dứt như thế đó. Mười lăm năm sau công lao của Marta Rishe mới được thừa nhận. Ngày 23 tháng 1 năm 1933, chính phủ đã trao tặng cô Bắc đẩu bội tinh.

Sau khi lấy chồng lần thứ hai cô chuyển sang Anh. Trong thời kỳ chiến tranh cô trở về Pháp tham gia kháng chiến, sau chiến thắng cô được bầu làm tham tán đốc lý toà thị chính Paris. Theo sáng kiến của cô người ta đã thông qua luật cấm các nhà chứa, mà nhân dân gọi là “luật Marta Rishe”. Luật này thủ tiêu danh sách gái điếm. Có những kẻ độc miệng nói rằng hồi trẻ chính Marta đã hành nghề mại dâm, vì thế cô đòi thủ tiêu danh sách đó. Nhưng hãy để cho lương tâm họ tự xét những lời nói ấy.

NICOLAI SCOBLIN

CON NGƯỜI VÀ NHỮNG ĐIỆP VỤ BÍ ẨN

Nicolai Vladimirovich Scoblin (1893-1937) - một con người bí ẩn. Cuộc đời hoạt động tình báo của ông cho đến nay vẫn còn gây nhiều tranh cãi.

Ông tốt nghiệp trường võ bị và trường cao đẳng sĩ quan, tham gia Thế chiến Thứ nhất. Năm 1917, là một đại úy, ông đã gia nhập tiểu đoàn thanh niên xung phong. Cùng đội quân tình nguyện, ông tham gia chiến dịch vượt vùng Bắc cực nổi tiếng. Ông đã từng là chỉ huy trưởng trung đoàn Cornilov, một trong bốn trung đoàn chỉ tiếp nhận sĩ quan và được coi là trung đoàn ưu tú của quân tình nguyện, sau này được phát triển thành sư đoàn. Tháng 11 năm 1920, khi lực lượng Bạch vệ ở Crum đang dần dần tan rã, ông trực tiếp theo dõi các chiến sĩ trung đoàn lên tàu "Saratov" và là người cuối cùng từ giã quê hương tham gia phong trào Bạch vệ. Lúc này ông đã mang quân hàm cấp tướng.

Số phận một chiến sĩ đã đưa đẩy ông đến với nữ ca sĩ nổi tiếng người Nga Nadezda Pleviskaia. Sinh ra tại một làng quê thuộc tỉnh Kursk, cô gái nông thôn giản dị đã trở thành một nữ ca sĩ nổi tiếng với các bài hát dân ca của Nga. Đã nhiều lần cô đi biểu diễn cho tầng lớp quý tộc nghe. Hoàng đế Nikolai II rất ngưỡng mộ tài năng của cô. Sau khi nội chiến kết thúc,

Nadezda Pleviskaia đến với Hồng quân và cô vẫn tiếp tục làm nghề ca hát. Khi còn chiến tranh, trong một lần đi lưu diễn, Nadezda rơi vào tay Bạch vệ. Đại tá Scoblin chỉ huy nhóm Bạch vệ đã đem lòng yêu mến cô ca sĩ và cũng được cô đáp lại. Nadezda hơn Scoblin 12 tuổi, nhưng điều này không hề ảnh hưởng tới cuộc hôn nhân đến đâu bạc răng long của họ.



Hoàng đế Nga Nicolai II

Các tác giả nước ngoài khẳng định rằng khi bị bắt Nadezda đã làm việc cho Ủy ban quân sự đặc biệt rồi và cô được giao nhiệm vụ vào hậu phương của quân Bạch vệ để lôi kéo Scoblin. Nhưng khẳng định này hoàn toàn mâu thuẫn với tư liệu và logic của các sự kiện.

Cùng với đám tàn quân Bạch vệ, Scoblin và Pleviskaia lúc đầu ở Gallipoli, sau đó sang Paris. Ở đây, ông tập hợp các sĩ quan của trung đoàn Corlilov vào tổ chức của giới sĩ quan Nga lưu vong có tên là “Liên minh quân sự toàn Nga”. Về mặt hình thức, tổ chức này mang tính từ thiện. Nhiệm vụ của nó là giúp đỡ các gia đình sĩ quan gặp khó khăn. Song thực tế đây là một tổ chức Bạch vệ phản động, sẵn sàng can thiệp chống đối nước Nga Xô Viết. Tổ chức này có quan hệ rộng rãi khắp Châu Âu, có cơ quan tình báo riêng, tự mở trường thiếu sinh quân, triệu tập hội họp. Scoblin được lãnh đạo, tướng Cutepov và tướng Miller, cùng các sĩ quan khác trong tổ chức yêu quý và kính nể.

* Sự nghi ngờ

Ban lãnh đạo Ủy ban quân sự đặc biệt rất lo ngại tổ chức Bạch vệ này. Đây không chỉ là kẻ thù tư tưởng mà chúng còn có thể hoạt động tình báo, đào tạo sĩ quan và tiến hành khủng bố. Bởi vậy, vào những năm 1920-1930, chiến đấu chống lực lượng Bạch vệ lưu vong ở nước ngoài là một trong những nhiệm vụ quan trọng của nhà nước Xô Viết. Mùa thu năm 1930, một tình báo Bộ Ngoại giao, Piot'r Georgeievich Covalski, được giao nhiệm vụ sang Pháp chiêu nạp Scoblin và Pleviskaia. Anh là bạn và là đồng đội với Scoblin khi hai người cùng tham gia tiểu đoàn thanh niên xung phong năm 1917. Covalski có mang theo một bức thư "kêu gọi" của anh trai Scoblin. Piot'r đã gặp gỡ, nói chuyện với hai vợ chồng Scoblin, lúc với cả hai, lúc riêng từng người. Cuối cùng họ đã nhất trí sẽ làm việc cho tình báo Liên Xô và đã ký cam kết hai lần: ngày 10 tháng 9 năm 1930 và ngày 21 tháng 1 năm 1931. Theo những cam kết này thì bí danh của họ là "Phermer" và "Phermersa" và mỗi tháng họ được nhận 200 đô la. Những báo cáo đầu tiên của Scoblin không hấp dẫn. Ban lãnh đạo Bộ Ngoại giao đã e ngại rằng liệu anh ta có phải là cái giá đỡ không vì việc chiêu mộ hai vợ chồng này diễn ra quá dễ dàng, quá thuận buồm xuôi gió. Nhưng mỗi nghi ngờ lập tức tiêu biến khi có ý kiến lập luận rằng Scoblin và Pleviskaia đã chấp thuận lời đề nghị một cách chân thành bởi cuộc trao đổi được tiến hành đúng lúc sau khi hai vợ chồng họ bị thất bại nặng nề về tài chính. Vả lại, việc trở về Nga hứa hẹn sự hồi sinh danh tiếng cho Pleviskaia.

* Những chiến tích

Sau vài lần trao đổi, Scoblin và Pleviskaia bắt đầu cung cấp những tài liệu có giá trị, chẳng hạn bản sao chép kế hoạch của “Liên minh toàn quân Nga” trong trường hợp xảy ra chiến tranh với Liên bang Xô Viết và nhiều tài liệu nội bộ khác của tổ chức này, trong đó có ba báo cáo về kế hoạch tổng động viên các lực lượng Bạch vệ toàn Châu Âu. Công tác kiểm tra cho thấy Scoblin và Pleviskaia phục vụ trung thành cho tình báo Liên Xô. Dựa vào những tài liệu Scoblin và Pleviskaia cung cấp, trong vòng 4 năm, Ủy ban quân sự đặc biệt đã tóm gọn 17 gián điệp được tung vào Liên Xô, phát hiện 11 căn nhà hội họp bí mật ở Moscva, Leningrad và ngoại Cavkaz.

Scoblin và Pleviskaia đã trở thành nguồn cung cấp thông tin chính. Ngoài ra, Scoblin còn xoá bỏ được nhiều đội quân chiến đấu do Satinov và tướng Fok gây dựng, tiêu diệt ý đồ tổ chức một đơn vị khủng bố, tố giác một gián điệp do Pháp gài đã làm việc trong tình báo Liên Xô 11 tháng, đồng thời ông cũng kịp thông báo cho tình báo Liên Xô về một tổ chức có ý định sát hại Litvinov trong chuyến đi thăm Thụy Sĩ của ông này.

Nhiều cơ sở bị bại lộ đã buộc bộ phận phản gián của “Liên minh toàn quân Nga” tiến hành điều tra. Chúng đã lập một danh sách những kẻ tình nghi. Scoblin đã bị chúng nghi ngờ. Bằng thái độ khôn khéo và nhờ sự trợ giúp của tình báo Liên Xô, Scoblin đã giải toả được sự hoài nghi, thậm chí ban lãnh đạo “Liên minh toàn quân Nga” còn bênh vực anh. Thời gian này người đứng đầu “Liên minh toàn quân Nga” là tướng Miller càng ngày càng thể hiện rõ ý định hợp tác với Đảng Quốc xã. Ban lãnh đạo mới của Ủy ban quân sự đặc biệt quyết định phế bỏ Miller, đưa Scoblin vào vị trí đó.

* Sự sơ hở

Biết được ý định muốn bắt tay với phát xít của Miller, ngày 22 tháng 9 năm 1937, Scoblin đề xuất để Miller đi gặp đại diện phía Đức. Miller đồng ý, nhưng hấn thấy có gì đó chưa yên tâm nên trước khi đi đã để lại một bức thư. Nội dung bức thư như sau: “12 giờ 30 trưa nay tôi có một cuộc hẹn với Scoblin ở góc phố Jasmen và Raphe. Scoblin sẽ đưa tôi đi gặp tuý viên quân sự và một quan chức đại sứ Đức. Cả hai người này đều nói tiếng Nga tốt. Cuộc hẹn này được thu xếp theo sáng kiến của Scoblin. Có thể đây là một cái bẫy. Bởi vậy tôi để lại bức thư này đề phòng chuyện xấu xảy ra. 22 tháng 9 năm 1937. Trung tướng Miller”. Miller đã không trở về sau lần gặp Scoblin đó. Ông ta bị nhân viên cơ quan phản gián mật nước ngoài bắt cóc. Họ đánh thuốc mê, sau đó cho ông ta vào một cái thùng gỗ to, đem lên tàu chở về Leningrad. Miller bị giam trong tù dưới một cái tên khác. Tháng 5 năm 1939, ông ta bị đưa ra xét xử và bị tử hình. Sau khi giao tận tay Miller cho những người thực hiện chiến dịch, Scoblin trở về “Liên minh quân sự toàn Nga”. Tại đó chúng đưa cho ông bức thư để lại của Miller và hỏi Miller hiện giờ ở đâu. Biết mình đã bại lộ, Scoblin lao như tên ra khỏi phòng nơi ông vừa nói chuyện, và... biến mất. Sau đó không bao giờ người ta gặp ông ở đâu nữa. Có tin rằng ông đã chạy sang Tây Ban Nha và hy sinh trong khi Barcelona bị ném bom.

Sau các vụ tướng Cutepov bị tình báo Liên Xô bắt cóc, bộ trưởng Ngoại giao và vua Nam Tư bị sát hại, thủ tướng Pháp bị một kiều dân Nga tên là Gorlunov hạ sát, các nhà cầm quyền quyết định cho tìm bắt Nadezda Pleviskaia. Bà bị kết tội tòng phạm và tạo ra những bằng chứng ngoại phạm giả cho

chông. Tháng 12 năm 1937, bà bị kết án 20 năm tù và năm 1940 đã chết trong nhà tù.

* Tin đồn

Về sự nghiệp của Scoblin còn nhiều những câu chuyện khác. Đó là chuyện người ta cho rằng Scoblin đã gây ra cái chết cho Tukhatrevski. Những tờ báo của kiều dân đưa tin Scoblin đã thừa cơ Tukhatrevski sang Paris để hạ toàn bộ uy tín của vị tướng này theo ý của Stalin. Scoblin hiểu rằng cùng với Tukhatrevski, màu sắc của Hồng Quân sẽ phai đi. Hình như đây là điều mà Scoblin mong muốn. Là điệp viên Đức, Scoblin sang Berlin để chia sẻ những suy nghĩ này của mình với Haydrikh. Hai người đã nhanh chóng hiểu nhau và cùng làm ra những tài liệu giả mạo. Scoblin đã nhận được 50 nghìn mark Đức. Hình như cơ quan phản gián Liên Xô ở Berlin biết được kế hoạch này và đã ủng hộ Scoblin. Người ta đã chuyển những tài liệu giả này tới tay Stalin. Tukhatrevski bị đưa ra toà và bị xử bắn, theo sau ông là gần 35 nghìn các sĩ quan chỉ huy Hồng Quân cũng bị đưa ra pháp trường. Có vẻ như ý tưởng của Scoblin, một con người căm thù chế độ Xô Viết và quyết tâm làm hại chính quyền này, đã được thực hiện. Một số nhà nghiên cứu Phương Tây cho rằng tướng Miller cũng bị lôi kéo vào vụ này.

MARIA DAKHARTSENCO-SULS

NỮ ĐIỆP VIÊN THÙ HẬN VÀ KHỦNG BỐ

Không phải ngẫu nhiên mà nữ điệp báo Maria Dakhartsenco (1893-1927) được mệnh danh là người đàn bà có “lòng hận thù làm mờ cả mắt”. Lòng hận thù của người đàn bà này đối với chính quyền Xô Viết ngấm vào xương tủy, đến mức bà ta không nhìn thấy gì. Sai lầm nối tiếp sai lầm, để rồi cho đến cuối đời, người đàn bà này vẫn không nhận ra rằng mình chỉ là một thứ công cụ. Maria đã sống để trả thù, nhưng lòng hận thù ấy chẳng đưa người ta đến đâu...

Maria Vladislavovna Lussova sinh ngày 3 tháng 12 năm 1893, trong một gia đình quý tộc ở tỉnh Pendenskaia. Bà mẹ qua đời ngay sau khi sinh Maria, còn ông bố bận việc ở công sở dành trao con gái mới sinh vào tay các bà vú nuôi và nữ gia sư. Đứa trẻ lớn lên và học hành giỏi giang, nhưng vốn tính hiếu động nên cứ giờ học vừa xong là bé Maria lại vùng chạy ra chơi ở chuồng ngựa. Đàn ngựa là niềm đam mê của bé, sau này không phải ngẫu nhiên Maria đã trở thành lính kỵ binh. Năm 1911, Maria tốt nghiệp trường Đại học Smolnui loại ưu với huy chương vàng. Cô sống một năm ở Lozann, sau đó trở về quê. Ở quê, Maria sắp xếp công việc ở điền trang và lập một trại nuôi ngựa giống. Năm 1913, Maria xuất giá, chồng là đại úy Mikhno đã từng tham gia cuộc chiến tranh Nhật Bản..

*** Mầm mống thù hận hay chính là một tâm hồn đang bị tổn thương**

Thế chiến lần Thứ nhất bùng nổ đã làm thay đổi hẳn cuộc đời Maria. Chồng Maria bị thương nặng chết ngay trên tay vợ. Ba ngày sau đó, Maria sinh con gái. Để lại đứa con còn đang ẵm ngửa cho vú nuôi và cô gia sư, Maria lên đường đi Petrograd. Ở Petrograd, Maria quyết định lên đường ra mặt trận. Trong môi trường binh lính và giới hạ sĩ quan, Maria nhanh chóng tìm thấy một góc riêng cho mình. Trong cư xử với đồng đội, Maria tỏ ra kênh kiệu, cô có cái nhìn xấc xược, lạnh như băng, ăn nói cứng rắn nên hầu như không ai muốn gần. Bù lại, bản tính gan dạ đến táo tợn và sức chịu đựng dẻo dai của cô khiến đồng đội phải kính nể. Ngoài ra, thái độ thẳng tay đối với kẻ thù và sự tàn bạo lên đến đỉnh điểm của Maria cũng làm cho những đồng đội từng trải phải kinh ngạc.

Maria rất kiên trì để được phiên vào đội trinh sát. Một hôm đi trinh sát cùng với hai binh nhì, Maria rơi vào ổ phục kích của Đức. Dạn bắn ra như mưa trong khoảng cách gần 20 - 30 bước. Một binh nhì bị chết ngay tại trận, binh nhì khác bị thương nặng ở bụng, còn Maria chỉ bị thương ở tay nên về được với đồng đội dưới làn đạn xối xả của bọn Đức. Với chiến công này, Maria được thưởng Huân chương *Georgi*. Lần thứ hai Maria được thưởng Huân chương *Chữ thập Georgi* do công lao trinh sát địa hình gần làng Loknitxa. Tháng 11 năm 1916, Maria tự nguyện đang đêm dẫn đường cho đội trinh sát của trung đoàn vào hậu phương của Đức, đích thân tham gia vào trận đánh giáp lá cà.

* Lãnh đạo các cuộc chống phá và bắt tay với bọn phản loạn

Mùa thu năm 1917, mặt trận vỡ. Maria trở về điền trang của mình, lúc này ở địa phương nhiệt tâm cách mạng của quần chúng dâng cao, nông dân và binh lính từ mặt trận trở về trong làng liên kết với nhau phá tan trang ấp, cướp hết súc vật ở trang trại đem chia nhau. Đáp lại, cô đứng ra thành lập đội quân chống lại gồm những sĩ quan trẻ đều là người trong tỉnh Pendenskaia, có cả binh lính từ mặt trận trở về, sinh viên và học sinh trung học. Đem đội quân khá mạnh đi trừng phạt những kẻ đánh chiếm trang ấp, Maria thắng tay trừng trị dã man dân làng, xử bắn những người cầm đầu cuộc tấn công đánh chiếm trang ấp.

Trong những ngày rối ren của cuộc Cách mạng tháng 10 năm 1917, hành động táo bạo của Maria trôi đi không ai để ý điều tra nữa, nhưng Maria cũng phải giải tán đội quân và chuyển ra thành phố Penda.

Một hôm đêm khuya, Maria nghe tiếng gõ cửa. Maria nhận ra ngay những vị khách: đó là tướng Rolanov, người mới trao huân chương *Chữ thập Georgi* cho Maria cách đây không lâu và đại tá Dakhartsenko, bạn cũ của chồng Maria vừa mất mấy năm trước đây. Rolanov phải đi ngay với đoàn xe đầu tiên và sau đó trở thành Tham mưu trưởng binh đoàn Koltsac. Còn Dakhartsenko thì vết thương chưa lành nên phải ở lại. Maria chăm sóc người bệnh chu đáo và giữa họ tình yêu đã nảy nở. Sau đó ít lâu họ tổ chức đám cưới. Maria giờ đây mang tên họ là Maria Dakhartsenko - với tên tuổi này cô đã đi vào lịch sử của ngành tình báo.

Dakhartsenko, chồng Maria, có một thời gian phục vụ tại quân đoàn Ba Tư và ông ta có quan hệ khá tin cậy tại đây.

Không rõ bằng cách nào mà Dakhartsenko có được giấy tờ chứng nhận là công dân Ba Tư. Và thế là Maria cũng có quốc tịch Ba Tư.

Cơ quan an ninh Xô Viết đã tìm ra dấu vết của Maria, vì vậy, họ tìm cách đi khỏi thành phố Penda. Hai vợ chồng Dakhartsenko với vỏ bọc là “công dân Ba Tư” đi tàu thủy đến Astrankhan. Tại đây bạn bè của đại tá Dakhartsenko đã giúp đỡ họ thu xếp cuộc sống yên ổn. Nhưng Maria thì vẫn nuôi chí hận thù những người đã cướp trang ấp và trại nuôi ngựa giống của cô. Khi còn ở Ba Tư, vợ chồng Dakhartsenko đã nghe tin đồn ở miền Nam nước Nga *Binh đoàn tình nguyện quân* đã được thành lập. Hai vợ chồng liền tìm đường đi đến đó. Ở đây đại tá Dakhartsenko nhận chức chỉ huy trung đoàn Kavkaz và Maria trở thành cần vụ của chồng.

* “Con rồ Maria”

Maria vẫn nấu nung mối hận thù với Hồng Quân, và sự hận thù ấy ngày một tăng sau mỗi trận đánh. Toàn bộ thiên bi hùng ca của *Binh đoàn tình nguyện quân* đã được ghi lại trong cuộc đời Maria: Cuộc hành quân đến Moscva, những thắng lợi và những thất bại, thảm họa Novorossick, rồi Crưm, Bắc Tavria và những trận đánh nối đuôi nhau... Nếm mùi gian khổ của trận mạc, Maria ngày càng trở nên hung ác hơn. Với mối hận thù điên dại, Maria đích thân xử bắn những chiến sĩ Hồng Quân bị bắt làm tù binh, cũng chính Maria đã dùng tiểu liên bắn họ, từ đó cô ta có biệt hiệu là “Con rồ Maria”.

Nhưng tất cả mọi thứ đều có khởi đầu và kết thúc của nó. Trong một trận tấn công bằng kỵ binh, đại tá Dakhartsenko đã bị thương nặng và chết ngay trên tay Maria. Và hầu như từ

ngôi mộ của chồng, Maria lại đi vào trận đánh như để quên đi cái chết vừa mới xảy ra. Tháng 11 năm 1920, trong một trận đánh cuối cùng, Maria bị thương và bị lạc đồng đội của trung đoàn, khó khăn lắm mới đến được Kerch và may mắn lên được chuyến tàu thủy đi Konstantinopol. Sau đó là chuỗi ngày dài thê lương của những kiều dân và sĩ quan Bạch vệ lưu vong mà Maria phải nếm trải. Mùa thu năm 1921, cùng với thê đội kỵ binh, Maria đặt chân đến Serbi và đến miền Bắc nước Đức. Tuy còn trẻ nhưng Maria đã góa bụa hai lần. Do quen biết từ trước, Maria đi lại với thượng úy Georgi Radkovis - cùng là tình báo viên, và hai người thành vợ chồng. Thượng úy Radkovis, cũng như vợ, rất căm ghét chế độ mới ở nước Nga và hoàn toàn chịu ảnh hưởng của Maria. Thời gian này ở Berlin, Hội đồng quân chủ tối cao đang hoạt động mạnh. Một hôm Maria mời Nikolai Evghenievich Marcov, người lãnh đạo Hội đồng này đến chơi. Marcov cho biết, Hội đồng quân chủ tối cao có một phân hội ở Moscva - đó chính là Tổ chức quân chủ nước Nga Trung ương. Marcov nhấn mạnh với Maria rằng nhiệm vụ của họ là phải tin tưởng vào những điều kiện hoạt động của Hội đồng và giữ liên lạc thường xuyên với Hội đồng.

*** Người đại diện đặc biệt của tổ chức Tơrốt**

Bây giờ thì ai ai cũng biết Tổ chức quân chủ nước Nga trung ương là một tổ chức huyền thoại do các tình báo viên Treca sáng lập nên, và là một bộ phận cấu thành của Tơrốt đặt dưới sự chỉ đạo của Menzinxki và Arturzov, bạn chiến đấu của Dzerzinxki, người đứng đầu Treca. Dzerzinxki còn tảo bạo thu hút sang hàng ngũ mình một trong những thành viên tích cực của Hội đồng quân chủ tối cao - đó là Iacusev và giao nhiệm vụ

cho ông ta làm thủ lĩnh Tổ chức quân chủ nước Nga Trung ương, có trách nhiệm về tất cả các cuộc tiếp xúc với nước ngoài, và nắm cho được tất cả các kênh liên lạc của các thành viên trong nước với nước ngoài.

Có tin vợ chồng Suls được toàn quyền thay mặt tướng Cutepov đang trên đường đến Moscva. Vợ chồng Suls có nhiệm vụ phải yết kiến Staunis - phó thủ lĩnh phụ trách tài chính và là tình báo viên Treca. Qua sự việc này Arturzov và Staunis thừa hiểu rằng họ đến Moscva với tư cách là những kiểm tra viên nên phải rất cảnh giác với họ. Tuy nhiên, đây lại là cơ hội thông qua đôi vợ chồng này thiết lập được liên lạc trực tiếp với tướng Cutepov, hơn nữa còn có thể thâm nhập vào Liên minh quân sự toàn Nga (ở Paris) do Cutepov đứng đầu.

Vợ chồng Suls đến hơi muộn. Trong hồ sơ của Tơrốt, vợ chồng Suls có biệt hiệu là *Hai người cháu*. Họ được đón tiếp niềm nở trong vòng tay ôm hôn của các tình báo viên Treca. Nếu như trước đây khi gặp gỡ tiếp xúc, Maria nói chuyện có phần chủ động, thì nay cô chỉ là trò chơi trong tay những người khác. Maria lao vào hoạt động cho những vụ phá hoại, khủng bố.

Đương nhiên mọi việc đã thực thi, khiến hai người cháu đánh giá Tơrốt dưới con mắt họ là một tổ chức hoạt động bí mật khá mạnh, và rõ ràng Tơrốt đã gây được ấn tượng đối với họ. *Hai người cháu* đã báo cáo về Paris cho tướng Cutepov với nhận xét hài lòng về Tơrốt. Cũng trong thời gian đó, ở Paris xảy ra những thay đổi quan trọng. Toàn bộ Liên minh quân sự toàn Nga tập hợp đến 25 nghìn sĩ quan Bạch vệ đều nằm dưới sự điều khiển của Cutepov. Cho nên vai trò của Maria với tư cách là người đại diện chính của Cutepov ở Moscva có ý nghĩa

đặc biệt quan trọng. Việc Iacusev và Maria được mời đến Paris để đón Cutepov là một minh chứng. Tháng 7 năm 1925, thông qua “cơ sở”, hai người vượt biên giới Ba Lan và đến Paris mà không gặp trở ngại gì. Iacusev đã được đại Công tước Nikolai Nikolaievich tiếp kiến. Ở Paris trở về, Maria được Ban lãnh đạo Tơrốt giao cho nhiệm vụ mới mà không biết mình đang thực thi nhiệm vụ của Arturzov nằm trong tổ chức Treca.

Maria cùng chồng là Radkovis, dưới vỏ bọc là vợ chồng Crasnostanov đi ra nước ngoài một cách hợp pháp. Đến Paris, họ gặp Sidney Reilly và giới thiệu với ông ta hoạt động của Tơrốt như một chỗ dựa chủ yếu của lực lượng phản cách mạng ở Nga. Reilly rất quan tâm đến điều kiện sử dụng Tơrốt vào mục đích riêng của mình. Tuy Maria nói là Tơrốt không hoạt động khủng bố, nhưng Reilly vẫn quyết định cần phải có cơ sở và những người tin cậy để có thể thu hút họ vào việc thực hiện những mục đích do mình đặt ra.

Từ Paris, hai vợ chồng Crasnostanov đi sang Phần Lan. Nhân danh Tơrốt, Maria và chồng liên hệ với cơ quan tình báo Phần Lan, và tiến hành hội đàm với phía Phần Lan về việc tổ chức một “cơ sở” ở biên giới Phần Lan - Liên Xô. Cùng thời gian ấy, người ta thuyết phục Sidney Reilly đi sang Moseva. Iacusev là người đóng vai trò chính, còn Maria thì đóng vai phụ: Cô lấy kinh nghiệm bản thân ra thuyết phục Sidney Reilly rằng, vượt qua biên giới Liên Xô là chuyện có thể làm được mà không hề gặp nguy hiểm gì.

Sự việc Reilly biến mất khiến mọi người kinh hoàng.

*** Hay chỉ là một thứ công cụ trong tay bọn phản cách mạng?**

Ngày 29 tháng 9 năm 1925, Maria điện báo cho Staunis: “Bưu

kiện bị thất lạc. Chúng tôi chờ sự giải thích”. Còn trong thư gửi Iacusev thì cô ta phàn nàn là bị nỗi buồn hành hạ, bị hụt hẫng và bị ám ảnh về chuyện chính cô ta đã phản bội và giết Reilly... rồi cuối cùng đề nghị chuyển cô ta sang hoạt động nội bộ.

Cuối năm 1925, Vaxili Vitalievich Sulghin, một kẻ theo chủ nghĩa quân chủ, nguyên là nghị sĩ Duma quốc gia Nga và là một trong những người thông qua nghị quyết phế truất Nga hoàng Nicolai Đệ nhị, đã quyết định bí mật đến Liên Xô. Mục đích chuyến đi của Sulghin hoàn toàn mang tính chất hòa bình: tìm đứa con trai bị mất tích trong cuộc Nội chiến. Menjinski và Arturzov nhận định rằng, chuyến đi của Sulghin dưới sự bảo trợ của Torót sẽ không có phương hại gì, trái lại lợi ích thì rất lớn.

Ngày 4 tháng 1 năm 1926, Sulghin đến Moscva và được bố trí ở nhà nghỉ đông của *Hai người cháu* ở ngoại ô. Trong cuốn sách nói về chuyến đi này được Sulghin viết ngay sau khi từ Nga trở về, Sulghin có thay đổi bối cảnh, họ tên nhân vật và viết: “Tôi được phó thác cho Maria Dakhartsenko - Suls và chồng của cô như là sự bảo trợ đặc biệt. Tôi biết Maria khi cô đã bước sang tuổi 33, nhưng ở cô vẫn còn giữ lại nhiều nét thời xuân sắc... Đó là một phụ nữ có sức chịu đựng dẻo dai, một phụ nữ có nghị lực tuyệt vời. Maria là trợ lý của Iacusev. Ngoài ra cô còn làm những việc dính dáng đến “hóa học”, tức là làm hiển thị, in lại những tài liệu giấy tờ mật được viết bằng mực hóa học... Có nhiều lần tôi phải bàn bạc, nói chuyện cởi mở với Maria. Một lần Maria nói với tôi: “Tôi già rồi... Tôi cảm thấy đây là những sức lực cuối cùng của tôi. Tôi đã dốc toàn bộ sức lực của tôi cho Torót, nếu như Torót giữa đường đứt gánh thì tôi làm sao mà sống nổi”. Maria than vãn với Sulghin về sự lẻ mề của Iacusev, chứng tỏ Iacusev không muốn tiến hành

những hành động khủng bố hoặc những hành động gây “ồn ào” khác. Dần dần, trong con mắt của hai vợ chồng Maria có một nhân vật nổi lên thay thế - đó là Staunis.

Quan hệ của Maria với Iacusev và Potapov (“thủ lĩnh” của phái quân sự thuộc Tổ chức quân sự nước Nga Trung ương - tức là Tơrót) đã được xác định rõ ràng. Maria coi Iacusev và Potapov là những người không thể làm lãnh đạo Tơrót được. Bây giờ chỉ có Cutepov ở Paris và Staunis ở Moscva mới là mối quan tâm của Maria, hơn nữa mối quan hệ công việc của cô với Staunis gần đây đã chuyển sang quan hệ tâm tình. Radkovis, chồng cô, trở nên nhân vật thừa thứ ba trong quan hệ tay ba này.

Tháng 9 năm 1926, Maria lại đến Paris, lần này cô đi cùng với nhà hóa học Vlasov. Vlasov sở dĩ được phái sang Paris vì Cutepov và kẻ theo chủ nghĩa quân chủ và điên cuồng theo chủ nghĩa khủng bố Gusov đã đề nghị phải kiểm tra chất khí gửi đến Paris trước khi sử dụng để khủng bố. Đến Paris, Maria tích cực ủng hộ ý tưởng tiến hành khủng bố và đề xuất kế hoạch: tiến hành đầu độc hàng loạt các đại biểu dự Đại hội các Xô Viết trong thời gian phiên họp diễn ra ở Nhà hát lớn, đồng thời chuẩn bị ở nước ngoài một đội quân gồm 200 cựu sĩ quan để điều ngay đến Moscva chiếm điện Cremlin sau khi vụ khủng bố nổ ra. Nhưng... hóa ra chính Cutepov đã bị đánh lừa: không hề có chất khí nào cả.

Maria bắt đầu ngờ rằng Iacusev là điệp viên hai mang. Iacusev sợ rằng những hành động khủng bố sẽ để lại dấu vết, mà ông ta thì lại muốn ngồi chờ giai đoạn khó khăn này qua đi, không có vụ khủng bố nào xảy ra, rồi sau đó sẽ lên nắm chính quyền. Maria thuyết phục bằng được Staunis phải nghĩ đến chuyện chính ông ta phải trở thành thủ lĩnh của

Torót. Cũng như Georgi Radkovis, chồng Maria, Staunis hoàn toàn bị người đàn bà ghê gớm này chi phối. Maria thú nhận với chồng rằng cô ta đã sống chung với Staunis, nhưng phân bua đó chẳng qua là Staunis cần thiết đối với cô ta trong công việc mà thôi. Anh chồng nghe lời vợ nói mà như nuốt hận nghẹn đắng.

Những sự kiện xảy ra bắt đầu bị đảo lộn. Ở Krasnoda, sau thất bại, Staunis mới ngã ngựa người ra là “ông bạn” Dubov của mình đã được Iacusev báo trước về thất bại này. Té ra Dubov là tình báo viên Treca. Staunis lên xe tức tốc phóng đến nhà nghỉ của Maria ở ngoại ô Moscva.

- Maria! - Staunis nói. - Cả tôi cả cô, chúng ta chỉ là công cụ của lão Iacusev. Nó là tình báo Treca! Cả Potapov, cả Dubov nữa! - Lướt nhìn Maria, Staunis hốt hoảng thực sự: hai mắt long sòng sọc của người đàn bà điên rồ đang nhìn mình. “Đúng là con mụ phù thủy!” - Staunis nghĩ bụng.

- Chúng ta phải chuẩn ngay lập tức. Bây giờ ta ra thẳng ga xe lửa đi Leningrad, sau đó đi qua “cơ sở” ở biên giới Liên Xô - Phần Lan.

Trước khi tháo chạy, Staunis còn kịp để lại trên bàn mẫu thư chia tay viết rằng Iacusev, Potapov và Dubov đều là những tình báo viên của Treca, còn họ (Staunis và Maria Dakhartsenko) là nằm ngoài thành phần Tổng cục chính trị quốc gia trực thuộc Hội đồng các Ủy viên nhân dân Liên Xô. Thông qua “cơ sở” ở biên giới Liên Xô - Phần Lan lúc bấy giờ vẫn còn hoạt động đêm 12 rạng ngày 13 tháng 4 năm 1927, Staunis và Maria đã sang được đất Phần Lan. Radkovis - chồng Maria đã sang đây từ trước. Torót chấm dứt hoạt động.

* Nhiệm vụ cuối cùng của người đàn bà “máu lạnh”

Để báo thù, Cutepov ra lệnh phát động hoạt động khủng bố và giết càng nhiều càng tốt tất cả cán bộ Xô Viết. Bắt đầu đợt điều phái những kẻ khủng bố đến Liên Xô. Trong số này có Georgi Radkovis, chồng Maria. Đêm mùng 3 rạng ngày 4 tháng 6 năm 1927, Radkovis cùng với một bạn thợ vượt qua biên giới Phần Lan - Liên Xô. Nhiệm vụ của hai người này là tìm cho được các tình báo viên Treca lãnh đạo chiến dịch Tơrốt để trả thù. Đương nhiên nhiệm vụ này đối với họ là khó có thể giải quyết được. Hai người này cũng không mong là sẽ thực hiện được nhiệm vụ, mà chỉ làm được việc gì dễ nhất có thể làm được: đó là vào buổi tối ngày 6 tháng 6, Radkovis đã ném một quả bom vào văn phòng cấp thẻ ra vào cơ quan Tổng cục chính trị quốc gia. Trong lúc hỗn loạn, hai kẻ khủng bố chạy thoát, nhưng đến quận Podolsk thì chúng bị rượt đuổi và bị bao vây. Trong thế cùng không lối thoát, Radkovis đã tự bắn chết.

Sau đó Maria, Staunis và một người nữa tên là Voznesenski cũng vượt biên giới vào Liên Xô. Trước chuyến đi, đích thân tướng Cutepov và điệp báo viên Anh quốc Boys đến tiễn ba người lên đường và giao nhiệm vụ. Khi chia tay, tướng Cutepov làm dấu thánh giá cho Maria và hôn cô ta ba lần theo phong tục. Như thế là Maria được giao nhiệm vụ làm nhóm trưởng. Và một lần nữa, ba tên khủng bố do Maria cầm đầu lại có mặt ở Moseva. Trước đây, bọn chúng thường tránh không đi qua khu phố Lubiansk, còn bây giờ Maria lúc nào cũng kè kè súng lục trong túi quần qua lại quận này thường xuyên, thậm chí còn đến căn hộ của Iacusev nhưng không gặp được ông ở Moseva. Sau đó, Maria cải trang

choàng khăn chéo vuông, ăn mặc tuềnh toàng quyết định đến khu phố Lubiansk quan sát trụ sở Tổng cục chính trị quốc gia trực thuộc Hội đồng các Ủy viên nhân dân Liên Xô. Không gặp trở ngại nào, Maria lọt vào trong sân của tòa nhà một cách dễ dàng, trong sân không có người bảo vệ và cô ta vui sướng phát hiện thấy gian nhà ngang nối liền với trụ sở của Tổng cục cũng không có người bảo vệ. Maria vội vàng quay trở lại, gặp hai người dưới quyền mình đang chờ cô ta ở nhà ga Leningrad. Họ thuê người đánh xe ngựa chắt những chiếc va ly nặng lên xe đi đến gần trụ sở Tổng cục thì dừng lại. Maria ngó nhìn vào cổng, và tin chắc trong sân toà nhà vẫn như cũ không có ai canh gác bảo vệ. Nhóm ba người Maria lập tức lao nhanh vào trong sân trụ sở Tổng cục. Bây giờ chỉ còn cài đạn trái phá trong gian nhà ngang, dọc theo các góc tường trong nhà thì cài bom cháy, công việc này phải làm nhanh trong vài phút. Sau đó thì đổ xuống nền nhà một can dầu hỏa. Bây giờ chỉ còn đốt dây cháy chậm là xong, nhưng không hiểu vì sao họ còn chần chừ. Đúng lúc đó thì một tiếng quát vang lên:

- Này, ai đang ở ngoài kia? Đứng lại! Đứng lại! Anh em ơi, mùi dầu hỏa sục lên, tất cả tập hợp nhanh lên!

Quẹt diêm, diêm không cháy. Một que, hai que... đều gãy. Tiếng quát nghe ngày càng gần hơn...

Trong khi ngoài sân mọi người loại trừ được khả năng cháy nổ thì bọn khủng bố đã kịp tháo chạy. Ở Moseva, nhóm Maria không có chỗ trú chân, cho nên bất luận trường hợp nào cũng phải chạy xa. Nhóm khủng bố vội vã ra ga Belarus, trong khi Tổng cục chính trị quốc gia chưa kịp giăng lưới vây bắt ngay trong chuyến tàu hỏa đầu tiên đi ra ngoại thành.

*** Cái chết hay là lòng hận thù phải trả giá?**

Trên đường tháo chạy, Maria và Voznesenski vẫy xe con dừng lại, dùng súng lục đe dọa lái xe lái theo hướng mà họ muốn. Lái xe từ chối liền bị bắn chết ngay. Người phụ xe bị bọn khủng bố bắn bị thương cố lấy hết sức còn lại phá hỏng xe. Lúc bấy giờ hai tên khủng bố đành bỏ xe con và lẩn trốn trong rừng, nhưng họ vừa xuất hiện ở lò bánh mì một trung đoàn Hồng Quân, thì bà Rovnova vợ một sĩ quan phát hiện thấy. Bà Rovnova kêu lên cho các chiến sĩ Hồng Quân đồn biên phòng biết liền bị Maria bắn bị thương vào chân. Trong lúc bắn nhau với đội kỵ binh tuần tiễu của Hồng Quân, Voznesenski bị bắn chết ngay tại trận. Còn Maria Dakhartsenco - Suls bị thương và chết sau đó vài tiếng đồng hồ.

.

VAXILI ZARUBIN

“ĐẰNG SAU THÀNH CÔNG CỦA NGƯỜI ĐÀN ÔNG
CÓ BÓNG DÁNG CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ”

Ông là người gốc Moscva, con trai một nhân viên hoả xa, cao lớn, mắt xanh, mái tóc vàng chải hất ra sau. Điều đó sau này đã đem lại ưu thế cho ông. Vaxili (1894-1972) tham gia Thế chiến Thứ nhất và Nội chiến. Từ năm 1920, ông làm việc ở VTRK (Ủy ban đặc biệt toàn Nga về đấu tranh chống lực lượng phản Cách mạng), đấu tranh chống bọn phỉ, buôn lậu vũ khí và ma tuý ở vùng Viễn Đông. Từ năm 1925, ông làm việc ở Trung Quốc, Phần Lan theo con đường tình báo quân đội. Tổng cộng Zarubin công tác ở nước ngoài hai mươi lăm năm, trong đó mười ba năm làm nhiệm vụ bí mật.



* Luôn có vợ ở bên

Zarubin đi chuyển công tác bí mật đầu tiên cùng với người vợ thứ hai là Lida Gorskaia. Bà không chỉ là người vợ, giúp đỡ ông, mà còn là đồng nghiệp với ông.

Elidaveta Iulevna Zarubina sinh năm 1900 ở Bắc Bukovina trong gia đình người quản lý rừng ở một điền

trang lớn. Bà sớm tham gia hoạt động cách mạng, từng là sinh viên của ba trường đại học ở Chernavitsi, Paris và Vienna, nói giỏi ngoại ngữ. Đặc biệt, tiếng Đức rất giúp ích cho bà vì Vaxili không biết ngoại ngữ này. Ở Vienna, bà làm phiên dịch, sau đó là nhân viên của INO PGU (Cục I, Ban nước ngoài). Năm 1925, bà nhập quốc tịch Liên Xô và năm 1927, tới Thổ Nhĩ Kỳ làm việc. Bà từng là vợ của đảng viên Đảng Xã hội Cách mạng nổi tiếng Blumkin, người sát hại Mirbach, đại sứ Đức ở Moscva năm 1918 (Blumkin tới Thổ Nhĩ Kỳ để theo dõi Troski theo yêu cầu của INO PGU). Năm 1928, bà trở về Moscva, làm ở ban Thư ký của OGPU và tại đây bà làm quen với Zarubin. Năm 1925, vợ chồng Zarubin tới Đan Mạch, sau đó là Pháp. Vaxili tới trước và làm quen với Maiya, con gái một người nhập cư trốn sang Pháp vì tham gia vào cuộc cách mạng năm 1905. Maiya giới thiệu vợ chồng Zarubin với cha, người sau này có biệt hiệu là “Uliver”, và đã giúp họ được nhiều việc.

*** Tổ chức hoạt động tình báo chống lại Đức**

Mục tiêu của họ là cư trú một thời gian dài ở Pháp, móc nối liên lạc với các điệp viên ở đây, thu xếp để họ liên lạc với Trung Tâm và gây dựng các cơ sở mới. Nhiệm vụ chính là tổ chức hoạt động tình báo chống lại Đức. Ban đầu họ sống ở thành phố nhỏ Xenklu gần Paris. Vaxili là người khéo tay nên chung vốn mở một xưởng nhỏ sửa chữa ô tô, máy khâu, bếp dầu... Nhưng vợ chồng Zarubin cần phải tới Paris. Vaxili nhớ tới một điệp viên cùng làm ở Viễn Đông là “Basmachnic” hiện có em trai làm chủ xưởng quảng cáo nhỏ ở Paris. Họ tìm tới “Basmachnic” và làm quen với em trai ông ta. Zarubin tham gia làm việc ở xưởng quảng cáo, đóng góp tiền bạc, nhờ đó hoạt

động của xưởng được mở rộng. Vợ chồng ông được phép sống tại Paris.

Vaxili và Lida thường gặp gỡ “Uliver” cùng các thành viên trong gia đình ông, hiểu rõ quan điểm của họ. Bản thân ông, vợ và các con có thái độ thân thiện với Liên Xô, sẵn sàng giúp đỡ. Zarubin đề nghị “Uliver” cho sử dụng căn phòng của ông ở Paris và ngôi nhà ở ngoại ô mỗi tuần một hoặc



hai lần để gặp gỡ “các đồng chí”. Sau một hồi do dự và bàn bạc với vợ (biệt hiệu “Nhina”), “Uliver” đã đồng ý, nói rằng sẽ không nhận một đồng nào tiền nhà. Zarubin cảm ơn, đề nghị ông tránh trò chuyện với bạn bè về chính trị và không để lộ quan điểm cánh tả của mình. Maiya và em trai cũng bị lôi cuốn vào công việc tình báo. Maiya làm nhiệm vụ liên lạc, có lần cô đã tới Moscva và sau này tới Đức để liên lạc với vợ chồng Zarubin. Theo lời khuyên của Vaxili, con trai “Uliver” theo học trường quân sự, có được chức vụ khá trong quân đội Pháp. Trong nhà của “Uliver” và “Nhina” có phòng làm ảnh để xử lý những tài liệu nhận được. Việc hợp tác với gia đình này kéo dài 20 năm.

*Vaxili Zarubin
và Lida Gorskaia*

Lida Zarubin (biệt hiệu “Vardo”) gặp lại bạn cũ người Armeni (biệt hiệu “Druk”), quen từ hồi ở Vienna, đang sống với vợ ở gần Paris. Biết rõ nhiệm vụ của vợ chồng Zarubin, “Druk” kể cho họ rằng một nhà báo Đức cùng người yêu (gọi là “Khanum”), nhân viên tốc ký ở đại sứ quán Đức hay lui tới

nhà mình. Một lần nhà báo nọ kể với “Druk” rằng tình cờ đọc được một thông báo quan trọng của sứ quán Đức gửi Bộ Ngoại giao về tình hình kinh tế Pháp. “Khanum” mang về nhà vì không kịp làm ở cơ quan. Cô sống không được khá giả vì phải nuôi mẹ già ở Đức. Theo lời đề nghị của Vaxili, “Druk”, với danh nghĩa là nhà báo đang cần thông tin, mời “Khanum” hợp tác. Mọi tin tức đều được trả tiền. Nhưng Zarubin thấy cần phải phát triển hơn nữa quan hệ làm ăn với “Khanum”.

“Vardo” làm quen với “Khanum” tại nhà riêng của “Druk”, từ đó được cô cung cấp tin tức. Bà dần hé lộ với “Khanum” là đang làm việc cho Moseva. Ít lâu sau bà nói rằng mình cần các tài liệu và sẽ trả nhiều tiền hơn. Để làm “Khanum” yên tâm, “Vardo” giải thích rằng những tài liệu này sẽ không lọt vào tay ai và được gửi tới Moseva không có tên cô. Vậy là “Khanum” đã tốc ký và in ra hầu hết mọi tài liệu gửi từ Đại sứ quán tới Berlin. Tình báo Xô Viết nắm được mọi báo cáo quan trọng. “Khanum” cung cấp tin tức cho tới khi cô trở về vị trí làm việc trước kia ở Berlin.

“Druk” giới thiệu vợ chồng Zarubin với một nhà báo người Hungari là “Rosa”, thư ký của nghị sĩ Pháp. Việc làm quen diễn ra như sau: “Druk” mời “Rosa” tới nhà mình và “tình cờ” gặp “Vardo” ở đó. Tại một nhà ga, trên đường quay về Paris, “Vardo” lại “tình cờ” thấy “người họ hàng” của mình là Vaxili (biệt hiệu là “Betti”). “Betti” “nhân thể” đi Paris nên mời họ lên xe. Sau vài lần gặp gỡ, “Rosa” đồng ý cung cấp tin tức (tất nhiên không miễn phí) về công việc trong nghị viện và tình hình ở Đức, Hungari. Đồng thời “Betti” và “Vardo” làm việc với các điệp viên khác, trong đó có viên cựu tướng lĩnh của quân

đội Sa hoàng là Pavel Pavlovich Diaconov. Ông có quan hệ rộng rãi với các sĩ quan Nga lưu vong trong “Hiệp hội sĩ quan Nga”. Những tin tức của Diaconov được Moscva đánh giá cao. Ông được nhận huân chương Lê dương Vẻ vang. Giao lưu với giới quân sự cao cấp Pháp, chính ông đã cung cấp cho Phòng nhì, Tổng tham mưu quân đội Pháp tài liệu của tình báo Xô Viết về các tướng lĩnh và sĩ quan Pháp có tư tưởng ủng hộ phát xít. Điều đó cần thiết để ngăn Đức và Pháp có quan hệ thân thiện hơn trên quan điểm chung chống Bolsevich. Việc làm này có hiệu quả, góp phần làm mối quan hệ giữa các nước này trở nên lạnh nhạt.

* Nối lại sợi liên lạc

Sau bốn năm sống ở Paris, vợ chồng Zarubin trở về Moscva, nhưng ít lâu sau họ nhận nhiệm vụ mới sang Đức hoạt động. Việc ông không biết tiếng Đức sẽ thành vấn đề vô cùng nan giải nếu như không có Lida giúp. Thời gian đầu họ được giao nhiệm vụ hết sức khó khăn là trong vòng một tuần phải khôi phục lại mạng lưới hoạt động bí mật đã bị gián đoạn vì phần đông các điệp viên đã trở về nước. Hầu hết họ là người Aryan, Do Thái nên ở lại Đức không những không được việc, mà còn nguy hiểm. Một trong số những điệp viên quan trọng nối lại được liên lạc đầu tiên là Willi Leman - “Braitenbac”, nhân viên Gestapo. “Vardo” giữ liên lạc với ông cho tới khi rời Berlin (1937). Điệp viên quan trọng khác là “Winterpheld”, lúc đầu chỉ là tùy phái viên của Bộ Ngoại giao Đức. Những cuộc gặp gỡ với ông do “Vardo” đảm nhiệm. Dần dà “Winterpheld” được thăng chức, nắm được cách giải mã Đức. “Vardo” dạy ông cách chụp ảnh tài liệu.

Năm 1937, vợ chồng Zarubin rời nước Đức, mọi liên lạc với “Winterpheld” bị gián đoạn. Tháng 10 năm đó, điệp viên A.I.Agaïans tới Berlin, nối lại liên lạc với ông và có được những tin tức có giá trị. Nhưng vào tháng 11 năm 1938, điệp viên này thấy rằng “Winterpheld” mang tư tưởng phát xít nên đã cắt đứt quan hệ. Năm 1940, “Vardo” tới Berlin, một trong những nhiệm vụ của bà là nối liên lạc với “Winterpheld”. Ngày 11 tháng 6 năm 1941, bà tình cờ gặp ông tại ga tàu điện ngầm Kiopenhich, ông tỏ ý sẵn sàng giúp đỡ như trước kia. Cuộc gặp mặt tiếp theo được ấn định ngày 21 tháng 6 năm 1941, nhưng không thành vì mọi cửa ra vào của sứ quán đều bị Gestapo canh phòng. Ngày 22 tháng 6 năm 1941, “Vardo” và các nhân viên khác của sứ quán bị cầm giữ, sau đó được đưa về nước qua Thổ Nhĩ Kỳ. Số phận của “Winterpheld” không rõ ra sao. Cũng chính vào thời gian đó, trong chuyến công tác cuối cùng của “Vardo” tới Berlin trước chiến tranh, Trung Tâm giao cho bà nhiệm vụ nối liên lạc với Augusta, vợ nhà ngoại giao người Đức. Bà có mối tình lãng mạn với một chiến sĩ tình báo. Năm 1931, điệp viên Fedor Parparov làm quen với bà, sau đó bà đồng ý hợp tác. Nhưng bà lại đem lòng yêu ông say đắm. Bà cung cấp cho ông những tài liệu lấy của ông chồng làm ngoại giao. Năm 1938, Fedor bị gọi về Moscva, bị bắt do bị vu khống (năm 1939 ông được thả và tiếp tục công việc tình báo). Ngày 10 tháng 12 năm 1940, “Vardo” gặp Augusta, trao cho bà ta bức thư của Fedor. Sau đó “Augusta” cung cấp cho bà những tin tức có giá trị, việc hợp tác này kéo dài tới lúc “Vardo” phải rời nước Đức.

Hãy quay trở lại những năm tháng khi vợ chồng Zarubin

ở Đức. Năm 1934, việc liên lạc với “Khanum” được nối lại. Cô cung cấp những tin tức quý giá hơn vì làm việc ở bộ máy trung ương, Bộ Ngoại giao. Song sự hợp tác có hiệu quả này không tiếp tục được vì “Khanum” bị ốm nặng và qua đời. Vì không thể trực tiếp gặp gỡ các điệp viên người Đức, Vaxili Zarubin lãnh đạo toàn bộ mạng lưới điệp viên ngầm, bao gồm cả các liên lạc viên. Một trong số họ là Kitty Harris.

*** Bảo vệ được nhiều điệp viên quan trọng**

Ngoài nhiệm vụ thu thập tin tức, Zarubin còn có nhiệm vụ bảo vệ các điệp viên. Một thành tích của ông trong lĩnh vực này là ngăn ngừa được thiệt hại do hợp tác với một người Đức tên là Karl Flic-Steger (“Nhạc công”). Kiểm tra hoạt động của người này, Zarubin kết luận rằng, ông ta hoặc là kẻ phiêu lưu, khiêu khích, hoặc là điệp viên của Mỹ. Trong mọi trường hợp, bản thân ông lẫn mọi liên lạc của ông đều bị hai cơ quan an ninh của Đức là Abver và Gestapo theo dõi. Rất may là ông đã kịp thời áp dụng biện pháp. Điệp viên thường xuyên liên lạc với “Nhạc công” được chuyển đi nước khác, quan hệ với ông ta chấm dứt. Zarubin còn kịp thời cứu tính mạng cho điệp viên có nhiều kinh nghiệm là Tacke, từ Moscva tới. Ông móc nối liên lạc với một người Đức là Meisnher, không ngờ đó là nhân viên của Gestapo (do “Braitenbac” thông báo). Erich Tacke kịp thời rời nước Đức. “Braitenbac” giúp Zarubin cứu một cơ sở hoạt động là nhà khoa học Hans Henrich Kummerov, làm việc tại hãng sản xuất theo đơn đặt hàng của quân đội. Ông có mối quan hệ rộng rãi trong giới khoa học và chính trị. “Braitenbac” thông báo việc Gestapo có hồ sơ của Kummerov và ông có nguy cơ bị bắt. Ông phải ngừng hoạt động hai năm.

Trong thời gian đó mỗi nghi ngờ của Gestapo lắng xuống và ông quay trở lại hoạt động. Năm 1942, ông giao cho liên lạc viên của Liên Xô từ Stockholm tới những tài liệu có giá trị. Nhưng sau đó có kẻ phản bội nên Kummerov bị bắt cuối năm 1942 và bị hành quyết.

Đầu năm 1937, vợ chồng Zarubin tới Mỹ, thực hiện nhiệm vụ bí mật là tuyển điệp viên Mỹ làm việc tại Đức nếu chiến tranh xảy ra. Họ mong muốn có đặc phái viên liên lạc và tuyển được ba người. Cuối năm 1937, Moscva gọi vợ chồng Zarubin về vì một nhân viên tình báo ở nước ngoài phản bội. Nhân viên này biết Zarubin nên có thể bán đứng ông. Họ làm việc tại Trung Tâm.

Từ tháng 1 đến tháng 6 năm 1941, Vaxili Zarubin làm việc tại Trung Quốc. Tại đây ông gặp Valter Stennes, cố vấn và đội trưởng công ty bảo vệ tư nhân Thượng Hải. Thời trẻ, Stennes là bạn thân của Hitler nên biết mọi điều bí mật của y. Do đó Hitler muốn thanh toán ông. Nhờ có sự can thiệp của Hering, ông đã thoát và sang Trung Quốc. Song ông còn nhiều mối quan hệ ở Đức, gồm cả các sĩ quan có tư tưởng đối lập Hitler. Trước đó, một điệp viên ở Thượng Hải đã liên hệ với ông nhưng sau đó mất liên lạc. Zarubin được cử đến nối liên lạc. Trong câu chuyện, Stennes tỏ ý sẵn sàng làm bất cứ điều gì để tiêu diệt Hitler. Chính Stennes đã thông báo về việc quân đội Hitler tấn công Liên Xô. (Tin này còn được nhà báo Đức, là tình báo viên Xô Viết Richard George cung cấp).

Trước lời đề nghị của Zarubin, Stennes đồng ý cung cấp cho Liên Xô những tin tức quan trọng và yêu cầu một liên lạc viên. Stennes sau này thông báo tỉ mỉ về việc George bị bắt.

Ông giữ liên lạc cả khi đã trở về Đức sau chiến tranh, đến năm 1952 mới cắt đứt.

Đêm 12 tháng 10 năm 1941, khi quân Đức tiến gần Moscva, Zarubin được gọi vào Cremlin. Ông được đích thân Stalin giao nhiệm vụ mới: Sang Mỹ tìm hiểu ý đồ người Mỹ và tác động đến đường lối của họ trong chính sách đối với nước Nga. Vài ngày sau, vợ chồng Zarubin đi Mỹ. Họ ra đi vào một ngày tháng 10, khi Moscva đang nhốn nháo. Mặc dù hiểu rằng mình đi làm nhiệm vụ quan trọng, nhưng họ vẫn có cảm giác như kẻ đào ngũ. Lần này Vaxili được giao làm bí thư Đại sứ quán. Ông đổi tên là Dubilin.

*** Tiếp tục làm điệp viên tại Mỹ**

Vừa đặt chân tới Mỹ, họ lao vào làm việc không biết mệt. Khó mà hình dung nổi khi một mình “Vardo” trực tiếp liên lạc với hai mươi điệp viên, gặp gỡ với họ, trao đổi công việc, củng cố cho họ lòng tin vào công việc chính nghĩa mình đang làm, và điều chính là có được tin tức từ họ, sàng lọc và gửi đi. Công việc đòi hỏi phải đi lại từ Washington đến New York, Caliphornia, làm quen và gây dựng mối quan hệ. Tất cả các việc đó phải kết hợp với công việc ở Đại sứ quán như tham dự các buổi tiếp tân, mỉm cười với quan khách, trong khi mất nặng trĩu vì thiếu ngủ hoặc nóng lòng chờ đợi tài liệu gửi về Trung Tâm. Trong số những người cùng làm việc với họ ở Mỹ có “Dvuk” - Iacov Golos, một người tài giỏi, bị FBI nghi ngờ và theo dõi, thậm chí bị xử vì vi phạm luật “Về đăng ký nhân sự người nước ngoài”, thế nhưng nhờ tài trí đã đóng góp to lớn cho công tác tình báo. Chỉ trong vòng vài tháng, ông có được mười hồ sơ khổng lồ để làm hộ chiếu có đầy đủ con dấu và chữ ký, hơn

bảy mươi chứng nhận quốc tịch và hai mươi bảy giấy khai sinh. Ông giác ngộ được gần hai mươi người hoạt động tình báo, trong đó có “Braien”, nhân viên một bộ chủ chốt, “Olfsen”, người cung cấp tin tức về vấn đề vũ trang, “Rond”, giữ chức vụ trọng trách trong cơ quan chính phủ và giúp ích rất nhiều trong thời gian chiến tranh. Ngày 25 tháng 10 năm 1943, Golos đột tử vì nhồi máu cơ tim. Zarubin còn khá nhiều cộng sự và bạn bè ở Mỹ, nhưng Golos mất đi là một tổn thất lớn vì mối liên lạc với các cộng tác viên mình ông biết cũng mất luôn. Cũng chính qua “Dvuk”, mạng lưới điệp viên, và các mối quan hệ có được trong cộng đồng người Do Thái mà gây được ảnh hưởng có lợi cho Liên Xô tới nhiều nhân vật có uy tín trong chính phủ Mỹ và những người thân cận của tổng thống. Việc Mỹ tham chiến giúp các nước Đồng Minh và nước Nga Xô Viết là một bằng chứng rõ ràng về điều này.

Nhiệm vụ của Zarubin vô cùng khó khăn, nhưng ông đã hoàn thành. Vào những năm 1942-1943, yêu cầu công tác thay đổi, vấn đề quan tâm hàng đầu là hạt nhân. Zarubin và “Vardo” tìm cách gây dựng mối quan hệ trong giới khoa học. Phải có cách tiếp cận mới, người quen mới liên quan tới vấn đề này. Vợ chồng Zarubin chưa phát huy được trong lĩnh vực mới này. Năm 1944, họ đột ngột bị gọi về Moseva để kiểm tra. Tình báo viên Mironov trong thư gửi Stalin đã buộc tội Zarubin hợp tác với cơ quan an ninh Mỹ. Mironov (bị bệnh thần kinh phân lập) kiên trì theo dõi những cuộc gặp gỡ của Zarubin với các điệp viên cung cấp tin tức, buộc tội họ là gián điệp của FBI. Vợ chồng Zarubin bị kiểm tra nửa năm và cuối cùng những lời buộc tội bị bác bỏ. Mironov phải ra hầu toà, may không bị kết án vì chuyên gia tâm lý kết luận anh ta bị tâm thần. Còn một

lý do nữa khiến Zarubin bị gọi về. Một thời đại nguyên tử đã bắt đầu. Đối với tình báo, đó là thời kỳ săn lùng bí mật vũ khí nguyên tử. Cần một người biết kỹ thuật để vào cuộc.

Sau đợt kiểm tra, Zarubin được giao chức vụ quan trọng là Cục phó Cục Tình báo. Lida làm việc thêm nhiều năm nữa ở trong và ngoài nước. Sau khi nghỉ hưu, bà làm công tác huấn luyện tình báo.

Vaxili Zarubin qua đời năm 1972. Elizaveta Iulevna mất sau ông mười lăm năm.

ANNA VOLCOVA

LÒNG THÙ HẬN CHỦNG TỘC VÀ CỘNG SẢN

Đối với một quốc gia, hơn nữa lại là một quốc gia đang lâm vào thời điểm nguy kịch, thì còn có bí mật nào cần được giữ kín hơn là những lá thư tuyệt mật trao đổi giữa người lãnh đạo quốc gia đó với người lãnh đạo một quốc gia khác, vừa hùng mạnh lại vừa thân hữu?

Anna Volcova (1902-1970), người phụ nữ quý tộc Nga đã xâm nhập được vào bí mật này, là một tấm gương hiếm hoi về sự tận tụy với ý tưởng - không phải ý tưởng nhà nước, ý tưởng chính trị hay ái quốc, mà là ý tưởng cá nhân, dựa trên lòng căm thù mang tính chất chủng tộc và dân tộc. Bà đã trở thành một điệp viên khác thường.

Anna Volcova sinh năm 1902 ở Saint Petersburg, nơi mà gia đình bà chiếm một địa vị cao trong triều đình Nga hoàng. Một người bác của bà được đích thân Nga hoàng Alexandr dạy dỗ, một người bác khác là tướng chỉ huy trung đoàn cận vệ của Nga hoàng. Ông Voncov, bố bà, là một thủy binh, phục vụ cho đến cấp phó thủy sư đô đốc và đã từng là tùy viên hải quân tại một loạt quốc gia Châu Âu. Hai người con của ông - cô con gái Anna và người con trai Alexandr - lớn lên trong môi trường ngoại giao nên cảm thấy hết sức thoải mái khi tiếp xúc với những nhân vật thuộc các quốc tịch khác nhau ở Paris,

Berlin, Roma, Copenhagen. Trong thời gian Thế chiến Thứ nhất, khi làm tuý viên hải quân ở London, phó thuỷ sư đô đốc Voncov đã được vua George tặng cho danh hiệu quý tộc Anh. Năm 1917, khi Cách mạng Tháng Mười lật đổ Nga hoàng, gia đình Voncov chạy ra nước ngoài. Ngôi nhà của họ ở Petersburg và lãnh địa của họ ở miền Nam nước Nga bị cướp phá, tất cả tài sản của họ bị tịch thu.



Vua Anh George VI

* Mầm mống của lòng thù hận

Đô đốc cùng gia đình sang Anh cư trú và chẳng bao lâu, họ lâm vào tình trạng hết sức khó khăn. Nhờ sự giúp đỡ của những kiều dân Nga gặp may hơn, họ mở một tiệm cà phê nhỏ ở Kentsington. Khi bố mẹ Anna mất, toàn bộ tài sản và chỉ còn sở hữu một tiệm cà phê nhỏ thì Anna mới mười bốn tuổi. Anna tỏ ra có năng khiếu ngôn ngữ, cô nói tiếng Anh, tiếng Pháp và tiếng Đức cũng thông thạo như tiếng Nga. Cô còn học nhạc, tỏ ra là một họa sĩ có tài và những bức tranh thuốc nước của cô đã nhiều lần được trưng bày tại các cuộc triển lãm nghiệp dư. Do đọc nhiều và am hiểu nghệ thuật, cô là vị khách mong đợi trong các gia đình thuộc tầng lớp cầm quyền ở Anh. Vào những lúc các kiều dân Nga lưu vong tụ họp lại tại “tiệm trà Nga” trên phố Harrington, nơi yêu thích của mọi Nga kiều sống ở London, các câu chuyện đương nhiên là xoay quanh tình hình ở Nga. Những kẻ tứ cố vô thân này mà giờ đây phải làm những

nghề thấp kém như bán hàng, hầu bàn, gác đêm, công nhân, không thể cam chịu với ý nghĩ là tại Nga đã xảy ra một cuộc cách mạng có ảnh hưởng lớn lao đến lịch sử nhân loại. Nhiều người trong số họ buộc tội Troski và những người Do Thái khác là đã gây ra cuộc cách mạng khiến họ phải lâm vào cuộc sống thiếu thốn. Anna Volcova lớn lên trong bầu không khí đó.

Từ hồi trẻ, bà đã nung nấu lòng căm thù bệnh hoạn đối với người Do Thái và Chủ nghĩa Cộng sản. Nhiều họ hàng và bạn bè của bà cũng chia sẻ những quan điểm của bà nhưng họ giữ kín trong lòng. Còn Anna thì dành cả cuộc đời cho một mục tiêu là đấu tranh với những người Do Thái và dân tộc Do Thái. Điều đáng chú ý là về tất cả các mặt khác thì bà là một phụ nữ bình thường, thậm chí còn khá ái nữ. Vậy mà bà đã mưu toan thực hiện những ý tưởng điên rồ của mình vào những ngày nguy kịch nhất đối với nước Anh trong cuộc chiến tranh với nước Đức phát xít.

*** ... làm rung chuyển chính phủ Anh - Mỹ**

Bà là một điệp viên tinh tế, nhưng không phải là điệp viên của bất kỳ ai, không phục vụ cho bất kỳ ai, không nhận tiền của bất kỳ ai. Nhưng đồng thời, bà đã trở thành kẻ phản bội nước Anh là nước đã cho bà trú ngụ và đưa bà vào tầng lớp cầm quyền. Bà cũng đã trở thành công cụ chuyển giao cho bọn quốc xã Đức những tin tức chính xác về các lực lượng vũ trang Anh, về những kế hoạch chống trả cuộc xâm lược của Đức và về sự giúp đỡ của người Mỹ cho nước Anh trong những giờ phút ảm đạm trước và sau khi nước Pháp thua trận.

Vào một buổi đêm tháng 6 năm 1940, Thủ tướng Anh Winston Churchill buộc phải tạm ngừng phiên họp của nội các

chiến tranh Anh quốc - tên gọi của chính phủ Anh trong những năm Thế chiến Thứ hai. Ông vừa nhận được một tin khẩn cần phản ứng ngay lập tức. Ông bước ra khỏi phòng làm việc và đi sang phòng bên cạnh. Tại đây, Cục trưởng Cục Tình báo đang chờ ông báo cáo ngay lập tức khi ông vừa bước chân vào phòng.

- *Cục phản gián MI-5 đã phát hiện ra một điệp viên Quốc xã trong sứ quán Mỹ, y thông thạo loại mật mã mà đại sứ Josef Kenedy vẫn sử dụng trong thư từ trao đổi với Tổng thống Mỹ Roosevelt và Bộ Ngoại giao Mỹ, - Cục trưởng Cục Tình báo ngừng một chút rồi nói tiếp: - Ngoài ra, y còn biết hết về những bức thông điệp của ngài gửi cho Tổng thống Roosevelt. Cùng với một phụ nữ đồng phạm, y có khả năng chuyển cho người Đức tất cả những bức điện mà ngài, cũng như Bộ trưởng Ngoại giao Halifax và cựu Thủ tướng Chamberlin, đã và đang gửi đi thông qua sứ quán Mỹ. Có những tài liệu cho thấy những bức điện đó đã an toàn đến Berlin.*

Churchill yên lặng lắng nghe. Ông nhớ lại những bức thông điệp khẩn cầu gần đây nhất mà ông gửi cho Tổng thống Roosevelt và giờ đây, chắc hẳn những kẻ nào đó ở Berlin đang vừa đọc vừa mỉm cười giễu cợt.

“Churchill gửi Roosevelt. Tôi yêu cầu ngài giúp đỡ. Tôi tha thiết yêu cầu ngài giúp tất cả những gì ngài có thể giúp được. Trước hết, chúng tôi cần từ bốn mươi đến năm mươi tàu phóng ngư lôi cũ. Thứ hai, chúng tôi cần vài trăm chiếc máy bay. Thứ ba, chúng tôi cần có đủ pháo phòng không và đạn dược cho sang năm... nếu chúng tôi còn sống sót để được thấy những thứ ấy...”

Trong một bức thư khác, Churchill viết: “Tình hình ngày càng xấu đi... Sau thảm họa ở Pháp, chúng tôi chờ đợi bị tấn

công từ trên không và cuộc đổ bộ đường không trong tương lai sắp tới, và chúng tôi đã sẵn sàng đương đầu... Chúng tôi sẽ tiếp tục cuộc chiến tranh một mình và chúng tôi không sợ...".

Vài phút sau cuộc trò chuyện nói trên giữa Cục trưởng Cục Tình báo với Thủ tướng Churchill, Bộ trưởng Ngoại giao Halifax gọi điện đánh thức đại sứ Mỹ Kentedy dậy và kể tóm tắt cho ông ta biết thực chất sự việc. Đại sứ Kentedy đồng ý thu lại quyền miễn trừ ngoại giao của một nhân viên sứ quán Mỹ. Sau đó vài phút, các sĩ quan phòng đặc nhiệm của cơ quan tình báo Anh đến một căn hộ trên phố Gloyster và bắt giữ một nhà ngoại giao Mỹ trẻ tuổi. Đó là Tailor Kent, xuất thân trong một gia đình quý tộc Mỹ ở bang New England, cùng bang với đại sứ Josef Kentedy, bố của Tổng thống Mỹ tương lai John Kentedy. Hai ngày sau, việc bắt giữ Tailor được đích thân Tổng thống Roosevelt phê chuẩn. Tailor chính là người tình của Anna Volcova. Quá trình thẩm vấn cho thấy anh ta là công cụ trong tay Volcova. Ít nhất là hơn một ngàn rưỡi tài liệu tuyệt mật của sứ quán Mỹ đã được Tailor sao chép lại rồi chuyển cho Volcova. Ngoài ra còn một loạt những tài liệu khác gửi cho Ngoại trưởng Mỹ Cordell Hell và đại sứ của tất cả các nước Châu Âu. Nhiều tài liệu chứa đựng những đoạn trích quan trọng từ những mệnh lệnh và báo cáo tuyệt mật. Những tài liệu đó được gửi qua London bởi vì Bộ Ngoại giao Mỹ cho rằng chỉ sứ quán Mỹ ở London là có loại mật mã "bất khả xâm phạm". Rất có thể loại mật mã ấy là "bất khả xâm phạm" đối với các cơ quan giải mã của kẻ thù, nhưng không một loại mật mã nào giữ kín được đối với kẻ biết rõ và làm việc với mật mã đó. Tailor Kent chính là kẻ như vậy bởi vì anh ta là trưởng phòng mật mã của sứ quán Mỹ tại Anh. Điều này đã cho phép người Đức không những biết rõ mối quan hệ Mỹ - Anh mà còn

tiết kiệm được tiền bạc chi vào việc tổ chức do thám người Mỹ tại các nước khác ở Châu Âu. Vậy lý do gì đã đẩy Tailor Kent đi đến chỗ phản bội?

*** Vừa là cộng sự, vừa là người tình...**

Anh ta làm việc này không phải vì tiền bạc. Anh ta không nhận được của bất kỳ ai một xu nào và tại toà án anh ta khẳng định rằng thậm chí anh ta không biết là những tài liệu đó lại đến tay Hitler. Vào lúc bị bắt giữ, Tailor vừa tròn hai mươi tám tuổi. Bố anh ta đã từng phục vụ trong ngành ngoại giao Mỹ. Năm 1911, khi Tailor ra đời, bố anh ta là tổng lãnh sự Mỹ ở Trung Quốc. Tailor là đứa con duy nhất trong gia đình và bố mẹ anh ta làm tất cả mọi việc để anh ta có được bước khởi đầu tốt đẹp trong cuộc đời. Anh ta theo học những trường phổ thông và đại học danh giá nhất Châu Âu và Mỹ, anh ta thông thạo vài thứ tiếng Châu Âu, trong đó có tiếng Pháp và tiếng Đức, anh ta được đào tạo cẩn thận để hoạt động trong ngành ngoại giao và triển vọng của anh ta xem ra hết sức sáng sủa. Một chàng thanh niên dễ mến, một cầu thủ bóng bầu dục xuất sắc, một chàng trai dễ kết bạn và nổi tiếng là nhanh trí và thông minh. Tuy quả thật là anh ta rất hay bối rối ngượng ngùng khi gặp những phụ nữ đẹp. Tại London, Tailor gặp Anna Volcova. Những người biết Volcova đều khẳng định rằng không một nữ điệp viên hiện đại nào, kể cả Mata Hari lòng danh, lại thích hợp với định nghĩa “người phụ nữ định mệnh” như Volcova, chí ít thì cũng là đối với Tailor Kent. Khi họ lần đầu tiên gặp nhau ở London thì Tailor hai mươi bảy tuổi, còn Volcova ba mươi tám tuổi. Nhưng thật bất công nếu trút mọi tội lỗi về việc Tailor “sa ngã” lên đầu

Volcova hoặc thậm chí coi ảnh hưởng của Volcova có ý nghĩa quyết định. Những nguyên nhân chính trị đã tác động một cách cơ bản đến cách xử sự của Tailor ngay từ trước khi anh ta được cử đến London.

Chỉ ít lâu sau khi Tailor tròn hai mươi ba tuổi và tốt nghiệp xuất sắc đại học, anh ta được nhận vào làm trong ngành ngoại giao Mỹ và được cử đến công tác tại sứ quán Mỹ ở Moscva. Anh ta đặt chân đến Moscva vào tháng 2 năm 1934. Thời gian Tailor làm nhiệm vụ ở Moscva trùng với thời gian diễn ra những cuộc thanh trừng dữ dội của Stalin. Vốn xuất thân trong một gia đình quý tộc Mỹ và được giáo dục theo tinh thần chống Cộng, Tailor không chỉ căm thù Chủ nghĩa Cộng sản mà khi rời khỏi Moscva, anh ta còn trở thành một phần tử bài Do Thái quyết liệt. Trước kia, cho đến năm mười tám tuổi, anh ta chưa hề gặp một người Do Thái nào. Trong xã hội mà anh ta là một thành viên, những người Do Thái cho dù có giàu chăng nữa, cũng chỉ là những kẻ xa lạ. Anh ta chưa bao giờ nhìn thấy họ trong các trường tư danh giá. Cả trong giới sinh viên trường Đại học Princeton cũng có rất ít người Do Thái. Nhưng đa số họ là những người có tài và đầy tham vọng. Rất có thể việc anh ta ít khi tiếp xúc với họ đã khiến một thanh niên chưa trưởng thành như anh ta cảm thấy xa cách họ. Khi đến Moscva, Tailor có dịp gặp nhiều nhân vật chính thức của Bộ Ngoại giao Liên Xô. Và mặc dù vào quãng thời gian đó, nhiều người Do Thái đã bị gạt khỏi những cương vị cao cấp nhưng phần lớn những nhân viên bình thường mà Tailor tiếp xúc đều là người Do Thái. Nói chung, họ tỏ ra thờ ơ với những cuộc thanh trừng của Stalin, những cuộc thanh trừng mà Tailor cho là “tàn bạo” và cũng theo ý kiến anh ta, lẽ ra khiến

họ phải công phần mới đúng, bởi vậy anh ta rút cuộc đi đến kết luận rằng tất cả người Do Thái đều tàn ác, phản trắc và vô đạo đức. Đó không chỉ là sai lầm bi thảm của anh ta mà còn là nguyên nhân dẫn đến sự sa ngã của anh ta.

Khi Tailor đi sang Đức nghỉ phép ở Berlin và dãy Anpes vùng Bavari thì Hitler đã cầm quyền ở Đức được hai năm. Anh ta gặp gỡ nhiều đảng viên Quốc xã, nhiều nhân viên Bộ Ngoại giao Đức và cảm thấy ngạc nhiên một cách dễ chịu trước phong thái có văn hoá và khả ái của người Đức. Người Đức mau chóng nhận thấy mối thiện cảm đó của Tailor đối với họ. Không phải ngẫu nhiên mà Tailor được đón nhận vào nhóm của giáo sư Hawsholfe, nhà tiên tri độc đáo của thuyết “địa chính trị chủng tộc Aryan”. Thông qua ông ta, Tailor làm quen với một “triết gia” Quốc xã là Afred Rodenberg và được giới thiệu với Bộ trưởng Tuyên truyền Herbben và được mời đến dự một buổi chiêu đãi xa hoa của Hering, một nhân vật đầy thế lực của nước Đức phát xít. Sau khi được đi thăm những “tử kính” của Nhà nước Quốc xã, Tailor trở về với niềm tin chắc chắn rằng “triết thuyết Aryan” sẽ thống trị thế giới trong thiên kỷ mới. Dưới ảnh hưởng của bọn Quốc xã, Tailor trở thành một phần tử bài Do Thái quyết liệt. Trong tâm trạng như vậy, anh ta được cử đến làm việc tại sứ quán Mỹ ở London ngay trước Thế chiến Thứ hai. Lúc đó, anh ta đã mang hàm bí thư thứ ba và chờ đợi được đề bạt cao hơn nữa.

Hồi ở Moscva, Tailor đã đảm nhiệm chức vụ trưởng phòng mật mã của sứ quán Mỹ và tỏ ra có năng lực đến nỗi Bộ Ngoại giao Mỹ khuyên đại sứ Kentedy bổ nhiệm anh ta vào chức vụ tương tự ở London. Trong những sứ quán quan trọng như sứ quán Mỹ ở London, chức vụ này thường trao cho một nhà

ngoại giao có hàm cao hơn. Nhưng trình độ chuyên môn vững vàng của Tailor cũng như ấn tượng tốt đẹp mà anh ta gây ra được đối với đại sứ Kentedy cũng quá khứ không một vết nhơ của anh ta đã ảnh hưởng đến quyết định của đại sứ. Anh ta được trao phòng mật mã của sứ quán Mỹ ở London. Và như vậy, anh ta có điều kiện tiếp xúc với phần lớn những bí mật có tầm quan trọng sống còn của sứ quán Mỹ: những cuốn sổ chứa đựng loại mật mã “bất khả xâm phạm” mà chỉ riêng đại sứ mới có quyền sử dụng để trao đổi công văn thư từ với tổng thống và bộ trưởng ngoại giao Mỹ.

Thủ tướng Anh Churchill có thói quen làm việc vào ban đêm. Đôi khi, các liên lạc viên có các sĩ quan vũ trang thuộc phân đội đặc nhiệm đi kèm, đem thư từ của Churchill đến sứ quán Mỹ vào lúc trời còn chưa sáng, và Tailor xung phong tự tay gửi tất cả những bức thư ấy cho tổng thống Mỹ và chờ trả lời, cho dù có phải thức trắng đêm chẳng nữa. Anh ta làm việc đến kiệt sức. Đại sứ Kentedy lưu ý đến anh ta và tỏ ra quan ngại đến sức khỏe của anh ta, khuyên anh ta nên giữ gìn sức khỏe. Nhưng anh ta đáp:

- Tôi có nghĩa vụ làm tất cả những gì tôi có thể làm.

Không ai có thể xác định được Tailor và Volcova đã gặp nhau ở đâu và khi nào. Rất có thể Tailor đã để mắt đến Volcova trong ngày hội của câu lạc bộ Đức - Anh có tên là “Ling”. Một trong những người sáng lập ra câu lạc bộ này là huân tước Lodesday, bố vợ của Osvan Mosli, viên thủ lĩnh khá nổi tiếng của phong trào thân phát xít ở Anh. Cũng rất có thể là Anna Volcova, một phụ nữ cao, cân đối và hấp dẫn, đã đích thân tổ chức cuộc gặp gỡ này...

Hồi đó, vào tháng 4 năm 1939, sau khi trải qua một cuộc

phẫu thuật và đang dần dần lành bệnh, Volcova đi nghỉ ở vùng Sudeten là vùng bị Hitler chiếm đóng sau hoà ước Munich năm 1938. Tại đây và ở Đức, bà gặp gỡ nhiều viên thủ lãnh Quốc xã. Sau khi trở về Anh, bà đưa cho thành viên của “Câu lạc bộ hữu phái” một bản ghi nhớ để biện minh cho những hành động của chế độ phát xít.

* Bị nghi ngờ, rồi bị lật tẩy

Đương nhiên là hoạt động của Volcova, đặc biệt là từ khi chiến tranh bùng nổ, không thể không bị để ý. Cơ quan phản gián Anh quyết định theo dõi bà và những bạn bè của bà, và khi cơ quan này biết được những cuộc gặp gỡ của bà với nhân viên các sứ quán Đức và Italia thì việc theo dõi được tăng cường, và Volcova trở thành đối tượng của một cuộc điều tra nghiêm túc. Cơ quan phản gián Anh quyết định thu lượm tin tức từ những nguồn trực tiếp, tức là từ “Câu lạc bộ hữu phái”, nơi mà hiện giờ Volcova dùng phần lớn thời gian ở đây. Hai cô gái trẻ - “miss A” và “miss B” - được huy động vào công việc này. Là người lãnh đạo “Câu lạc bộ hữu phái”, Volcova rất cần có cộng tác viên mới và bà dang cả hai tay đón nhận “miss A” khi cô đến xin việc thông qua sự giới thiệu của vài ba người mà Volcova biết rằng họ ủng hộ phong trào bài Do Thái; “miss A” được nhận vào làm thư ký đánh máy. Vài ngày sau thì cả “miss B” cũng xuất hiện. Volcova rất sung sướng vì hai cô chia sẻ những quan điểm chính trị của mình. Chỉ sau mấy tuần lễ, cả hai cô đã chiếm được lòng tin trọn vẹn của Volcova. “Miss B” được biết rằng Volcova hy vọng là trong ban lãnh đạo tương lai của nước Anh, bà sẽ nhận được chức vụ giám đốc bộ phận phụ trách việc tiêu diệt những

người Do Thái ở Anh. Bà hứa với “miss B” là sẽ chọn cô làm trợ lý. Đó chính là thời gian Volcova thường xuyên gặp gỡ nhà ngoại giao Mỹ trẻ tuổi Tailor Kent. Anh ta thấy ở bà một người mẹ, một người tình và một người cha tinh thần. Tailor báo cho Volcova biết rằng anh ta biết rõ những thư từ trao đổi giữa Churchill và Roosevelt. Volcova giao cho Tailor những chỉ thị hết sức tỉ mỉ. Anh ta phải ở lại chỗ làm của mình sau khi tất cả các nhân viên khác ra về để sao chép mọi tài liệu đi và đến đã được mã hoá rồi chuyển chúng cho bà. Anh ta dần dần táo bạo lên và chẳng bao lâu sau đã bắt đầu đem đến cho Volcova từng tập tài liệu đầy, họ cùng nhau sao chép suốt đêm, đôi khi tạm ngừng để dành cho những trò chơi yêu đương. Công việc tiến triển hết sức thuận lợi mà tài liệu thì ngày càng nhiều nên chỉ ít lâu sau, Volcova phải thuê một thợ ảnh chuyên nghiệp để chụp micro phim.

Các thám tử của cơ quan tình báo Anh và các nhân viên phản gián Anh bám sát hoạt động của Volcova. Họ tiến hành bắt giữ và hỏi cung người thợ ảnh làm việc cho bà, người này vẫn cho rằng mình làm một công việc hoàn toàn hợp pháp khi chụp những tài liệu nào đó cho một quý bà thuộc sứ quán Mỹ. Các sĩ quan phản gián kinh hoàng nhìn tấm ảnh mà người thợ ảnh cho chiếu lên màn hình. Bên trên là dấu “Tuyệt mật”. Bên dưới là dòng chữ “Cựu thủy binh Winston Churchill” - tên gọi mà Thủ tướng Anh thường dùng để ký những thư từ riêng của ông gửi Tổng thống Mỹ Roosevelt. Người thợ ảnh cùng những cuộn phim của anh ta được gửi đến cơ quan tình báo Anh. Vài phút sau, chánh thanh tra Canninh trao đổi qua điện thoại với trưởng phòng phản gián, đại tá Hinli Cook...

Không phải mọi thông tin mà “miss A” và “miss B” cung

cấp về sau đều được đem ra trình toà. Nhưng nhiều thứ tìm thấy trong văn phòng của Volcova đã được đưa ra trước toà làm vật chứng. Người ta xác định được rằng Volcova đã sử dụng những chiếc cặp ngoại giao của sứ quán Italia và những cuộc tiếp xúc với các nhà ngoại giao Rumani để gửi những tài liệu sao chụp được đến Berlin. Volcova cũng duy trì mối quan hệ với William Joys tức “huân tước Haw-Haw” nổi tiếng là kẻ đã thực hiện những cuộc tuyên truyền hướng tới đất Anh qua đài phát thanh Đức. Bà còn gửi đến Joys và các ông chủ thuộc Bộ Tuyên truyền của Herbben những đề xuất nhằm cải tiến những buổi phát thanh tuyên truyền này. Đồng thời bà thông báo cho chúng biết tần số và mã số cần sử dụng để liên lạc. Chỉ như thế thôi cũng đã đủ để kết án bà tù dài hạn. Nhưng vai trò của bà với tư cách một kẻ chỉ đạo việc đánh cắp những tài liệu tuyệt mật của sứ quán Mỹ đã khiến bà có nguy cơ phải chịu hình phạt nặng nề hơn nhiều, kể cả án tử hình.

Sau khi chiến tranh kết thúc, đại sứ Kentedy đã bình luận toàn bộ vụ việc này như sau: “Tailor Kent phụ trách công việc sử dụng loại mã “bất khả xâm phạm”. Do sự phản bội của anh ta mà toàn bộ thông tin ngoại giao về chính sách đối ngoại của Mỹ đã bị huỷ hoại vào thời điểm nguy kịch nhất trong lịch sử - vào thời điểm diễn ra trận Dunkirk và nước Pháp sụp đổ. Sự cố ngoại giao liên quan đến sứ quán Mỹ và các phái đoàn ngoại giao của Mỹ trên khắp thế giới kéo dài từ hai đến sáu tuần, cho tới khi liên lạc viên từ Washington đem đến bộ mã mới. Đó là một trọng tội ghê gớm. Tailor Kent luôn luôn có bên mình bộ mã “bất khả xâm phạm”. Và điều này đã gây ra mối tai hại khôn lường. Trong những tháng chiến tranh đầu tiên, ngài Churchill có tội làm trung gian đã trao đổi toàn bộ sự thật

với tổng thống Roosevelt, bỏ qua mọi ước lệ ngoại giao. Ngài Churchill và những thành viên khác trong nội các Anh đã giới thiệu cho tôi biết một bức tranh đầy đủ: những số liệu chính xác về số lượng các lực lượng trên bộ, trên không và trên biển, cách bố trí các đơn vị quân đội Anh và những kế hoạch cơ bản phòng thủ nước Anh... Những tin tức đó hết tuần này sang tuần khác đến tay tổng thống Roosevelt. Và chúng ta có thể tin rằng những tin tức đó cũng hết tuần này sang tuần khác đã đến Berlin thông qua Tailor Kent và Volcova...”.

Anna Volcova tự bào chữa trước toà hết sức khôn khéo nhưng vẫn bị buộc tội về tất cả các điểm của cáo trạng. Về tội danh tiếp tay cho kẻ thù, bà chịu mức án mười năm tù. Về những tội danh khác, kể cả tội trao đổi thư từ với William Joys (“huân tước Haw - Haw”), bà chịu mức án năm năm tù. Mức án cao nhất là mười năm tù. Vào tháng 6 năm 1946, bà được phóng thích và qua đời vào năm 1970.

RUT KUTSINXKI

NHỮNG ĐIẾP VỤ VÀ NHỮNG CUỘC TÌNH

Cuộc đời của nữ tình báo Rut Kutsinxki (hay là Rut Verner, Rut Ursula Kutsinxki, Rut Berton, Rut Briuer, Maria Suls) (1907-2000) đáng được ghi lại bằng cả một truyện vừa, đúng hơn là bằng một tiểu thuyết bởi trong đó có tình yêu, hạnh phúc và bất hạnh, có cả phần bội lãn đam mê. Đó là chưa nói đến số phận đã đưa Rut Kutsinxki sánh ngang với các nhà tình báo danh tiếng nhất của thời đại - Richard George, Sandor Rado, Klause Fuchs mà hoạt động tình báo của họ có hoặc có thể đã ảnh hưởng quyết định đôi với vận mệnh của thế kỷ XX.



* Thời thanh niên sôi nổi

Rut sinh năm 1907 trong một gia đình nhà kinh tế học Đức Reune Robert Kutsinxki. Trong gia đình, Rut là con gái thứ hai, trên Rut có anh, sau Rut là các em trai và gái. Gia đình nhà kinh tế học thuộc loại trung lưu, sống trong một ngôi biệt thự lớn được hưởng thừa kế.

Rut sớm tham gia vào phong trào cách mạng, trở thành

đoàn viên Thanh niên Cộng sản Đức, sau đó gia nhập Đảng Cộng sản, tích cực tham gia vào các hoạt động của Đảng. Rut sống sôi nổi hết mình, tham gia biểu diễn hòa nhạc nghiệp dư, ham mê nhảy múa. Những ngày lễ của các chiến sĩ Hồng quân, Rut nhảy múa từ tám giờ đêm đến tận ba giờ sáng.

Rolf, một kiến trúc sư, là đồng chí trong Đảng và là người yêu của Rut. Năm 1929, Rut công tác ở New York mấy tháng, sau khi Rut trở về họ đã cưới nhau. Vì ở Đức không tìm được việc làm, hai vợ chồng trẻ đi sang Thượng Hải, Trung Quốc. Rut hy vọng sẽ là người đại diện của Đảng ở đây. Người của Đảng hứa sẽ bắt liên lạc với cô.

Hai vợ chồng đi tàu hoả xuyên qua toàn bộ lãnh thổ Liên Xô, một phần Trung Quốc và sau đó đi tàu thủy đến Thượng Hải. Rut đến sống ở một xã hội thượng lưu nước ngoài hoàn toàn xa lạ với mình. Cô thấy chán cảnh bắt buộc phải thất nghiệp. Niềm an ủi duy nhất đối với Rut là cô làm quen được với nữ văn sĩ Mỹ Agness Smedli, phóng viên của tờ báo Đức *Franfurter Saitung*. Smedli đã có một vai trò nhất định trong cuộc đời của một nữ tình báo tương lai khác - đó là Kitty Harris cũng ở Thượng Hải này. Bây giờ đến lượt Rut.

Rut tâm sự với nữ văn sĩ rằng cô mệt mỏi vì không có việc làm và cô đang chờ Đảng sẽ nhớ đến cô. Agness hứa giúp đỡ. Và chỉ ít lâu sau Agness đã cho biết có một đồng chí mà nữ văn sĩ hoàn toàn tin cậy có thể sẽ đến thăm Rut. Đồng chí đó hoá ra là Richard George. Rut thấy George rất dễ mến, đẹp trai, đúng như là sau này những người khác mô tả về anh. Thời gian đầu George đề nghị Rut làm việc với tinh thần đoàn kết quốc tế, sau đó George thảo luận với Rut về điều kiện tổ chức những cuộc gặp với các đồng chí Trung Quốc ở căn hộ của Rut.

Rut cần giao lại phòng nhưng không tham gia vào các cuộc bàn bạc trao đổi. Trong thời gian hai năm George đã tổ chức được cả thầy hơn 80 cuộc gặp.

Lúc đầu Rut cho rằng mình đang làm việc cho Quốc tế Cộng sản, nhưng sau đó George tuyên bố Rut là thành viên tổ tình báo của George thuộc Bộ Tổng tham mưu Hồng quân. “Đối với tôi điều này không thay đổi gì cả. Tôi còn thấy vui hơn”. - Rut nhớ lại. Đúng lúc này Rut sinh con đầu lòng. Rut rất sợ mình sẽ quấy rầy nên không bao giờ hỏi Richard là anh trao đổi bàn bạc gì với khách đến nhà. Sau khi khách ra về Richard thường nán lại nửa giờ. Dần dần thì các buổi chuyện trò của hai người đã trở nên thân mật. George kiên trì dạy cho Rut cách chọn lọc trong các buổi chuyện trò những gì có thể là mối quan tâm của công tác trinh sát, sắp xếp chúng thành dự định cần thiết và dạy cách phân tích những thông tin tiếp nhận được. George điều hành công việc sao cho Rut hiểu được rằng khi tiếp xúc với mọi người thì phải từ chối những quan điểm quốc tế dân tộc chủ nghĩa. Như vậy là trong một thời gian dài Rut trở thành “một mệnh phụ có lối tư duy dần chủ theo quan điểm tiến bộ và đòi hỏi phải có chất trí tuệ”.

Rolf lúc đầu không hay biết gì về công việc bí mật của Rut và việc sử dụng căn hộ mình đang ở làm nơi hội họp kín. Rolf cương quyết phủ nhận điều kiện làm cơ sở bí mật ở nhà mình, yêu cầu Rut phải hoàn toàn dồn thời gian chăm sóc đứa trẻ. Nhìn chung hôn nhân của họ bắt đầu rạn vỡ, tuy nhiên Rolf vẫn xử sự trầm tĩnh và lịch sự, và sau đó anh phải đành lòng chia tay và hứng chịu những phức tạp do công việc của Rut gây nên.

Trong số những người thân thiết với George ở Thượng Hải có nhân viên điện đài Maks Chritian Klauden, người sau này đã thành danh trong việc cộng tác với George ở Nhật Bản; Grisa ("John"), chủ hiệu ảnh làm các phim cỡ nhỏ để báo cáo; tình báo viên Nhật Bản Hozumi Odzaki. Rut làm việc với những người này như với những người bạn chiến đấu. Một hôm George đưa đến để Rut cất giữ một va li đựng vũ khí. Lần khác George giao cho Rut một túi rất to để đưa cho người bạn của George là Phred. Với Phred, Rut cảm thấy ngay đã nảy sinh những mối quan hệ tin cậy đặc biệt. Rut tâm sự với Phred mọi chuyện về mình, thậm chí cả chuyện có nên ly dị với Rolf không. Nhiều năm sau Rut mới biết đó chính là Phred Stern, vị tướng danh tiếng Kleber, người anh hùng của mặt trận Madrid.

* Chống giả tình thật

Theo nhiệm vụ George giao cho, Rut với tư cách "người làm từ thiện" đã đến thăm binh lính Trung Quốc bị thương nằm ở các quân y viện. Một trợ lý của George cùng đi với Rut để phiên dịch. Rut đã thu thập được những thông tin mà George cần biết liên quan đến tình hình Tập đoàn quân 19 của Trung Quốc. Rut đã lôi kéo được một người Đức tên là Vaher cộng tác. Anh ta tỏ ra là một điệp viên rất có ích đối với George.

Nhiệm vụ cuối cùng mà Rut hoàn thành cho George là gặp bà Tống Khánh Linh, vợ góa của Tôn Dật Tiên. Dĩ nhiên một thiếu phụ trẻ như Rut không thể gây được ảnh hưởng quan trọng đối với bà Tống Khánh Linh. Tuy nhiên, những gì mà Rut (sau khi George huấn thị) nói với bà đã góp phần không

nhỏ vào quan điểm “khuynh tả” và sự hiểu biết ý nghĩa của việc cộng tác với Liên Xô.

Sau đó ít lâu Richard George gọi điện thoại đến chia tay vĩnh viễn với Rut. Một giai đoạn mới trong cuộc đời của Rut bắt đầu.

Rut nhận được lời mời sang Moseva học khoảng nửa năm. Rut được đưa đến Vụ Tổng tham mưu ở phố Arbat. Có hai sĩ quan tiếp chuyện Rut và lập tức gọi cô là Sonia. Cô rất thích bí danh này vì George là người chọn cho cô. Sau an dưỡng cô bắt đầu học ngay tại trường: các buổi học về kỹ thuật vô tuyến, tháo lắp các máy thiết bị, bảng chữ cái morse, lý thuyết vô tuyến điện, tiếng Nga và một bộ môn yêu thích là chính trị.

Sau khi kết thúc lớp học, Rut đi công tác đến Mukden trong vai người vợ cùng đi với một đồng chí người Đức. Người đó là Ernest, một cái tên rất phù hợp với anh - nghĩa là “nghiêm nghị”. Anh là thủy quân, xuất thân là giai cấp công nhân. Rut và Ernest ngay lập tức tìm thấy tiếng nói chung. Ernest là người giỏi về kỹ thuật và nói chung là một người đàn ông hoàng, có tư cách, mặc dù hơi cục mịch. Điều đặc biệt làm Rut vui mừng là Ernest không phản đối việc Rut sẽ đem theo con trai.

Họ lên đường trên một chiếc tàu thủy Italia xuất phát từ cảng Triest. Rut thừa nhận: “Trên tàu thủy tôi đi dạo trong bộ áo váy trắng để trần hai cánh tay và cùng với Ernest bơi trong bể bơi. Cuộc đi dài ngày ban ngày thì ấm áp và ban đêm trời quang đãng đã tạo nên bầu không khí khó lòng chống đỡ. Tôi mới 24 tuổi, còn Ernest thì 27... Tôi hoàn toàn không tin rằng tôi mong ước giữa hai chúng tôi chỉ có “quan hệ đồng chí...”.

Dĩ nhiên điều gì phải xảy ra đã xảy ra....

Rolf điềm tĩnh và rất đàng hoàng đón nhận sự xuất hiện của Rut với người bạn đồng hành mới của cô. Rolf chỉ có một mong muốn duy nhất là bảo vệ đứa con trai đầu cho gia đình chỉ là vẻ yên ả bên ngoài. Rolf tiếp đón Ernest như người bạn chiến đấu và giúp đỡ gửi hành lý nghiệp vụ đến Mukden, trong đó có một máy biến thế rất nặng dùng cho máy phát sóng. Rut làm thủ tục giấy tờ đi công tác biệt phái đến Mukden với tư cách là người đại diện của Công ty kinh doanh sách Thượng Hải.

* Những cuộc gặp gỡ bất thành ở Trung Quốc

Nhiệm vụ của các tình báo viên như Rut là thiết lập mối quan hệ giữa những đội viên du kích Trung Quốc hoạt động ở Mãn Châu lúc này đang bị Nhật Bản với Liên Xô chiếm đóng.

Công việc bắt đầu bất thành. Địa điểm gặp gỡ với đồng chí Lý, chỉ huy đội du kích được ấn định ở lối đi vào nghĩa trang Kharbin vắng vẻ. Địa điểm hẹn gặp này ban ngày không hấp dẫn lắm, nhưng ban đêm đối với phụ nữ trẻ thì quả là đáng sợ. Nỗi khiếp sợ xâm chiếm Rut không phải vì sợ ma mà là sợ người: xung quanh có những người rất khả nghi đi lại lảng vảng, hai lần những người này đã định bám đuôi. Rut chờ đến hai mươi phút. Tối hôm sau cũng lại chờ hai mươi phút. Đồng chí Lý không đến.

Trong “Thông báo số 1” Rut đành phải thông báo bằng vô tuyến về Trung Tâm là công việc bất thành. Trung Tâm không hài lòng về nhiệm vụ đầu tiên không hoàn thành.

Nhưng rồi cuộc gặp thứ hai, thứ ba với Lý cũng bị phá vỡ. Về sau này mới biết là mặc dù Trung Tâm đã giới thiệu đồng chí Lý như một cộng tác viên đặc biệt quan trọng, nhưng Lý lại sợ hãi trước nhiệm vụ được giao nên cả tổ do Lý chỉ huy bị

tan rã. Một thời gian sau quan hệ được khôi phục với các tổ khác và công việc tiến hành có hiệu quả hơn. Rut phụ trách máy phát sóng một nửa được lắp ráp từ những nguyên liệu sẵn có nên dễ nguy trang.

Phải bắt tay ngay vào việc học tiếng Trung Quốc một cách nghiêm túc, những chỉ thị của Trung Tâm truyền đạt bằng những mẫu giấy ghi chép vì phát âm những chữ tượng hình như nhau lại khác nhau, nắm được cái tinh tế này không phải dễ.

Sống và làm việc ở Mukden đối với người nước ngoài lúc nào cũng lo nơm nớp vì bị theo dõi. Căn hộ ở thường xuyên bị khám xét. Những người Nhật không từ một khùng bố nào. Đôi khi bọn mật vụ bám đuôi xán vào không hề ngượng ngùng xấu hổ gì cả.

Tháng 4 năm 1935, Rut đi gặp một liên lạc viên tên là Phong, nhưng Phong không tới, hai hôm sau cũng không đến. Rut phát hiện ở địa điểm gặp có một người Nhật. Rut xác định là mình đã bị lọt vào vòng vây, nhưng anh ta không bám đuôi theo. Cần phải báo về Trung Tâm về việc Phong mất tích. Về sau mới biết Phong bị bắt, bọn chúng khám thấy chất nổ đem theo. Như thế là Phong bị tra tấn và đã chết. Song anh không khai một ai. Nếu như Phong khai ra thì nhiều người, trong đó có Rut, sẽ phải từ già cõi đời rồi.

Từ Trung Tâm một chỉ thị đưa ra là phải chấm dứt liên hệ với những người du kích, đi sang Bắc Kinh và đặt máy phát sóng ở đó. Đến đây Rut mới biết mình đã mang bầu. Cô quyết định giữ cái thai. Cả Rolf lẫn Ernest đều cố thuyết phục Rut nạo thai nhưng cô cương quyết không nạo. Lúc bấy giờ Rolf tuyên bố: "Tình hình như vậy thì anh không thể để em ở lại

một mình. Chúng ta sẽ gặp nhau ở Châu Âu và em không được hé răng việc anh không phải cha của đứa bé”. Còn Ernest thì nói: “Nếu tôi không thể sống cùng em thì không ai tốt hơn Rolf, đối với tôi đây là một niềm an ủi”.

Thế là hai người đồng chí đảng viên lâu năm đã giải quyết một vấn đề phức tạp một cách rất đơn giản.

*** Trên đất Ba Lan: tình riêng, sự nghiệp chung**

Quãng đời của Rut công tác ở Bắc Kinh kết thúc.

Về Moseva Rut được đề nghị nhận công việc mới: cùng với chồng là Rolf đi Ba Lan. Nhưng trước tiên Rut ghé London thăm gia đình đã sang đây. Ngoài bố mẹ và anh chị em đón mừng Rut còn có bà nhũ mẫu Olga Mut vốn rất gắn bó với gia đình và các con của Rut.

Tình hình ở Ba Lan không nguy hiểm đối với các tình báo viên so với ở Trung Quốc. Nguyên soái Pilsudski vừa mới qua đời, song căn bệnh chống Liên Xô và chống Cộng dễ lây truyền từ nguyên soái vẫn hoành hành giới hoạt động tình báo. Nếu như Rut và Rolf bị bại lộ, lập tức người ta sẽ giao nộp họ cho nước Đức có khác gì gán cho họ án tử hình, vì từ lâu Gestapo đã tìm kiếm Rut.

Những nhiệm vụ mà các tình báo viên được giao không đến nỗi phức tạp: hợp pháp hóa nhân thân, xin giấy cho phép tạm trú ở Ba Lan, lắp ráp máy phát sóng và nối liên lạc với Trung Tâm. Công việc khó khăn nhất là xin được thẻ cư trú: thẻ cư trú cấp chỉ có giá trị trong 10 ngày. Rolf phải vất vả chạy xuôi ngược đến các cấp ít nhất là 40 lần, cuối cùng mới xin được thị thực nhập cảnh thời hạn 1 năm.

Lần đầu tiên Rut tự mình lắp máy thu thanh. Công

việc hoạt động tình báo của Rut ở Ba Lan bắt đầu. Rut điều hành công việc còn Rolf giúp việc cho cô, chủ yếu lo việc bảo vệ. Rut cần phải “đưa” hai điệp viên hoạt động công khai từ Krakov và Katovitxe đến, nối liên lạc giữa họ với Trung Tâm.

Ngày 27 tháng 4 năm 1936, Rut sinh con gái đặt tên là Ernesta Ianina hay là Nina. Đến ngày phát sóng thường kỳ Rut đã có thể ra viện để thêm một câu vào bức điện báo vô tuyến ban đêm: “Sonia đã sinh con gái”.

Mùa đông năm đó Rut nhận nhiệm vụ đi công tác ở Dansig vài tháng, thu thập những tin tức trình sát được về công việc của cảng, việc đóng tàu ngầm và việc chuyên chở những kiện hàng vũ khí sang nước Tây Ban Nha đang chiến đấu. Mọi việc lúc đầu ở Dansig đều tốt. Một hôm vào ban đêm Rut tiếp nhận một bức điện báo vô tuyến mà cô cảm thấy bức điện báo này gửi đến cho một người nào khác: “*Sonia, chúng tôi chúc mừng tặng thưởng huân chương Cờ Đỏ giám đốc*”. Rut không tin vào mắt của mình nữa. Nhưng sáng hôm sau thì có chuyện không hay. Vợ người hàng xóm là đảng viên Quốc xã cùng sống trong ngôi nhà với Rut tâm sự với cô: Chồng tôi ngờ ngờ có máy phát sóng hoạt động ở đâu đây gây nhiễu sóng vô tuyến, đến thứ sáu này sẽ vây ráp đấy.

Đêm hôm ấy Rut chuyển ngay thông tin đó về Trung Tâm, sáng hôm sau Rut tháo máy phát sóng và đem đến gửi một người bạn, và đến tối thứ năm bằng máy thu bình thường cô nhận được lệnh trở về Ba Lan.

Trong những năm 1937-1938, Rut hai lần đi học ở Moscva. Bà nhũ mẫu Olga cùng hai con của Rut về ở với ông bà nội. Mỗi lần phải xa con Rut lại nghĩ đến bố mẹ chồng và

con gái Nina, thực ra không phải là cháu nội của ông bà. Rut bị dần vặt, coi đó như là một sự đối trá đến mức cảm thấy không thể im lặng được nữa. Song, Rolf, chồng cô thì yêu cầu Rut không làm điều gì để mẹ chồng phải đau buồn.

Đến Moseva Rut được mời vào diện Cremli. Tại đây đồng chí M.I. Kalinin đã trao huân chương cho Rut. Rut đeo huân chương đúng có một ngày. Khi rời Moseva, Rut để huân chương lại ở Bộ Tổng tham mưu.

Người chỉ huy mới của Rut là Omar Durovics Mamsurov ("Khadzi") chuẩn bị chuyển đi mới cho Rut. Rut được tập huấn trong trường đào tạo biệt kích. Một hôm đồng chí "Khadzi" nói với Rut: "Có một đồng chí mới đến Moseva và muốn gặp cô đây". Người đó chính là Ernest. Không nói một lời, Rut ôm chầm lấy cổ anh. Hai người lại có quan hệ thân mật như xưa. Một hôm Ernest hỏi Rut có muốn ở lại sống với anh không, nhưng tính khí hay cáu kỉnh, ngật nghèo ở anh ngày càng lộ rõ nên Rut đã không đồng ý.

Hai người cùng tập huấn một khóa học. Ernest vì xích mích với huấn luyện viên, học không đạt yêu cầu phải về. Rut sau khi học xong lớp tập huấn đã trở về Ba Lan.

*** Những nẻo đường nguy hiểm**

Đến tháng 6 năm 1938, Trung Tâm lại giao nhiệm vụ mới cho Rut, lần này Rut đi Thụy Sĩ. Người cùng được giao nhiệm vụ đi Thụy Sĩ với Rut là "Herman". Rolf không có tên trong danh sách. Mãi đến khi Rut ổn định công việc ở Thụy Sĩ Rolf mới sang Thụy Sĩ với Rut và "Herman", và sau đó cùng đi sang Trung Quốc. Sau này Rolf bị bắt ở Trung Quốc. Biết bao nhiêu chịu đựng và hy sinh đã đổ xuống người anh!

Từ Moscva Rut đi London bằng đường vòng xuyên qua Châu Âu để đón các con. Lúc này Rut đã là một sĩ quan tình báo dày dạn kinh nghiệm, mang quân hàm thiếu tá (cuối thời gian công tác là thượng tá).

Ở London, một người bạn cũ khuyên Rut nên nhận một người cựu chiến binh tiểu đoàn Anh quốc thuộc Lữ đoàn Quốc tế tên là Aleksandr Fut (có bí danh là "Jimmi") làm trợ lý cho mình. Trung Tâm đồng ý. Trợ lý thứ hai cũng là một chiến binh của Lữ đoàn Quốc tế tên là Leon Brinev (gọi tắt là "Len").

Đầu tháng 10 năm 1938, Rut và Rolf thuê một ngôi nhà nhỏ trong vùng núi của Thụy Sĩ giáp nước Pháp ở độ cao 1200m. Rolf giúp vợ lắp đặt và ngụy trang máy phát sóng, còn Rut thì nhanh chóng nối liên lạc với Moscva. Rut đã tìm được những người bạn tốt, trong đó có bà nhân viên thư viện Liga Natxi Mari, người sau này đã giúp các tình báo viên lấy được những tấm hộ chiếu Gondurass và Bolivi. Rut cũng làm quen được với nhiều người khác nữa mà qua chuyện trò với họ Rut đã thu nhận được những thông tin đầu không bí mật song rất đáng quan tâm đối với Trung Tâm. Về cơ bản Rut đã đề cập đến tình hình nước Đức phát xít, mà nhìn chung nước Đức là nước đứng đầu trong danh mục các nhiệm vụ đặt ra đối với Rut. Cô phái hai trợ lý của mình là "Jimmi" và "Len" sang Đức, giao nhiệm vụ cho họ phải lọt vào được nhà máy sản xuất máy bay "Messersmidt" và hãng công nghiệp IG - Pharben. Trong nhóm của Rut "Herman" là người đến sau cùng, tận tháng 4 năm 1939. Sau khi ổn định chỗ ở tại thành phố Phriburg ở miền Tây Thụy Sĩ, những tháng đầu tiên "Herman" phải nằm im, lắp ráp máy phát sóng và chờ lệnh thâm nhập vào nhà máy "Dornie".

Ngôi nhà nhỏ nên thơ mà Rut thuê chỉ có ba mẹ con và bà nhũ mẫu già tạo vẻ kính nể và làm cho nhà chức trách Thụy Sĩ cho phép Rut được lưu trú đến ngày 30 tháng 9 năm 1939. Nhưng những tám hộ chiếu quá hạn dù là hộ chiếu Đức hay Gondurass cũng không thể đảm bảo cho Rut được lưu lại Thụy Sĩ. Bởi vậy Trung Tâm có ý kiến Rut và Rolf phải ly dị nhau, và Rut sẽ kết hôn với một trong hai người trợ lý của mình.

Lúc đầu Rut chọn “Jimmi”. Nhưng “Jimmi” là một anh chàng có ẩn ý, thú nhận rằng anh ta đi hoạt động cho Lữ đoàn Quốc tế không phải xuất phát từ lòng căm thù phát xít mà là muốn trốn một cô gái đã mang bầu mà anh ta hứa sẽ lấy làm vợ. Vậy là “Jimmi” từ chối cuộc hôn nhân giả.

Phải chuyển sang “Len”, một con người khiêm tốn, thậm chí còn rụt rè, nhưng anh ta là con người không hề biết sợ hãi như các đồng chí của anh ở Lữ đoàn Quốc tế được chứng kiến. “Len” đồng ý kết hôn giả.

Trước khi đi Trung Quốc, Rolf để đơn ly dị có công chứng xác nhận. Như vậy là có thể bắt đầu tiến hành vụ ly hôn.

Từ Liên Xô Ernest có ghé qua thăm Rut. Anh ngấm nghĩa đứa con gái của mình nhưng không bao giờ anh quan tâm đến con mình nữa. Ernest cùng với Rolf phải đi Trung Quốc công tác với nhau và chắc hẳn ở Trung Quốc họ vẫn thường nhắc đến Rut.

Tuy nhiên, tình hình ở Thụy Sĩ trở nên rất căng thẳng. Ở Châu Âu chiến tranh như sắp nổ ra, và không có gì đảm bảo chắc chắn sau Áo và Tiệp Khắc thì Hitler không xâm chiếm Thụy Sĩ. Đã ban hành lệnh tất cả ngoại kiều hoạt động chính trị đều phải bị trục xuất sang Đức. Phải khẩn trương làm xong việc ly dị, việc kết hôn giả và lấy được hộ chiếu Anh quốc.

“Len” và “Jimmi” phải rời nước Đức: là công dân Anh quốc khi có chiến tranh xảy ra họ là người quốc tế. Công việc tình báo của Rut không còn ý nghĩa nữa. Những buổi truyền tin chỉ còn mang tính kiểm tra. Lệnh ban ra: “Chờ đợi”.

Mồng 1 tháng 9 năm 1939, chiến tranh nổ ra. Việc phát sóng của những người chơi vô tuyến điện bị cấm.

Ngôi nhà Rut ở có nhiều mật vụ viên đến thăm và họ bắt gặp “Herman” ở đây. Dường như không có hậu quả gì xảy ra, nhưng cần phải cảnh giác. Rut cùng với “Herman” phải giấu máy phát sóng dưới một hố đào trong bụi cây. Ngày hôm sau lại có những người lạ mặt đi quanh nhà. Điều này có phần đáng lo hơn.

Mấy hôm sau Rut được mời đến gặp một cán bộ an ninh người Thụy Sĩ. Anh ta cho biết nhà chức trách ở đây biết Rut đang sử dụng máy phát sóng, một cô bán hàng thực phẩm khi mang đồ đặt mua đến nhà cô đã nghe thấy âm thanh của mật mã morse. Lúc đầu nghe anh cán bộ an ninh nói, Rut cứ co rúm người lại, sau đó cô cười phá lên khiến anh ta phải ngạc nhiên nhìn cô. Cô bảo anh ta cứ đến một cửa hàng bán đồ trẻ em, mua một cái máy phát sóng giá bảy mark và mở cho cô ta nghe. Nếu ở đó không có thì hãy đến nhà cô, và họ sẽ thấy đồ chơi đó trong đồng đồ chơi của đứa con trai chín tuổi của cô, nếu nó còn nguyên vẹn. Anh cán bộ an ninh tỏ vẻ hài lòng, nhưng lại đặt ra mấy câu hỏi: Rut sống nhờ vào tiền thu nhập nào, bố mẹ Rut là ai, chồng cô ở đâu. Anh cán bộ an ninh gạt đầu đồng tình với những câu trả lời của Rut. Hai người chia tay nhau và rất hài lòng về nhau.

*** Hai người trợ lý: một là chồng, một là kẻ phản bội**

Cuối năm 1939, Trung Tâm yêu cầu Rut cho biết có điều

kiện có thể chuyển tiền tới bà Rola Telman, vợ của Ernest Telman, Bí thư Đảng Cộng sản Đức đang bị giam giữ được không. Rut nhận nhiệm vụ và giao việc này cho bà nữ mẫu Olga là người không gây sự chú ý đối với bọn Gestapo. Bà nữ mẫu giấu tiền vào bàn chải tóc và đến nhà bà Rola trót lọt. Bà Rola vô cùng xúc động, nhưng bà nói rất khó dùng số tiền này vì bọn Đức Quốc xã theo dõi mọi khoản chi tiêu của bà.

Mùa đông 1939, Rut nhận được nhiệm vụ mới là nối liên lạc với đồng chí Alfred ở Geneva, sau này chính là nhà tình báo danh tiếng Sandor Rado, người chỉ huy cao nhất của cơ quan tình báo Liên Xô lớn nhất hoạt động ở biên giới.

Rut và Sandor Rado cộng tác tích cực với nhau khoảng một năm. Bây giờ máy phát sóng của Rut đầy đủ, nhưng trong ba tháng đầu tiên Sandor phải chuyển cho Rut những bức điện báo vô tuyến bằng văn bản công khai, Rut phải mã hóa văn bản, đêm đêm lại phát sóng chuyển đi, sau đó giải mã những thông tin nhận được từ Trung Tâm. Rut trả lời Sandor và nhận những thông tin mới



Sandor Rado

mà Sandor chuyển đến. Nhưng ngày 11 tháng 12 năm 1939, một đòn đã giáng xuống cơ quan tình báo của Rut: “Herman” bị bắt. Qua điều tra mới biết “Herman” là người Đức, trong khi anh lại cầm hộ chiếu Phần Lan và không biết một từ Phần Lan nào. Gestapo yêu cầu giao nộp “Herman” vì anh bị Tòa án Đức kết án tử hình vắng mặt. Nhưng những người Thụy Sĩ không giao nộp “Herman” cho Gestapo nên mọi việc

kết thúc êm thấm. “Herman” chỉ bị kết án vì vi phạm thủ tục làm hộ chiếu, bị giam giữ đến hết chiến tranh, do đó “Herman” bị “loại khỏi đấu trường” làng tình báo.

Cuối năm 1939, Rut chính thức ly hôn và có thể kết hôn với người khác. Rut chọn ngày lễ 23 tháng 2 năm 1940 làm ngày thành hôn, lấy cớ công khai làm lễ kỷ niệm.

Rut phải làm việc ngày càng nhiều với Sandor Rado. Để thuận tiện họ chuyển đến Geneva, nơi Rut còn có một nghĩa vụ đào tạo nhân viên điện đài Etmund Khamel. Sau này Etmund Khamel làm việc với Rado cho đến khi bị bắt, ngày 19 tháng 11 năm 1943, trong lúc đang chuyển tin bằng vô tuyến.

Cuối tháng 12 năm 1940, Rut cùng với hai con đi đường vòng sang Anh quốc, để “Len” ở lại - bây giờ “Len” đã là chồng thật chứ không phải chồng kết hôn giả nữa. “Len” không lấy được thị thực đi qua Tây Ban Nha vì anh vốn là cựu chiến binh của Lữ đoàn Quốc tế, anh và “Jimmi” ở lại Thụy Sĩ giúp việc cho Sandor Rado.

Sau chiến tranh “Jimmi” (tức Aleksandr Fut) đến Liên Xô, lại được phái qua biên giới, sau đó phản bội và viết cuốn sách *Cẩm nang cho các điệp viên*. “Jimmi” khai ra những người bạn của mình và kể hết những gì anh ta biết. Nhưng cũng còn cái gì đó lương thiện sót lại trong con người anh ta. Như trong hồi ký của mình Rut có viết, anh ta đến gặp một đồng chí người Áo, bạn của Rut, bộ dạng run cầm cập như kẻ hành khất và như bệnh nhân anh ta từ chối không vào nhà, miệng cứ lầu bầu những từ gì đó không ăn nhập vào nhau: “Len”, “Sonia”. Nguy hiểm lắm. Không làm việc. Tất cả tiêu diệt. Rồi sau đó anh ta bỏ chạy. Sự việc này xảy

ra khi anh ta đã viết xong cuốn “Cẩm nang” nhưng sách chưa ấn hành.

Tuy nhiên cần nhận định rằng, có một giả thuyết khá thuyết phục cho biết, theo giả thuyết này thì “Jimmi”, khi còn ở Thụy Sĩ vào thời điểm khá lâu, trước khi ra mặt phản bội, đã là điệp viên của cơ quan tình báo Anh (“*Secret Intelligence Service*”).

* Vai trò đặc dụng của những người thân

Phải rất vất vả đi qua Pháp, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Rut cùng với hai con, mãi tháng 2 năm 1941, mới đến được nước Anh. Tuy nhiên thu xếp nơi ở không phải chuyện đơn giản, đến một nơi ưng ý thì người ta không muốn cho thuê vì Rut là người ngoại kiều, đến một nơi khác ở mới được hai ngày thì người ta lại đuổi đi. Rut chạy đôn chạy đáo tìm chỗ ở cho đến khi tìm được một ngôi nhà nhỏ có vườn trồng rau cũng đỡ dần cho Rut ít nhiều trong sinh hoạt.

Đôi lần Rut có đến nơi được thoả thuận khi còn ở Thụy Sĩ nhưng không thấy có đồng chí Liên Xô nào xuất hiện. Cuối cùng vào tháng 5 năm 1941, một đồng chí có tên là “Sergei” - Rut gọi tất cả những người kế nhiệm công việc như thế - đến gặp Rut, trao tiền và chỉ thị cho cô. Rut được giao thiết lập liên lạc trong giới chính khách và quân sự, tạo mạng lưới để thu thập thông tin về sự sẵn sàng có thể xảy ra của Anh quốc có thể câu kết với bọn Quốc xã.

Ông thân sinh của Rut trước đây có quan hệ trong giới chính khách và khoa học đã giúp được khá nhiều cho cô con gái trong việc này. Khi nước Đức tấn công Liên Xô chính ông bố của Rut đã truyền đạt lại một câu sau này trở nên nổi tiếng -

đó chính là câu mà nhà hoạt động nổi tiếng của Công đảng Stafford Kripps (là Đại sứ Anh quốc ở Liên Xô từ 1940 đến 1942) đã nói trong cuộc trò chuyện với ông bố của Rut:

- Liên Xô sẽ thất bại muộn nhất là 3 tháng nữa. Quân đội nước Đức sẽ đi xuyên qua nước Nga như con dao hơ nóng cắt miếng bơ ra.

Câu nói này đã được báo cáo lên cho Stalin, và như mọi người biết, đã có ảnh hưởng đến quá trình suy xét của Stalin về quan hệ với các nước Đồng Minh.

Em trai Rut là Iurghen cũng cung cấp cho cô một thông tin thú vị. Chỉ riêng những cuộc trò chuyện với bố và em trai đã đem lại cho Rut đủ tài liệu cho 4 đến 6 báo cáo hàng tháng. Nhưng Rut còn có những nguồn cung cấp khác như Hans Kale, nguyên là sư đoàn trưởng Lữ đoàn Quốc tế ở Tây Ban Nha đã cho Rut biết những thông tin về quân sự; hoặc Rut lấy được nguồn tin qua James là sĩ quan của lực lượng Không quân Anh quốc có quan hệ với việc chế tạo máy bay. James đã cung cấp cho Rut nhiều thông tin quan trọng như những dữ liệu về trọng lượng, kích thước, trọng tải và những đặc trưng khác của máy bay, thậm chí còn cung cấp cả những bản vẽ can lại những máy bay chưa cho vận hành trên không. James còn mang đến bản gốc của một kết cấu nhỏ về máy bay. Bản gốc này biến mất là nỗi kinh hoàng, nhưng James không bị nghi ngờ.

Rut lựa chọn và đào tạo một điệp viên tên là Tom làm nhân viên điện đài. Ngoài ra Rut còn nhận được từ Tom một công cụ quan trọng đã được sử dụng trong các thiết bị vô tuyến định vị ở tàu ngầm.

Sau nhiều gian khổ trong một thời gian dài, cuối tháng

8 năm 1942, “Len” đến nước Anh. Anh thiết lập được quan hệ với một nhà hoá học, người có thể cung cấp nhiều thông tin có giá trị.

Mùa thu 1943, “Len” phải đăng lính. Đó là thời điểm sau khi Rut sinh con thứ ba - con chung của Rut và “Len” - đặt tên là Peter.

Iurghen, em trai Rut, làm việc ở Phòng nghiên cứu chiến lược Mỹ trong việc ném bom. Những tài liệu mật của phòng được in ấn với số lượng bản rất hạn chế chỉ được thông báo cho Roosevelt, Eisenhower, Churchill và các tổng tham mưu trưởng. Nhưng một bản phụ thêm thường xuyên nằm trên bàn của Stalin. Các nước Đồng minh không muốn chia sẻ những bí quyết có thể trợ giúp cho Hồng quân, vì thế nên Iurghen phải tự mình kiếm thêm một bản.

Không ai trong số điệp viên lấy một đồng xu tiền bồi dưỡng của Rut. Họ có ý thức giúp đỡ một đất nước gánh trên vai nhiệm vụ chủ yếu của cuộc đấu tranh chống phát xít.

“Sergei” truyền đạt cho Rut từng từ của “Giám đốc”: “Chúng ta có được 5 Sonia ở Anh thì chiến tranh sẽ kết thúc sớm hơn”.

Ở cơ quan tình báo tiền thân của Cục Tình báo Trung ương Mỹ, Iurghen làm quen với một viên sĩ quan Mỹ tên là Maks làm nhiệm vụ tuyển các kiều dân Đức để đưa về Đức. Maks đề nghị Iurghen giúp đỡ. Rut xin ý kiến Trung Tâm. Nhờ công việc tổ chức khôn khéo nên chỉ có những ứng viên mà Trung Tâm tán thành mới được lựa chọn để tập huấn và đưa họ về hậu phương của địch. Một số người này nay đã hy sinh ở Đức, nhưng số còn sống sau chiến tranh đều giữ chức vụ quan trọng của nước Cộng hoà Dân chủ Đức.

* Giờ phút huy hoàng



Cuốn sách viết về Rut
và Clause Fuchs

Trong cuốn sách *Sonia báo cáo* ấn hành vào những năm 70 của thế kỷ XX, Rut Verner kể về hai người chồng “Len” và Rolf, về người tình Ernest, về các con, về bố mẹ và chị em và những chuyện lật vật khác trong cuộc đời hoạt động tình báo. Nhưng Rut không hề nhắc tới một lời nào về “giờ phút huy hoàng” không chỉ của riêng cô mà cả của cơ quan tình báo Xô Viết.

Tháng 5 năm 1941, sau khi khả năng về lý thuyết được chứng minh là có thể sản xuất được vũ khí nguyên tử, nhà cầm quyền Anh quốc đã thành lập một tổ chức đầu tiên trong lịch sử nhân loại chuyên về thiết kế và sản xuất bom nguyên tử. Chương trình này có tên gọi mật mã là *Tube alloy* (*Hợp kim ống*). Điệp viên Liên Xô Donald Maclean đã thông báo chi tiết về việc này cho Trung Tâm.

Chương trình gồm có 4 nhóm nghiên cứu độc lập với nhau, trong đó có nhóm Birmingham. Một trong những nhà vật lý lý thuyết lớn nhất tham gia nhóm này là Klaus Fuchs, Đảng viên Cộng sản Đức chạy thoát khỏi chế độ Hitler sang Anh quốc từ trước chiến tranh. Sau khi nước Đức phát xít tấn công Liên Xô, Klaus Fuchs nhận quyết định giúp đỡ Liên Xô và theo sáng kiến riêng, Klaus Fuchs bắt liên lạc với tình báo Xô Viết. Klaus Fuchs đã truyền đạt qua “Sonia” những thông tin vô cùng quan trọng về việc nghiên cứu chế tạo vũ khí nguyên

tử. Công lao của Klaus Fuchs đóng góp vào chương trình trong khuôn khổ dự án *Tube alloy* lớn đến mức năm 1943 Klaus Fuchs và một vài nhà khoa học Anh đã được trưởng dự án nguyên tử của Mỹ Oppenheimer mời sang Mỹ tham gia vào các dự án trong chương trình nghiên cứu nguyên tử.

Sau khi nhận lời sang Mỹ Klaus Fuchs lập tức thông báo cho “Sonia” biết, và trong một cuộc gặp định kỳ “Sonia” đã cho Klaus Fuchs biết mật khẩu và cách thức để Klaus Fuchs gặp tình báo viên của Liên Xô ở New York.

Sau khi đến Mỹ, Klaus Fuchs tích cực tham gia làm việc cho *Dự án Manhattan* tương tự như *Tube alloy* của Anh quốc, nhưng về quy mô thì lớn hơn. Rất ít người biết được những điều bí ẩn của dự án này, chỉ có thể nói rằng ngay cả phó Tổng thống Schuman cũng chỉ biết về dự án trong ngày ông tuyên thệ nhậm chức Tổng thống sau khi Roosevelt mất.

Năm 1950, Rut cùng với các con, sau đó là “Len” chuyển về Cộng hòa Dân chủ Đức. Vào thời gian này Rut không còn cộng tác với tình báo Xô Viết nữa, bà công tác trong các cơ quan nhà nước Cộng hòa Dân chủ Đức với những chức vụ khác nhau. Nhưng từ năm 1956, bà thôi công tác và trở thành nhà văn chuyên nghiệp.

Năm 1969, bà được tặng thưởng huân chương Cờ Đỏ lần thứ hai. Bà qua đời vào cuối năm 2000.

KAWASHIMA YOSHIKO

“NGỌC PHƯƠNG ĐÔNG”,
SỐ PHẬN MỘT NỮ ĐIỆN VIÊN

*Câu chuyện về “Ngọc Phương Đông”
Kawashima Yoshiko (1906-1948) trở
thành đề tài hấp dẫn không những của
văn học, điện ảnh mà của cả trò chơi
điện tử. Đặc biệt, hình tượng nữ điện
viên này đã được tái hiện khá thành
công trong hai bộ phim “Vị hoàng đế
cuối cùng” của điện ảnh Trung Quốc và
“Ngọc Phương Đông” Kawashima
Yoshiko” của điện ảnh Hồng Kông.*



Ngày 22-10-1906, trong một gia đình hoàng tộc tại thành phố Bắc Kinh, phu nhân của Túc thân vương đã sinh một con gái và đặt tên là Aisin Goro Xianyu (Ái Tân Giác La Hiến Thu). Khi được hơn một tuổi, Xianyu được viên cố vấn người Nhật của Túc thân vương tên là Kawashima Namina xin nhận làm con nuôi. Sáu năm sau, năm 1912, sau khi Túc thân vương bị thất sủng, Kawashima Namina đã đem cô con gái nuôi về Nhật Bản và đặt cho một cái tên Nhật là Kawashima Yoshiko (Xuyên Đảo Phương Tử).

* Quên đi gốc gác của mình...

Được nuôi dạy từ khi còn quá nhỏ tại Nhật Bản, cô bé Aisin Xianyu dần dần quên hết gốc gác Trung Hoa của mình và tự nhận mình là một người Nhật Bản chính cống. Năm 1927, khi nước Nhật muốn tạo ảnh hưởng tại Mông Cổ, Kawashima Yoshiko liền được bố trí gả cho một Hoàng tử Mông Cổ tên là Kenjurpah; nhưng cuộc hôn nhân sắp đặt gượng ép đó không bền, chỉ kéo dài được mấy tháng thì tan vỡ vì vào tháng 3 năm 1928 Kawashima Yoshiko đã bỏ trốn không bao giờ quay trở lại Mông Cổ nữa.

Quay về Nhật Bản, Kawashima Yoshiko không về nhà bố mẹ nuôi mà đến tá túc trong khu lữ xá của những sinh viên người Hoa tại Tokyo dưới cái tên mới là Yang Kuei Fei (Dương Quý Phi). Để có tiền sinh sống, Yoshiko - Yang Kuei Fei tìm cách làm quen với những nhân vật giàu có và cầu kỳ, sắc đẹp của mình để mỗi chài, quyến rũ họ. Được mấy năm như vậy, khi đã cảm thấy quá chán ngán cuộc sống ở Tokyo Yoshiko liền tìm cách đến thành phố Thượng Hải của Trung Quốc. Tại đây, trong một buổi dạ tiệc mừng năm mới, Kawashima Yoshiko đã gặp tướng Takayoshi Tanaka, trưởng chỉ huy tình báo của quân đội Nhật tại thành phố này và trở thành người tình của ông ta.

* ... rồi trở thành điệp viên cho Nhật Bản, phản lại nước Trung Hoa

Chẳng bao lâu sau, như một sự tất nhiên, Kawashima Yoshiko trở thành điệp viên làm việc cho Tanaka, được chính Tanaka đặt cho biệt danh "Ngọc Phương Đông" (Dongzhen - Đông Trân). Năm 1931, tướng Tanaka trao cho

Kawashima Yoshiko 10.000 đô la tiền mặt và giao cho cô nhiệm vụ thuê các băng nhóm giang hồ, tội phạm người Hoa tổ chức các cuộc tấn công cướp phá các cơ sở kinh doanh của người Nhật tại Thượng Hải, nhằm tạo cơ cho quân đội Nhật tiến vào Thượng Hải để bảo vệ quyền lợi của người Nhật tại đây. Nhận lệnh, Kawashima Yoshiko cải trang thành một doanh nhân người Trung Hoa, dùng số tiền trên thuê được 12 băng nhóm tội phạm tổ chức tấn công cướp phá các cơ sở kinh doanh của người Nhật, thậm chí còn đánh đập gây thương tích cho nhiều người Nhật. Và thế là lấy cơ bảo vệ kiều dân Nhật, tướng Nhật Hidaki Tojo đã đưa quân vào Thượng Hải.

Sau khi hoàn thành nhiệm vụ, Kawashima Yoshiko không những được trọng thưởng mà còn được đích thân Tanaka giới thiệu với tướng Kenji Doihara, chỉ huy tình báo Nhật tại Trung Quốc để nhận nhiệm vụ mới. Lần này, nhiệm vụ của “Ngọc Phương Đông” Kawashima Yoshiko là dùng sắc đẹp và miệng lưỡi của mình để tìm cách mê hoặc và dụ dỗ Phổ Nghi, vị hoàng đế cuối cùng của nhà Thanh rời thành phố Thiên Tân (Tientsin) đến thủ phủ Phụng Thiên (Mukden, nay là thành phố Thẩm Dương) để nhận chức Hoàng đế Mãn Châu do quân Nhật dựng lên.

Thông qua một người hầu của Phổ Nghi, Kawashima Yoshiko đã tìm cách tiếp cận được với vị hoàng đế trẻ tuổi này. Sau khi đã trở nên thân thiết, “Ngọc Phương Đông” khuyên Phổ Nghi nên nhanh chóng rời Thiên Tân chuyển đến Phụng Thiên để được quân Nhật bảo vệ, nhằm tránh những âm mưu ám hại ông, trong đó có cả âm mưu của Quốc dân Đảng. Trong khi Phổ Nghi còn chưa đưa ra quyết định dứt khoát,

Kawashima Yoshiko đã dùng rất nhiều thủ đoạn để buộc vị hoàng đế này phải quyết định ra đi...

Do lo ngại tính mạng mình bị đe dọa Phổ Nghi đã nghe theo lời thuyết phục của Kawashima Yoshiko, quyết định đến Phụng Thiên để được quân Nhật bảo vệ. Tuy nhiên, như kế hoạch đã được vạch ra từ trước, tại đây quân Nhật liền dùng áp lực buộc Phổ Nghi tuyên bố thành lập Nhà nước Mãn Châu Quốc, tách hẳn khỏi Trung Quốc. Từ đó, Phổ Nghi trở thành Hoàng đế Mãn Châu Quốc.

Điệp vụ thuyết phục Hoàng đế Phổ Nghi thành công, Kawashima Yoshiko được phong hàm Thiếu tá tình báo Nhật Bản và trở thành người tình của tướng Hayao Tada, cố vấn quân sự bên cạnh Hoàng đế Phổ Nghi. Trong thời gian hoạt động tại Phụng Thiên, Kawashima Yoshiko đã tổ chức được một đội quân đông đến trên dưới 5.000 người gồm toàn những kẻ giang hồ, trộm cướp để giúp tướng Hayao Tada ổn định trật tự xã hội tại thủ phủ Phụng Thiên.



Hoàng đế Phổ Nghi

Năm 1937, khi quân Nhật chiếm được thành phố Bắc Kinh, Kawashima Yoshiko được tướng Kenji Doihara phái đến đây để tổ chức mạng lưới điệp viên nhằm do thám hoạt động của các phe phái, cá nhân chống đối sự đô hộ của quân Nhật tại Trung Quốc. Chỉ trong vòng mấy tháng, Kawashima Yoshiko đã thành lập được một mạng lưới điệp báo đông đến 500 người để thâm nhập vào các tầng lớp xã hội, len lỏi và do thám tận các góc ngách của thành phố Bắc Kinh. Trụ sở chỉ

huy của Kawashima Yoshiko đặt tại một khách sạn sang trọng ngay tại trung tâm Bắc Kinh, là nơi lui tới của nhiều sĩ quan tình báo Nhật và các điệp viên người Hoa làm việc cho Quốc dân Đảng. Để có tiền chi phí cho mạng lưới điệp báo của mình, Kawashima Yoshiko lập một danh sách những người Hoa giàu có, lần lượt cho gọi họ đến đe dọa buộc phải chu cấp tiền bạc nếu không muốn làm khó dễ cho công việc kinh doanh, hoặc bị gán cho tội chống lại quân đội Nhật Bản. Biết đây là một nhân vật đặc biệt nguy hiểm, Quốc dân Đảng đã nhiều lần tổ chức các đội cảm tử ám sát Kawashima Yoshiko, nhưng họ chưa lần nào thành công vì nữ điệp viên này quá khôn ngoan, biết cải trang thành nhiều nhân vật, nhiều gương mặt khác nhau nên rất khó nhận dạng và tiếp cận.

*** Kể phản bội bị trừng phạt**

Năm 1945, khi quân Nhật Bản thất trận phải tháo chạy khỏi Bắc Kinh, “Ngọc Phương Đông” do đang bị bệnh giang mai tàn phá thân thể nên không kịp đi theo, phải hóa trang thành một phụ nữ Trung Hoa nghèo khó sinh sống trong một ngôi nhà tồi tàn ở ngoại ô Bắc Kinh, và nhiều lần tìm cách quay về Nhật Bản để trốn tránh tội lỗi chất chồng của mình. Thế nhưng, đầu năm 1948, Kawashima Yoshiko đã bị một nạn nhân người Trung Hoa nhận ra, tố cáo và bị bắt giữ, cuối cùng bị một tòa án của Quốc dân Đảng tuyên án tử hình. Ngày 25-3-1948, “Ngọc Phương Đông” Kawashima Yoshiko bước lên đoạn đầu đài kết thúc cuộc đời tội lỗi của mình.

IUREK FON SOSNOVSKI

SỐ PHẬN CÁC NỮ NGƯỜI TÌNH

Năm 1934, ở Berlin xuất hiện một viên đại úy có tên là Iurek fon Sosnovski (1908-1946). Không ai biết từ “fon” này là do anh ta tự nghĩ ra để gây ấn tượng hay trong con người anh ta thực sự có dòng máu Đức đang chảy, chỉ biết anh chàng cao to đẹp trai, thường tỏ ra khá lịch lãm này đã nhanh chóng hoà nhập vào giới thượng lưu ở Berlin. Câu chuyện tình lãng mạn liên quan đến việc phải nghỉ hưu và rời bỏ đất nước Ba Lan của anh đã giúp anh thành công hơn trong quan hệ với phụ nữ và thu thập tài liệu mật.

* Quân tướng Đức và những kế hoạch

- Thật là tồi tệ! - Đại tá quân đội Đức Huderian phẫn nộ - Những tài liệu tối mật mà không Cục nào trong Bộ Tổng tham mưu của ta biết giờ đây đã không cánh bay sang Ba Lan tới Bộ tham mưu của đối phương. Cơ quan phản gián của ta đâu?

- Ông đại tá, - Tham mưu trưởng, tướng Holman ngắt lời, - ông hãy tin tôi, chính cơ quan phản gián của ta đã phát hiện ra vụ này và đã cắt đứt được tình trạng rò rỉ thông tin mật ra ngoài.

- Nhưng những gì vừa mất sẽ làm lộ các kế hoạch cũng như chiến lược của ta. Toàn bộ công việc của tôi thế là hỏng bét cả rồi!

- Ông hãy tin tôi, đối phương không dễ dàng tin ngay và đánh giá đúng những tài liệu mà tình báo tìm được đâu, huống hồ là những tài liệu đặc biệt của ông. Chúng sẽ không tin. Bởi vậy ông cứ yên tâm mà làm việc. Bây giờ ông có thể đi được rồi.

Huderian giờ tay lên chào rồi bước ra cửa. Sau khi về phòng làm việc ông ra lệnh cho cô thư ký không cho phép bất cứ ai vào và chỉ nối điện thoại trong trường hợp Tham mưu trưởng gọi. Ông ngồi vào bàn làm việc. Cần cân nhắc cẩn thận những gì đã xảy ra và cả những gì sẽ phải làm để uốn nắn tình hình.



Đại tá Huderian

Chiến tranh thế giới Thứ nhất kết thúc chưa phải đã lâu. Đa số các sĩ quan và tướng quân đội đã từng tham gia cuộc chiến này đều hiểu rằng cuộc chiến thế giới tiếp theo cũng sẽ là cuộc chiến mang tính trận địa: những đội quân khổng lồ vùi mình đến cổ trong đất, những công sự bằng bê tông và thép, những cuộc tấn công các pháo đài đổi bằng mạng sống của biết bao người, rồi những cuộc tiến quân đẫm máu, mỗi tháng chỉ nhích được một-hai km...

Trong số các sĩ quan trẻ đã thấy xuất hiện các nhà lý luận về một cuộc chiến tranh mới dùng xe tăng. Cơ sở cho lý luận của họ là các trận đánh ở nước Nga thời nội chiến khi các đội kỵ binh phóng như bay tới các đột phá khẩu, thực hiện các cuộc đột kích thần tốc vào hậu phương của kẻ thù, quyết định

kết cục các trận đánh. Các nhà lý luận về chiến tranh dùng xe tăng tưởng tượng ra các trận đánh tương tự chỉ khác là không tác chiến bằng ngựa mà bằng xe tăng. Nghiên cứu kiểu đánh bằng xe tăng này ở Nga có Tukhiarevski, còn ở Đức có Huderian, người mà sau này đã viết cuốn sách nổi tiếng *Coi chừng - xe tăng!*.

Trong khi quân đội Pháp ráo riết xây dựng một tuyến phòng thủ dọc biên giới với Đức thì phía Đức cũng chuẩn bị một tuyến tương tự trên đường biên giới với Pháp. Và tại cơ sở mật của đại tá Huderian thời cơ để tiến hành một cuộc chiến tranh dùng xe tăng đã chín muồi.

*** Tình báo Ba Lan tung gián điệp vào Đức**

Sau khi nghe phong thanh về các kế hoạch quân sự này của quân Đức, mặc dù còn chưa biết gì về nội dung, phía tình báo Ba Lan đã quyết định bằng mọi giá tìm cho bằng được các tài liệu đó.

Một tên phản bội

Một trong các tình báo Ba Lan năm 1934 đã sang Đức là trung úy Griph-Traicovxki. Có thể vì ngu xuẩn, cũng có thể vì háms lợi, anh ta đã đi vào con đường phản bội, tự dẫn thân đến cơ quan phản gián Đức, thừa nhận mình là tình báo Ba Lan và xin giúp đỡ. Tất nhiên anh ta được dùng để tung tin đánh lạc hướng đối phương.

Ít lâu sau Cục trưởng Cục Phản gián quân đội Đức Richard Prottse giao cho Griph-Traicovxki những cuốn băng cùng tài liệu nói là lấy từ Cục 6 Bộ Tổng tham mưu do đại tá Huderian phụ trách. Tiếp đó các tài liệu khác cũng được chuyển đến. Griph-Traicovxki đã trung thành chuyển những

gì nhận được cho viên công sứ Ba Lan và tên này chuyển chúng về Varsava.

... và một chiến sĩ trung thành cùng những câu chuyện tình lãng mạn

Cũng vào thời gian này ở Berlin xuất hiện một viên đại úy có tên là Iurek fon Sosnovski. Không ai biết từ “fon” này là do anh ta tự nghĩ ra để gây ấn tượng hay trong con người anh ta thực sự có dòng máu Đức đang chảy, chỉ biết anh chàng cao to đẹp trai, thường tỏ ra khá lịch lãm này đã nhanh chóng hoà nhập vào giới thượng lưu ở Berlin. Câu chuyện tình lãng mạn liên quan đến việc phải nghỉ hưu và rời bỏ đất nước Ba Lan của anh đã giúp anh thành công hơn trong quan hệ với phụ nữ và thu thập tài liệu mật.

- Ôi, Iadviga! Vì sự xinh đẹp của nàng mà ta sẵn sàng làm những điều điên rồ nhất. Nàng là vợ của một viên trung đoàn trưởng, còn ta chỉ là một sĩ quan xoàng. Một lần viên trung đoàn trưởng dẫn cả trung đoàn đi vắng, ta ở lại làm công việc quản lý. Thế là mọi chuyện đã xảy ra. Hạnh phúc điên rồ của hai chúng ta kéo dài được hai tháng thì bỗng một đêm chồng nàng đột nhiên trở về. Đó là một đêm khủng khiếp. Iadviga tội nghiệp như một con cừu non đứng trước hai con hổ. Rút cục là một cuộc đấu súng được ấn định. Sư đoàn trưởng biết được việc này đã ra lệnh cho ta ngay lập tức phải đệ đơn xin nghỉ hưu, đồng thời phải rời khỏi đất nước Ba Lan. Mọi chuyện xảy ra được tuyệt đối giữ bí mật đến nỗi không ai trong số các sĩ quan của trung đoàn biết tại sao ta lại đột nhiên biến khỏi Ba Lan. Ôi, Iadviga, Iadviga!

Nói xong Iurek chỉ thở dài, còn lũ đàn bà ngồi đó cùng lắc đầu, tỏ vẻ lấy làm tiếc rằng chẳng gã đàn ông nào có ý định liều mạng nổ súng bắn nhau vì họ cả.

Lại có người kể rằng Iurek là con trai một luật sư nổi tiếng từ Varsava đến. Anh ta đã chọn cho mình con đường binh nghiệp và trở thành một sĩ quan binh chủng kỵ binh xuất sắc, có thân hình rắn rỏi, cân đối, là vận động viên số một, đã từng đoạt giải quốc tế về tennis. Anh còn là một vận động viên môn đua ngựa cừ khôi. Vì thế anh được nghỉ công tác để chuẩn bị tham dự môn này tại cuộc thi Olympic được tổ chức tại Berlin năm 1936.

* Người tình - gián điệp đầu tiên

Các buổi tối tụ họp tại nhà Iurek đã trở thành một thứ mốt. Giới thượng lưu, các sĩ quan, các luật sư có tên tuổi, các kỹ nghệ gia đều lấy làm vinh dự mỗi khi tới nhà Sosnovski. Những gương mặt sủng ái cũng dần dần xuất hiện, trong số những người đầu tiên phải nhắc đến là bà Benhita fon Phankegein. Họ cùng nhau lui tới các hộp đêm, đi xem hát, tham gia các cuộc đua ngựa.

Nam tước phu nhân Benhita fon Berg xuất thân từ một dòng họ lâu đời. Những người của dòng họ này đã từng là chiến binh và các quan cận thần cho các triều đại vua Tevtonxi. Người đàn bà đẹp 34 tuổi có mái tóc đen này là tiêu biểu cho kiểu người bất hạnh. Được hưởng sự giáo dục tại nhà, bà đã tốt nghiệp phổ thông tại Thụy Sĩ. Bà thường sang Anh với tư cách là khách mời của các dòng họ danh giá. Bà có tài phi ngựa, từng đoạt giải vô địch tennis nghiệp dư và còn là họa sĩ vẽ tranh thuốc nước được nhiều người biết đến. Năm 19 tuổi bà lấy một viên thiếu tá, bá tước Kurt fon Phankegein, con trai một vị thống soái đã từng đem quân sang chiếm Secbi, Rumani và gây cho quân Nga nhiều thất bại nặng nề năm

1914. Sống ở nước Đức phát xít, bá tước Kurt Phankegein hứa hẹn một tương lai đầy xán lạn. Ông cảm nhận tư tưởng của nước Đức Quốc xã. Căn trở duy nhất trên con đường công danh của ông là bà vợ ông, người không hề ưa thích Quốc trưởng cùng bầu xấu ngu dốt, vô học của hắn. Bà không chấp nhận những kẻ lãnh đạo xuất thân từ tầng lớp dưới và thường công khai chống lại chế độ mặc dù chưa lần nào gặp rắc rối với Gestapo.

Không thể tìm được tiếng nói chung với vợ, Kurt đã ly hôn. Nhưng điều này càng làm tăng thêm sự nổi tiếng cho bà. Ít lâu sau bà lấy một nhà ngoại giao trẻ giàu có - nam tước fon Berg, tùy viên của Đại sứ Đức tại London. Nhưng cũng như cuộc hôn nhân đầu, vợ chồng bà lại bất hoà với nhau, mặc dù họ không ly hôn.

Năm 1933, nam tước fon Berg được cử làm đại diện cho Bộ Ngoại giao Đức làm việc trong Ủy ban Olympic. Lễ đương nhiên Benhita trở thành nữ chủ nhân của tất cả các cuộc chiêu đãi các vị khách nước ngoài đến Berlin để trao đổi các vấn đề liên quan đến Olympic. Trong số các vị khách đó có Iurek Sosnovski.

Iurek đã thành công trong việc làm Benhita chú ý đến mình. Và chỉ vài tuần sau khi gặp nhau Benhita đã trở thành người tình của anh ta. Họ đã công khai quan hệ của mình trước công chúng, thậm chí cả khi nam tước fon Bert có mặt. Nhưng để yên ổn đường công danh, nam tước đành nhắm mắt làm ngơ trước sự việc này.

Một lần Iurek cùng Benhita đến dự tiệc tại nhà nguyên soái Hering, Tư lệnh không quân của nước Đức phát xít. Bản thân đã từng trực tiếp lái máy bay quân sự, là một phi công

giỏi trong Thế chiến Thứ nhất, nguyên soái rất thích chuyện trò với các phi công trẻ về các ưu nhược điểm của các loại máy bay mới. Tuy không hiểu biết gì về hàng không nhưng Iurek đã bí mật ghi chép những gì nghe được, sau đó tối về, bằng trí nhớ độc đáo, anh đã chuyển mã về Ba Lan cho viên thống đốc.

Sáng sớm ngủ dậy, phát hiện thấy một bộ các chữ số lạ, Benhita đã tra hỏi Sosnovski và vỡ lẽ ra rằng Iurek là điệp viên Ba Lan.

Sự ác cảm đối với Hitler và các cộng sự của hắn, tình cảm chân thành đối với Iurek và mong muốn giúp đỡ anh đã làm cho Benhita không chỉ là người tình mà còn là trợ thủ đắc lực cho Iurek trong hoạt động tình báo. Bà đã làm thư ký, liên lạc viên và cùng tham gia vào mọi việc với anh. Benhita viết một bức thư cho chồng. Trong thư bà thừa nhận đã yêu người đàn ông khác. Song nam tước fon Berg vờ như không nhận được lá thư đó, và về mặt hình thức quan hệ vợ chồng giữa họ vẫn được duy trì.

* Những “con cừ non” sắp bẫy

Một lần Benhita nói với Iurek:

- Bản thân em không có khả năng lấy được thông tin mật cho anh, nhưng em có một người chị họ làm việc ở Bộ Quốc phòng.

Đó là Renata fon Natsner, một cô gái dễ thương. Benhita kể rằng Renata là một người hiền lành, không được thông minh lắm và xuất thân từ một gia đình không quyền quý bằng bà. Cha đẻ của Renata là một đại tá thuộc binh chủng bộ binh. Sau khi nghỉ hưu ông sống một cuộc sống thanh bình với vợ tại

một điền trang ở ngoại ô Garmis. Đồng lương hưu ít ỏi không đủ cho hai vợ chồng già sinh sống nên họ đã phải cho khách trọ thuê phòng. Nhờ quen biết với các sĩ quan thường hay lui tới ông đại tá đã khéo léo thu xếp cho cô con gái của mình một chỗ làm khá tốt trong Bộ Quốc phòng. Hai ngày sau Benhita rủ người chị họ ra bờ hồ Vande chơi. Trong khi nói chuyện Benhita biết được rằng Renata làm việc ở Cục 6 của đại tá Huderian. Vài ngày sau họ lại gặp nhau. Hai chị em đã nói chuyện với nhau rất lâu. Cuối cùng thì Renata đã đồng ý sẽ giúp Benhita và bạn bè của bà. Cô ta cho biết thông tin ở Cục 6 người ta làm gì, lấy sơ đồ chi tiết các phòng làm việc ở đó và bắt đầu cung cấp những tài liệu nguyên bản để Iurek chụp ảnh. Trong khi đó Benhita tìm cách đưa người chị họ của mình tới mua sắm tại những cửa hàng đắt tiền, cố tình đưa Renata vào cảnh nợ nần để từ đó ép cô hoàn toàn phụ thuộc vào mình. Đồng thời từ khi làm quen với Iurek cô đã thấy mình chết mê chết mệt anh chàng này rồi. Nhưng Renata có trở thành người tình của Iurek hay không thì chỉ có Benhita mới có quyền quyết định. Giờ đây Renata đã quen với cuộc sống sang trọng. Những món quà của Iurek và kèm theo đó là những lời đe dọa phát giác nhẹ nhàng làm cho cô không còn cách lựa chọn nào khác là tận tâm làm việc cho anh ta. Mặc dù không thật sự hiểu về chiến lược của Huderian, nhưng mỗi khi đánh máy tài liệu gửi cho Hitler, Renata đủ thông minh để làm thừa ra một bản bằng cách nghe Iurek đặt dưới máy chữ hai tờ giấy than. Chiều nào cũng vậy, cô giao một bản cho tay trưởng phòng, còn bản kia cất kỹ mang về cho Iurek. Nhiều tài liệu đến tay Iurek còn sớm hơn cả Hitler. Nói chung Renata đã cung cấp cho Sosnovski hàng trăm các tài liệu quân sự quan trọng.

Benhita còn giới thiệu một người chị họ khác cho Iurek. Đó là Iren fon Iena. Cô này cũng làm việc ở Bộ Quốc phòng và có nhiều cơ hội tiếp xúc với những tài liệu quan trọng. Mặc dù là đảng viên Quốc xã, Iena vẫn quyết định giúp đỡ anh chàng người Ba Lan này. Điều gì thôi thúc cô làm như vậy? Đã có lương lại được bố chu cấp, cô đâu cần tiền. Bảo rằng có thiện cảm với đất nước Ba Lan thì cũng không phải. Nguyên nhân chính là cô yêu Iurek. Ngoài ra, trong cô còn có một chút say mê mạo hiểm. Cộng tác với Sosnovski đã trở thành một công việc yêu thích đối với cô.

Và cứ như thế, Benhita tiếp tục nhử các con mồi vào tròng của Iurek.

Bản thân Iurek cũng không để phí thời gian. Ở Budapest anh làm quen với một vũ nữ Hungari, cô Mata Hari. Với sự hấp dẫn của mình, Sosnovski chỉ cần tỏ ra quan tâm một chút là cô vũ nữ trẻ này đã theo anh sang Berlin để “khiêu vũ riêng cho một mình anh”. Nhưng Iurek đã làm Rita thất vọng khi yêu cầu cô ngoài việc khiêu vũ còn phải quyến rũ các quan chức cao cấp, đặc biệt là các quan chức trong quân đội, lôi kéo họ vào các hoạt động gián điệp. Nhờ Rita mà Iurek đã làm quen được với một nhân viên của Bộ Quốc phòng, trung úy Rotlof. Anh ta cũng móc nối được với một số điệp viên mà tên tuổi của họ đến bây giờ vẫn còn là bí mật đối với tình báo Đức.

Một trong những người mà Sosnovski có quan hệ thân tình là bà fon Bidenphur. Bà này là vợ của một đại tá. Iurek thường hay tặng quà và tiền cho bà nhưng bà đã nhanh chóng đốt chúng vào các cuộc đua ngựa và mắc vào cảnh nợ nần. Một lần Iurek cho bà hay rằng anh ta không thể trợ cấp thêm cho

bà được nữa. Thấy không còn cách nào khác tốt hơn, bà đã thú thật với chồng về các khoản nợ và hành vi ngoại tình của mình. Viên đại tá bình thản tiếp nhận thông tin thứ hai vì bản thân ông cũng thiếu chung thủy với vợ, nhưng còn các món nợ của bà thì đã làm ông nổi giận.

Kết quả là giữa viên đại tá và Iurek đã có một cuộc nói chuyện dài nhưng không phải là về tình yêu hay đạo đức, mà là về thông tin và các kế hoạch quân sự. Sau khi trả các khoản nợ cho bà Bidenphur, Iurek bắt đầu nhận thông tin từ viên đại tá.

* Bị phản bội và bị chính những người tình theo dõi

Trong vòng một năm làm việc với viên đại tá này, Iurek đã thu thập được hơn 150 các tài liệu mật, bản phác thảo kế hoạch tấn công Ba Lan của người Đức và chìa khoá tủ sắt của đại tá Huderian. Anh ta khoan khoái nghĩ đến việc sẽ khám phá văn phòng của đại tá Huderian. Nhưng ý đồ của Iurek đã không thành. Cú đánh đầu tiên dành cho anh là của Griph-Traicovxki. Một hôm vào phòng làm ảnh ở sứ quán Ba Lan, Griph phát hiện thấy ở đó có những cuốn phim và những bức ảnh chụp tài liệu nguyên bản của Cục 6. Griph vội báo cáo tình hình cho "ông chủ" Richard Prottse của mình. Ngay lập tức Richard Prottse ra lệnh tăng cường theo dõi toàn bộ những ai ra vào sứ quán Ba Lan, đồng thời theo dõi các nhân viên Cục 6. Mặc dù công tác bảo mật giữa Sosnovski và các điệp viên rất tốt và chưa ai bị phát hiện, nhưng Iurek đã bắt đầu thấy lo lắng.

Lúc này mạng lưới điệp viên của Sosnovski đã giảm về số lượng. Có lẽ nhờ linh cảm phụ nữ mà Iren fon Iena là

người đầu tiên cảm nhận được mối nguy hiểm. Iena nói với Iurek:

- Công việc của anh đã thành công ngoài sự tưởng tượng. Anh đã làm được những gì có thể. Hãy về Ba Lan đi khi còn chưa muộn.

Ở Varsava, những người hài lòng với công việc của anh cũng khuyên anh trở về. Họ còn nói rằng những chuyện trắng hoa với nhiều phụ nữ của anh ở Đức đã làm ảnh hưởng đến đất nước Ba Lan. Nhưng Iurek lại muốn tận hưởng niềm vui từ công việc của mình. Anh vẫn còn tiếc Berlin với một cuộc sống sang trọng và có nhiều đàn bà. Anh hiểu rất rõ Benhita, người phụ nữ duy nhất mà anh yêu, và anh cũng tin rằng Benhita không bao giờ phản bội anh. Song anh cũng biết cô là người Đức đến tận xương tuỷ và sẽ không bao giờ phản bội Berlin, mặc dù cô sẵn sàng hợp tác với anh để chống Quốc xã, nhưng không bao giờ cô phản bội nước Đức của mình.

Benhita cũng nhìn thấy nguy hiểm nhưng vẫn quyết đi đến cùng với người mình yêu.

Nghi ngờ lòng chung thuỷ của Iurek, Mata Hari bắt đầu theo dõi anh và phát hiện ra rằng Iurek vẫn bí mật gặp gỡ với nhiều phụ nữ khác. Ai biết được đây là những cuộc gặp công việc hay lãng mạn. Là người hiểu những thói ham mê của Iurek, Rita đã lảng máng nhận ra rằng anh ta đã lợi dụng tất cả những người phụ nữ mà anh ta gặp để phục vụ cho mục đích của mình.

Sau vài ngày đau khổ dần vật Mata Hari đến gặp người chủ gánh ca vũ. Bằng một giọng run run cô ta nói:

- Tôi cần thú nhận với ông rằng có kẻ buộc tôi làm gián điệp chống lại nước Đức.

Ngay chiều hôm đó người chủ gánh ca vũ đến gặp Richard Prottse và được chính Richard Prottse đón tiếp.

- Cô ta đã trót lầm đường. Tôi thấy ái ngại cho cô ấy. Tôi biết cô ấy sẵn sàng cộng tác với ông. Chỉ xin ông hứa sẽ không trừng phạt cô ấy.

Và Richard Prottse đã hứa. Sau khi chấp thuận làm việc cho Prottse, Rita không những biết được địa điểm các cuộc hẹn mà còn biết cả tên họ những người mà Iurek có quan hệ.

Prottse thật bàng hoàng khi nghe tên những nhân viên của Bộ Quốc phòng từng làm thư ký và phụ trách bộ phận sao chép các tài liệu mật như Natsner và Iena. Ông ta quyết định sẽ phối hợp với Gestapo để điều tra vụ này.

*** Bị nhử mồi và sập bẫy**

Trong số các nhân viên ở đó có một phụ nữ xinh đẹp, vợ một cán bộ ngoại giao đã có tuổi. Họ quyết định sẽ dùng người đàn bà này để làm mồi nhử Sosnovski. Quả thật anh chàng đã cắn câu, nhảm tưởng mình đã có một điệp viên mới với cái tên Maria. Qua Maria, Sosnovski lại nhận được tài liệu và bí mật chuyển chúng về Ba Lan, nhưng anh có ngờ đâu rằng đây toàn là những thông tin giả. Còn Natsner và Iena cũng như các điệp viên khác của Sosnovski đã bí mật bị đưa ra khỏi những công việc bảo mật.

Riêng Natsner quá vô tư, cô hoàn toàn không hay biết là mình đang gặp nguy hiểm và vẫn tiếp tục cung cấp tài liệu cho Sosnovski. Mỗi khi về thăm cha mẹ cô lại đem khoe những chiếc áo lông, những đồ trang sức và những chiếc váy đắt tiền. Khi bị hỏi lấy đâu ra nhiều tiền như thế cô ta trả lời rằng đó

*Mata Hari*

là do tướng Holman và đại tá Huderian thưởng cho cô vì cô đã làm việc tốt. Cha cô, người đã từng 40 năm làm việc với tướng Holman, viết ngay một bức thư cảm ơn vị tướng này vì sự quan tâm tới con gái ông. Bức thư đã làm tướng Holman hết sức ngạc nhiên. Sau khi tìm hiểu ông nhớ ra rằng Renata fon Natsner làm việc ở Cục 6 nhưng ông không nhớ rõ gương mặt của cô, song ông biết chắc chắn rằng gần đây ông không thưởng cho ai trong số các nhân viên cả.

Ngay lập tức ông ra lệnh gửi ngay báo cáo về Renita cho ông. Và bản báo cáo đã làm ông hoảng sợ. Ông đến Bộ Quốc phòng tìm gặp tướng Blomberg. Sau khi nghe chuyện, tướng Blomberg nổi giận. Ông ta e rằng Himmler, Tham mưu trưởng Gestapo, và trợ lý thứ nhất của ông ta là Heidrikh, sẽ nhân dịp này thọc tay vào Bộ của ông.

Blomberg quyết định đến nói chuyện với đô đốc Canaris. Nhưng Heidrikh biết được cuộc nói chuyện này và đã báo cáo với Himmler. Lúc này Heidrikh đã biết về bức thư tố giác của vũ nữ Mata Hari.

Himmler mời Blomberg đến và tuyên bố rằng việc điều tra này đã được giao cho Gestapo, tuy vậy hai bên vẫn đạt được thoả thuận sẽ cùng nhau tiến hành.

Con người thông minh và sáng ý như Sosnovski cảm thấy mình đang bị theo dõi nên bắt đầu tìm cách bỏ chạy.

Trong lúc này Prottsse đã lên kế hoạch bắt Sosnovski và

bạn bè của anh ta. Sosnovski tổ chức một buổi khiêu vũ cho giới thượng lưu ở Berlin tại một phòng hoà nhạc. Prottse đã phái vợ mình, bà Elena, tới đó để quan sát tình hình và để ý những người mà Sosnovski đặc biệt tiếp xúc gần gũi. Bà Elena đã làm được việc để Sosnovski thích mình. Sau khi biết bà Elena làm việc ở Bộ Quốc phòng, Sosnovski đã tìm cách hẹn gặp.

Tối hôm đó Iurek tổ chức một buổi dạ hội ngay tại nhà mình. Khách mời là những bạn bè thân cận. Mata Hari cũng có mặt. Trong lúc tiệc tùng, để ý thấy Iurek bỏ ra ngoài, Pasi liền ngay lập tức gọi điện cho Gestapo.

- Các ông hãy nhanh lên, hấn đang thu xếp hành lý.

Chiếc xe chở đầy quân Gestapo lao vun vút trên đường phố Berlin. Sosnovski đích thân ra mở cửa. Richard Prottse đi thẳng vào vấn đề.

- Chúng tôi được báo anh là tình báo cho Ba Lan.

Sosnovski im lặng mỉm cười.

Iurek cùng tất cả 48 vị khách của anh ta đã bị bắt về trụ sở Gestapo.

Trong khi lục soát nhà Sosnovski các nhân viên Gestapo đã tìm thấy một số bản sao các tài liệu của Bộ Quốc phòng mà anh ta đang chuẩn bị gửi về Ba Lan.

Sau khi bị bắt, chưa kịp tra hỏi, Renata fon Natsner đã thú nhận toàn bộ sự việc. Còn Iren fon Iena cũng bị bắt ngay tại nhà mình.

Cuộc điều tra kéo dài vài tháng. Báo chí đã thổi phồng và đưa tin chi tiết về một chiến dịch truy quét gián điệp nước ngoài cực kỳ nguy hiểm đối với nước Đức và nhân dân Đức.

Huderian, người đang chuẩn bị kế hoạch tấn công Ba

Lan, yêu cầu chính phủ Đức cắt đứt quan hệ với nước này. Trong khi tìm mọi cách để củng cố quan hệ hữu nghị với Ba Lan, nhà nước Đức e rằng làm như thế sẽ tổn hại đến quan hệ giữa hai nước.

*** Bị đưa ra xét xử và chứng kiến cảnh những người tình bị hành quyết**

Trong phòng xét xử có mặt đầy đủ các quan chức cao cấp. Các sĩ quan trẻ của Cục Tình báo Đức cũng được mời đến dự để rút kinh nghiệm về hoạt động tình báo cho mình.

Khi quan toà đọc xong bản luận tội Sosnovski, anh đứng lên đồng dục nói:

- Đúng, quan toà có lý. Tôi là sĩ quan tình báo Ba Lan.

Iurek tỏ ra thờ ơ với số phận của mình. Mối quan tâm duy nhất của anh là cứu được Benhita và Renata. Anh năn nỉ rằng Benhita không hề hay biết công việc anh làm. Việc cô giúp anh làm quen với một số cô gái trong Bộ Quốc phòng chỉ là sự trùng hợp ngẫu nhiên. Sosnovski cũng tuyên bố trước toà rằng anh đã đe dọa phát giác Renata và cô ta không bao giờ hiểu những bản sao đơn giản đó lại có giá trị như vậy đối với Bộ Quốc phòng. Nhưng sự hy sinh ấy của anh chẳng giúp gì được ai.

Benhita và Renata bị kết án tử hình, còn Iena và Iurek là người ngoại quốc nên chịu mức tù chung thân.

Sau khi toà tuyên án, Benhita trình bày nguyện vọng được kết hôn với đại tá Sosnovski. Biết trước rằng đây sẽ là cơ hội để cứu Benhita vì trong trường hợp đó Benhita sẽ được nhận quốc tịch Ba Lan nên Sosnovski đã đồng ý. Nhưng Hitler đã phủ quyết. Benhita và Renata bị hành quyết vào tháng 2 năm 1935 tại nhà tù Pliotsenzi trước sự có mặt của Iurek

Sosnovski và sự chứng kiến của nhiều quan chức khác.

Renata bị hành quyết trước, Benhita và Iurek phải đứng đó chứng kiến. Tới phút chót thần kinh Renata trở nên mềm yếu. Cô ta la hét, vùng vẫy khiến ba viên cai ngục phải thật khó khăn mới kéo nổi cô ta tới nơi để đao phủ hành hình. Nhưng chính tên đao phủ cũng bị chấn động mạnh nên hấn phải ra tay hai lần mới xong.

Benhita chấp nhận số phận một cách bình thản. Bà tin rằng không phải Sosnovski mang lại cái chết cho mình và chẳng bao lâu nữa họ sẽ được gặp nhau trên thiên đàng.

Những phút cuối đời của Benhita thật lãng mạn nhưng chân thành khiến những trái tim sắt đá của các sĩ quan có mặt ở đó phải xúc động. Bà quỳ xuống, đặt bức ảnh Iurek bên cạnh, rồi bình tĩnh đặt đầu vào giá chém, hất tóc sang một bên. Tên đao phủ còn chần chừ thì nghe được lệnh hành quyết. Hấn ra tay, lưỡi rìu sập xuống. Đầu Benhita rời ra, những tia máu phun làm ướt cả tấm ảnh.

Một thời gian sau đô đốc Canaris đến gặp đại sứ Ba Lan ở Berlin ngỏ ý đòi Sosnovski lấy một tình báo Đức bị bắt ở Ba Lan. Chính phủ Ba Lan đồng ý và ít lâu sau Sosnovski về ngồi tù ở Ba Lan.

*** Những tài liệu quan trọng bị chính Ba Lan nghi ngờ**

Cũng như thường xảy ra trong công việc tình báo, chính phủ Ba Lan coi những tài liệu thật mà Sosnovski cung cấp là giả vì chúng không phù hợp với quan điểm của các nhà lãnh đạo lúc đó cho rằng kẻ thù chính của Ba Lan là Liên Xô, Đức không thể chuẩn bị tấn công Ba Lan. Còn những tài liệu giả mà Griph-Traicovxki cung cấp lại được coi là đáng tin cậy. Sau

đó ít lâu Griph-Traicovxki cũng bị vạch tội là phản bội và phải chịu hình phạt thích đáng là treo cổ.

Nhưng việc này cũng không làm giảm nhẹ tội cho Sosnovski. Các nhà cầm quyền làm việc theo nguyên tắc: “Một khi đã bị bắt là có tội”. Sosnovski bị buộc tội tiêu xài quá mức: vũ hội, đua ngựa, những chiếc áo bằng lông thú đắt tiền mà anh đã tặng cho những người đàn bà của mình.

Sosnovski bị giam giữ trong một pháo đài. Ngày 1 tháng 9 năm 1939, xe tăng của quân đội Đức đã tấn công Ba Lan. Chúng tiến vào Ba Lan theo đúng các tuyến đường và biểu đồ đã được vạch trên bản đồ Huderian làm mà Bộ Tham mưu Ba Lan cho là thông tin giả.

Cuối cùng thì Sosnovski cũng được trả tự do. Năm 1938, một tình báo người Anh, Kukridj, biết Sosnovski từ khi cùng ở Berlin đã đến thăm anh. Tóc Sosnovski giờ đây đã bạc, bộ dạng bơ phờ, anh luôn luôn giãy vò mình là đã làm hại Benhita. Sau đó anh lại bị bắt và bị giam tại một trong các nhà tù chính trị tồi tệ nhất ở Ba Lan. Tháng 9 năm 1939, khi Hồng quân Liên Xô tiến về miền Tây Belarus, họ đã tìm thấy Sosnovski trong đó.

* Quay sang phục vụ Liên Xô

Sau khi giải thoát Sosnovski, cơ quan phản gián Liên Xô đã chú ý đến anh và đưa anh về Moseva như một tình báo Ba Lan quan trọng. Không ai buộc tội gì viên tình báo này và anh được đưa về sống tại Lubianka trong những điều kiện đặc ân và được “biên chế” vào tình báo. Và một lần nữa số phận lại gắn anh với phụ nữ.

Năm 1940, một nữ tình báo có tên là Doia Rubkina được

phân công làm việc với Sosnovski. Nhiệm vụ chính của cô khi làm việc với Sosnovski là nhận thông tin liên quan đến kế hoạch lòng danh của Hitler - “Kế hoạch Barbaros”.

Sosnovski thường không thích nói chuyện cỏi mở. Anh có đủ can đảm để trả lời rằng “nghĩa vụ của một sĩ quan Ba Lan không cho phép anh hợp tác với tình báo Liên Xô”.

Rubkina đã dùng một trò lừa độc chiêu. Lợi dụng thực tế là thời gian cuối hoạt động của Sosnovski bị Gestapo theo dõi mà người theo dõi lại không



Quân Đức tràn ngập khắp Ba Lan

phải ai khác là điệp viên tình báo Liên Xô “Braitenbac”, trợ lý cho Tham mưu trưởng Gestapo, Rubkina đã thu xếp cuộc nói chuyện với Sosnovski như sau: cô hỏi, còn các câu trả lời của Sosnovski được một tình báo ngồi ngay tại đó là Vaxili Zarubin đối thoại nhằm vạch trần sự dối trá của anh, Vaxili Zarubin đã đưa ra những tình tiết và địa điểm các cuộc gặp giữa Sosnovski và bọn mật thám, cả biển số lẫn tên loại xe hơi, thậm chí cả những khoản tiền mà anh trả cho các nhà hàng, rồi tên những con ngựa mà anh dùng.

Càng về sau Sosnovski càng lúng túng, trí nhớ đã “trở về” với anh. Cuối cùng anh đứng dậy và nói:

- Tôi khâm phục nghệ thuật của tình báo Liên Xô. Các ông biết về tôi nhiều hơn bản thân tôi. Tôi sẵn sàng vận động trí nhớ để trả lời tất cả những gì các ông quan tâm.

Iurek đã cung cấp thông tin về Cục Tình báo Ribbentrop.

về mối quan hệ giữa Bộ Ngoại giao Đức với tình báo quân sự và cơ quan phản gián của nước Đức phát xít cũng như với Gestapo.

Sau Rubkina, tình báo nổi tiếng Sudoplatov cũng làm việc với Sosnovski. Đến lúc này Sosnovski đã sẵn lòng hợp tác với tình báo Liên Xô. Anh ta cung cấp thông tin về hai điệp viên của mình mà họ vẫn tiếp tục hoạt động trong khi Gestapo không hề hay biết. Tên của Sosnovski đã được dùng để nối lại liên lạc với hai điệp viên này và mối liên hệ đó được duy trì cho đến đầu chiến tranh.

*** Số phận của Sosnovski và những người sống sót**

Những thông tin đích xác về số phận tiếp theo của Sosnovski ra sao không ai được biết. Rubkina có kể rằng cô nghe tin năm 1943 Sosnovski được trả tự do. Sau đó anh gia nhập quân đội Ba Lan và hy sinh trong trận đánh giải phóng Varsava.

Sau khi vợ bị tử hình, nam tước fon Berg làm đơn lên Tòa án tối cao đề nghị để cuộc hôn nhân giữa ông với bà Benhita - "kẻ phản bội đã bị dân tộc Đức cự tuyệt" - được công bố. "không có giá trị ngay từ đầu". Tòa đã chấp thuận lời đề nghị của ông.

Đại tá Natsner, cha của Renata, kinh hoàng trước cái chết của cô con gái, đã mất sau ngày cô ta bị hành quyết vài tháng. Vợ ông cũng qua đời ngay sau đó.

Iren fon Iena được chuyển từ nhà tù về một trại tập trung phụ nữ và chết tại đó.

Còn người gây ra sự bại lộ của Iurek Sosnovski, vũ nữ Mata Hari, có tin kể rằng năm 1950 người ta thấy cô trong một đoàn ca vũ Digan ở miền Tây nước Đức.

MATINDA CARRE

TRÒ CHƠI ÁI TÌNH VÀ ĐIỆP VỤ

Nữ nhân vật của câu chuyện này đã đi vào lịch sử không chỉ như một điệp viên nổi tiếng mà còn như một kẻ phản bội xảo quyệt nhất. Tại Phương Tây, Matinda Carre (1910-1970) được gọi là “nữ điệp viên xuất chúng nhất” hoặc “Mata Hari của Thế chiến Thứ hai”.

* Bước chân vào mạng lưới tình báo

Vào tháng 6 năm 1940, sau khi nước Pháp bị phát xít Đức xâm chiếm, một nhóm nhỏ sĩ quan Ba Lan không kịp rời khỏi Dunkirk nên đã tổ chức nhiều tổ điệp viên tại nhiều thành phố ở Pháp.

Trong số họ có một sĩ quan tình báo của không quân Ba Lan là đại úy Roman Secniavski. Ông trở thành một trong những người sáng lập và lãnh đạo mạng lưới điệp viên có tên là “Interalé” (“Quốc tế”) đặt trụ sở tại Paris, và bí danh của ông là “Arman”.

Một hôm, ông gặp một phụ nữ Pháp ba mươi tuổi tên là Matinda Carre. Nàng xuất thân trong một gia đình quân đội. Bố nàng đã từng được tặng thưởng huân chương Bắc đẩu Bội tinh trong Thế chiến Thứ nhất. Nàng làm việc trong Hội Chữ thập đỏ, tỏ thái độ căm thù phát xít Đức và xem ra thì xứng đáng được tin cậy. “Arman” lấy nàng vào tổ chức của ông, và

nàng trở thành người tình, người trợ thủ gần gũi nhất của ông. Ngày 16 tháng 11 năm 1940, họ liên lạc với cơ quan tình báo Anh và chẳng bao lâu sau, bắt đầu phát tin qua điện đài cho London.

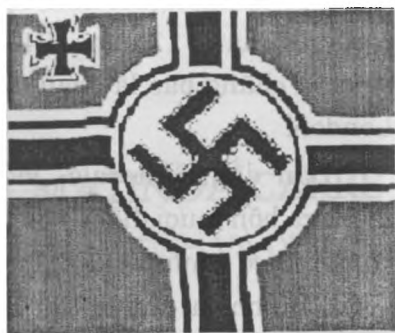
Dần dần, "Interale" mở rộng mạng lưới điệp viên của mình ra bốn mươi điểm, bao trùm hầu hết lãnh thổ nước Pháp, trong đó có những địa điểm quan trọng như Brest, Serbourg, Cale, Bulon là những nơi họ có thể thường xuyên theo dõi những công trình của hải quân Đức và sự di chuyển của hạm đội Đức. Họ còn có căn cứ gần biên giới Tây Ban Nha, nơi họ thường giúp đỡ các liên lạc viên duy trì mối tiếp xúc thường xuyên với sứ quán Anh ở thủ đô Madrid. Mạng lưới tình báo đó trải dài dọc theo "biên giới xanh" giữa vùng tạm chiếm và vùng tự do của nước Pháp. Tại các thành phố công nghiệp như Lille, Lion, Nant, các điệp viên làm nhiệm vụ chỉ điểm cho không quân Anh oanh tạc những nhà máy sản xuất vũ khí cho quân đội Đức và những kho chứa vũ khí.

"Arman" và Matinda Carre thiết lập quan hệ với một vài quan chức cao cấp Pháp, những người tuy hợp tác với bọn Đức nhưng vẫn bí mật ủng hộ phong trào Kháng chiến Pháp. Một trong những người đó là thị trưởng Bron, một luật sư Paris nổi tiếng và đóng vai trò quan trọng trong phong trào Kháng chiến.

Gestapo và phòng phản gián của cơ quan tình báo Đức ở Paris chẳng mấy lâu sau đã biết về tổ chức tình báo đầy hiệu quả đang làm việc cho London, nhưng những mưu toan nhằm dò ra dấu vết của tổ chức này hoặc bắt giữ được dù chỉ một thành viên của tổ chức đó cũng đều không đem lại kết quả.

Để săn lùng những đài phát hoạt động ở Paris, tình báo

Đức cho một chiếc xe trang bị đặc biệt thường xuyên tuần tiễu trên khắp các đường phố ở thủ đô Pháp, và một lần, “Arman”, Matinda và các trợ thủ của họ chỉ một chút nữa là bị phát hiện. Họ buộc phải giảm bớt số lượng các căn phòng bí mật có chứa điện đài, và đến tháng 10 năm



Biểu tượng của cơ quan tình báo Đức

1941, hoạt động của họ tập trung trong một ngôi nhà nhỏ yên tĩnh ở số 8 phố Vinla Lean thuộc khu Monmar. Ngày nào tại đây cũng diễn ra những hoạt động vô hình: “Arman” phân tích những tài liệu mà các điệp viên của ông gửi tới, Matinda đánh máy những tài liệu ấy để chụp microfilm. Nàng thường tạt vào phòng ông êm nhẹ đến nỗi ông không nghe thấy bước chân nàng.

- Em bước vào êm nhẹ cứ như mèo ấy, - một lần “Arman” bảo nàng. - Anh sẽ gọi em là “con mèo bé nhỏ của anh” nhé, - ông cười vang mà không ngờ rằng chỉ ít lâu sau là biệt danh này sẽ trở nên nổi tiếng. - Một mật danh tốt đấy em ạ, chúng ta sẽ sử dụng mật danh này trong các buổi phát nhé.

- “Mèo con thông báo rằng...”. Nghe hay đấy chứ mà lại dễ chuyển sang hệ chữ cái Morse.

“Mèo con” chẳng bao lâu đã trở nên nổi tiếng khắp nước Pháp - rất nhiều người Pháp có máy thu thanh và do đó họ có thể nghe thấy câu “Mèo con thông báo rằng...”. Điều này đã cổ vũ những người yêu nước đứng lên đấu tranh, và hai tiếng “Mèo con” đã trở thành tượng trưng cho phong trào Kháng

chiến. Đối với cơ quan phản gián Đức thì việc lòng bắt được “Mèo con” không chỉ là nghĩa vụ mà còn là vấn đề danh dự.

* Nước cờ cao tay của Hugo Blaikher

Phân bộ “Đ” của “Interale” đặt căn cứ ở Serbour và Lido và mở rộng hoạt động khắp 6 tỉnh Bắc Pháp, bao gồm vùng Bretan và các khu vực mạn Tây vùng Normandi. Mùa xuân năm 1941, “Arman” chỉ định một thanh niên làm sếp phân bộ này. Đó là một cựu phi công Pháp tên là Raul Kiffer hay Kiki, như bạn bè anh thường gọi.

Vào đầu tháng 11, một viên cai Đức báo cáo với phòng tình báo Đức ở Serbour là có một phụ nữ Pháp tìm cách thu thập tin tức từ những nhân vật đang làm việc tại căn cứ nhiên liệu của hải quân Đức. Viên cai nói trên cho rằng người phụ nữ này là điệp viên của Anh. Bản báo cáo đó được chuyển về Paris và tại đây nó hết sức được lưu ý. Một nhân viên phản gián Đức là đại úy Erikh Borhers lập tức được phái đến Serbour.

Đúng vào hôm đó, người trực nhật tại phòng Cảnh sát dã chiến bí mật là hạ sĩ Hugo Blaikher, một nhân vật lúc đó còn chưa ai biết đến. Đại úy Erikh Borhers thấy anh ta là một người có vẻ trí thức, hơn nữa, lại thông thạo tiếng Pháp, bởi vậy, Eric Borkhe lấy anh ta làm trợ lý cho mình. Hôm sau, Erikh và Hugo bắt giữ một người phụ nữ Pháp tên là Sharlott Bupphe, và Sharlott thú nhận mình làm việc cho một điệp viên Anh, nhưng cô chỉ biết người điệp viên này có bí danh là “Paul”. Thế là bắt đầu cuộc săn lùng “Paul”. Kết quả là Hugo bắt được anh ngày mồng 3 tháng 11 tại nhà ga Serbour khi anh từ Paris trở về. Trong người “Paul” có những tài liệu về

các công trình quân sự của Đức và những chỉ thị bằng mật mã. Hoá ra “Paul” chính là Raul Kitter. Hugo đưa anh về Paris và chuyển anh đến trụ sở cơ quan tình báo Đức.

Lúc đầu, Raul không chịu nói, nhưng khi Hugo dọa sẽ chuyển anh cho Gestapo thì anh chịu thua.

Hugo 42 tuổi, trước kia y đã từng làm việc tại cơ quan cảnh sát dã chiến bí mật nhưng vì mắt kém nên không thích hợp với công việc dã chiến, song giờ đây, y đã trở thành ngôi sao của cơ quan phản gián Đức. Dưới nhiều tên giả khác nhau: hoặc là ngài Gian Castel, hoặc là nhà doanh nghiệp Bỉ Gian, hoặc là đại tá không quân Đức Henri, Hugo đóng vai một chiến sĩ chống phát xít và lọt được vào hàng ngũ nhiều nhóm Kháng chiến của Pháp và Bỉ. Thậm chí, y còn thâm nhập được vào vài mạng lưới của tình báo Anh và bắt được nhiều thành viên của tình báo Anh và của phong trào nước Pháp Tự do.

Dùng Raul làm mối nhủ, Hugo bắt được một thành viên của nhóm “Arman” ở Paris, người này biết địa chỉ của căn phòng bí mật. Ngày 17 tháng 11, Hugo bất ngờ xộc đến trụ sở nhóm “Arman” trên phố Vinla Lean. Vào lúc 3 giờ đêm, bốn chiếc xe chở đầy binh lính thuộc lực lượng cảnh sát dã chiến bí mật phong toả cả hai đầu khu phố nhỏ. Vài phút sau, “Arman” bị xích hai tay dẫn ra khỏi nhà. Hai nhân viên điện đài nằm trên gác xép kịp chạy trốn.

Trong quá trình hỏi cung bà chủ ngôi nhà, Hugo được biết rằng ngày nào cũng có một phụ nữ mà “Arman” gọi là “Mèo con” đến thăm ông.

“Arman” thừa nhận mình là đại úy Roman Secniavski và làm việc cho Đồng Minh. Đó là tất cả những gì mà ông khai trong lúc hỏi cung. Mọi lời đe dọa và tra tấn đều không buộc

được ông lộ ra bất kỳ thông tin gì về “Interale” cũng như về mối liên hệ giữa ông và London. Ông bị tổng vào xà lim biệt giam dưới hầm ngầm của nhà tù Freden.

Trong lúc bắt “Arman” thì trên giường ông đang có một phụ nữ tóc vàng xinh đẹp - đó là Reune Borni, một phụ nữ trẻ goá chồng đến từ Luynevin. Bà là người đã cho “Arman” những giấy tờ của người chồng đã quá cố và rồi đến Paris theo lời mời của ông. Hugo hỏi cung bà hồi lâu, bà sẵn sàng nói tất cả những gì bà biết nhưng dường như vẫn giấu giếm một chuyện gì đó. Khi ấy, vốn là một nhà tâm lý lão luyện, Hugo liền dùng tiểu xảo.

- Bà có biết do đâu mà chúng tôi có được địa chỉ của “Arman” không? Chúng tôi nhận được một bức thư nặc danh cho biết rằng chúng tôi có thể bắt được người lãnh đạo của “Interale” cùng người tình của ông ta ngay trên giường, và đồng thời còn cho chúng tôi biết địa chỉ nữa. Bức thư ấy không ký tên mà chỉ vẽ một con mèo có vẻ xảo quyệt và có đuôi giống dấu chấm than.

- Mèo con! - Reune thốt lên. - Chính là con bé ấy, cái con bé dĩ thoã xấu xa và đáng ghê tởm ấy! Cái con rắn độc xảo quyệt ấy vì ghen tuông mà đã giao nộp chúng tôi cho người Đức! Trời chu đất diệt nó đi!

Reune liền kể cho Hugo về tất cả những gì bà ta biết về “Mèo con”. Bà ta miêu tả “Mèo con” như một kẻ chuyên quyến rũ đàn ông và là người lãnh đạo “Interale”, còn “Arman” chỉ là một sĩ quan tham mưu chuyên thu thập tin tức mà thôi.

Reune thế sẽ trả thù “Mèo con”. Nhờ sự giúp đỡ của bà ta, Hugo ngay trong ngày hôm đó đã bắt được “Mèo con” trên ngưỡng cửa nhà nàng ở phố Angtoanet.

* “Mèo con” sa vào lưới tình

Khi ấy, Hugo liền tập trung mọi nỗ lực vào “Mèo con”. Y chuyển nàng từ nhà tù đến khách sạn “Edward VII” trên đại lộ Opera, nơi đặt trụ sở của cơ quan tình báo Đức ở Paris. Nàng được dành cho một căn phòng sang trọng, và mặc dù ngoài cửa bao giờ cũng có lính gác nhưng nàng cảm thấy cực kỳ thoải mái.

Hugo tạt vào “thăm” nàng và cả hai cùng ăn trưa rất ngon miệng. Hugo dường như vô tình cho biết là y đã có mọi giấy tờ y cần. Chỉ cần y nói một tiếng thôi là nàng và các bạn bè của nàng sẽ bị đem ra xử bắn.

- Chúng tôi đã biết hết và cô chẳng cần gì phải làm ra bộ dưng cảm một cách ngu ngốc. Dù có im lặng thì cô cũng chẳng thể cứu thoát được ai đâu. Nhưng nếu cô giúp tôi thì tôi có thể cứu cô và các bạn của cô khỏi tay Gestapo. Cô sẽ được trả tự do, còn các bạn của cô sẽ được đối xử như những tù binh chiến tranh và khi chiến tranh chấm dứt, họ sẽ được trở về nhà. Hoặc là cô sẽ bị trao cho Gestapo và khi ấy, cô chỉ còn cách trông chờ vào Chúa Trời thôi. Qua những giấy tờ chúng tôi tìm thấy ở phố Vinla Lean, - Hugo nói tiếp, - tôi biết rằng cô có hẹn gặp một nhân viên của cô tại tiệm cà phê “Pam-Pam”. Ta hãy cùng đi tới đó. Nếu cô đồng ý làm việc cho chúng tôi, tôi hứa sẽ trả cho cô sáu mươi nghìn frant một tháng. Như vậy là nhiều hơn nhiều so với số tiền người Anh trả cho cô. Cô sẽ được trả tự do còn những người khác sẽ được cô cứu sống. Cô hiểu chứ?

- Tôi hiểu, - “Mèo con” khẽ trả lời.

Trong vài ngày tiếp theo, Hugo và “Mèo con” đi khắp Paris cùng một chiếc xe của cơ quan cảnh sát đã chiến bí mật. Matinda Carre - tức “Mèo con” - biết thuộc lòng tất cả địa chỉ

của các thành viên “Interale”. Họ lần lượt bị bắt. Trong vòng ba ngày, tổ chức “Arman” thực tế là đã bị xoá sổ.

Giờ đây, câu chuyện thuần túy tình báo chuyển thành một vở bi kịch trữ tình.

Vốn tính phóng túng và bốc đồng, “Mèo con” tưởng gặp phải một viên sĩ quan Đức xắc xược, nét mặt thô kệch, giọng nói gay gắt, tiếng Pháp trọ trẹ, nhưng giờ đây, nàng thấy Hugo là một trí thức đẹp trai, dũng cảm, thông thạo tiếng Pháp và đầy sức hấp dẫn. Và đáng lẽ phải xa lánh và căm thù thì nàng lại bắt đầu cảm thấy một nỗi say đắm chân thành đối với y và trở thành một thứ đồ chơi ngoan ngoãn trong tay y.

Mối tình đan dứ giữa hai bên đã thành một thực tế. “Mèo con” tận tình kể cho Hugo tất cả những gì nàng biết. Nàng kể về việc nàng đã thâm nhập như thế nào vào trụ sở tổ chức “Hoạt động phối hợp” ở Paris với tư cách “đại diện Hội Chữ thập đỏ Thụy Sĩ”, dường như là để chăm sóc y tế và xã hội cho tù nhân các nhà tù Paris. Sau đó, thậm chí nàng đã trở thành “thành viên hoạt động phối hợp” và tình nhân của một sĩ quan cao cấp SS. Chính là thông qua người sĩ quan này và nhiều sĩ quan khác mà nàng thu thập được những tin tức hết sức giá trị.

- Vậy người này hiện giờ ở đâu? - Hugo hỏi.

- Ôi, chúng ta sẽ không nói đến chuyện đó. Anh ấy rất yêu em. Nhưng anh ấy bị phái sang Nga và ít lâu sau thì tử trận ở bên ấy. Nếu anh quan tâm đến công việc của em thì em có thể nói rằng em có “tay trọng” cả trong trụ sở cơ quan tình báo của anh ở khách sạn Luytesia.

Nàng kể cho Hugo nghe về chiến dịch mà nàng và các bạn cũ của nàng đã mạo danh cơ quan tình báo Đức để thực hiện,

khi họ sử dụng chiếc máy điện thoại nằm trên bàn của một sĩ quan lãnh đạo cơ quan tình báo này. Hugo chỉ còn biết ngậm mặt vì ngạc nhiên.

Matinda cũng còn trao nộp cho Hugo “hòm thư” chuyên dùng để liên lạc với các thành viên tổ chức “Arman”. Bà chủ “hòm thư” là nhân viên trông coi toalet của khách sạn. Hugo bắt giữ rồi chiêu mộ bà ta. Ý cho hai viên cảnh sát mai phục sẵn trong toalet. Giờ đây, nếu người vào toalet là người bình thường thì bà ta chào “Chào ông” hoặc “Chào bà”, còn nếu đây là thành viên “Interales” thì bà ta thêm tên của người đó vào lời chào. Hai viên cảnh sát liền nhảy xổ ra từ chỗ nấp và tóm lấy người đó. Thành công thật phi thường: chỉ trong vòng vài ngày Hugo đã bắt được tất cả các thành viên còn lại của “Interales”.

Dĩ nhiên, Matinda làm tất cả những việc đó không phải dễ dàng: trong thâm tâm nàng diễn ra cuộc đấu tranh nội tâm đau đớn. Nếu như để giảm nhẹ tội lỗi của nàng chứ không phải để biện minh cho nàng thì có thể nói rằng ngoài tình yêu đối với Hugo, nàng còn theo đuổi một ý tưởng nữa mà Hugo đã khéo léo đưa vào đầu óc nàng: tất cả những người mà nàng trao nộp chớ y sẽ không bị chuyển cho Gestapo mà sẽ được coi là tù binh chiến tranh. Nói cho công bằng thì y đã thực hiện đúng lời hứa ấy.

Giờ đây, họ sống như hai vợ chồng tại một khu phố sang trọng ở khu vực rừng Boulogne. “Mèo con” đã chuyển cho



Nhà tù Gestapo ở Berlin

Hugo toàn bộ số tiền mặt của “Interale” - hàng triệu frant Pháp, hàng nghìn frant Thụy Sĩ và hàng nghìn bảng Anh.

*** Trò chơi điện đài - con đường phản bội của Matinda Carre**

Cùng với những điệp viên, tài liệu và mật mã bắt được, bọn Đức còn thu được bốn điện đài. Hugo đến gặp trưởng phân bộ tình báo Đức tại Paris là đại tá Oscar Rayle và báo cáo kế hoạch của y.

- Thưa ngài, - Hugo nói, - chúng ta hiện có bốn điện đài. Nếu chúng ta giữ kín được các vụ bắt giữ thì chúng ta sẽ có thể bắt đầu trò chơi điện đài và thuyết phục được London tin rằng “Interale” vẫn đang hoạt động như trước. Chúng ta sẽ có thể nhận được những tín hiệu và chỉ thị từ London, có thể biết mọi tin tức về các điệp viên được London phái sang cũng như có thể cung cấp cho họ những tin giả. Nói cách khác, chúng ta vẫn duy trì mạng lưới “Interale” nhưng là dưới sự kiểm soát của chúng ta, ít nhất cũng được một thời gian nào đó. Ngoài ra, chúng ta còn sẽ buộc được người Anh phải cung cấp tiền cho chúng ta.

Đại tá Rayle đồng ý. Vấn đề là ở chỗ ít nhất cũng phải buộc được vài thành viên của “Interale” hợp tác. Tất cả những người Ba Lan được Hugo đề nghị hợp tác đều đáp lại bằng nụ cười giễu cợt đầy khinh bỉ. Nhưng Hugo đã có “Mèo con”. Y cũng chiêu mộ lại được một nhân viên điện đài tên là Hanri Tabet. Việc này không khó bởi Hanri đã bị “Arman” kết án tử hình vì một lỗi lầm nào đấy (Sau chiến tranh, toà án Pháp cũng kết án tử hình y về tội hợp tác với phát xít Đức). Cả Reune Borni cũng đồng ý làm việc cho Hugo.

Điện đài được chuyển đến nhà một nhà doanh nghiệp

giàu có. Một sĩ quan tình báo Đức là Fon Hopphen được cử làm người lãnh đạo địa điểm này với thành phần gồm vài sĩ quan và hạ sĩ quan. Hugo đưa “Mèo con”, Reune Borni và Hanri Tabet đến đây ở và gọi nơi này một cách hóm hỉnh là “ổ mèo”.

Đường liên lạc vô tuyến giữa Paris và London chỉ đứt đoạn một thời gian ngắn nên London không nghi ngờ gì. “Mèo con” biết mọi ước định tinh tế của các cuộc truyền tin cũng như những tín hiệu cảnh báo nguy hiểm. Nhưng chỉ Reune là biết được mật mã. Cả hai giờ đây cộng tác với người Đức cũng tận tâm như trước đây cộng tác với Đồng Minh.



Ảnh minh họa

Ngay sau khi “ổ mèo” được thu xếp ổn định, các buổi truyền tin của “Mèo con” đến London lập tức được bắt đầu. Trò chơi điện đài kéo dài được hơn ba tháng. Trong biên bản ghi ngày 13 tháng 7 năm 1945, thẩm phán người Pháp viết rằng trong suốt thời gian ấy, “các điệp viên Đức đã đánh lừa được cơ quan mật vụ Anh vốn vẫn được tán tụng hết lời”.

Thời kỳ đầu, bọn Đức còn tỏ ra rất thận trọng: giữa hai bên chỉ trao đổi những tin tức bình thường về việc di chuyển quân đội, tình hình trên các tuyến đường sắt và các công trình quân sự. Một số tin là đúng sự thật. Phải cho London biết rằng một vài thành viên “Interale” đã bị bắt, kể cả “Arman”, nhưng những thành viên còn lại vẫn ở ngoài tự do và công việc vẫn có thể tiếp tục.

London cũng được cho biết rằng “Mèo con” giờ đây đã đứng đầu tổ chức “Interale” và từ nay về sau sẽ phát tín hiệu dưới một bí danh mới là “Victory” - “Chiến thắng”. London mắc câu và hỏi là liệu những sĩ quan bị mất liên lạc liệu có thể sử dụng những khả năng của “Interale” được không? Dĩ nhiên câu trả lời là “Được!”.

Bọn Đức quyết định không bắt thị trưởng Bron là người đã bị “Mèo con” tố giác. Chúng tính toán rất đúng là Bron sẽ dẫn chúng lần ra dấu vết của các điệp viên khác. “Mèo con” đã đến gặp thị trưởng Bron và cho ông biết về vụ bắt giữ “Arman” cùng một số thành viên khác của “Interale”. Hugo ra lệnh cho “Mèo con” làm việc này bởi vì y biết Bron vẫn bí mật liên lạc với các cơ quan tình báo của Đồng Minh và y muốn tránh bất kỳ sự nghi ngờ nào có thể nảy sinh ở London.

Lẽ tự nhiên là bọn Đức theo dõi Bron hết sức chặt chẽ, cả theo tuyến bên ngoài cũng như theo tuyến bên trong tổ chức. Hugo nhờ đó biết rằng Bron có ý định giới thiệu với “Mèo con” một số điệp viên Anh. Trong số đó có một sĩ quan của Cục Tác chiến: Đặc biệt và một nhà lãnh đạo của phong trào Kháng chiến tên là Pie de Vomecur, bí danh là “Lucat”. Vomecur đề nghị Bron tổ chức cho ông gặp “Mèo con”, người phụ nữ mà ông cho rằng có thể giúp ông bắt mối được liên lạc.

Cuộc gặp gỡ diễn ra tại khách sạn “George V” trên quảng trường Elide. Vomecur nói cho “Mèo con” biết ông là sĩ quan Anh và hỏi là liệu nàng có thể chuyển cho London vài tin tức của ông được không. Vốn đã được Hugo ra lệnh từ trước nên “Mèo con” đồng ý. Giờ đây, điện đài của “Mèo con” bắt đầu truyền đi tin tức từ hai nguồn.

Thực hiện chỉ thị của Hugo, “Mèo con” đưa y đến gặp

Vomecur, giới thiệu y là Gian Castel, một trong những nhân vật lãnh đạo của phong trào Kháng chiến Bỉ. Tại cuộc gặp, Hugo nói với Vomecur là trong hàng ngũ của phong trào Kháng chiến có rất nhiều tên tội phạm hình sự. Chúng sử dụng vũ khí được giao vào mục đích riêng của chúng, điều này có thể gây nên những vụ đàn áp không cần thiết của bọn Đức. Để tránh nguy cơ này, theo lời Hugo, cần lập hồ sơ có dán ảnh của từng thành viên phong trào Kháng chiến rồi nộp cho cảnh sát. Cũng theo lời Hugo, những “người mình” trong cảnh sát sẽ cấp hộ chiếu mới mang tên giả cho những thành viên chân chính của phong trào Kháng chiến. Ý tưởng này của Hugo được “Mèo con” tích cực ủng hộ, và Vomecur cũng đồng ý!

* Phản bội tình yêu hay phản bội Tổ quốc

Thật bất ngờ đối với “Mèo con” là Susanna Loran, người tình của Hugo, đột ngột từ Paris đến. Hugo bắt đầu sống cuộc đời hai mặt: vì tình yêu thì y đến với Susanna, vì tính toán thì y đến với Matinda, tức “Mèo con”. Dĩ nhiên, hai người phụ nữ căm ghét nhau, ghen tuông nhau, đố kỵ nhau. Một trong những đối tượng ghen ty là chiếc xe hơi thể thao sang trọng mà “Mèo con” vẫn dùng để đi khắp Paris.

Vì ghen tuông nên “Mèo con” đã đi một bước tuyệt vọng. Nàng quyết định chạy sang vùng lãnh thổ không bị chiếm đóng của nước Pháp. Để làm việc này, nàng đến gặp một người hoạt động bí mật là Hanri Coien xin anh ta cấp cho giấy tờ và thú thật hết với anh ta về sự phản bội cũng như về tình yêu đối với Hugo.

Coien là một người trung thực và tử tế nhưng nhút nhát, anh ta khuyên “Mèo con”:

- Người Đức đối xử với cô rất tốt. Hãy khôn ngoan và quay lại với Hugo thì hơn.

Hugo đã theo dõi Coien từ lâu, y đoán ra Coien có liên quan đến chuyện “Mèo con” biến mất. Y đến chỗ anh ta bắt lại “Mèo con” và bắt luôn anh ta. Sau khi buộc anh ta phải hứa sẽ không cho bất cứ ai biết về những điều “Mèo con” thú nhận, y trả tự do cho anh ta. Và anh ta đã giữ lời hứa! Trong buổi thẩm vấn anh ta về vụ “Mèo con” vào ngày 27 tháng 7 năm 1945, Coien khai như sau: “Tôi đã không báo cáo với cấp trên về việc bà Matinda Carre trở thành nhân viên tình báo Đức...”.

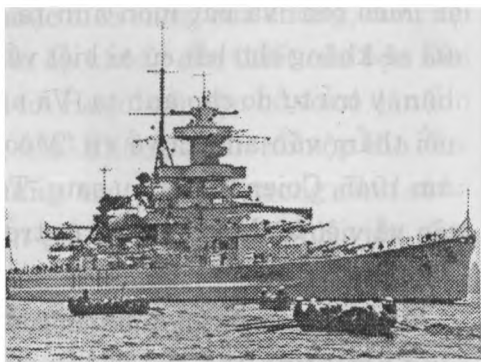
Và “Mèo con” vẫn được tin tưởng như trước. Hugo liên lợi dụng ngay tình thế ấy. Thông qua Coien, y tung tin giả là những chiến hạm Đức như “Sanhorst”, “Gneisenau” và “Hoàng tử Evgheni” chưa sẵn sàng ra khơi và sẽ cần hàng tháng nữa để sửa chữa.

Cuộc hòa giải giữa “Mèo con” và Hugo diễn ra đầy sóng gió. Để tỏ lòng biết ơn Hugo, “Mèo con” còn giao nộp cho y một điệp viên bí mật nữa - đó là Reune Legran, một nhà doanh nghiệp lớn chuyên nhập khẩu hàng hóa và là người đã chuyển nhiều tin tức về các tàu chiến Đức. Hơn thế nữa, “Mèo con” không chỉ báo cho Hugo biết về ông mà còn chẳng bẫy ông bằng cách giả vờ bị thương tay phải, đề nghị ông tự tay viết giúp những tin tức cần thiết, một việc mà trước đây ông chưa bao giờ làm. Kết quả là ông bị bắt quả tang đang “hoạt động gián điệp”.

Tuy nhiên, Hugo cũng bắt đầu gặp khó khăn. London đòi hỏi những tin tức ngày càng mới. London thường xuyên yêu cầu những tin tức chính xác về tình hình các chiến hạm Đức

“Sanhorst”, “Gneisenau” và “Hoàng tử Epgheni” đang thả neo ở cảng Bresto. Hugo đã chủ động tung tin giả qua Coien, nhưng y không biết phải thông báo gì tiếp theo. Trò chơi điện đài có thể đổ vỡ bất cứ lúc nào.

Tiếp đấy, London thông báo rằng ban lãnh đạo cho triệu Vomecur về London. Ngày 16 tháng 1, chiếc máy bay liên lạc “Lisender” sẽ đến đón Vomecur tại làng Laas. Được đại tá Rayle cho phép, Hugo không gây



Chiến hạm Đức “Gneisenau”

trở ngại cho chuyến bay của “Lisender”, y tính toán rằng nếu Vomecur báo cáo tốt đẹp về hoạt động của “Interale” thì London sẽ quyết định tăng cường vai trò của “Interale” và trò chơi điện đài có thể tiếp tục được.

Vào ngày đã định, Vomecur, “Mèo con” và “ngài Gian Castel” (tức Hugo) đáp xe đến làng Laas để đón chiếc “Lisender”. Lái xe là một hạ sĩ quan tình báo Đức đóng vai “thành viên phong trào Kháng chiến Bỉ”. Cả bọn chen chúc nhau qua đêm trên xe, nhưng chờ đợi mãi vẫn hoài công: máy bay không đến. Run lên vì lạnh, tất cả quay trở về Paris. Vomecur đọc cho “Mèo con” gửi đi London một bức điện giận dữ, yêu cầu phải giải thích. London trả lời là chuyến bay không tiến hành được vì lý do thời tiết và hẹn sẽ cho máy bay đến đón Vomecur vào ngày 30 tháng giêng. Đến ngày hẹn, Vomecur, “Mèo con” và “ngài Gian Castel” lại đi đón máy bay,

lại qua đêm trong chiếc ô tô phủ kín tuyết, nhưng lần này, máy bay cũng không đến.

Vào quãng thời gian này, Vomecur bắt đầu cảm thấy nghi ngờ về sự chân thành của “Mèo con” và cảm thấy dường như có người luôn luôn theo dõi ông. Những nghi ngờ này được xác nhận sau một lần “Mèo con” bị mất lòng tin nặng nề dưới mắt ông. Ông hỏi là liệu “Mèo con” có thể kiếm được giấy tờ giả cho ông hay không. Ngay ngày hôm sau, “Mèo con” đến gặp ông với một mớ hộ chiếu và chứng minh thư giả do Hugo đưa cho nàng. Vomecur liền quyết định báo cho London biết về những mối ngờ vực của ông. Thông tin này được gửi đi qua con đường Thụy Sĩ nhưng mãi về sau mới biết là nó đã không tới được London. Vomecur chỉ còn cách chờ đợi và tăng cường cảnh giác.

Mặt khác, bọn Đức cũng ngày càng lo ngại là London có thể đã đoán ra “Interale” hiện nay là giả mạo. Bằng chứng là hai lần máy bay không đến đón Vomecur - rất có thể đấy không phải là do thời tiết xấu mà là do London nghi ngờ. Chúng cũng không loại trừ cả khả năng “Mèo con” đã chơi trò hai mang. Trong lúc ấy, London vẫn liên tục đòi hỏi “Interale” phải cung cấp tin tức về tình hình các chiến hạm Đức. Sau khi được biết các chiến hạm này đã hoàn toàn sẵn sàng ra khơi, ngày mùng 2 tháng 2 Hugo liền cho gửi đi bức điện: “*Mèo con thông báo: “Sanhorst”, “Gneisenau” và “Hoàng tử Epgheni” bị tổn thương nghiêm trọng do bị máy bay ném bom. Vì khó khăn về phụ tùng thay thế nên có lẽ phải hơn bốn tháng nữa mới sửa chữa xong*”.

Vậy mà chỉ vài ngày sau, vào đêm 11 rạng ngày 12 tháng 2 năm 1942, toàn bộ đoàn chiến hạm Đức đã rời cảng Brest và thực hiện một cuộc đột phá táo bạo chưa từng có qua eo

biển La Manche, khu vực mà trước đó, không chỉ tàu chiến Đức mà cả tàu chiến Anh đều không dám vào. Đây là thắng lợi vang dội của hải quân Đức, họ không hề mất một chiếc tàu nào, và đồng thời là thất bại nặng nề của hải quân Anh, họ bị hoàn toàn bất ngờ nên đã để cho đoàn tàu Đức chạy qua, không những thế còn mất vài khu trục hạm và sáu mươi tám máy bay.



Eo biển La Manche

Sau thất bại đau đớn nói trên, London khẩn cấp cử thiếu tá Richard đến để tìm hiểu nguyên nhân vì sao mà London lại nhận được thông tin giả. “Mèo con” vụng về chối quanh, đổ hết tội lên đầu “ngài Gian” là người mà theo lời “Mèo con”, đã gửi điện đi khi nàng đang ốm. Nàng dẫn

Richard đến gặp Hugo và Hugo ra lệnh bắt anh. “Mèo con” sửng sốt khi hiểu ra rằng Hugo đã lừa dối nàng. Hơn thế nữa, suốt đêm hôm đó, y ở chỗ Susanna. Nàng không còn chịu nổi nữa. “Mèo con” đến gặp Vomecur. Ông không niềm nở như mọi khi và “Mèo con” cảm thấy ông bị nghi ngờ dần vặt. Ông dồn dập hỏi nàng:

- Thiếu tá Richard đâu? Chuyện gì xảy ra với anh ấy? Mà này, cô lấy hộ chiếu và chứng minh thư giả ở đâu đấy? - Giọng ông mỗi lúc một gay gắt hơn, không cho nàng trả lời, và cuối cùng ông hỏi thẳng: - Cô làm việc cho bọn Đức phải không?

“Mèo con” nức nở khóc rồi ghen ngào thốt lên:

- Vâng!

Vomecur sững sốt im lặng. Không chờ ông hỏi tiếp, “Mèo con” bắt đầu kể. Nàng kể về sự tan vỡ của “Interale”, về việc Hugo bắt nàng phải làm việc cho y, về những dằn vặt và đau khổ trong lòng nàng. Vomecur lắng nghe, tình cảm giận dữ dần dần thay thế bằng tình cảm thương hại đối với người phụ nữ này. Ông giúp nàng nằm lên giường để nàng tĩnh tâm lại và nghỉ ngơi...

... Bảy năm sau, khi khai trước tòa, Vomecur nói: “Khi cô ta thú thật hết với tôi, tôi gần gũi với cô ta để có khẳng định mọi chuyện cô ta kể đều đúng. Và tôi biết rằng từ khi ấy, cô ta chơi một cuộc chơi trung thực”.

Nhưng “Mèo con” không thể che giấu được Hugo về mối dạn dít với Vomecur.

Ngay hôm đó, Hugo đến gặp đại tá Rayle bàn về kế hoạch phái “Mèo con” sang London cùng Vomecur.

Hugo ra sức thuyết phục “Mèo con” nhận lời đề nghị của y. Nàng suy nghĩ hồi lâu. Một mặt, London có thể đón nàng không được nhiệt tình như người Đức mong đợi. Mặt khác, nàng có thể chấm dứt toàn bộ trò chơi nặng nề này và chuyển sang phía khác. Trong vụ xét xử sau chiến tranh, “Mèo con” kiên trì nhắc đi nhắc lại rằng lúc đó, nàng đã dự định thú nhận tội phản bội của mình và tự trao mình cho chính quyền London xin tha thứ.

Vomecur đứng trước tình thế nan giải: hoặc cắt đứt mọi quan hệ với “Mèo con” và mau chóng trốn đi, hoặc tiếp nhận tình thế hiện nay và hy vọng bọn Đức sẽ giúp họ sang Anh. Ông chọn phương án thứ hai tuy hiểu rằng đang dấn thân vào chỗ nguy hiểm chết người.

* Cuộc chạy trốn kinh hoàng và cái kết của “trò chơi” phản bội

Ngày 14 tháng 2 năm 1942, tình báo Đức đánh điện đến London khẩn cấp yêu cầu đưa Vomecur và “Mèo con” đi bởi vì Gestapo đã lần ra dấu vết họ và tính mạng của họ đang bị đe dọa. London trả lời là không thể đưa máy bay sang được nhưng sẽ phái canô đến đón. Điểm hẹn được một nhân viên Cục Tác chiến Đặc biệt Đức chuẩn bị. Tên y là Ben Coiburn, bí danh là “Benoa”.

Ngày 17 tháng 2, hai bên trao đổi điện cho nhau để xác định việc canô sẽ đến vào đêm 17 rạng ngày 18. Hugo nói với “Mèo con” rằng y không thể đưa tiền nạng được, nhưng đại úy Ekkert và hạ sĩ Trich bên cơ quan tình báo sẽ đi cùng với họ. Y cam đoan rằng lực lượng phòng vệ bờ biển của Đức đã được báo trước và rằng Ekkert và Trich sẽ biến mất khi chiếc canô Anh xuất hiện. Tất cả rời Paris trên một chuyến tàu tốc hành. Vomecur, “Benoa” và “Mèo con” ngồi trong một ngăn toa, Ekkert và Trich ngồi ngăn toa bên cạnh. Lúc 8 giờ tối tất cả ăn tối tại một khách sạn ven bờ biển. Họ uống hết hai chai rượu và “Benoa” thốt lên:

- Tối hôm nay thật kỳ lạ! Một điệp viên Pháp, một điệp viên Anh và một điệp viên Đức! Chỉ còn thiếu một điệp viên Xô Viết nữa thôi!

Đại úy Ekkert đến trụ sở địa phương của cơ quan cảnh sát đã chiến bí mật để tin chắc rằng tất cả các đơn vị quân đội Đức đã được điều đi khỏi địa điểm canô sắp cập bến. Rồi cùng với hạ sĩ Trich, y ẩn mình vào hầm trú ẩn, nơi từ đó có thể quan sát mọi diễn biến trên bờ biển. Quá nửa đêm ít lâu, Vomecur, “Benoa” và “Mèo con” xuất hiện trên bãi biển. Sau đó ít phút,

từ ngoài biển vọng vào tiếng động cơ âm vang. Canô phát tín hiệu và “Mèo con” đáp lại bằng ánh đèn pin bật lên ba lần. Một chiếc thuyền cao su tách khỏi canô. Trên canô có một sĩ quan thủy quân Anh và hai người mặc quần áo dân sự. Khi mũi canô chạm vào bờ cát, “Mèo con” và Vomecur lập tức lao đến. Đúng lúc đó có ba người nhảy từ canô xuống - đó là đại úy Blake và hai nhân viên Cục Tác chiến Đặc biệt Anh. “Mèo con” lập cập leo lên chiếc xuồng đang lắc lư trên sóng. Khi nàng định lôi chiếc va li nặng trĩu lên thì bị mất thăng bằng và rơi xuống chiếc thuyền, chiếc thuyền lập tức lật nhào. “Mèo con” biến mất trong làn nước tối tăm và bắn thủ. Đại úy Blake và Vomecur lao xuống cứu nàng. Khi được kéo lên thì trông nàng đúng là một con mèo ướt sũng và bắn thủ. Con thuyền bị cuốn trôi ra biển.

Người ướt như chuột lột, họ bắt đầu bàn luận xem nên hành động tiếp theo như thế nào. “Mèo con” bị thương ở chân trong lúc vật lộn với sóng biển nên giờ đây nằm lả đi trên cát. Vomecur biết là đội tuần tra Đức chắc chắn ở đâu đó gần đây nên ông thuyết phục mọi người tin rằng người Đức nhất định sẽ giúp đỡ họ. Đại úy Blake lấy đèn pin ra và bắt đầu phát tín hiệu về phía canô.

Như vậy, nhóm chia làm ba: “Mèo con” mệt lả và khóc lóc, được “Lucas” dìu đi, lê bước đến khách sạn gần đấy. Hai nhân viên Cục Tác chiến Đặc biệt Anh thì đi về phía một trang trại để ẩn nấp, còn đại úy Blake trong bộ quân phục hải quân Anh thì tiến về phía rừng. Ekkert quyết định bắt giữ Blake, y đón đầu ông, lấy súng lục ra, tuyên bố y là sĩ quan Đức và buộc ông phải đầu hàng. Blake chỉ còn cách khuất phục. Còn đối với hai người mặc quần áo dân sự mà Ekkert có đủ cơ sở để tin là

người Anh thì y cho người theo dõi. Đến sáng thì họ bị bắt tại trang trại gần đấy. Người chủ trang trại đã cho họ trú ẩn về sau bị xử bắn. Blake và hai nhân viên Cục Tác chiến Đặc biệt Anh bị đưa vào trại tập trung phát xít cho đến hết chiến tranh, nhưng cả ba đều sống sót.

Ekkert phái người đi lấy những chiếc va li còn nằm lại trên bãi biển. Chúng phát hiện thấy trong đó có hai điện đài, sáu mươi nghìn frant, một tập giấy tờ, hộ chiếu và chứng minh thư Đức và Pháp giả, một vài hộp đạn, chất nổ và vài khẩu súng lục.

Sáng hôm sau, “Mèo con” đến gặp đại úy Ekkert và tìm cách gọi điện cho Hugo, nhưng vô ích. Khi quay về, nàng nói với Vomecur và “Benoa” rằng người Đức đã quan sát toàn bộ vụ việc và “hết sức sửng sốt”. Ekkert hứa sẽ “dụng” Hugo dạy và thuyết phục Hugo đồng ý nối liên lạc vô tuyến với London để yêu cầu London tổ chức đón họ một lần nữa vào đêm hôm sau và cũng tại địa điểm đó.

Cả ba người - “Mèo con”, Vomecur và “Benoa” - khắc khoải chờ đợi suốt ngày và đến đêm lại ra chỗ cũ. Họ dùng đèn pin phát tín hiệu suốt mấy tiếng đồng hồ, nhưng không thấy ai xuất hiện. Chán nản, họ ra bến xe buýt rồi đáp tàu hoả trở về Paris. Trên tàu, khi “Mèo con” ngủ thiếp đi, Vomecur năn nỉ khuyên “Benoa” lẩn trốn. “Benoa” xuống tàu và sau nhiều ngày lưu lạc đã đến được Lisbon và từ đó về London.

Ngày 20 tháng 2, “Mèo con” và Vomecur lại một lần nữa đến chỗ hẹn với canô. Nhưng họ bị lạc và suốt đêm hoài công phát tín hiệu ánh sáng. Hôm sau, họ trở lại Paris và người ra mở cửa cho họ là Susanna.

Một vụ cãi lộn nổ ra. Hugo phải vất vả lắm mới trấn an được hai phụ nữ. Để chứng tỏ mình còn có ích cho Hugo, “Mèo con” thực hiện một vụ phản bội nữa, vụ phản bội cuối cùng. Người bị “Mèo con” tố giác lần này là đại úy Michiel Trotobas người Anh, bí danh là “Sinvestr”, nhóm trưởng nhóm Kháng chiến ở thành phố Lille. Ông bị bắt nhưng vì không có chứng cứ nên lại được trả tự do. Hugo trách “Mèo con” đã cung cấp cho y tin thất thiệt. Tức giận, “Mèo con” lớn tiếng tuyên bố sẽ trao cho y bằng chứng xác nhận lời tố giác của nàng. Bằng chứng đó là luật sư Bron. “Mèo con” thỏa thuận với Bron là sẽ gặp nhau ở tiệm ăn. Ngồi ở bàn bên cạnh là Hugo. “Mèo con” đặt trước mặt Bron bức ảnh chụp Maicon Trôtôbat và hỏi xem ông có biết người này không.

- Có chứ, đây là “Sinvestr” thuộc nhóm Lille, nhóm đã chôn đầu mèo làm biểu tượng để tôn vinh bà...

Hugo nghe thấy hết.

Nhận thấy người ngồi bàn bên cạnh có vẻ đáng ngờ, Bron đã kịp chạy trốn và thoát nạn. Michiel Trotobas dùng súng kháng cự và bị giết chết. Trong cuộc diễu hành chào mừng nước Pháp được giải phóng, nhóm của ông đã giương cao lá cờ có thêu tên nhóm và hình biểu tượng mèo đen...

Vài ngày sau, “Mèo con” và Vomecur tìm cách chạy trốn lần cuối cùng và họ đã thành công.

“Mèo con” không bị bắt ngay: giờ đây đến lượt cơ quan tình báo Anh bắt đầu “trò chơi” với nàng. Nàng chỉ bị bắt vào ngày 29 tháng 6 năm 1943, đúng vào ngày sinh lần thứ 32 của nàng, căn cứ vào lời đại úy Trotobas và đại tá (nghề nghiệp là luật sư) Bron buộc tội nàng phản bội cũng như căn cứ vào mối nghi vấn của một vài thành viên tổ chức “Interale”.

Năm 1945, Matinda Carre bị chuyển giao cho chính quyền Pháp. Cuộc thẩm vấn kéo dài gần bốn tháng. Matinda bị cáo buộc đã trao cho tỉnh báo Đức ba mươi năm người yêu nước. Ngày mồng 4 tháng giêng năm 1949, “Mèo con” bị đưa ra toà. Tất cả các thẩm phán đều là cựu thành viên của phong trào Kháng chiến, và bản án đã được dự đoán trước: đó là án tử hình. Bản án được tuyên vào ngày mồng 8 tháng giêng.

Tháng 5 năm 1949, vào dịp kỷ niệm bốn năm ngày chiến thắng phát xít, án tử hình được thay bằng án khổ sai chung thân. Lại thêm sáu năm nữa, vào dịp kỷ niệm 10 năm ngày chiến thắng phát xít, Matinda Carre được ân xá và được trả tự do. Nàng về một tỉnh lẻ hẻo lánh sống dưới một tên giả. Đến năm 1959, nàng cho xuất bản cuốn hồi ký.

“Mèo con” qua đời vào năm 1970.

Năm 1942, Vomecur lại nhảy dù xuống đất Pháp và đứng đầu một nhóm Kháng chiến. Gestapo bắt được ông. Hugo đến thăm ông trong nhà tù, y để lại một bao thuốc lá và nói:

- Tôi rất tiếc là giờ đây không thể làm được gì cho ông. Lẽ ra ông không nên trở lại thì hơn.

Lần này, các điều tra viên phát xít không nương tay. Vomecur bị đánh đập, bị bẻ răng cửa, và rồi bị đưa vào trại tập trung cho đến hết chiến tranh. Năm 1949, ông ra toà làm nhân chứng trong vụ án Matinda Carre.

Ông mất ở Paris năm 1965.

Hugo không bị coi là tội phạm chiến tranh. Y bình yên trở về Đức và tại đây, y mở một cửa hiệu thuốc lá.

ILZA STIOBE

NỮ ĐIỆP VIÊN KIÊN CƯỜNG ĐẾN PHÚT CHÓT

Một phụ nữ trẻ, xinh đẹp, mang bí danh “Anta” (chính xác hơn là Ante) người lãnh đạo một trong những nhóm điệp viên Xô Viết hoạt động bí mật ở nước Đức phát xít đã gây nhiều lúng túng cho bọn mật thám của Gestapo. Cô là Ilza Stiobe (1911-1942).

* Cô phóng viên xinh đẹp và mối quan hệ có tính định mệnh

Ilza Stiobe sinh ngày 17 tháng 5 năm 1911 ở Berlin, trong một gia đình công nhân. Chị tốt nghiệp phổ thông rồi theo học nghề thư ký đánh máy. Chị làm việc một thời gian tại tổ hợp in ấn, tiếp đó chuyển sang làm việc cho tờ báo *Berline Tagenblatt*. Tuy còn rất trẻ nhưng nhờ có năng lực, chị được cử sang Tiệp Khắc làm phóng viên rồi từ Tiệp Khắc chuyển sang Ba Lan. Tại đây, chị quen biết Rudolf Herrnstadt, đảng viên Đảng Cộng sản Đức và đồng thời là điệp viên thuộc Cục Tình báo của Hồng quân.

Số phận của Rudolf Herrnstadt rất đáng chú ý. Anh là con trai của một luật sư thành đạt và bản thân anh cũng là luật sư. Năm 1924, anh gia nhập Đảng Cộng sản Đức và đến năm 1930 thì được tình báo quân sự Xô Viết tuyển mộ và mang bí danh “Arvid”. Năm 1932, anh làm phóng viên ở Varsava, thủ đô Ba Lan; từ năm 1933 anh ở Moscva và nhập quốc tịch Xô

Viết. Cũng theo nhiệm vụ do Cục Tình báo Xô Viết giao cho, anh “đứng trên lập trường chống Cộng điên cuồng”. Vì vậy, anh cùng bốn nhà báo Đức khác bị trục xuất khỏi Liên Xô. Sau khi trở về Đức, anh được cử làm phóng viên tại Varsava. Tại đây, anh rất được tôn trọng không chỉ như một người anh hùng và nạn nhân của chủ nghĩa Bolsevich, mà còn như một chuyên gia xuất sắc, am hiểu Ba Lan và những truyền thống của nước này. Đại sứ Đức ở Ba Lan là fon Monke và những nhân viên quan trọng của sứ quán thường đến anh hỏi ý kiến. Nhưng Herrnsstadt không chỉ nổi bật về tài thiết lập mối quan hệ với các quan chức phát xít, anh còn là một chuyên gia tuyển mộ bẩm sinh. Ít nhất cũng đã có ba người trong số những điệp viên do anh tuyển mộ đã đi vào lịch sử ngành tình báo.

Gerhard Kegel sinh năm 1907 trong gia đình một nhân viên đường sắt ở hạt Thượng Xiledi. Năm 1930, khi còn là sinh viên, anh gia nhập Đoàn Thanh niên Cộng sản Đức và năm 1933, anh trở thành đảng viên Đảng Cộng sản Đức. Sau khi tốt nghiệp đại học thuộc chuyên ngành kinh tế, anh được bổ nhiệm làm trưởng ban kinh tế của tờ báo *Tin tức mới nhất*. Khi Hitler lên nắm chính quyền và bắt đầu truy nã các đảng viên cộng sản, anh vẫn được an toàn nhờ nắm chắc phương pháp giữ bí mật. Tiếp đó, anh được cử làm phóng viên ở Varsava. Tại Varsava, anh gặp Herrnsstadt và được Herrnsstadt thu hút vào hoạt động điệp viên cho Liên Xô. Anh mang bí danh là “HVC”. Để vị trí của mình thêm vững chắc, vào tháng 5 năm 1934, anh gia nhập Đảng Quốc xã, điều này đã cho phép anh xin vào làm ở sứ quán Đức với sự giúp đỡ của Herrnsstadt.

Một điệp viên nữa được Herrnsstadt tuyển mộ là Rudolf fon Selia. Rudolf thuộc một môi trường hoàn toàn khác nên

cách tiếp cận với ông cũng khác. Ông xuất thân từ một dòng họ quý tộc: bố ông là một đại địa chủ quý tộc vùng Xiledi, mẹ ông là con gái Bộ trưởng Tài chính fon Micken trong nội các của Thủ tướng Birmach. Rudolf sinh năm 1890, có hai bằng tiến sĩ luật học, trong thời gian Thế chiến Thứ nhất ông gia nhập kỵ binh rồi trở thành nhà ngoại giao chuyên nghiệp. Ông làm việc ở Praha (thủ đô Tiệp Khắc), ở Constatinov (Thổ Nhĩ Kỳ), là phó lãnh sự ở Catovise. Năm 1932, ông được phái đến làm việc tại sứ quán Đức ở Varsava. Con đường công danh của ông không mấy rực rỡ: đến năm 42 tuổi ông mới chỉ là thư ký sứ quán. Hơn thế nữa, việc này cần có nhiều tiền mà thu nhập của ông cùng với thu nhập của vợ ông, con gái một nhà công nghiệp lớn, vẫn không bù đắp nổi các khoản chi của ông. Ông tự cho phép mình có ít nhiều cách nghĩ tự do kiểu quý tộc, chẳng hạn ông hết sức coi thường Bộ trưởng Ngoại giao nước Đức phát xít là Rippbentrop, gọi y là “kẻ chào hàng các loại rượu sâm banh”, và nói chung ông không ưa “những viên chủ hiệu nhỏ” đang nắm chính quyền ở Đức vào lúc đó.

- Tôi căm ghét cuộc sống của tôi ở Ba Lan, - fon Selia nhiều lần than vãn như vậy với Herrnsstadt.

“Ngay từ ngày đầu chúng tôi quen biết nhau, - “Arvid báo cáo với Trung Tâm, - Selia đã thông báo cho tôi tất cả những gì mà ông ta cho là quan trọng thuộc đủ loại: cả những tin tức chính trị, cả những mưu đồ cá nhân, cả chuyện tiền nong, cả những xung đột riêng tư với vợ và người hầu... Đối với những tài liệu mà tôi quan tâm thì ông ta hoặc là đọc cho tôi nghe, hoặc là cho phép tôi tự đọc lấy. Vì hiểu rằng làm như vậy là vi phạm trách nhiệm công vụ của mình nên ông ta thường nói:

“Hãy cầm lấy tờ báo để phòng xa. Nếu có ai vào thì dùng báo mà che các bức điện đi”.

“Arvid” lưu ý rằng tuy bề ngoài có vẻ rất nhẹ dạ và nông nổi nhưng Selia là một nhà ngoại giao khá thông minh và am hiểu, một nhà phân tích giỏi, biết cách làm người khác cởi mở với mình.

Theo đề nghị của Trung Tâm, Herrnsstadt đã tuyển mộ Selia trên cơ sở “tiền trao cháo múc”. Tuy không tỏ ra nhiệt tình lắm nhưng Selia vẫn đồng ý hợp tác. Có thể nói trước rằng những tin tức của Selia (mang bí danh là “Người Aryan”) quý giá đến mức vào tháng 2 năm 1938, Cục Tình báo của Hồng quân đã chuyển vào tài khoản của ông tại ngân hàng Thụy Sĩ sáu nghìn rưỡi dollar, một trong những khoản tiền lớn nhất mà một điệp viên được trả trước Thế chiến Thứ hai.

Những trách nhiệm mới buộc Selia phải xem xét lại cách cư xử của mình. Ông nói năng thận trọng hơn, thái độ làm việc tận tình hơn. Năm 1933, trong thời gian về Berlin nghỉ phép, ông trở thành đảng viên Đảng Quốc xã. Điều này đã giúp ông được thăng cấp và trở thành cố vấn chính thức của Bộ Ngoại giao nước Đức phát xít.

Và cuối cùng là Ilza Stiobe - một thành công xuất sắc của nhà tuyển mộ Herrnsstadt. Việc tuyển mộ chị không gặp phải bất kỳ khó khăn gì: chị là đồng chí cùng đảng với Herrnsstadt và là người đồng tư tưởng với anh.

*** Trở thành người lãnh đạo**

Như vậy là vào năm 1934, tại sứ quán Đức ở Varsava, Herrnsstadt đã xây dựng được một nhóm điệp viên hoàn chỉnh. Ban đầu, Herrnsstadt lãnh đạo nhóm, nhưng về sau, sau khi

anh đi Moscva thì người đứng đầu nhóm là Ilza Stiobe. Không kể Kegel và Selia, chị còn có liên lạc với sáu điệp viên nữa. Nhưng đó là sau khi phát xít Đức tấn công Ba Lan.

Trước khi Thế chiến Thứ hai bùng nổ, vào tháng 8 năm 1939, những thành tích nổi bật của Selia rốt cuộc đã được cấp trên của ông ghi nhận. Ông được chuyển về ban Tin tức Bộ Ngoại giao Đức. “Arvid” báo trước cho “Người Aryan” biết rằng mối liên lạc với ông sẽ do “Anta” đảm nhận.

“Anta” không thể thu xếp được ngay công việc ở Berlin. Chị phải sống một thời gian ở Breslau. Tháng 9 năm 1939, một nhân viên của Cục Tình báo Xô Viết là Zaisev được trao nhiệm vụ tìm kiếm chị và thiết lập liên lạc với chị. Zaisev rời Berlin đi Breslau. Lúc đầu, anh tìm được bà mẹ của chị và được bà cho biết địa chỉ của chị. Khó khăn là ở chỗ chưa xác định được mật khẩu gặp gỡ, do đó phải nêu một vài mật khẩu để Ilza tin được rằng người đến gặp chị đúng là điệp viên Xô Viết.

Nhưng Zaisev vừa nêu loại mật khẩu để gặp gỡ “người mình” ở Ba Lan thì Ilza lập tức tin anh ngay. Hai người tản bộ trên những con đường vắng vẻ ở vùng ngoại ô thành phố Breslau. Ilza kể cho Zaisev biết là chị sắp nhận được giấy phép cư trú ở Berlin và chỉ ít lâu nữa là chị sẽ chuyển về đấy. Hai người thoả thuận về phương pháp liên lạc và về những cuộc gặp mới rồi chia tay nhau.

Đầu tháng 3 năm 1933, Ilza Stiobe được fon Selia giúp đỡ nên nhận được chỗ làm ở Cục Báo chí Bộ Ngoại giao và chị dọn về Berlin. Giờ đây, họ có thể gặp gỡ nhau mà không gặp trở ngại gì. Tuy nhiên, chính Selia lại suýt bị thất sủng. Tính hay ba hoa đã làm hại ông. Một kẻ tố giác với cấp trên về mối đồng cảm “không xứng đáng với một nhà ngoại giao Đức” mà

ông thường thể hiện đối với người Ba Lan. Ông bị buộc phải giải thích về “vấn đề Ba Lan”. Để “chuộc lỗi”, ông cùng với cựu đại sứ fon Monke bắt tay vào việc biên soạn cuốn “sách trắng” về nguyên nhân của cuộc chiến tranh Đức - Ba Lan. Đương nhiên là cuốn sách này được biên soạn theo tinh thần những “tư tưởng” và phát ngôn của những tên đầu sỏ Quốc xã. Khi Rippbentrop làm quen với cuốn sách đó thì y không những tha thứ cho fon Selia mà thậm chí còn nói bóng gió đến khả năng đề bạt ông lên một chức vụ cao ở Budapest, thủ đô Hungari.

Nhưng đối với Ilza thì việc fon Selia ra đi có nghĩa là chị sẽ bị mất một nguồn tin rất quan trọng, và chị khuyên ông không nên ra đi. Hơn thế nữa, chỉ ít lâu sau, ông đã được chỉ định giữ một chức vụ mới trong bộ máy Bộ Ngoại giao Đức.

*** Gerhard Kegel, trợ thủ đắc lực của “Anta”**

Trợ thủ đáng tin cậy của Ilza Stiobe là Gerhard Kegel. Nhờ vị trí của mình, anh có thể thu được những tin tức quý giá. Ngay từ tháng 3 năm 1939, một nhân viên của Rippbentrop là Cleist đã tuyên bố rằng “trong tiến trình thực hiện những kế hoạch lâu dài của nước Đức, cuộc chiến tranh chống Liên Xô vẫn là nhiệm vụ cuối cùng và mang tính chất quyết định trong chính sách của Đức”. Về sau, tùy viên quân sự Đức ở Ba Lan là Hisher đã kể cho Kegel nghe về buổi tiếp của Hitler và những chỉ thị của Hitler đề cập đến việc chuẩn bị bí mật cho cuộc tấn công bất ngờ của Đức vào Ba Lan. Kegel còn nhiều lần trò chuyện cả với Đại sứ fon Monke.

Nhưng sau khi chuyển đến Berlin được ít lâu, Ilza rốt cuộc cũng vẫn phải chia tay với Kegel. Đang làm việc tại ban phụ

trách chính sách thương mại của Bộ Ngoại giao Đức, Kegel được đề bạt vào một chức vụ mới, quan trọng. Lúc đầu, anh được đưa vào thành phần đoàn đại biểu thương mại Đức đi Liên Xô vào cuối năm 1939, và sau khi đến Moscva thì anh được giữ lại làm việc ở sứ quán Đức tại đây.

Thông qua Kegel, các cơ quan an ninh Xô Viết nhận được những thông tin quan trọng về những gì diễn ra trong sứ quán Đức. Anh cung cấp tin tức về tâm trạng và những câu chuyện của đại sứ fon Sullenburg, của tuý viên quân sự tướng Kestring và của cố vấn Hinger. Tất cả mấy nhân vật này đều phản đối cuộc chiến tranh chống Liên Xô vì cho rằng cuộc chiến đó nguy hại cho nước Đức.

Kegel thông báo là vào ngày 30 tháng 4 năm 1941, sau chuyến đi Berlin và trò chuyện với Hitler, đại sứ fon Sullenburg đã tuyên bố với những người bạn gần gũi của mình: "Mọi việc đã quyết định rồi - chiến tranh là không thể tránh khỏi!".

Sullenburg, Kestring và Hinger chuẩn bị một bản ghi nhớ gửi cho Hitler trong đó nhấn mạnh rằng cuộc chiến chống Liên Xô không thể thắng lợi được và hơn nữa, còn có thể đưa nước Đức đến thảm họa. Sullenburg đích thân đem bản ghi nhớ này về Berlin, nhưng Hitler thậm chí không "hạ cố" tiếp ông ta.

Chỉ bao lâu sau, tại Moscva xuất hiện hai vị khách. Một người là Valter Sellenberg, giám đốc cơ quan tình báo đối ngoại của nước Đức phát xít. Dưới danh nghĩa đại diện của ngành công nghiệp hoá chất Đức, y đến Moscva để nghiên cứu tiềm lực chính trị và kinh tế của Liên Xô cũng như mức độ sẵn sàng đối phó với chiến tranh của Liên Xô.

Vị khách thứ hai là đại tá Crebs, người thay thế tướng Kestring từ giữa tháng 3 đến đầu tháng 5 năm 1941. Đây chính là kẻ mà vào hôm trước ngày Berlin thất thủ (lúc đó y đã lên cấp tướng và là Tổng Tham mưu trưởng cuối cùng của nước Đức phát xít) đã đến gặp tướng Trucov của quân đội Xô Viết để đề nghị đàm phán hoà bình. Sau khi tướng Trucov tuyên bố là chỉ có thể nói tới việc đầu hàng vô điều kiện, y đã quay trở về hầm ngầm của mình và tự sát.

Nhưng cũng vào năm 1941, y đã có mặt trong cuộc duyệt binh của Hồng quân nhân ngày mùng 1 tháng 5, y có thể tận mắt chứng kiến sức mạnh của Hồng quân nhưng không tin vào sức mạnh đó. Y đã trao đổi điều này với Kegel, và Kegel lại thông báo điều này với một cán bộ Cục Tình báo Xô Viết là K. B. Leonchiev, người mà Kegel được biết dưới tên gọi Pavel Petrov.

Ngay trước khi chiến tranh nổ ra, Kegel đã được chứng kiến cảnh ra đi khẩn cấp của những gia đình nhân viên sứ quán Xô Viết cũng như gia đình của những người Đức hiện đang sống ở Liên Xô. Còn vào ngày 21 tháng 6, anh cũng đã tận mắt nhìn thấy những tài liệu lưu trữ và những tài liệu quan trọng khác bị đem thiêu huỷ trong sân sứ quán Xô Viết. Đó là bằng chứng rõ ràng cho thấy chiến tranh sắp bắt đầu, và anh lập tức thông báo cho Leonchiev biết và Leonchiev lại ngay lập tức thông báo cho cấp trên. Nhưng thông báo đó bị thất lạc ở đâu?

Sau khi chiến tranh nổ ra, Kegel cùng những nhân viên sứ quán khác đi Berlin. Dọc đường, khi đến Serpukhov (hay Kirsks), Leonchiev đã kịp lên tàu, dúi vào tận tay Kegel mảnh giấy có ghi quy ước liên lạc với Stiobe.

* Những tin tức vô cùng quan trọng đã được chuyển về

Giờ đây, chúng ta hãy quay trở lại với “Anta” và “người Aryan”. Những tin tức mà họ cung cấp là cực kỳ quan trọng. Đó là những tin đề cập đến việc di chuyển của quân đội Đức, đến những thư từ trao đổi ngoại giao cũng như những tin tức về thành công của các nhân viên giải mã Đức. Những tin đó của fon Selia được đánh giá rất cao mà bằng chứng là vào tháng 2 năm 1941, Ilza chuyển cho ông một khoản tiền lớn là ba mươi nghìn mark.

Thông qua một điệp viên nằm vùng của Cục Tình báo Xô Viết là đại tá N. D. Scorniacov (tức “Sao băng”), Stiobe đã chuyển về Moscva những tin tức nhận được từ fon Selia và các điệp viên khác. Dưới đây là vài tin trong số đó.

Gửi Cục trưởng Cục Tình báo Bộ Tổng tham mưu Hồng quân, ngày 29 tháng 9 năm 1940.

“Người Aryan” đã trò chuyện với Snurre (lãnh đạo đoàn đại biểu kinh tế Đức ở Liên Xô). Snurre cho biết:

- 1. Quan hệ giữa Liên Xô và Đức đã xấu đi một cách cơ bản.*
- 2. Theo ý kiến của rất nhiều người, trừ Bộ Ngoại giao Đức, thì nguyên nhân của tình trạng đó là do phía Đức.*
- 3. Người Đức tin rằng Liên Xô sẽ không tấn công Đức.*
- 4. Hitler dự định đến mùa xuân sẽ giải quyết những vấn đề ở Phương Đông bằng hành động quân sự. Sao băng”.*

Gửi Cục trưởng Cục Tình báo Bộ Tổng tham mưu Hồng quân, ngày 29 tháng 12 năm 1940.

“Anta thông báo người Aryan được biết từ giới thạo tin rằng Hitler đã ra lệnh chuẩn bị cuộc chiến chống Liên Xô. Việc tuyên chiến sẽ được thực hiện vào tháng 3 năm 1941.

Tôi đã giao nhiệm vụ kiểm tra và chính xác hoá tin này. Sao bằng”.

Gửi Cục trưởng Cục Tình báo Bộ Tổng tham mưu Hồng quân, ngày mồng 4 tháng 1 năm 1941.



Tướng Crebs

“Anta yêu cầu người Aryan xác nhận tính đúng đắn của tin tức nói về việc chuẩn bị cuộc tấn công vào mùa xuân năm 1941. Người Aryan khẳng định rằng anh ta đã nhận được tin ấy từ một người quen trong quân đội Đức, hơn nữa, đó không phải là dựa trên lời đồn đại mà dựa trên bản mệnh lệnh đặc biệt của Hitler, một bản mệnh lệnh được giữ tuyệt mật và chỉ rất ít người biết.

Để xác nhận điều này, “người Aryan” dẫn ra thêm một vài lý lẽ chủ yếu:

1. Những cuộc trò chuyện của anh ta với Slipper trưởng phòng Đông Phương Bộ Ngoại giao Đức. Slippe nói rằng cuộc gặp gỡ với Molotov... đã không đạt được nhất trí về bất kỳ vấn đề quan trọng nào.

2. Công việc chuẩn bị tấn công Liên Xô đã được bắt đầu sớm hơn nhiều nhưng rồi bị tạm dừng một thời gian vì người Đức đã không tính đến sự kháng cự của người Anh. Đức dự tính đến mùa xuân thì sẽ buộc được người Anh phải khuất phục và do đó sẽ được rảnh tay trong cuộc chiến với Liên Xô.

3. Thái độ thù địch của Hitler vẫn không thay đổi.

4. Hitler cho rằng:

a) *Tinh thần của Hồng quân chính vào thời điểm này là rất thấp, thấp đến nỗi đến mùa xuân thì y chắc chắn sẽ giành được thắng lợi.*

b) *Quân đội Đức đang tiếp tục lớn mạnh.*

Báo cáo tử mỉ của “Anta” về vấn đề này sẽ để lần sau. Sao băng”.

Tình trạng thần kinh quá căng thẳng của Ilza đã để lại hậu quả. Bệnh thận và gan của chị nặng thêm. Chị hai lần phải đi Carlsbad nhưng vẫn không chữa khỏi. Trong bức thư gửi về Moscva cho Herrnsstadt, chị than phiền rằng cứ đêm đêm, khi còn lại một mình và những cơn đau khủng khiếp kéo đến, chị lại cảm thấy hoảng sợ cho bản thân cũng như sợ rằng vì bệnh tật mà mình sẽ không thể tiếp tục công việc được nữa. Chị buộc phải rời bỏ Bộ Ngoại giao Đức. Vào đầu năm 1941, chị chuyển sang làm trưởng phòng quảng cáo nước ngoài tại tổ hợp hoá chất “Lingerverk” ở Dresden. Nhưng hoá ra chị lại có thêm một cơ hội nữa rất lý thú để thu lượm tin tức, ngoài những tin tức chị nhận được từ “người Aryan”. Điển hình là tin tức cực kỳ quan trọng sau đây.

“28 tháng 2 năm 1941.

Giới quân sự thạo tin vẫn giữ quan điểm cho rằng cuộc chiến chống Liên Xô nhất định sẽ bắt đầu vào năm nay. Những biện pháp chuẩn bị cho cuộc chiến này cần phải đẩy mạnh hơn nữa. Những công trình phòng không quy mô ở phía Đông cho thấy rõ tiến trình của những biến cố tương lai. (Về chuyện này thì “Người Aryan” không biết điều gì thật cụ thể. Nhưng anh thông báo rằng những hầm tránh bom bố trí khắp nước Đức thì ở phía Đông có thể nhằm mục đích bảo vệ khỏi máy bay Nga chứ không phải máy bay Anh). Đã thành lập

được ba tập đoàn quân dưới sự chỉ huy của các nguyên soái Bok, Runsdtedt và Ritter fon Leer. Tập đoàn quân "Kenigsberg" có nhiệm vụ tấn công theo hướng Petersburg, tập đoàn quân "Varsava" có nhiệm vụ tấn công theo hướng Moscva, còn tập đoàn quân "Poden" có nhiệm vụ tấn công theo hướng Kiev. Thời điểm dự định bắt đầu chiến sự có thể là ngày 20 tháng 5. Mọi dấu hiệu đều cho thấy là theo dự định thì một trăm hai mươi sư đoàn Đức sẽ tấn công vào khu vực Pinsk. Bằng chứng về những biện pháp chuẩn bị đó là việc tất cả các sĩ quan và hạ sĩ quan biết nói tiếng Nga đều được phân bổ về các ban tham mưu.

Hitler dự định sẽ đưa từ Nga về Đức gần ba triệu nô lệ để thực hiện mọi công việc sản xuất... Ý cũng dự định sẽ chia nhỏ nước Nga khổng lồ thành hai mươi hoặc ba mươi quốc gia khác nhau mà không quan tâm gì đến tất cả những mối liên hệ kinh tế bên trong nước.

Tin tức về nước Nga là của một người trong giới thân cận của Hering. Nói chung, tin tức đó thuần túy có tính chất quân sự và được những người trò chuyện với "Người Aryan" xác nhận. Anta",

Cần lưu ý rằng đây là tin tức chính xác đầu tiên của điệp viên về những hướng tấn công sắp tới của quân đội Đức.

*** Điện đài hồng, đường dây liên lạc bị gián đoạn**

Ngày 22 tháng 6, nhân viên sứ quán Xô Viết không được phép đi lại trong thành phố nữa và do đó, các điệp viên nằm vùng trong sứ quán bị mất liên lạc với mạng lưới điệp viên của mình. Như ta đã biết, chỉ riêng A. Corotcov, nhân viên Cục Tình báo nước ngoài Bộ Nội vụ Xô Viết, là vào được

thành phố và gặp gỡ với các điệp viên thuộc “Dàn đồng ca đỏ”. Còn mạng lưới điệp viên của tình báo quân sự thì không có người liên lạc.

Mạng lưới điệp viên của “Anta” có trong tay điện đài và nhân viên điện đài K. Sulse. Trong những tháng đầu tiên sau khi chiến tranh bùng nổ, khi điện đài còn hoạt động, Sulse vẫn truyền tin tức về Trung Tâm. Vào mùa thu năm 1941, ông thiết lập được liên lạc với G. Coppi, nhân viên điện đài của mạng lưới điệp viên Bộ Nội vụ do A. Harnac (tức “Người đảo Corse”), Schulze-Boysen (tức “Anh cả”) và A. Cuckhov (tức “Ông lão”) lãnh đạo. Tuy nhiên, cả Coppi cũng mất liên lạc với Moscva, bởi vì điện đài của anh bị hỏng. Các nhân viên điện đài cùng hợp sức tìm cách sửa chữa điện đài nhưng không thành công.

Lo lắng trước sự im lặng của các điện đài, ban lãnh đạo Cục Tình báo nước ngoài thuộc Bộ Nội vụ Xô Viết và Tổng cục Tình báo thoả thuận sẽ hợp tác với nhau. Những mệnh lệnh về vấn đề này được ký vào ngày 11 tháng 9 năm 1941 và đến ngày 11 tháng 10 thì một bức điện được gửi đi cho người lãnh đạo hệ thống điệp viên bí mật ở Brussel là A. Gurevich (tức “Kent”) đề nghị ông đến Berlin để thu xếp đường dây liên lạc.

Gurevich gặp Schulze-Boysen, lấy những tin tức mới được thu thập và chuyển cho Schulze-Boysen hệ thống mật mã mới. Sau khi trở về Brussel, Gurevich chuyển về Trung Tâm những tin tức mà ông nhận được. Nhưng vì các nhân viên điện đài của ông làm việc nhiều giờ liên tục trong suốt những ngày 21, 23, 25, 26, 27 và 28 tháng 11 năm 1941 nên mật mã của họ bị giải và họ bị bắt. Bản thân Gurevich khi ấy cũng may mắn lắm

mới chạy thoát. Tuy nhiên, Gestapo đã bắt được những bức điện mã hoá đang được đánh đi vì các nhân viên điện đài không kịp tiêu huỷ. Quả thật là mãi đến tháng 8 năm 1942, bọn Đức mới giải mã được bức điện ngày 11 tháng 10 năm 1941 có ghi địa chỉ những nhân vật mà Gurevich phải gặp khi đến Berlin.

Việc sử dụng mạng lưới điệp viên của “Kent” không phải là biện pháp duy nhất trong nỗ lực thiết lập liên lạc với mạng lưới điệp viên của “Anta”.

Vào tháng 4 năm 1942, một nhân viên của mạng lưới điệp viên ở Stockholm là “Adam” thiết lập được liên lạc với Sulse. Sulse báo cáo là điện đài không hoạt động được do bị hỏng và do thiếu pin dự trữ.

Moscva liền quyết định dùng máy bay tung vào Đức hai điệp viên đem theo điện đài. Họ phải bắt liên lạc với các nhóm “Anh cả” và “Anta” cũng như phải thu xếp lại đường dây liên lạc. Ngày mồng 5 tháng 8 năm 1942, hai điệp viên này nhảy dù xuống hậu phương phát xít tại khu vực Briansk.

Một trong hai người - Albert Hessler - có nhiệm vụ thiết lập liên lạc với nhân viên điện đài Sulse hoặc với các thành viên của nhóm Schulze-Boysen. Anh đã làm được việc này rồi cùng với Sulse tìm cách sửa chữa điện đài.

Người thứ hai - Bart - được giao nhiệm vụ thiết lập liên lạc với điệp viên nằm vùng Leman (tức “Braitenbac”⁽¹⁾) lúc đó đang làm việc trong cơ quan Gestapo. Nhưng vào thời điểm đó, Gestapo cũng đã lần ra được dấu vết họ.

(1) Xem bài viết về Braitenbac, tập thứ tư - *Điệp viên hành động* của bộ sách, tr.99.

* “Dàn đồng ca” đỏ bị bắt

Đến tháng 8 năm 1942, các nhân viên giải mã của Gestapo đã có thể đọc được những bức điện mà chúng tịch thu được khi bắt giữ các nhân viên điện đài của “Kent”. Kết quả là trong vòng hai tháng - tháng 8 và tháng 9 - tất cả các thành viên của “Dàn đồng ca đỏ” ở Berlin đều bị bắt. Ngày 12 tháng 9, cả Ilza Stiobe cũng bị bắt.

Bart cũng bị bắt. Anh ta không chịu nổi những đòn tra tấn của Gestapo nên đã cung khai tất cả những gì anh ta biết. Anh ta còn đồng ý tham gia “trò chơi điện đài” với Moscva.

Ngày mồng 8 tháng 10 năm 1942, một nhân viên Gestapo đọc cho anh ta gửi một bức điện về Moscva, trong đó anh ta nhân danh “Anta” đề nghị gửi tiền và những chỉ thị mới cho một điệp viên của “Anta” tại Bộ Ngoại giao Đức để khuyến khích người này hoạt động năng nổ trở lại.

Tại Moscva, bức điện này không gây một chút ngờ vực nào. Giữa tháng 10, Trung Tâm cho hai điệp viên của Tổng cục Tình báo là Ern Áyfler và Henrich Coenen (Wilhelm Felendorg) nhảy dù xuống vùng Đông Phổ. Dưới danh nghĩa một người lính ngoài mặt trận đi nghỉ phép, Coenen đến Berlin với nhiệm vụ thiết lập mối liên lạc với “Anta” và “người Aryan”. Để không bị nghi ngờ, Coenen đem theo tờ hoá đơn của fon Selia chứng nhận fon Selia vào năm 1938 đã nhận 6 nghìn rưỡi dollar.

Chiến dịch do Gestapo thực hiện đã cho phép chúng bắt được Ern rồi sau đó tổ chức mai phục tại căn hộ của Ilza Stiobe, kết quả là Henrich Coenen bị bắt. Tờ hoá đơn đã đóng vai trò tai hại và chỉ ít lâu sau thì fon Selia cũng bị bắt.

Vài tháng trước khi bị bắt, Ilza Stioabe đã chuyển đến Berlin và làm trưởng văn phòng Berlin của tổ hợp báo chí Đức. Ngày nào chị cũng trò chuyện qua điện thoại với Stockholm, thủ đô của nước Thụy Điển trung lập. Nhưng chị không biết làm thế nào lợi dụng hoàn cảnh đó để liên lạc với Moscva.

Chị biểu lộ “tinh thần ái quốc Đức” bằng cách xung phong ra mặt trận phía Đông làm phóng viên chiến tranh với hy vọng vượt qua được chiến tuyến. Chị được tuyên dương vì “tinh thần ái quốc” nhưng đề nghị của chị bị lịch sự từ chối. Và chị bị bắt vào nhà tù của Gestapo. Chị tỏ ra kiên cường và không cung khai bất kỳ thành viên nào trong nhóm chị.

* “Anta” bị tra tấn dã man và bị kết án tử hình

Ngày nào chị cũng bị đánh đập cho đến lúc ngất đi. Bọn đao phủ tưới nước lên người chị rồi lại tra tấn tiếp. Một phụ nữ cùng phòng giam với Ilza nhưng được sống sót kể lại rằng bà sửng sốt trước sự điềm tĩnh và sức chịu đựng của chị. Mỗi khi trở về phòng giam sau cuộc hỏi cung, chị lại cố gắng mỉm cười!

Bọn Gestapo căm thù Ilza không chỉ bởi vì chị là kẻ thù của chúng. Chúng căm thù chị còn bởi vì không có chứng cứ trực tiếp nào để kết tội chị. Và đột nhiên, những chứng cứ đó đã xuất hiện...

Vốn là một quý tộc, một sĩ quan kỵ binh và một kẻ tôn thờ phụ nữ, fon Selia không chịu nổi tra tấn và đã gục ngã. Ông ta cung khai tất cả những gì mà ông ta biết. Thật may mắn là ngoài Ilza, ông ta không biết một ai khác và bởi vậy, sự yếu đuối của ông ta chỉ gây hại cho riêng Ilza.

Hai ngày trước khi xử án, chị được phép gặp mẹ và em trai. Họ không thể không rung mình khi nhìn thấy khuôn mặt đau đớn và méo mó vì bị đánh đập của chị. Nhưng chị đã biết tin về những thắng lợi của Hồng quân ở Stalingrad và điều này đã tăng thêm sức mạnh cho chị.

Ngày 14 tháng 12 năm 1942, toà án quân sự để chế tuyên án tử hình đối với Ilza Stiobe. Trong lời phát biểu cuối cùng, chị nói:

- Tôi không làm điều gì phi nghĩa. Các ông kết án tử hình tôi là phi pháp.

Tối ngày 14 tháng 12, khi trở về từ phiên xử án cuối cùng, chị tâm sự với người nữ tù cùng phòng:

- Giờ đây, mọi chuyện đều đã ở phía sau: tôi đã bị kết án tử hình. Giờ đây, đã có thể nói là tôi đã đứng vững, - mọi chuyện đều đã qua rồi. Tôi đã im lặng và nhờ đó ít nhất thì tôi đã cứu thoát được sinh mệnh của ba người đàn ông và một phụ nữ.

Trước hôm thi hành án tử hình vào ngày 21 tháng 12 năm 1942, chị viết cho mẹ: *"Mẹ yêu quý, con cảm ơn mẹ vì mẹ đã thực hiện những ước nguyện cuối cùng của con. Mẹ đừng buồn mẹ nhé. Trong những trường hợp như thế này không có chỗ cho nỗi buồn. Và mẹ chờ mặc áo màu đen, con xin mẹ đấy".*

Đúng vào ngày hôm đó, Hitler ký sắc lệnh:

"Quốc trưởng. Tổng hành dinh quốc trưởng. 21-12-1942.

1. Tôi chuẩn y bản án của toà án quân sự để chế ngày 14 tháng 12 năm 1942 dành cho cựu cố vấn chính thức Rudolf fon Selia và nhà báo Ilza Stiobe cũng như bản án của toà án quân sự để chế ngày 19 tháng 12 năm 1942 dành cho thượng úy Harro Schulze-Boysen và những người khác...

2. Đơn xin ân xá bị bác bỏ.

3. Các bản án đối với Rudolf von Selia, Harro Schulze-Boysen, Arvid Harnac, Kirt Schumacher và Johannes Graudenes sẽ được thi hành bằng cách treo cổ. Những bản án tử hình khác được thi hành bằng máy chém.

...

Đã ký: Adolf Hitler.

Tổng tham mưu trưởng bộ chỉ huy tối cao các lực lượng vũ trang: Keitel”.

Theo đúng bản án của toà án quân sự đế chế và sắc lệnh của Hitler, vào hồi 20 giờ 27 phút ngày 22 tháng 12 năm 1942, Ilza Stiobe bước lên máy chém trong nhà tù Plitsenzi.

Về phần những bạn chiến đấu của chị: “Cha đỡ đầu” của chị là Rudolf Herrnsstadt thì cho đến năm 1943, ông làm việc ở Moscva trong bộ máy của Cục Tình báo Xô Viết và Quốc tế Cộng sản. Năm 1943, ông tham gia vào việc thành lập uỷ ban “Nước Đức tự do” và sau khi Hồng quân chiến thắng thì ông trở về Berlin. Tại Berlin, lúc đầu ông làm tổng biên tập tờ báo *Berline Saitung*, rồi từ năm 1949 làm tổng biên tập tờ *Noies Doichland*. Tiếp đó, ông được bầu làm uỷ viên Ban chấp hành Trung ương rồi uỷ viên Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng Xã hội Chủ nghĩa Thống nhất Đức. Nhưng đến ngày 26 tháng 6 năm 1953, ông bị khai trừ ra khỏi Bộ Chính trị và Ban chấp hành Trung ương và đến năm 1954 thì bị khai trừ khỏi Đảng. Sau đó, ông làm việc trong cơ quan lưu trữ trung ương của Cộng hoà Dân chủ Đức.

Gerhard Kegel chỉ bị theo dõi chứ không bị bắt. Ông tiếp tục hoạt động bí mật chống phát xít. Sau năm 1945, ông làm tổng biên tập tờ *Berline Saitung* và lãnh đạo nhà xuất bản,

tiếp đó, trong bộ máy Ban chấp hành Trung ương Đảng Xã hội chủ nghĩa thống nhất Đức, ông phụ trách những vấn đề về chính sách đối ngoại, rồi sau đó làm đại diện của Cộng hoà Dân chủ Đức tại Liên hiệp quốc với hàm đại sứ đặc mệnh toàn quyền. Trong các hồi ký của mình, ông viết:

“Một trong ba người đàn ông được Ilza Stiobe cứu mạng chính là tôi, còn người phụ nữ được chị cứu mạng là Charlotta, vợ tôi và cũng là bạn chiến đấu của tôi”.

MORIS KOEN VÀ LEONTINA TEREZA PETCA

CẶP VỢ CHỒNG ĐIỆP VIÊN

Tờ Thời báo London viết: “Người ngoại quốc đến nước Anh vào hôm thứ sáu chắc sẽ nghĩ rằng vợ chồng Kroger là hai vị thượng khách quốc gia, chứ không phải là hai gián điệp...”, còn tờ Điện tín thì nhận xét rằng vợ chồng Kroger lên đường “cứ như là đôi vợ chồng hoàng hậu”.

* Cả hai vợ chồng cùng làm điệp viên

Giữa năm 1930, Ủy ban ủng hộ nước Tây Ban Nha Cộng hoà được tổ chức ở New York đã cử những người Mỹ tình nguyện vào đội quân quốc tế. Một trong những người đó là chàng trai 26 tuổi Moris Koen, đảng viên Cộng sản Mỹ, giáo viên trung học và là cầu thủ đá bóng có tiếng. Bố mẹ anh là những người nhập cư. Mẹ người Vilno, bố người Tarashi gần Kiev.

Cuối năm 1937, trong một trận đánh gần Fuentes de Ebro, chính uỷ Moris Koen, được đăng ký theo giấy tờ mang tên Izrael Pikket Oltmen, bị thương cả hai chân và phải đi viện. Sau khi khỏi anh được mời đến nói chuyện với điệp viên Alecsandr Orlov thuộc Bộ Dân uỷ Nội vụ. Ông này đã chiêu mộ được Moris Koen. Từ đó anh mang biệt danh “Louis”.

Sau khi trở về Mỹ, Louis vận động cả vợ mình tham gia là Leontina Tereza Petca, người Ba Lan, sinh năm 1913 tại thành phố Adams, bang Massachuset, đảng viên Đảng Cộng sản Mỹ, công nhân nhà máy chế tạo máy bay. Chị mang biệt danh “Lesli”.

Thời gian này Louis đã vận động thêm được mấy người bạn làm việc trong ngành công nghiệp quốc phòng tham gia. Năm 1941, thông qua một trong số những người đó anh định đánh cắp một mẫu súng liên thanh hàng không. Chiến dịch này phiêu lưu, nhưng không hợp lý, bởi vì chẳng bao lâu sau người Mỹ bắt đầu cung cấp loại máy bay có trang bị súng đó, và điều này có thể gây tổn thất lớn đến các quan hệ của Liên Xô với Đồng Minh.

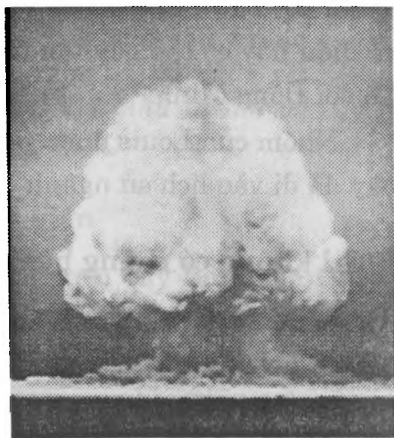
Nhóm của Louis được gọi là nhóm “Tình nguyện”, tên gọi này đã đi vào lịch sử ngành tình báo.

*** Khi không có chồng bên cạnh**

Khi nước Mỹ tham chiến chống Đức thì Louis được gọi vào quân đội và được đưa sang Châu Âu. Sau chiến tranh anh tiếp tục hợp tác với tình báo Xô Viết. Trước khi nhập ngũ anh đã kịp tuyển mộ được nhà bác học trẻ tuổi Artur Filding, biệt danh là “Persey”, - một trong những đầu mối thông tin về các công trình nghiên cứu được tiến hành ở Los Adamos. Trong thời gian Louis ở trong quân đội, tháng 7 năm 1943, Lesli tới Los Adamos để gặp Persey. Cuộc gặp này và những sự kiện sau đó đã nhiều lần được mô tả, nhưng chúng tôi muốn trở lại đôi chút. Thứ nhất, chị cần phải vào thị trấn, nơi phải có cuộc hẹn, ba lần - Persey lại lẫn lộn ngày tháng. Thứ hai, khi anh ta đã chuyển giao cặp tài liệu cho chị, thì mỗi toa tàu hoả đều

có cảnh sát kiểm tra giấy tờ và đồ đạc... “Không thể trốn thoát ghế điện được”, - chị nghĩ. Tàu sắp khởi hành. Chị quay vào nhà ga lấy đồ trong tủ, vào toilet, vứt đi một nửa đồ đạc, xếp lại giấy tờ, đến phút chót mới chạy ra tàu. Chị giả vờ mất vé, nhờ cảnh sát tìm hộ - chị vốn trẻ trung, xinh đẹp, nên cũng dễ. Chị dúm cặp vào tay hắn để tiện tìm vé. Cuối cùng, khi tàu chuyển bánh chị mới tìm thấy, liền nhảy lên bậc, tên cảnh sát chạy theo đưa cặp có những tấm lót giữa và những bí mật của bom nguyên tử cho chị: “Này chị, này chị, cầm lấy!”. Hắn biết đâu là hắn đã bỏ lỡ một phần thưởng lớn.

Sau chiến tranh Lesli lại đến gặp Persey, anh ta đưa cho chị sơ đồ những tấm kính không kê, bản mô tả và bản vẽ trái bom sắp đem thử nghiệm, thông báo ngày giờ và địa điểm thử nghiệm - ngày 10 tháng 7 tại hoang mạc Alamogordo, và thông báo rằng nước Mỹ dự định ném hai quả bom xuống Nhật Bản. Nhờ những tin tức này mà thông báo của Schuman cho



Cuộc thử nghiệm bom nguyên tử tại hoang mạc Alamogordo

Stalin tại hội nghị Potsdam về vụ nổ bom nguyên tử không làm cho Stalin ngạc nhiên chút nào, mà chỉ hồi thúc thêm hoạt động “nguyên tử” ở nước Nga mà thôi.

*** Sự gián đoạn và những hoạt động tích cực sau đó**

Tháng 9 năm 1945 đã xảy ra một sự kiện bi thảm, trở

thành một ngày đen tối trong lịch sử tình báo Xô Viết, - tại Ottawa, mật mã viên quân sự Igor Guzenko chạy trốn, anh ta đã cung khai cho địch nhiều bí mật của Nga. Mối quan hệ với các điệp viên, kể cả với Lesli cũng bị ngưng lại.

Sau đó, tại Paris, họ nhận được chỉ thị mới, khi trở về New York họ lại tích cực hoạt động. Lần này quan hệ giữa chỉ huy với họ được nối bởi một chàng trai vui tính Yury Sokolov ("Klod"). Lesli phải thuyết phục Persey từ bỏ hoạt động xã hội chống chiến tranh, mà gần đây anh vẫn tham gia. Nhưng việc đó không thành. Tuy nhiên Klod vẫn nhận được từ Frenk qua Lesli bản mô tả các hệ thống vô tuyến điều khiển đạn đạo.

Lúc này ở Mỹ đã triển khai "cuộc săn đuổi phù thủy", Trung tâm thông báo rằng không nên có những cuộc gặp gỡ giữa Klod, Louis và Lesli, vì như thế là rất nguy hiểm. Những cuộc gặp này được chuyển sang cho Mark (Wilhelm Fisher - Rudolf Abel).

Trong lần gặp cuối cùng Louise báo cho Klod thông tin của điệp viên Gerbert nói rằng trong dinh thự của Schuman có cuộc họp các nhân vật cao cấp thảo luận vấn đề thành lập khối quân sự - chính trị chống Liên Xô, sau này mang tên là NATO. Đồng thời anh cũng thông báo dự thảo tuyệt mật chỉ thị của Hội đồng An ninh Quốc gia về đường lối của Mỹ đối với các nước Đông Âu. Đặc biệt trong chỉ thị này có nói: *"Đường lối gây chia rẽ... cần tiến hành... có mức độ, khi có sự chia rẽ, chúng ta sẽ không trực tiếp tham gia vào việc thách thức uy tín của Liên Xô, mà cuộc cãi lộn sẽ diễn ra giữa Cremlin và các chế độ Cộng sản"*.

Từ ngày 12 tháng 12 năm 1948, Louis và Lesli bắt đầu

làm việc với Mark. Lesli sang Chicago, ở đây đã có Persey, anh đã cho biết những thông tin quý báu về Plutonium dùng để sản xuất vũ khí mà anh nhận được từ các điệp viên Antye và Aden.

Nhưng cuộc săn đuổi điệp viên ở Mỹ đã lên đến đỉnh điểm. Bạn bè của Lesli và Louise muốn tụ tập quanh họ, nhưng việc đó có thể dẫn tới thất bại hoàn toàn. Trung tâm quyết định bắt họ rời khỏi nước Mỹ. Tháng 8 năm 1950, họ nhận được mật thư bắt rời khỏi nước này. Sau này Yu. Sokolov kể lại, bất chấp các luật lệ hiện hành trong công tác tình báo, anh đã phải thân chinh đến nhà họ để thuyết phục họ rời đi. Mấy hôm sau anh trao cho họ hộ chiếu và vé.

Từ New York vợ chồng Koen đi tàu thuỷ sang Mexico, hai tháng sau họ lại cầm hộ chiếu mang tên Maria Tereza Sanches và Pedro Alvates Sanches đi tàu thuỷ Ba Lan "Batory" sang Châu Âu. Họ vẫn còn những hộ chiếu dự phòng mang tên hai doanh nhân Mỹ Bendsamin và Emilia Brigas. Vượt qua bao nhiêu cuộc phiêu lưu họ sang đến Praha, từ đó đi thẳng về Moscva.

* Cuộc phiêu lưu mới

Tình báo Xô Viết chuẩn bị một hoạt động bất hợp pháp lâu dài ở Anh cho điệp viên Konon Molodoy (anh còn tên là Ben hoặc Gordon Lonsdale). Anh cần những người làm nhân viên điện đài và chủ thuê căn hộ bí mật. Khó có thể tìm được người nào tốt hơn là vợ chồng Koen. Họ được mang tên mới Peter John và Helen Joys Kroger, người xứ New Zealand, và họ chuẩn bị lên đường. Peter Kroger trở thành "nhà buôn sách". Lãnh đạo họ là thủ trưởng điệp vụ Corotcov. Ông đề ra cho họ

ba nhiệm vụ: mua một ngôi nhà ở ngoại ô London; bố trí tại đó một phòng điện đài; thuê một phòng, tốt nhất là ở Trung tâm thành phố để tổ chức buôn bán sách, mở các tài khoản ở London và ở Thụy Sĩ. Họ sẽ mang biệt danh là “chủ biệt thự”. Việc chuẩn bị và xử lý thông tin kéo dài gần ba năm. Năm 1954, bắt đầu cuộc phiêu lưu kỳ thú của các “chủ biệt thự”. Đầu tiên họ sống một thời gian ở Thụy Sĩ, sát Tết họ bay về London. Sang xuân họ kiếm được một biệt thự nhỏ cách London 30 cây số, sau đó kiếm được một chỗ bán hàng ngay trong trung tâm thành phố gần quảng trường nổi tiếng Trafalgar. Không còn gì tốt hơn nữa!

Tuy nhiên họ gặp không ít những khó khăn về mặt buôn bán: nạn đất đỏ, việc cạnh tranh trong ngành buôn sách, vấn đề giá cả, việc quảng cáo... Peter và Helen thường xuyên đi dự những cuộc đấu giá sách. Nhận được tiền của Trung tâm, họ mua những sách cũ quý hiếm và lập những catalogue quảng cáo riêng, xin gia nhập Câu lạc bộ Liên đoàn quốc gia Anh. Một vài tờ báo đã quảng cáo cho cửa hàng này.

Tháng 5 năm 1956, họ đã được gặp người lãnh đạo, Gordon Lonsdale, mà họ đã biết rõ. Anh xuất hiện với tư cách nhà doanh nghiệp chuyên bán các loại máy, bán bánh kẹo, bán thuốc và bán kẹo cao su tự động... Việc làm ăn của anh rất khá, anh trở thành nhà triệu phú công nghiệp lớn, được chính hoàng hậu nước Anh phong tặng danh hiệu là “Ngài”. Cả ba người hợp sức nhau đào một cái hầm trong nhà, đất đào ra đem trải trong vườn làm bồn hoa. Hầm được trang bị làm phòng điện đài, ăng ten hình sợi xoắn được đặt trên mái. Đến tháng 9 năm 1957, mọi thiết bị phòng điện đài được lắp đặt

xong. Công việc làm ăn của cả ba người đều tốt. Hăng “Edin và Medeya” trở thành thành viên của Hiệp hội buôn sách cũ thế giới, còn Gordon Lonsdale là đại diện cho nước Anh tại triển lãm quốc tế ở Brussel và được huy chương đồng. Peter Kroger cũng đến Brussel, tại đây anh nhận được một chiếc máy thu thanh “Astra” cực nhạy, có cả bản hướng dẫn sử dụng và khoản tiền mua sắm ô tô. Nhưng liên lạc viên báo cho anh một tin buồn: Ở New York, Mark (Abel) đã bị bắt, người ta khám thấy một bức hình có dòng chữ “Moris và Leontina”. Chiều tối anh phải chịu thêm một điều không hay: Cảnh sát xộc vào phòng anh. Nhưng là họ đi tìm một tội nhân nào đó, họ xin lỗi rồi đi.

Bức điện đầu tiên mà Helen nhận được là nhiệm vụ yêu cầu Gordon Lonsdale phải thâm nhập vào Trung tâm nghiên cứu các phương pháp sinh học tiến hành chiến tranh ở Porton. Về phần mình, hai người cũng phát đi thông tin của Lonsdale. Trong phần phụ chú gửi cho vợ chồng Kroger có nói: *“1. Yêu cầu chuyển thông tin của Baron (một trong những điệp viên thu nạp được ở London về cuộc khủng hoảng ở kênh đào Suez). 2. Trong công-te-nơ đó có một văn bản rất quan trọng đánh giá các cuộc tập trận hải quân trong khuôn khổ NATO. Các tài liệu này nhận được từ Shakh. (Garri Frederik Hauton; ảnh này được tuyển mộ năm 1952 ở*



Kênh đào Suez

Ba Lan, làm nghề giải mật mã cho tùy viên hải quân Anh; năm 1955, anh làm việc tại căn cứ hải quân ở Portland), hiện anh này đang làm việc ở Portland, nơi có căn cứ hải quân và có viện nghiên cứu bí mật các thiết bị điện tử, âm thanh từ trường và nhiệt học để phát hiện tàu ngầm, mìn và các vũ khí chống tàu ngầm. Tài liệu này có khối lượng rất lớn, nên phải chuyển sang dạng các chấm nhỏ nhét kín trong sách và chuyển theo địa chỉ mà các bạn đã biết”.

Những tài liệu này được Helen đánh máy lại, sau đó giúp Peter tạo thành các bản chấm nhỏ. Muốn vậy họ đã có máy ảnh, kính hiển vi và các thấu kính. Peter làm thành một cuốn phim ngay tại nhà. Cuốn phim này được dán vào những cuốn sách cũ, trong các lớp bìa cứng mà người ngoài không thể biết được. Sách được gửi cho một người ở một nước Châu Âu rồi chuyển về cho tình báo Xô Viết.

Phần lớn những thông tin từ London đều có ý nghĩa hàng đầu đối với Bộ Quốc phòng, cũng như đối với Viện Nghiên cứu, phòng thiết kế đóng tàu và Bộ Cơ khí.

Chẳng bao lâu sau Hauton lôi kéo được cả người yêu của mình là Etel Gee vào cuộc, làm việc tại Trung tâm Nghiên cứu Khoa học ở Portland, chuyên ngành kiểm kê và nhân bản các tài liệu mật. Bây giờ dòng thông tin và khối lượng công việc đối với các “chủ biệt thự” đã tăng lên rõ rệt.

Lonsdale vẫn xuất hiện với tư cách trợ lý của tùy viên quân sự Mỹ, vì thế Shakh và Asya (tên mọi người đặt cho Etel Gee) tin rằng họ đang làm việc cho người Mỹ.

Công việc được tiến hành rất hiệu quả. Tuy nhiên vẫn phải tính toán cả những bước lùi khi gặp thất bại, cách ứng xử khi bị theo dõi và khi ra toà.

Một vấn đề được đặt ra là tạo quốc tịch Xô Viết cho vợ chồng Kroger. Nhưng bí thư Ban chấp hành Trung ương M. Suslov đã viết trong đơn đề nghị của KGB: *"Vấn đề về vợ chồng Kroger đặt ra còn sớm. Họ có thể phản bội chúng ta. Bao giờ họ trở về Liên Xô, ta hãy xem xét vấn đề thường trú của họ"*. Mãi sau 9 năm họ mới nhận được quốc tịch Liên Xô.

* Chiến dịch giải phóng các "chủ biệt thự"

Cuối năm 1960, cán bộ tình báo Ba Lan Mikhail Golenevski chạy ra nước ngoài. Tên phản bội đã cung khai tất cả, trong đó có Harri Hauton. Bọn phản gián Anh đã theo dõi anh và người yêu Etel Gee, và đã phát hiện mối quan hệ bí mật của anh với Lonsdale, việc theo dõi tiếp Lonsdale lại dẫn đến vợ chồng Kroger. Họ đặt trạm quan sát nhà ở của Kroger. Hai vợ chồng phát hiện được, biết mình đã sa bẫy, liền thông báo cho Trung tâm biết, nhưng chỉ nhận được một điện an ủi: *Tạm thời đình chỉ quan hệ với Trung tâm và Lonsdale*. Ngày 7 tháng 1 năm 1961, lúc 19 giờ 15 phút, cảnh sát vào nhà họ, trong nhà như trong một cuốn phim bạo lực của Holywood: các loại đèn pha, bao nhiêu phóng viên và nhà quay phim. Hai giờ trước đó chúng đã bắt Gordon Lonsdale, Harri Hauton và Etel Gee, tìm thấy nhiều tang vật. Theo thoả thuận từ trước với Lonsdale, họ phải nhận rằng những thiết bị đó là của anh ta. Bị hỏi cung liên miên, hai vợ chồng không nhận mình có tội, không công nhận rằng quan hệ với Lonsdale là hoạt động tình báo. Cuối cùng họ ra toà. Lonsdale tuyên bố rằng hai vợ chồng không có âm mưu bí mật gì với anh, thậm chí nếu như toà có buộc tội họ thì vẫn phải coi anh là người có tội trong mọi trường hợp, dù hậu quả

đối với anh có thể nào đi nữa. Trong lúc thụ án tòa công bố những tư liệu của Mỹ nói rằng vợ chồng Kroger trên thực tế là vợ chồng Koen và đã thấy ảnh họ ở nhà Abel. Vì thế trong bản án tòa nêu tên thật và tiểu sử của họ. Người Anh chỉ không có một điều là bằng chứng về việc họ là điệp viên của Liên Xô mà thôi. Gordon Lonsdale bị kết án 25 năm tù, hai vợ chồng Kroger mỗi người 20 năm, Harri Hutton và Etel Gee mỗi người 15 năm. Sau khi công bố bản án các cơ quan mật vụ Anh vẫn tiếp tục xử lý hai vợ chồng Kroger trong tù. Chúng thuyết phục họ nhận tội hoàn toàn và hứa dành chỗ ở cho họ trong nước Anh.

Tình báo Xô Viết đã tiến hành chiến dịch giải phóng các “chủ biệt thự” nhân danh nước Ba Lan, là nước mà họ là công dân. Lúc đó Ba Lan sẵn sàng giúp đỡ. Tại Ba Lan có “bà cô” của Helen, một bà tên là Maria (cán bộ Cục Tình báo Hải ngoại Xô Viết là Yury Permogorov đóng vai trò này), bà cô này liên hệ với luật sư, bắt đầu thư từ với Helen và đấu tranh để trao đổi cô.

Từ 1965, phía Xô Viết đã đề nghị đổi điệp viên Anh Gerald Bruk lấy vợ chồng Kroger, nhưng người Anh tuyên bố rằng như thế không tương xứng (một lấy hai). Khi Bruk bị đe dọa tăng mức án vì định chạy trốn thì người Anh mới đồng ý đổi. Tất nhiên, phía Xô Viết cũng thả thêm hai người Anh đã mãn án vì tội buôn lậu ma túy. Ngày 24 tháng 10 năm 1969, cuộc trao đổi được thực hiện. Tờ *Thời báo London* viết: “*Người ngoại quốc đến nước Anh vào hôm thứ sáu chắc sẽ nghĩ rằng vợ chồng Kroger là hai vị thượng khách quốc gia, chứ không phải là hai gián điệp...*”, còn tờ *Điện tín* thì nhận xét rằng vợ chồng Kroger lên đường “*cứ như là đôi vợ chồng hoàng hậu*”.

Ngày 17 tháng 11 năm 1969, vợ chồng Koen được trao tặng Huân chương Cờ đỏ và được nhập quốc tịch Xô Viết. Cả hai đều được truy tặng danh hiệu Anh hùng Liên bang Nga, và những con tem kỷ niệm hai người đã được phát hành.

Họ chỉ sống thêm được một ít năm nữa trong niềm vinh quang và sự kính trọng. Cuối năm 1992, còn hai tuần nữa tròn 80 tuổi thì Leontina qua đời, ngày 23-07-1995 Moris Koen cũng ra đi mãi mãi.

RUT KUEN

“NỮ ĐIẾP VIÊN TRẦN CHÂU CẢNG”

Ngày 07 tháng 12 năm 1941, nước Mỹ kinh hoàng khi biết tin hạm đội Thái Bình Dương bị không quân Nhật tiêu diệt gần như hoàn toàn. Người ta đã viết nhiều về những gì xảy ra vào ngày hôm đó và quy lỗi về thảm họa đó cho nhiều người, thậm chí quy lỗi cho cả Tổng thống Mỹ Roosevelt.

Quần đảo Hawai không chỉ là một trong những thắng cảnh đẹp nhất thế giới. Đây còn là nơi thả neo của hạm đội Thái Bình Dương của Mỹ. Chính tại đây, hạm đội này đã bị không quân Nhật tiêu diệt gần như hoàn toàn vào ngày mùng 7 tháng 12 năm 1941.

Dường như Tổng thống Mỹ Roosevelt có biết về cuộc tấn công sắp xảy ra nhưng đã không thi hành bất kỳ biện pháp ngăn chặn nào: Ông cần một cú sốc như vậy cho nước Mỹ để nước Mỹ có lý do chính đáng bước vào cuộc



Tổng thống Mỹ F.D. Roosevelt ký bản tuyên chiến, chính thức đẩy nước Mỹ tham chiến

chiến với chủ nghĩa quân phiệt Nhật và chủ nghĩa phát xít Đức. Nhưng đó là chuyện khác. Điều mà chúng ta quan tâm là những lực lượng ngầm đã góp phần làm hành động của Nhật thành công. Trong số đó có một phụ nữ mà ta có thể mạnh dạn xếp vào hàng ngũ những nữ điệp viên sáng giá nhất của lịch sử thế giới.

* Người đẹp bị “đày” ra Hawaii

Hồi mười tám tuổi, Rut Kuen (gần 1916 - sau 1960), em gái viên sĩ quan tùy tùng của tiến sĩ Gerben, Bộ trưởng Tuyên truyền trong chính phủ Hitler, đã trở thành người tình của viên bộ trưởng đầy uy quyền đó. Mỗi đàn đúm này bị vợ của Gerben là Marda phát hiện. Thường thường, Marda vẫn tỏ ra rộng lượng với những cuộc phiêu lưu tình ái của gã chồng ưa trắng hoa nhưng lần này Marda kiên quyết đòi chồng phải tống khứ người tình của y đi một nơi càng xa càng tốt, “cho dù là đến quần đảo Hawai”. Gerben đành ngoan ngoãn nghe theo vợ và ra những chỉ thị cần thiết.

Theo giới thiệu của Gerben, tiến sĩ Carlo Hawshofe, một nhân vật làm việc trong bộ phận tình báo của Bộ Ngoại giao Đức và có mối liên hệ chặt chẽ với Nhật Bản, đã đứng ra chăm lo cho số phận của Rut Kuen.

Vào những năm trước chiến tranh, Nhật Bản rất cần những điệp viên da trắng để tung vào những nước mà những người có dáng vẻ Phương Đông rất hay bị nghi ngờ. Vì vậy, chỉ sau một thời gian ngắn, Carlo Hawshofe đã báo cáo cho Gerben biết là ông ta đã thu xếp được nơi ăn chốn ở cho Rut Kuen và gia đình cô ta tại đúng nơi mà Gerben yêu cầu. Trước khi lên đường, cả gia đình Rut Kuen đều trải qua một khóa huấn luyện công tác tình báo.

* Cả gia đình cùng là điệp viên

Rut Kuen có một người bố dưỡng tên là Julious Otto Kuen, gốc người Berlin. Trong Thế chiến Thứ nhất, Otto Kuen phục vụ trên tuần dương hạm. Năm 1915, trong một trận hải chiến, chiếc tuần dương hạm này bị đánh đắm, ông ta bị bắt làm tù binh và được đưa về Anh. Tại đây, ông ta mau chóng thông thạo tiếng Anh. Sau chiến tranh ông ta trở về Đức nhưng không tìm nổi công ăn việc làm nên lại phải xin vào phục vụ trong hải quân. Tuy nhiên, vì hạm đội bị giải thể nên ông ta lại thất nghiệp. Ông ta theo học ngành y và đồng thời trở thành một phần tử Quốc xã cuồng tín nhưng không thành đạt trong bất kỳ công việc gì. Bù lại, ngay từ nhỏ, ông ta đã dạy dỗ con gái theo tinh thần Quốc xã. Vốn là bạn thân của Himmler, ông ta hy vọng sẽ nhận được chức vụ giám đốc cảnh sát tại một thành phố nào đó ở Đức, nhưng rồi, vì sắc đẹp và tính tình nồng nức của con gái, ông ta buộc phải lưu đày đến Hawaii.

Ngày 15 tháng 8 năm 1935, cả gia đình Otto Kuen gồm bản thân ông ta, bà vợ Friden, cô con gái riêng Rut của bà vợ và đứa con trai nhỏ của ông ta là Joahim đặt chân đến Hawaii. Chỉ có Leonon, đứa con trai lớn của bà Friden, là ở lại Berlin bên Gerben.

Lý do chính thức của việc gia đình Kuen đến Hawaii là người chủ gia đình - ông Otto Kuen - muốn nghiên cứu tiếng Nhật, còn cô con gái Rut Koen thì mơ ước được nghiên cứu lịch sử quần đảo Hawaii. Hai bố con đi khắp các hòn đảo lớn như Oahu, Hawaii, Malocan, Maui, Cauan và rất nhiều các hòn đảo nhỏ, ghi chép kỹ lưỡng và tỹ mỷ theo thói quen của người Đức và đánh dấu lên bản đồ tất cả những gì mà họ quan tâm.

Chỉ sau một thời gian ngắn, họ có lẽ đã trở thành những người thông thạo nhất địa hình quần đảo Hawaii thời đó.

Gia đình Kuen cùng một lúc phục vụ cho hai nước đồng minh là Đức và Nhật. Tất cả các báo cáo của họ gửi về Tokyo đều được sao lại gửi đến Berlin. Ngoài nghĩa vụ đối với Tổ quốc, họ còn theo đuổi những mưu toan trục lợi. Họ nhận tiền từ cả hai nguồn, và điều này không phải là thừa bởi vì cả hai bố con đều ham thích cuộc sống giàu sang. Khi những người quen biết hỏi về quan điểm chính trị của họ thì họ bao giờ cũng trả lời là họ không ưa thích bọn Quốc xã, còn Rut Kuen thì đáp:

- Tôi còn quá trẻ khi rời nước Đức.

Otto Kuen thường viết bài cho các tờ báo địa phương về những người cư dân cổ trên đảo. Cuộc sống trôi qua êm ả. Gia đình có một ngôi nhà đẹp, một bộ sưu tập các tác phẩm nghệ thuật, một bộ đồ ăn bằng bạc - tất cả cho thấy một cuộc sống giàu sang và có văn hoá. Láng giềng và người quen coi họ là những người sung túc: họ thường xuyên nhận được tiền từ tài sản của họ ở Hà Lan và Đức. Trong ba năm đầu tiên sống ở Hawaii, họ nhận được bảy mươi ngàn đô la do ngân hàng Rotsterdam chuyển qua ngân hàng Honolulu.

Sau này, CIA và tình báo quân sự Mỹ xác định được rằng gia đình Kuen về sau còn nhận được hơn một trăm ngàn đô la nữa. Đó là chuyện không thể giấu giếm được, tuy nhiên, không một ai lưu tâm đến những khoản thu nhập như vậy.

Người chịu trách nhiệm liên lạc là bà mẹ đáng kính của gia đình - bà Friden. Bà ta đã mấy lần mang báo cáo đến Tokyo. Trong một lần đi như vậy, bà ta đã đem về được mười sáu ngàn đô la tiền mặt.

* Nhiệm vụ mới và thành công vang dội của nó

Vào đầu năm 1939, Otto Kuen tuyên bố rằng ông ta cần một nơi yên tĩnh hơn để nghiên cứu ngôn ngữ. Gia đình bán nhà và chuyển tới Trân Châu Cảng, gần nơi neo đậu chính của Hạm đội Thái Bình Dương của Mỹ.

Tại đây, Rut Kuen mở một mỹ viện. Mỹ viện này rất được các bà vợ của giới sĩ quan phục vụ trên hạm đội Mỹ ưa chuộng. Họ gặp nhau tại đây như tại câu lạc bộ, họ vội vã trao đổi tin tức với nhau - nào là về những cuộc bỏ nhiệm mới hoặc về những chức vụ còn bỏ trống, nào là về chồng họ bao giờ lên đường ra khơi và lên đường đi đâu, nào là về những cuộc đón tiếp các con tàu mới đến và đôi khi họ thậm chí còn kể về những đặc tính chiến đấu của những con tàu đó. Đồng thời họ cũng không quên ngồi lê đôi mách về các thủ trưởng của họ - từ tư lệnh hạm đội cho đến chỉ huy những con tàu riêng biệt...

Hàng ngày, Rut và Friden (bà ta cũng làm việc tại mỹ viện) báo cáo cho Otto Kuen biết về những câu chuyện họ nghe thấy. Thông qua hệ thống liên lạc, ông ta báo cáo lại những thông tin ấy cho lãnh sự quán Đức và Nhật.

Một lần, lãnh sự Nhật ở Honolulu là Otohiro Okuda cho người triệu Rut và Otto đến và hội họp bí mật với nhau. Otohiro đề ra cho họ một nhiệm vụ mới là thu thập những tin tức về tình hình trên hạm đội - ngày tháng chính xác con tàu nào ra khơi và trở về, địa điểm chính xác các con tàu bỏ neo, số lượng và các loại tàu. Otohiro cảm ơn họ về công việc họ đã làm và khi đề cập đến công việc mới thì hứa hẹn sẽ trả cho họ nhiều tiền hơn.

Rut yêu cầu trả trước bốn mươi ngàn đô la, nhưng bố cô ta đồng ý chỉ nhận trước mười bốn ngàn đô la, số tiền còn lại sẽ thanh toán sau khi hoàn thành tốt đẹp công việc. Otto Kuen

tổ ra rất lo lắng: họ lấy đâu ra được những tin tức như vậy? Nhưng Rut chỉ cười vang: cô ta đã hứa hôn với một sĩ quan hải quân cao cấp Mỹ và có thể làm được tất cả! Giờ đây, cô ta đứng ra chỉ đạo, còn bố cô ta chỉ



*Hạm đội Thái Bình Dương của Mỹ
trên quần đảo Hawaii*

thi hành các nhiệm vụ cô ta giao cho. Một điều rất có lợi là bố cô ta đã từng phục vụ trong thủy quân và có đầu óc phân tích. Cả hai bố con tạo thành một cặp bài trùng rất đẹp.

Hơn thế nữa, họ còn được cậu bé Hans Joachim lên mười tuổi giúp đỡ. Vốn tính tình vui vẻ và nghịch ngợm, lại lúc nào cũng mặc bộ quần áo kiểu thủy thủ, nên bé Hans được đám thủy thủ rất yêu mến. Họ thường đưa cậu lên tàu và cho cậu xem những thứ “đồ chơi” có trên tàu. Otto Kuen không được phép lên tàu, và ông ta cũng không yêu cầu được lên. Còn Rut thì tìm hiểu qua người sĩ quan bạn trai của mình về tất cả những gì mà đứa em trai Hans nhìn thấy và chú ý. Vả lại, bé Hans do còn nhỏ và ít hiểu biết nên kể lại cũng không được kỹ lắm.

Bản thân Rut cũng đã có lần đặt chân lên tàu theo lời mời của người chồng chưa cưới. Nhưng rồi cô không bao giờ lên nữa bởi vì cô nghe thấy có ai đó nói rành rọt sau lưng cô: “Phụ nữ lên tàu thì thế nào cũng xảy ra tai họa”.

Đồng thời, Rut Kuen sáng chế ra một hệ thống phát tín hiệu từ ngôi nhà nhỏ mà họ mua được cũng tại khu vực Trân Châu Cảng. Nơi nhận những tín hiệu đó là lãnh sự quán Nhật.

Về sau, theo yêu cầu của lãnh sự Nhật, hệ thống này được cải tiến để các tàu chiến thuộc hạm đội Nhật cũng có thể nhận được những tín hiệu đó.

Một hôm, Rut mua ở Honolulu hai chiếc ống nhòm thủy thủ cực mạnh - một thứ đồ khá lạ lùng đối với một cô gái trẻ nhưng cũng chẳng bị ai để ý hay ngờ vực. Tiếp đó, vào ngày mùng 2 tháng 12 năm 1941, hai bố con Otto và Rut Kuen lần đầu tiên thử nghiệm hệ thống phát tin mới. Hệ thống hoạt động rất tốt. Vào ngày hôm đó, lãnh sự Nhật Okuda được họ thông báo những thông tin chính xác về số lượng và các loại tàu chiến cũng như nơi neo đậu tại Trân Châu Cảng. Sáng hôm sau, tổng lãnh sự Nhật Nagoa Kita (ông ta cũng là nhân viên tình báo Nhật) đã dùng máy phát sóng ngắn chuyển những thông tin đó tới trụ sở cơ quan tình báo hải quân Nhật.

Hai bố con Otto và Rut Kuen biết ngày tháng chính xác và thậm chí cả giờ tấn công Trân Châu Cảng. Giờ đây, số phận của hạm đội Mỹ đã nằm trong tay họ.

Trong ngày trước hôm cuộc tấn công nổ ra, hai bố con Rut liên tục truyền đi những tin tức mới nhất, nóng hổi nhất. Chiếc tàu ngầm của Nhật tiếp nhận tin rồi chuyển qua điện đài về Trung tâm. Các tín hiệu radiô đó quả thật có bị cơ quan tình báo Mỹ bắt được. Trước cuộc tấn công 36 tiếng đồng hồ, việc liên lạc trực tiếp qua điện đài vẫn thực hiện liên tục từ lãnh sự quán Nhật về Tokyo để chuyển những tin tức cần thiết, kể cả những tin tức nhận được từ Rut.

Tuy nhiên, cả FBI lẫn cơ quan tình báo và phản gián hải quân Mỹ đều không coi trọng đúng mức những sự việc đó, họ tỏ ra thờ ơ một cách đáng ngạc nhiên.

* Thảm hoạ kinh hoàng

Đúng 8 giờ sáng ngày mồng 7 tháng 12 năm 1941, không quân Nhật gồm một trăm máy bay thuộc lực lượng không lực Hoàng gia đã đồng loạt tấn công nơi neo đậu các tàu chiến thuộc hạm đội Thái Bình Dương của Mỹ cũng như các căn cứ không quân của Mỹ trên quần đảo Hawaii.

Vào thời điểm đó, bảy trong số tám thiết giáp hạm của hạm đội Thái Bình Dương cùng gần tám mươi tuần dương hạm, ngư lôi hạm, tàu thả thủy lôi, tàu vớt mìn và nhiều loại tàu chiến khác đang neo đậu tại Trân Châu Cảng.



Không quân Nhật bất ngờ tấn công hạm đội Thái Bình Dương

Không quân Nhật biết chính xác các mục tiêu của mình: các mục tiêu đó được tính toán cho từng chiếc máy bay căn cứ theo hệ tọa độ mà Rut cung cấp. Cuộc không kích kéo dài tổng cộng một giờ 45 phút, có ngừng 15 phút giữa chừng, kết quả là tất cả các chủ lực hạm và phần lớn những loại tàu khác bị loại khỏi vòng chiến đấu. Hơn ba ngàn rưỡi thủy thủ bị chết hoặc mất tích, gần một ngàn rưỡi người bị thương.

Sau trận đánh đó, hải quân và quân đội Hoàng gia Nhật bắt đầu cuộc diễu hành chiến thắng trên các đảo ở Thái Bình Dương, trên đất Đông Dương, Malaixia và Mianma.

Toàn bộ trận không kích được Rut hiệu chỉnh. Nhờ sự giúp đỡ của Otto Kuen, Rut thông báo về kết quả cuộc dội bom bằng cách phát đi những tín hiệu ánh sáng tới lãnh sự quán

Nhật Bản rồi từ đó chuyển qua điện đài thẳng đến bộ chỉ huy hạm đội Nhật.

Mãi mười lăm phút trước khi kết thúc trận đánh, ba sĩ quan Mỹ mới ngẫu nhiên nhận thấy các tín hiệu ánh sáng và xông vào ngôi nhà của Rut. Nhưng đã quá muộn và không thể ảnh hưởng gì nữa đến số phận của hạm đội Mỹ.

*** Chia tay với cuộc đời tình báo nguy hiểm nhưng đầy hấp dẫn**

Gia đình Kuen bị bắt với đầy đủ tang chứng. Tại toà án, Otto Kuen nhận mọi tội lỗi về mình. Cả vợ và con gái ông ta cũng gánh nhận mọi tội lỗi về mình như vậy. Nhưng toà án lại phán xét theo kiểu riêng: vợ ông ta có vẻ quá dần dộn, còn cô con gái lại quá trẻ đẹp. Bởi vậy chỉ Otto Kuen là bị kết án tử hình. Ông ta đấu tranh một cách tuyệt vọng để bảo toàn mạng sống, ông ta hứa sẽ cung khai với người Mỹ toàn bộ mạng lưới tình báo của Nhật và Đức ở Thái Bình Dương và trong tương lai sẽ hết lòng hết sức phục vụ người Mỹ. Ông ta quả thật đã cung khai mạng lưới tình báo như đã hứa nhưng không vì vậy mà được giảm án. Mãi đến ngày 26 tháng 10 năm 1942, án tử hình của ông ta mới được thay thế bằng bản án năm mươi năm tù tại nhà tù nổi tiếng Antracas ở San Fransisco là nơi không một tù nhân nào vượt ngục nổi. Nhưng đến năm 1948, ông ta được phóng thích và đi đến Argentina.

Bà vợ Friden và cô con gái Rut được toà tha bổng vì không đủ bằng chứng, họ chỉ bị quản thúc cho đến hết chiến tranh. Sau chiến tranh họ trở về Tây Đức và sống khá bình yên - ít ra thì người ta cũng được biết như vậy cho đến năm 1960. Rut đổi tên và làm giáo viên tại một trường phổ thông.

ELIZABETH SHRAGMULLER

BÀ THẦY CỦA TRƯỜNG TÌNH BÁO ĐẦU TIÊN TRONG LỊCH SỬ

Bác sĩ Elizabeth Shragmuller (thế kỷ XX), biệt hiệu “Bà Doctor” là một trong những nữ điệp viên vĩ đại. Một số người còn khẳng định rằng một mình bà có thể giành chiến thắng cả Đại chiến Thế giới Thứ nhất cho vua Đức. Tuy nhiên nếu là một mình thì chưa chắc bà đã tham gia tình báo. “Bà Doctor” là một nhà tổ chức xuất sắc.

Trừ một số rất ít, còn thì các nữ điệp viên Đức không có được cái vẻ duyên dáng, diễm lệ như các bạn đồng nghiệp Pháp. Họ là những người làm việc hết lòng và có phương pháp. Thay vì sức suy nghĩ họ lại có tinh thần kỷ luật cao và tính chăm chỉ. Hơn ai hết “Bà Doctor” đã biết giáo dục cho họ những phẩm chất đó khi bà là người sáng lập trường tình báo đầu tiên trong lịch sử và là tấm gương cho các nữ tình báo thế giới.

*** Người đàn bà thép và khả năng tổ chức đặc biệt**

Trường tình báo do bà Elizabeth Shragmuller sáng lập bắt đầu hoạt động trong thời gian Đại chiến Thế giới Thứ nhất trong thành phố Antwerpen bị chiếm đóng, đây là trung tâm của hoạt động tình báo Đức. Bà đã được dành cho những ngân khoản lớn và điều kiện vô hạn để hoạt động thắng lợi.

Mục tiêu cơ bản của “Bà Doctor” là nước Anh, từ Kornuoll

ở miền Nam đến căn cứ hải quân ở Skapa Floy thuộc miền Bắc. “Bà Doctor” không những chỉ đào tạo và huấn luyện tình báo. Bà còn lãnh đạo một mạng lưới điệp viên từ Boulogne đến Paris, và từ Paris đến biên giới Thụy Sĩ.

Sau này, trong thời gian chiến tranh, phạm vi hoạt

động của bà còn mở rộng đến các nước Bắc Âu và Tây Ban Nha. Thường thường Bộ Tổng tham mưu Đức tin tưởng các thông tin của bà hơn là những văn kiện và báo cáo của Cục Tình báo quân sự.

Bà Elizabeth Shragmuller là một phụ nữ duyên dáng, một nhà ngôn ngữ hàng đầu, và hơn thế nữa, bà còn có khả năng tổ chức đặc biệt và có nghị lực. Bà có thể giành thắng lợi trong bất cứ lĩnh vực hoạt động nào. Elizabeth luôn luôn giấu đi tuổi tác của mình, nhưng có thể đoán được rằng bà độ bốn mươi lăm khi bà lãnh đạo trường. Quá khứ của bà như trong sương mù, nhưng người ta biết rằng bà là con gái một sĩ quan

Phổ đã về hưu. Trước chiến tranh bà đã đi du lịch qua Pháp, Hà Lan và Anh dưới cái tên là nữ công tước d'Aspremont và nữ bá tước de Luven, bà đã giả danh làm một nhà quý tộc Bỉ, điều đó không khó khăn gì vì bà nói tiếng Pháp cực chuẩn. Chẳng bao lâu sau ngày bà nhậm chức trong trung tâm tình báo ở Antwerpen, bà khẳng định rằng nhiều tình báo được đào tạo kém. Một số người, chẳng hạn, “Lodi” đã bị bắt và bị xử tử. Những mật vụ mà bà đã gặp chủ yếu là những người làm thuê



*Thành phố Antwerpen - nơi trường
tình báo đầu tiên được thành lập*

cố gắng kiếm thật nhiều tiền mà lại ít rủi ro nhất. Bà bắt tay vào việc cải tổ trung tâm tình báo với một sự khắc nghiệt được tính toán kỹ lưỡng, khi bà tin rằng để thực thi kỷ luật trong cái tập thể đa dạng này cần phải bắt các nhà tình báo và điệp viên sợ bà hơn là sợ địch. Bà đã thắng lợi. Chỉ cần bà nghi ngờ một người nào đó không tận tâm và thiếu chút ít trung thực là bà giao cho người đó một nhiệm vụ khá dễ dàng. Khi điệp viên vào tới đất địch, bà cố gắng sao cho cơ quan phản gián của địch biết là có “một ông khách bất đắc dĩ”. Điệp viên đó bị bắt và bà có cách để đưa anh ta ra toà. Tại Pháp những điệp viên bị phát giác thường sẽ bị bắn bỏ, đôi khi bị chém đầu, còn ở Anh thì bị treo cổ hoặc bị bắn chết. Điều đó gây ấn tượng khủng khiếp cho các học trò. Họ được biết rõ vì sao bạn họ phải chết và chết ra sao. Bằng cách đó bà đã “nhỏ được cỏ dại” trong ngôi trường mà giờ đây ít người sợ bà hơn, nhưng lại trung thành hơn. Đôi khi bà đưa một điệp viên giỏi hơn đến đúng cái nơi mà người kém đã chết. Bọn Anh hay Pháp vừa mới bắt được một tình báo Đức nên có mất cảnh giác chút ít, và người thứ hai có thể hoàn thành tốt nhiệm vụ mà không có sự phá rối của cơ quan phản gián. “Bà Doctor” không quên nhắc đi nhắc lại rằng các học trò của bà phải rất trung thành để có thể được nhận một nhiệm vụ quan trọng hơn và được trả tiền cao hơn.

R.V. Royan, nhân viên của cơ quan phản gián của Liên bang, người chuyên nghiên cứu các phương pháp của “Bà Doctor” đã kể lại một chuyện. Quân Đồng Minh đã rất nỗ lực để chui vào trung tâm Antwerpen. Họ đưa được vào đó một người Bỉ. Đó là một thành công vô giá. Nhưng trước khi anh ta chiếm được lòng tin của “Bà Doctor”, anh ta có nghe bà nói rằng bà đã cử đến Scotland một người xuất sắc. Từ Scotland

người đó sẽ phải tới Paris. Anh chàng người Bỉ vội vã báo tin đó về Paris và London. Tại Scotland người ta quyết định không đụng đến điệp viên, và theo đúng mệnh lệnh, anh ta sang Paris. Nhưng vì không ngờ nên anh ta bị bắt ở Dunkinrt và bị buộc tội gián điệp. Không biết bằng con đường kỳ lạ nào mà bà biết được chuyện đó sau 2 ngày. Bà gọi anh chàng người Bỉ lên văn phòng và kể chuyện về sự thất bại nhanh chóng không ngờ tới đó. Bà cũng nói rằng chỉ có hai người biết nhiệm vụ này là bà và anh chàng người Bỉ. Nói tới đó bà bình thản lấy súng lục trong ngăn kéo ra và bắn luôn, không thèm nghe những lời thanh minh.

* Huyền thoại về “Bà Doctor”

“Bà Doctor” là một phụ nữ tuyệt vời. Bà là người đầu tiên được biết rằng quân Đồng Minh có ý định sử dụng một vũ khí bí mật mới - xe tăng. Quân Đồng Minh đã rất nỗ lực giữ bí mật loại vũ khí này, và khi nó xuất hiện trên chiến trường, thì đó là điều bất ngờ đối với quân Đức và nó đã làm thay đổi đáng kể tiến trình của Đại chiến thế giới Thứ nhất. Tuy nhiên tình hình có thể khác. Thông tin về xe tăng bà được nghe qua câu chuyện của Lizzi Vertheim. “Bà Doctor” đã gửi 3 bản báo cáo cho người đứng đầu Bộ Tư lệnh Đức, tướng fon Falkenhayn, về xe tăng của Anh. Trong bản báo cáo cuối cùng bà đã mô tả tỷ mỉ cấu trúc và trang bị của chúng. Nhưng các cố vấn kỹ thuật lại tuyên bố rằng những báo cáo đó là bịa đặt và không đáng chú ý. Một chuyên gia còn đánh giá xe tăng là trò ảo thuật và viết nhận xét: “Cái gọi là xe tăng thật vô ích trong cuộc chiến đấu chống lại pháo binh và các loại mìn hạng nặng”. Chẳng bao lâu sau, trong

trận đánh ở Kambre, quân Anh đã sử dụng 300 chiếc xe tăng “vô ích”. Chúng đánh bại quân đoàn Đức số hai. Sau này nhiều chuyên gia coi đó là bước ngoặt của Đại chiến Thứ nhất. Lời nói của “Bà Doctor” đã được khẳng định, nhưng phải trả một cái giá ghê gớm! Phản ứng của bà ra sao? Bà chỉ gửi một báo cáo chi tiết về trận Kambre cho chính cái ông chuyên gia mắc sai lầm thảm hại. Kèm theo báo cáo bà gửi một khẩu súng lục. Ông hiểu được thâm ý rõ ràng của bà và đã tự sát bằng khẩu súng mà “Bà Doctor” cẩn thận gửi cho. Có lẽ đây là một chuyện huyền thoại, nhưng là chuyện hay. Cần phải nói rằng xung quanh bà có nhiều chuyện như vậy.

Lizzi Vertheym, người đưa chuyện về xe tăng, đã bị phản gián Anh bắt, bị kết án 10 năm tù và đã chết ở Eylsbersh hai năm sau ngày đình chiến. Bạn cặp đôi với cô - George Breekov - làm việc tại Anh dưới cái tên Redzhinald Roland, bị xử bắn ở Tower London. Cả hai là những học trò xuất sắc của trường Antwerpen.

* “Bà Doctor” và bộ mã khôn ngoan

“Bà Doctor” còn nghĩ ra mấy bộ mã khôn ngoan để truyền thông tin từ Anh về bản doanh của bà. Có hai điệp viên của bà là Marinus Jhansen và Hans Rooz làm việc tại Anh dưới dạng đại diện cho hãng thuốc lá “Dirks và Kompania”. “Công việc” mà họ phụ trách tại hậu phòng của văn phòng nhỏ ở London đã được “Bà Doctor” sắp xếp từ trước chiến tranh. Bọn kiểm duyệt thư tín Anh thường hay nghi ngờ những bức thư mà văn phòng này nhận được cùng những hợp đồng lớn đặt mua thuốc lá. Nhu cầu đặt mua nhiều không tưởng tượng được. Nhiều hơn nữa là những đơn đặt mua từ các quân cảng - Portsmut,

Chetam, Devenport và Duvr. Những hợp đồng này gửi cho Jhansen và Rooz, hai người này có hộ chiếu Hà Lan, sau đó chúng được gửi cho văn phòng chính của hãng tại Rotterdam. Mật vụ Anh ở Hà Lan dễ dàng xác định được rằng sự thực thì cái hãng ở Rotterdam chỉ là chi nhánh tổ chức của “Bà Doctor”. Mật mã của bà khá đơn giản. Thí dụ, Jhansen và Rooz gửi đi một bức điện yêu cầu gửi thuốc lá xì gà: “10.000 La Habana”, “4.000 Rotshild”, “3.000 Koronas”. Bức điện gửi từ Portsmut. Như thế nghĩa là tại cảng đó có 10 tàu ngư lôi, 4 tàu tuần tiểu và 3 tàu thiết giáp. Jhansen và Rooz đã bị bắt, bị kết án tử hình và đã bị bắn.

Một bộ mật mã khác của “Bà Doctor” có liên quan đến việc sử dụng các bộ sưu tập tem. Bà đã cử đi London hai điệp viên xuất sắc nhất Josef Marks và “Suzetta”, tên thật của cô không ai được biết. Họ có hộ chiếu giả của Hà Lan, có một khoản tiền lớn và một cuốn album tem thư. Bộ mã của “Bà Doctor” sau này được nhiều cơ quan mật vụ khắp thế giới sao lại. Những con tem nước ngoài được coi là biểu tượng của các đơn vị hải quân như tập đoàn, vũ khí, cảng, công sự, đạn dược, thậm chí là con người. Con tem của Peru năm 1897 vẽ cây cầu Paukartambo là cảng quân sự Fert-of-Forte, con tem phát hành ở Haiti năm 1904 vẽ các quân nhân là biểu tượng khí tài. Những con tem của đế chế Anh và các thuộc địa Pháp đều là những quy ước gì đó trong bộ mật mã. Những điệp



“Bà Dotor” đã sử dụng các con tem để tạo thành một bộ mật mã

viên Đức chỉ việc cài vào những văn bản chung chung những con số cần thiết, hoặc nêu những con số trong số lượng những con tem mà họ muốn mua hoặc bán.

Những chuyện đó theo con mắt của những người không chuyên nghiệp là một hệ thống những thuật ngữ chuyên ngành hoặc những lời nói lóng của những người trong hội chơi tem. Bằng cách này Josef và “Suzetta” đã trao đổi thông tin về các lực lượng phòng thủ của nước Anh. Nhưng cuối cùng Marks đã bị phát hiện và bị phản gián Anh bắt được. Anh đã nói với người theo dõi anh rằng bây giờ đối với anh thì nhà tù là nơi an toàn duy nhất, nơi anh trốn khỏi “người dân bà Antverpen”. Marks đã bị kết án, còn “Syuzetta”. cô gái Pháp khôn ngoan, cô học trò của “Bà Doctor”, thì không hề hấn gì cả.

*** “Eva Thụy Điển” - cô học trò thừa dũng cảm nhưng thiếu sự khôn ngoan**

Chúng tôi đã nói rằng các cô điệp viên Đức là những người dũng cảm, quên mình, nhưng họ lại thiếu khả năng ứng phó và sáng tạo, vốn là thuộc tính của các bạn đồng nghiệp Pháp. Vì thế người Đức thường đi mượn các cô gái nước ngoài. Cô “Eva Thụy Điển”, một trong những người tốt nghiệp trường điệp viên của “Bà Doctor”, có thể được coi là một ví dụ điển hình.

Bố cô Eva de Burnonvil là người Thụy Điển (gia đình ông từ Pháp sang cùng với đô đốc thời Napoleon Bernadott), mẹ cô là người Đan Mạch. Eva đi làm gia sư cho một gia đình Đức giàu có ở vùng Pribaltika. Thời gian này cô có quen với một bà người Anh có tước hiệu. Về sau cô bỏ làm và quyết định kinh

doanh nhà hát, nhưng không thành, vì thế cô phải đổi mấy nơi làm việc. Cô trở về Stockholm. Tại đó, năm 1915, cô được tuyển mộ vào mật vụ Đức và được đưa vào trường của “Bà Doctor”. Khi Eva kể chuyện rằng có quen một bà mệnh phụ người Anh, cô được yêu cầu viết cho bà ta một lá thư xin được sang Anh để học tiếng. Vì là công dân của nước Thụy Điển trung lập nên cô không gặp khó khăn, và sau mấy tuần cô đã được sang London. Cô thuê một căn phòng đầy đủ tiện nghi ở Blumsberi, từ đây cô viết thư cho bà người Anh, trong đó có nhắc đến chuyện cô muốn giúp cho nước Anh đang tham chiến. Kết quả, người ta cho cô làm nhân viên kiểm duyệt tại trạm điều tra thư tín (nhờ cô biết nhiều ngoại ngữ). Tại đó cô đã kiểm duyệt cả những “thư từ của người mình” gửi đi Stockholm và Copenhagen, theo những địa chỉ mà tình báo Đức đã cho cô. Nhưng Eva còn là một điệp viên biết quan tâm đến mọi chuyện. Cô thường đặt ra những câu hỏi tới tấp cho các bạn mới. Vào lúc này các khinh khí cầu của Đức thường bay sang London và Eva công khai hỏi về kết quả của chúng, nơi nào có các bệ pháo, có bao nhiêu pháo, nòng pháo bao nhiêu, pháo kích thế nào... Một hôm cô cùng một người quen đi qua công viên Finsberi.

- Ôi, đây là công viên Finsberi! Pháo đặt ở đâu nhỉ?

Đối với người Anh, cô tỏ ra rất trong sáng, rất vô vạ và rất ham học hỏi. Trong Đại chiến thế giới Thứ nhất nghề điệp viên rất được phổ biến, và người ta thường nghi ngờ tất cả những người nước ngoài là gián điệp. Tính tò mò thái quá của cô đã được báo cáo cho cảnh sát. Mặc dù lúc ấy cô chưa bị nghi ngờ, nhưng bọn phản gián đã “để mắt đến”. Lúc này cô phạm phải một sai lầm thô thiển, cô đã đến một khách

sạn, nơi có các sĩ quan nghỉ phép. Chẳng bao lâu sau cô quen được một số người. Cô muốn gây ấn tượng với họ bằng những câu chuyện về ông bố cô là tướng quân trong quân đội Đan Mạch, và về bà cô là giáo viên dạy nhạc cho nữ hoàng Alecsandra. Các sĩ quan trẻ tuổi không mấy quan tâm đến họ hàng của Eva, nhưng một vài người đã nhận thấy rằng cô rất thích hỏi xem họ ở đơn vị nào, đóng quân ở đâu và vũ khí ra sao. Người ta đã báo cáo cho một sĩ quan cấp trên, người đó lại báo cho Cục Phản gián. Chánh thanh tra Kanning trực tiếp theo dõi. Anh ta là “một trong hai chàng Albert”, là hai chuyên gia phản gián cỡ lớn, đã thành công trong nhiều vụ phát hiện gián điệp. Vào một đêm năm 1915, anh ta cùng với chàng Albert kia, chánh thanh tra Foster, đã tóm gọn được 9 điệp viên Đức. Kanning quyết định tha miễn tính tò mò của Eva về hoạt động quân sự.

Có hai sĩ quan trẻ tuổi đã được biết về một loại vũ khí mới rất bí mật, nhưng tất nhiên là không có thật. Họ chia sẻ tin này trong khách sạn với cô gái nước ngoài xinh đẹp. Bây giờ bọn phản gián thận trọng kiểm tra mọi bức thư có trong tay Eva. Chẳng bao lâu sau họ giữ được hai bức thư gửi đi Copenhagen, trong đó có nhắc đến việc cung cấp loại vũ khí mới bí mật cho quân đội Anh. Họ dễ dàng đoán được rằng chính Eva viết những bức thư đó. Việc theo dõi tiếp tục đã cho những bằng chứng mới. Công việc nhân viên kiểm duyệt quân sự của Eva chỉ kéo dài được vài tháng. Ngày 12 tháng 1 năm 1916 cô bị đưa ra toà. Tại Anh phụ nữ thường không bị tử hình, vì thế án tử hình của cô được nhà vua George V đổi thành án tù chung thân. Năm 1922, cô được trả về nước từ nhà tù Eylsberi.

* Kết cục của người đàn bà huyền thoại

Nhưng bây giờ chúng ta quay lại chuyện về “Bà Doctor”. Quả thật bà là một trong những nhà hoạt động gián điệp xuất chúng.

Tình báo viên Anh Ernst Kukridzh đã gặp bà nhiều năm sau chiến tranh khi bà đã nghỉ việc. Ông ta nói rằng vì công sức của bà mà các chính phủ Đồng Minh có thể quyết định rằng sau khi nước Đức đại bại bà Elizabeth Shragmuller đã không bị bắt. Bằng cách đó các ông trùm các Cục Tình báo Anh và Pháp đã bày tỏ lòng ngưỡng mộ đối với người phụ nữ phi thường, con người đã nhiều lần đem họ ra làm trò chơi. Những khoản tiền lớn mà bà nhận được của Bộ Tổng tham mưu Đức đã biến thành số không vì cuộc lạm phát sau chiến tranh. Bà bị bỏ mặc cho số phận, sống nốt cuộc đời trong nghèo đói, vì thế mà bị ho lao, sống thâm lặng bằng đồng lương hưu ít ỏi ở Thụy Sĩ. Khi Kukridzh làm việc ở Geneva tại bản doanh của Hội Quốc Liên, năm 1934, ông nghe nói rằng “Bà Doctor” dường như sắp chết ở Duyrich, ông có viết cho bà một bức thư mong được gặp mặt. Bà đồng ý. Người phụ nữ ốm đau sáu mươi tuổi vẫn có tinh thần khoẻ mạnh và trí nhớ minh mẫn. Bà không giấu giếm niềm tự hào khi kể lại một số chiến tích của mình. Ông hỏi bà về Mata Hari, bởi vì lúc đó có cả một làn sóng những câu chuyện không đầu và những truyền thuyết về cô trăn ngạt các quân sách ở Châu Âu.

- Nếu bao giờ có một cô bé gốc nghềch tự đào huyệt chôn mình, thì đó chính là cô bé đáng thương Gershi. Đó là cái tên chúng tôi gọi Gertruda Tselle, tức là Mata Hari. Đó là một điệp viên rất không có hiệu quả. Tôi có ý định đào tạo cô ta, nhưng cô không đủ tri thức, và theo ý kiến của cô ta, thì làm

gián điệp có nghĩa là phải chung sống được với những người đàn ông có quyền thế. Chúng tôi không bao giờ nhận được của cô ta một tin gì đáng kể. Quả thật là cô ta có lỗi vì đã bị người Pháp xử tử. Đó là một cô gái gốc nghềch, buôn chuyện quá nhiều...

Bà tự hào nói với ông rằng trong chiến tranh bà đã làm những việc không kém gì nam giới. Bà say mê nghề tình báo cũng như những người khác say mê leo núi hoặc đánh cờ vậ. Những người như bà thật là nguy hiểm.

Tuy nhiên ta cũng không nên hoàn toàn tin lời Kukridzh, ngay cả chuyện ông có gặp bà. Theo những nguồn tin khác, bà sống ở Duynich cho đến khi mất vào năm 1940 và là giáo sư một trường tổng hợp. Giới tuyên truyền của phát xít thích sử dụng cái tên “Bà Doctor”, nói đúng hơn, họ thích những chuyện huyền thoại về bà để thổi bùng lên tinh thần quốc gia Đức. Người ta cũng đã dựng một vài cuốn phim về cuộc đời là thật hoặc là ảo của bà.

MARGARITA CONENCOVA

MỐI TÌNH CUỐI ĐỜI CỦA NHÀ BÁC HỌC ALBERT EINSTEIN

Năm 1998, Hãng Sotheby ở London tổ chức bán đấu giá chiếc đồng hồ cá nhân cùng ảnh và một số bức thư của nhà bác học vĩ đại gửi cho một phụ nữ Nga tên là Margarita Conencova (1896-1980). Mỹ nhân này vốn là vợ nhà tác tượng nổi tiếng Conencov, có mối quan hệ thân thiết với Einstein trong gần một thập niên. Khi đó, một chuyên gia của Hãng Sotheby đã nêu lên giả thuyết rằng, thông qua Margarita, Einstein đã cung cấp cho Mosca không ít thông tin tuyệt mật liên quan tới việc chế tạo bom nguyên tử. Cơ quan an ninh Nga tất nhiên là đã phủ nhận giả thuyết này. Thế nhưng, gần đây, trên tạp trí Nga Itogi trong số ra ngày 24 tháng 7 năm 2001, lần đầu tiên đã tìm được dấu mỗi tư liệu để chứng minh rằng giả thuyết nêu ra năm 1998, không phải là không có lý.



Margarita (họ thời con gái là Vorontxova) thuộc típ người vẫn được xếp vào lớp “phụ nữ định mệnh”, những người đàn bà



*Nhà văn Nga Ivan Bunin
(1870-1953)*

vừa đẹp lại vừa thông minh trong một gia đình quý tộc tỉnh lẻ, đến tuổi cập kê, Margarita được cha mẹ cho lên Moscva theo học Đại học Luật. Nơi tá túc tạm thời của cô chính là biệt thự của Ivan Bunin, nhà văn Nga nổi tiếng về sau được giải Nobel văn học. Chính ở trong môi trường đó, cô gái tỉnh lẻ sớm biết mùi vị cuộc sống nghệ sĩ thượng lưu, Margarita từng chơi thân với gia đình ca sĩ vĩ đại Phedor Saliapin, thiếu chút nữa thì trở thành con dâu của ông. Cô như thể vô tình

còn làm cho cả Bunin cũng phải xao xuyến và ông nhà văn trung niên này có lúc đã trở nên giống một cậu con trai mới lớn, ngượng ngịu tỏ tình với cô... Câu chuyện oái ăm với Bunin đã làm hỏng cơ hội để cô lọt vào nhà Saliapin. Tuy nhiên, vốn nhan sắc mặn mà, Margarita đã chiếm được cảm tình của một nhà tạc tượng trẻ tên là Piot'r Bromirski. Hai người đã hứa hôn với nhau.

Bromirski vốn bản tính thật thà. Lọt vào mắt xanh của mỹ nhân rồi, anh mang bức ảnh chụp cô người yêu vừa tròn hai mươi tuổi của mình cho Sergei Conencov, bạn đồng nghiệp vừa lớn tuổi hơn, vừa tài năng hơn gấp bội phần xem. Lúc này, Conencov, ở tuổi 42 đang cô đơn vì người vợ đầu tiên đã bỏ ông đi. Dĩ nhiên là trái tim bị hư hao nhiều vì những buồn tủi của Conencov đã cảm thấy ấm lại ngay khi ông nhìn thấy gương mặt khả ái và dịu dàng của Margarita. Về sau ông kể lại: "Cô gái trong ảnh tuyệt vời tới mức tôi cứ ngỡ đó là một tác phẩm

nghệ thuật của một danh họa nào đó mà tôi còn chưa được biết tên. Hoàn mỹ nhất là dáng vươn đầu. Và đôi tay nữa, đôi tay thật mỹ lệ, với những ngón tay thanh mảnh. Tôi chưa từng được thấy đôi tay như thế bao giờ"... Rồi Conencov nhờ Bromirski dẫn ông lại nhà Bunin chơi để "mục kích sở thị" vị hôn thê của bạn. Ngay trong lần hạnh ngộ đầu tiên, Margarita đã làm chàng họa sĩ đã từng qua mọi "lửa, nước và ống đồng" của tình trường phải rung động tới rơi nước mắt. Trong lúc mọi người chỉ tìm rượu uống thì cô, thực ra cũng nếm không ít mùi đời rồi, lại "ngây thơ" xin nước quả. Thế là chàng họa sĩ tưởng như mình đang gặp một tiên nữ trinh trắng nhất đời không may bị lạc vào chốn tục tử phàm phu. Thế là lửa đã bén và Conencov lặn lội về quê Margarita xin cha mẹ cô cho cưới cô. Là những nhà quý tộc chất phác, cha mẹ Margarita dĩ nhiên là từ chối chàng họa sĩ tuổi gấp đôi con gái mình, lại luôn bị tai tiếng đào hoa. Thất vọng trở lại Moscva, Conencov tự giam mình trong phòng kín, cố hình dung ra gương mặt ý trung nhân và tạc tượng cô. Cảnh chán đơn gối chiếc này không kéo dài được lâu vì mấy ngày sau, Margarita đã tìm tới nhà Conencov, tình nguyện "cho không, biếu không" mọi thứ để nâng khăn sửa túi cho chàng. Họ sống với nhau ở nước Nga trong cuộc hôn nhân không giá thú nhiều năm liền. Margarita với phẩm mỹ tinh tế và thân hình tuyệt đẹp của mình đã giúp cho Conencov sáng tạo nhiều tác phẩm để đời của ông. Năm 1923, với danh nghĩa vợ chồng chính thức, cả hai cùng sang Mỹ dự một cuộc triển lãm quốc tế. Họ chỉ trở về Moscva sau đó hơn 20 năm. Tại Mỹ, sức hấp dẫn của Margarita theo dòng thời gian không những không suy giảm mà lại có phần tăng thêm vì cách ứng xử khéo léo và tinh tế bẩm sinh. Chính ở Mỹ,

bà đã làm cho nhiều nam văn nghệ sĩ Nga lúc đó đang cư trú ở đây phải chết mê chết mệt. Trong số này có những tên tuổi rất quen thuộc như nhà soạn nhạc Sergei Rakhmaninov hay chính ông bố chồng hệt của bà là ca sĩ Phedor Saliapin... Là một họa sĩ, lại hơn vợ quá nhiều tuổi nên Conencov “mũ ni che tai” trước mọi chuyện “hoa lá cành” của vợ mình. Thực ra, lúc này, quan hệ giữa họ mang tính anh em, đồng chí nhiều hơn là phu phụ.

Khi đó, Margarita đã có những mối liên hệ bí mật với Dân uỷ Nội vụ, Cơ quan an ninh của Liên Xô, tiền thân của KGB. Trong lịch sử Xô Viết, đã có không ít những điệp viên bán chuyên nghiệp hoặc chuyên nghiệp như vậy. Họ thường là chồng hoặc vợ hoặc là con cháu của những văn nghệ sĩ nổi tiếng. Chồng của nữ sĩ Marina Xvetaeva, cháu gái của văn hào Anton Chekhov... khi ra nước ngoài cư trú đều đã cộng tác với cơ quan an ninh Liên Xô Dân uỷ Nội vụ.

Theo trung tướng Pavel Sudaplatov, Cục trưởng Cục NDVD - KGB, tại Mỹ, phu nhân của nhà tác tượng hoạt động dưới sự chỉ đạo của Lisa Zarubina, vợ trưởng cơ quan điệp viên an ninh Liên Xô ở nước này, Margarita đã làm quen được với Einstein và một nhà vật lý vĩ đại khác là Jacob Oppenheimer. Oppenheimer là tác giả của nhiều công trình về vật lý lượng tử. Năm 1943, ông được bổ nhiệm làm giám đốc Trung tâm Los Alamos và cùng



Nhà bác học Albert Einstein và Margarita Conencova

một nhóm của nhà vật lý khác chế tạo ra một trong những quả bom hạt nhân đầu tiên (bom A)... Chính Margarita và chồng bà đã thuyết phục Oppenheimer nhận về phòng thí nghiệm của mình một số nhà vật lý có tư tưởng thiên tả và ủng hộ Liên Xô, trong số này hiển nhiên là có những điệp viên của Moscva.

Einstein lần đầu tiên bước vào phòng làm việc của gia đình Conencov là vào năm 1935. Khi ấy, trường Đại học Priston đặt Conencov làm một bức tượng chân dung của nhà bác học vĩ đại. “Lòng vả cũng như lòng sung”, tác giả của thuyết tương đối đã không thoát khỏi lực hút của Margarita. Bản thân bà cũng cảm nhận được những ấn tượng rất sâu sắc về Einstein: “Ông ấy là người rất khiêm nhường, không thích của cuộc hội hè, thường hay nói đùa là mình nổi tiếng chỉ vì có mái tóc xù như sư tử. Trong lúc chồng tôi vẽ chân dung ông, ông kể rất sinh động và mê say về thuyết Tương đối của mình. Tôi chăm chú lắng nghe nhưng còn rất nhiều điều không hiểu nổi. Sự chăm chú của tôi động viên được ông ấy, khiến ông vớ lấy tờ giấy vẽ sơ đồ và hình họa để thuyết minh cho tư tưởng của mình. Đôi khi những lời diễn giải bỗng thay đổi tính chất, chuyển thành chuyện đùa. Chính trong một thời điểm như vậy chúng tôi đã cùng vẽ một bức chân dung Einstein và ông ấy đã nghĩ ra cái tên tác giả là Almar (Albert + Margarita)”.

Vào thời điểm này, Einstein đã 56 tuổi, còn Margarita 39 tuổi; những tưởng cả hai đều đã “no xôi, chán chè” trong cảnh ngộ sôi động, nhiều đa đoan của mình. Lúc này, Einstein đang sống cùng người vợ thứ hai. Còn Margarita, xét theo các bức tượng mà chồng bà tạc nên nhờ bà làm mẫu đã bước vào thu: thân hình không còn thon thả, trái tim đã mệt mỏi vì những cảm xúc mạnh...

Thế nhưng, đúng như Puskin từng viết, “mọi lứa tuổi đều hàng phục tình yêu”, nếu đó là tình yêu đích thực. Người ta yêu nhau lắm khi không phải vì nhan sắc hay lợi lộc. Lửa gần rơm chỉ ít ngày đã bén. Và Einstein, một trí tuệ khoa học khô khan thuần túy đã xao động trước Margarita đến nỗi bạo phổi viết luôn một bài sonat, tạm dịch nghĩa ra tiếng Việt như sau:

*Hai tuần anh ám ảnh em hoài
Và em viết rằng em không vừa ý,
Nhưng em ơi hãy hiểu là bao kẻ
Cũng ám ảnh bằng chuyện kể về em
Em không thể rời tổ ấm thân quen
Bất hạnh ấy là của chung hai đứa
Xuyên thủng khung trời như định mệnh ngàn thu
Đầu âm u như một tổ ong ù
Trái tim và đôi tay đều như nhau bất lực.
Hãy tới Priston với anh trong đời thực
Để nghỉ ngơi, để tĩnh tâm đôi chút
Ta sẽ cùng đọc Lev Tolstoi
Em sẽ ngược nhìn anh khi mệt mỏi
Đôi mắt dịu dàng êm ái bình yên
Và anh thấy ánh trời sáng bừng lên
Em vẫn nói em yêu anh,
Có thể,
Nhưng cuộc đời không phải là mê
Anh khẩn tình yêu hãy tới
Giúp chúng mình hai đứa cận kề đôi...*

Với sự bàng quan gần như đồng lõa của nhà tặc tượng

Conencov, trong nhiều năm liền, Einstein và Margarita thường xuyên gặp gỡ nhau, cùng nhau nghỉ hè... Einstein còn tế nhị tới mức viết một lá thư cho Conencov rằng, theo ý kiến của một bác sĩ bạn của nhà bác học, Margarita nên thường xuyên tới vùng Saranak Lake nghỉ vì ở đó có khí hậu thích hợp với những người mắc một căn bệnh bí hiểm như bà. Ai cũng biết rằng tại khu vực đó, Einstein luôn duy trì du thuyền nổi tiếng của mình và ông cũng đã thuê tại đó ngôi nhà số 6.

Thông qua Einstein, Margarita đã thu nhận được những thông tin cần thiết về quá trình chế tạo bom nguyên tử ở Mỹ, đồng thời cũng “cấy” được thêm những điệp viên khác vào môi trường thân cận với nhà bác học đại tài. Nhờ Einstein, bà đã biết ngày Mỹ thử quả bom nguyên tử đầu tiên (16 tháng 7 năm 1945) tại bang New Mexico hai tuần trước khi sự kiện này diễn ra. Tin lập tức được Dân uỷ Nội vụ chuyển tới lãnh tụ Stalin. Chính thế nên ngày 18 tháng 7 năm 1945, trong phiên khai mạc hội nghị Postdam, khi Tổng thống Mỹ Schuman thông báo về việc Washington đã chế tạo được loại vũ khí mới “có sức công phá khủng khiếp”, Stalin vẫn bình thản như không. Thủ tướng Anh Churchill, được biết chuyện này trước đó vài giờ, đã tưởng rằng Stalin không hiểu gì từ những điều mà Schuman nói. Thực là “bé cái lăm” vì ngay trong ngày 18 tháng 7, Liên Xô đã ra sắc lệnh số 9887 về việc bắt đầu đưa vào thực hiện kế hoạch sản xuất bom nguyên tử và giao cho lãnh đạo cơ quan an ninh lúc đó là Beria thu thập những thông tin đầy đủ hơn về công nghiệp chế biến Uran làm bom nguyên tử. Lúc này, tình báo Xô Viết đã thu lượm được khá nhiều thông tin về bom nguyên tử Mỹ nhưng vẫn chưa đủ để tự mình sản xuất bom nguyên tử. Trách nhiệm nặng nề rơi xuống vai người đàn bà khả ái Margarita. Lúc này

gia đình bà rất muốn hồi hương và điều kiện chủ yếu để đạt được nguyện vọng này là phải làm sao để Einstein cung cấp thêm thông tin về việc chế tạo bom nguyên tử. Bà đã tổ chức cho Einstein làm quen với một điệp viên Xô Viết chính gốc khoác áo ngoại giao tên là Pavel Mikhaïlov. Thậm chí, cuối tháng 8-1945, bà còn phải chơi bài ngửa với nhà bác học, buộc Einstein phải hiểu rằng, nếu bà không hoàn thành nhiệm vụ này thì bà có thể gặp rắc rối to ở quê hương mình.

Theo chứng nhận của tạp chí *Itogi*, Einstein đã làm mọi việc để giúp Margarita, tình yêu cuối cùng của cuộc đời ông. Tất nhiên, để có được đầy đủ những bí mật về bom nguyên tử Mỹ, Tình báo Xô Viết không chỉ thông qua Einstein mà còn tiếp cận hàng loạt các nhà khoa học khác ở Mỹ. Margarita chỉ là một mắt xích trong cả chuỗi chiến dịch đặc biệt đó, nhưng là một mắt xích quan trọng.

Hoàn thành nhiệm vụ, gia đình Conencov hồi hương trong một chuyến đi đặc biệt được bảo vệ kỹ càng. Einstein, như các tài liệu viết về ông, đã khẳng định, cho tới phút cuối cùng của cuộc đời mình (năm 1955) vẫn giữ nguyên vẹn những tình cảm tốt đẹp nhất về người đàn bà Nga đã làm cho ông hạnh phúc nhất trong đời. Margarita qua đời tại Moscva vào năm 1980. Chồng bà, nhà tạc tượng Conencov, chết trước bà 9 năm.

Thu Nhớ

(Theo *ANTG*, số 241)

ANNA MOROZOVA

NỮ ĐIỆP VIÊN NGÀ

ANH HÙNG THẾ CHIẾN THỨ HAI

Trong số những nữ điệp viên anh hùng của Thế chiến Thứ hai, tên tuổi của Anna Morozova (1920-1944) chiếm một vị trí đặc biệt. Trong một thời gian dài, cô bị lãng quên nhưng rồi trở nên nổi tiếng khắp đất nước Xô Viết nhờ bộ phim "Hãy trút đạn lên đầu chúng tôi", trong đó hình ảnh cô đã được nữ diễn viên Ludmila Casatkina thể hiện một cách xuất sắc. Nhưng ít ai biết rằng quãng đời hoạt động bí mật được kể lại trong phim chỉ chiếm một phần ba cuộc đời chiến đấu của cô.

* Những ngày đầu cuộc chiến tranh

Trước chiến tranh, tại nhà ga Xesa thuộc tỉnh Smolensk, cách Moscva chừng ba trăm cây số, có doanh trại của một đơn vị không quân. Tại đây, cô gái Anna Morozova hai mươi tuổi chỉ là một nhân viên văn phòng làm việc theo hợp đồng. Ngay hôm sau ngày chiến tranh bùng nổ, cô đến gặp chỉ huy đơn vị và nộp đơn xin ra trận.

- Thi đây cũng là mặt trận rồi còn gì, - chỉ huy bảo cô. -
Hãy yên tâm làm việc chỗ cũ đi.

Nhưng quân Đức tiến đến mỗi ngày một gần, và một hôm,

Anna được mời đến phòng làm việc của phó chỉ huy. Tại đây có một sĩ quan lạ mặt đứng tuổi.

- Anna, - ông nói, - chúng tôi biết rõ cô. Bạn phát xít sắp tới đây. Đơn vị chúng tôi sắp di chuyển. Nhưng một người nào đó phải ở lại. Công việc sẽ nguy hiểm và phức tạp. Cô có sẵn sàng làm công việc này không?

Câu chuyện dĩ nhiên không ngăn gọn đến thế, không đơn giản đến thế. Anna được mọi người hoàn toàn tin cậy, cô được uỷ thác ở lại để làm công tác phá hoại bí mật. Vào hôm sơ tán, cô phải diễn một vở kịch nhỏ. Cô xách va li chạy đến ban tham mưu khi chiếc xe cuối cùng chở phụ nữ và trẻ em đã lăn bánh về phía Đông. Vẻ buồn rười rượi, cô trở về nhà, hay đúng hơn, trở về khu trường mẫu giáo cũ bởi vì nhà của họ đã bị bom Đức phá huỷ. Ngay tối hôm đó, quân đội phát xít tiến vào làng.

Bọn Đức khôi phục hoàn toàn khu sân bay hạng nhất được xây dựng ít lâu trước chiến tranh và còn mở rộng thêm. Căn cứ không quân ở đây trở thành một trong những căn cứ lớn nhất chuyên dùng cho máy bay ném bom tầm xa của Hitler. Từ đây, máy bay của phi đoàn không quân số hai do trung tướng Albert Kesselring chỉ huy thực hiện các chuyến bay bắn phá Moscva, Gorki, Iaroslav, Saratov... Sân bay có hệ thống phòng không cực mạnh, được bảo vệ vững



*Bản đồ tỉnh Smolensk
nơi Anna Morozova thực hiện
những nhiệm vụ đầu tiên*

chắc từ mặt đất, tất cả các cửa ngõ đến sân bay đều bị phong tỏa, lãnh thổ xung quanh sân bay được đặt dưới một chế độ đặc biệt.

* Những bước đi chập chững

Thời gian đầu, nhóm của Anna gồm những cô gái làm việc trong bộ phận hậu cần của đơn vị phát xít. Trong nhóm có cả hai cô gái Do Thái đến từ khu nhà ổ chuột ở Smolensk và đã được Anna che giấu. Sau đó hai cô được đưa vào đội du kích làm liên lạc. Các cô gái thu thập tin tức và những tin tức này được Anna chuyển cho... viên cảnh sát Constantin Povarov - người lãnh đạo tổ chức bí mật địa phương. Ông liên lạc với các chiến sĩ du kích và các điệp viên, rồi thông qua họ liên lạc với Trung tâm.

Thật đáng tiếc là những tin tức mà các cô gái thu thập được không nhiều và giá trị thấp bởi vì những ai là người Nga đều không được phép ra vào các trụ sở quân sự và ban tham mưu. Nhưng phụ nữ có một ưu thế hiển nhiên: Ở những nơi nào họ không thể tự mình hoạt động được thì họ hoạt động thông qua nam giới. Các cô gái trong nhóm của Anna cũng vậy, họ thu hút được một số nam giới làm trợ thủ cho họ, đó là những thanh niên Ba Lan, Tiệp Khắc... bị động viên vào quân đội phát xít. Bởi vậy, nếu lúc đầu thành công của họ có tính chất ngẫu nhiên (chẳng hạn như Anna đánh cắp được chiếc mặt nạ phòng hơi ngạt kiểu mới nhất hoặc biết được số hiệu các đơn vị phát xít đóng tại sân bay) thì về sau, nhờ các trợ thủ của họ là binh lính trong quân đội phát xít, hoạt động của họ có kế hoạch hơn và thường xuyên hơn. Chẳng bao lâu sau, Anna nhận được tấm bản đồ chỉ rõ các ban tham mưu, các trại

lính, kho chứa, xưởng thợ, sân bay giả, các khẩu đội cao xạ, đèn chiếu, những chỗ đỗ máy bay kèm theo số lượng chính xác số máy bay ở từng chỗ đỗ.

Tám bản đồ này được chuyển đến ban trình sát của Bộ Tham mưu phương diện quân miền Tây của Hồng quân. Kết quả là trận không kích sau đó của không quân Xô Viết đã phá huỷ được hai mươi hai máy bay phát xít, hai mươi chiếc khác bị hư hỏng, ba chiếc bị bắn rơi khi tìm cách cất cánh. Kho xăng cũng bị đốt cháy. Sân bay phải ngừng hoạt động suốt một tuần lễ. Mà đó là vào những ngày chiến tranh ác liệt!

* Những ám ảnh đối với không quân Đức

Từ ngày ấy, dựa vào tin tức của các cô gái trong nhóm Anna, căn cứ không quân phát xít ở đây bị oanh kích một cách hệ thống mặc dù bọn Đức bố trí thêm những sân bay giả và tăng cường lực lượng phòng không.

Sau khi Constantin Povarov bị chết vì ngẫu nhiên vướng phải mìn, Anna đứng đầu tổ chức bí mật ở Xesa.

Trong những ngày diễn ra trận Stalingrad, căn cứ không quân Đức tại Xesa bị giáng những đòn nặng, phải hứng chịu hai nghìn rưỡi quả bom và mấy chục chiếc máy bay bị loại khỏi vòng chiến. Vào quãng thời gian này, Anna đã có người của mình trong Ban Tham mưu của đại úy Đức Acvaide, chỉ huy trưởng sân bay. Người này tên là Vendelin Roglich. Anh có điều kiện thu thập những tin tức hết sức quan trọng như lịch bay, những số liệu về các sân bay giả, và thậm chí, cả những kế hoạch càn quét chống du kích. Chính Vendelich đã thông báo cho Anna biết về một bộ phận đơn vị bay ở sân bay Xesa đi nghỉ ở làng Xergheevsk. Các chiến sĩ du kích liền mở một

cuộc đột kích ban đêm vào “nhà nghỉ”, tiêu diệt được gần hai trăm phi công và nhân viên kỹ thuật Đức.

Vào mùa hè năm 1943, cả Liên Xô và Đức đều chuẩn bị những trận giao chiến quyết định ở vòng cung Curxc. Được các điệp viên hướng dẫn, không quân Xô Viết đã giáng một loạt đòn chí mạng xuống sân bay Xesa. Trong lúc diễn ra những trận không kích dữ dội này, bọn Đức có thể ẩn nấp vào các hầm ngầm và hầm trú ẩn. Còn Anna và các bạn gái của cô thì tự thu hút hỏa lực vào chính mình, nơi ẩn nấp của các cô chỉ là những căn hầm đơn sơ trong những ngôi nhà gỗ nhỏ bé.

Nhóm của Anna không chỉ thu thập tin tức, họ còn hoạt động phá hoại, cả phá hoại lật vật (đổ đường vào xăng của bọn Đức, rắc cát vào súng máy, đánh cắp dù và vũ khí) lẫn phá hoại lớn (gắn mìn nổ chậm vào bom và khoang chứa bom của máy bay khiến máy bay nổ tung trên không vì “nguyên nhân không rõ” sau khi cất cánh được một - hai tiếng đồng hồ).

*** Gây ông đập lưng ông**

Ngày mùng 3 tháng 7 năm 1943, các cô gái nhận thấy sân bay nhộn nhịp khác thường. Rất nhiều máy bay mới và nhân viên kỹ thuật cùng phi công mới được đưa đến. Họ nghe lén cuộc trò chuyện giữa các phi công và được biết là cuộc tấn công ở vòng cung Curxc sẽ bắt đầu vào ngày mùng 5 tháng 7. Tin này được chuyển kịp thời về Trung tâm, và đây là một bằng chứng nữa xác nhận những tin tức tình báo mà Trung tâm đã nhận được. Điều này đã giúp quân đội Xô Viết giáng đòn phủ đầu vào quân đội phát xít và đã đóng một vai trò không nhỏ

vào kết cục của một trong những chiến dịch lớn nhất Thế chiến Thứ hai.

Chỉ riêng trong những ngày diễn ra trận Curxc, các cô gái trong nhóm Anna đã làm nổ tung mười sáu máy bay! Các phi hành đoàn phát xít bị tử nạn mà không kịp thông báo qua điện đài về nguyên nhân máy bay nổ. Những cuộc điều tra và phân tích kỹ thuật bắt đầu. Tư lệnh không đoàn thứ sáu là bá tước fon Rictofen lừng danh đã khiếu nại với Berlin, buộc tội phá hoại ngầm cho nhà máy sản xuất máy bay. Tuy nhiên, các cuộc điều tra đều không đem lại kết quả. Tổ chức bí mật ở Xesa là một trong số ít những tổ chức bí mật không có kẻ phản bội. Chỉ có một thành viên hy sinh do sự sơ suất của chính mình - đó là Ian Mancovski, anh không khai báo một ai và đã hy sinh anh dũng. Anh không chịu chạy trốn vì sợ sẽ gây nguy hại cho người vợ đang mang thai là Luxia Senchilin.

Ít lâu sau, ba chiếc máy bay bị Ian Tim gài mìn chưa kịp cất cánh đã nổ tung ngay trước mắt mọi người. Lẽ ra, những chiếc máy bay này phải nổ tung sau khi cất cánh được một - hai tiếng đồng hồ, nhưng giờ cất cánh bị trì hoãn. Làn sóng bắt bố lan tràn khắp Xesa. Ian Tim và Stephan Harkevich bị bắt nhưng chạy trốn được. Anna chuyển họ sang đội du kích. Đa số các thành viên tổ chức bí mật cũng kịp trốn thoát.

* Cuộc chiến một mất một còn

Ngày 18 tháng 9 năm 1943, Xesa được giải phóng. Nhưng đối với Anna thì cuộc đấu tranh chống phát xít chưa kết thúc. Cô trở thành học viên trường tình báo. Sau đó họ hàng và những người thân của cô mất liên lạc với cô. Đến năm 1945, họ

nhận được tin cô bị mất tích. Nhưng trong thực tế thì tình hình có khác. Sau khi tốt nghiệp trường tình báo, Anna cùng một số điệp viên được tung vào hậu phương quân Đức để thăm dò hệ thống công sự của kẻ thù. Đêm 26 rạng ngày 27 tháng 7 năm 1944, một nhóm điệp viên Xô Viết nhảy dù xuống vùng Đông Phổ gồm tám người, đứng đầu là đại úy Pavel Crulatúc. Trong nhóm có hai phụ nữ là Dina Baradoseva và Anna Morozova, bí danh là “Thiên Nga”. Họ không gặp may vì rơi xuống một khu rừng cây cao, sáu chiếc dù bị mắc trên cây làm lộ nơi họ nhảy xuống. Vài giờ sau khi họ tiếp đất, một viên sĩ quan Đông Phổ là Eric Coc được thông báo là về mạn Đông Bắc Keningsberg có phát hiện thấy mấy chiếc dù. Tiếp đó, nhờ chó đánh hơi, chúng tìm thấy cả những chiếc dù khác chôn trong đất cùng một chiếc xe chở ắc quy dự trữ dùng cho điện đài và đạn dược. Tin tức về vụ nhảy dù chỉ cách tổng hành dinh của Hitler chừng hai - ba chặng đường đêm khiến Eric Coc cùng tất cả các đơn vị bảo vệ của y hết sức lo lắng. Hơn nữa, vụ việc lại xảy ra chỉ một tuần sau cuộc mưu sát Hitler bất thành tại chính khu vực “Hang sói” này. Thêm vào đấy, Eric Coc còn là một chủ đất lớn có tới vài lãnh địa ở Đông Phổ. Vậy mà tất cả những thứ đó lại bị bọn Nga xâm phạm! Coc có đủ cơ sở để lo lắng rằng y có thể chịu số phận của Wilhelm Kube, viên Toàn quyền Đông Phổ đã bị các điệp viên Xô Viết giết chết. Bởi vậy, y tung một lực lượng lớn truy tìm dấu vết của nhóm điệp viên vừa nhảy dù xuống. Chúng bắt đầu cuộc truy lùng, và ngay trong trận giao chiến ngắn ngủi đầu tiên, chỉ huy trưởng của nhóm đã bị hy sinh.

Nhưng cũng ngay trong ngày hôm đó, nhóm điệp viên Xô Viết bắt ngờ bắt gặp tuyến công sự dự trữ mạnh nhất của

phát xít Đức gồm những hoả điểm, lỗ châu mai và giao thông hào bằng bê tông cốt thép. Tuyến công sự này không có ai bảo vệ vì mặt trận cách đây rất xa. Bộ chỉ huy Xô Viết cũng không hay biết gì về tuyến công sự này. Đó là thành công đầu tiên của nhóm. Hơn nữa, họ còn bắt được hai tù binh thuộc Cục Xây dựng Quân đội. Nhờ thế, họ biết được khá nhiều chi tiết về tuyến công sự “Ilmenhorst” kéo dài từ biên giới Litva ở phía Bắc cho tới vùng đầm lầy Maduaxki ở phía Nam. Một tên tù binh còn kể về những căn cứ đã được chuẩn bị sẵn trong rừng cho các nhóm phá hoại với đầy đủ vũ khí, đạn dược và lương thực.

Anna hoá ra là nhân vật không thể thay thế được trong nhóm: gặp sông là cô nhảy ngay xuống tìm chỗ lội qua được, tiếp đó, khi cả nhóm bị một đám trẻ con Đức ở xóm gần đó “bao vây”, cô liền thay quân phục bằng bộ váy áo thông thường và đến gặp đám trẻ con, cô đánh lạc hướng chúng trong khi đồng đội của cô rút vào rừng. Tiếng Đức của cô lúc này thật hữu ích.

Bọn Đức tổ chức một cuộc săn đuổi ráo riết nhóm điệp viên Xô Viết. Để người dân địa phương thêm cảnh giác, chúng đốt cháy xóm Clainberg, giết chết dân trong xóm rồi tung tin trên các tờ báo địa phương rằng đó là do nhóm điệp viên Xô Viết nhảy dù xuống gây ra. Tên sát nhân và đao phủ Eric Coc không ngại gì mà không thực hiện một hành động khiêu khích như vậy.



*Quân đội Liên Xô
nhắm bắn máy bay Đức*

Ngay cả Himmler cũng quan tâm đến kết quả của cuộc truy lùng, y nhiều lần gọi điện về Berlin. Cuộc săn đuổi diễn ra suốt ngày đêm. Ngoài lực lượng cảnh sát, chúng còn huy động riêng hai trung đoàn chà xát các khu rừng. Những đơn vị cơ động lập tức đi xe đến ngay những nơi nào đáng ngờ.

Vào một đêm giông bão, nhóm điệp viên Xô Viết bắt gặp một trạm liên lạc của Đức. Qua cửa sổ có thể thấy một tên trực ban đang ngủ.

- Để tôi vào cho, - Anna tình nguyện nói. - Nếu tên Đức thức dậy, tôi sẽ bảo là ngoài cửa có một phụ nữ bị ốm và tôi đề nghị hấn giúp đỡ. Khi hấn bước ra, các đồng chí sẽ bắt lấy hấn, nếu không tôi sẽ bắn chết hấn.

Họ làm đúng như vậy. Khi tên Đức bước ra, y lập tức bị bắt và bị tra hỏi. Y không cung cấp được tin gì có giá trị nhưng cho biết rằng tất cả mọi người, cả dân sự cũng như quân sự, đều đã được cảnh báo về việc có một nhóm điệp viên Xô Viết nhảy dù xuống.

Khi đến gần thành phố Golglap, họ lại vấp phải một tuyến công sự tăng cường. Tại đây, họ bị một toán quân Đức bắt gặp. Không thể lùi được nữa, họ đành phải giao chiến mới phá được vòng vây. Trong lúc giao chiến, họ bất ngờ bắt gặp một sân bay và từ sân bay này, họ may mắn chạy thoát được vào rừng. Họ nhanh chóng dùng điện đài báo cáo về Trung tâm những tin tức thu lượm được. Rồi họ quay lại khu rừng mà bọn Đức đã chà xát để ngủ đêm. Hôm sau, họ nhận được lệnh của Trung tâm quay trở lại khu vực đã nhảy dù xuống, tiến ra con đường Kenningsberg - Tinzit và quan sát những đoàn xe chuyên chở chạy qua con đường này và con đường xa lộ gần đấy. Họ tìm được một vị trí thuận lợi có

ể quan sát được cả hai con đường nói trên. Để truyền đi các ức điện, Anna thường phải “hành quân” nhiều cây số. Họ ên lạc với Trung tâm tại những địa điểm bất ngờ nhất: goài cánh đồng, cạnh những doanh trại Đức, ngoại ô các hành phố, trên bờ vịnh Kurishes Haf. Trong vòng một đêm, 10 thường đi được rất xa, ngoài vòng vây của quân Đức, rồi ại quay trở lại.

Bản báo cáo của ban tham mưu phương diện quân Belorus số ba có ghi rõ: *“Nhóm trinh sát “Jeck” cung cấp được nhiều tin tức quý giá. Trong số sáu mươi bảy bức điện nhận được, có bốn mươi bảy bức có giá trị”*.

Cả nhóm đều thiếu ăn. Bức điện của chỉ huy trưởng mới của nhóm gửi Trung tâm vào đầu tháng 11 năm 1944 viết: *“Tất cả các thành viên trong nhóm đều là cái bóng chứ không còn là người nữa... Họ đói lả và rét cóng trong bộ quần áo mùa hè, họ không còn đủ sức vác súng nữa. Chúng tôi đề nghị được phép sang Ba Lan, nếu không tất cả sẽ chết hết”*.

Nhưng họ vẫn tiếp tục hoạt động, vẫn tiếp tục trinh sát, vẫn bắt tù binh và vẫn gửi mật điện về Trung tâm. Trong một trận giao chiến, họ bị bao vây.

Bức điện của “Thiên Nga” viết: *“Ba ngày trước đây, bọn SS tấn công vào rừng. “Xoica” (tức Dina) bị thương ngay ở ngực. Cô ấy bảo tôi: “Nếu có thể thì hãy nói với mẹ tôi rằng tôi đã làm tất cả những gì có thể làm được. Tôi đã chết xứng đáng”. Rồi cô ấy tự sát”*.

Những người còn lại thoát được khỏi vòng vây nhưng mất liên lạc với nhau. Suốt ba ngày, Anna cùng điện đài lang thang trong rừng cho đến khi bắt gặp nhóm trinh sát của đại úy Xô Viết Secnưc. Họ gặp gỡ các chiến sĩ du kích Ba Lan, cùng nhau

thực hiện một vài chiến dịch. Một hôm, họ rơi vào ổ phục kích, đại úy Secnuc và những người khác đều hy sinh.

Riêng Anna lại chạy thoát. Cô đến được lãnh thổ Ba Lan, đến được khu rừng Musenexki ở mạn Bắc Varsava. Tại đây, cô có cơ may sống sót nếu hoà vào dòng người chạy nạn. Nhưng cô quyết định tiếp tục chiến đấu.

Cô đi tìm một đội du kích Ba Lan, gia nhập đội này và tham gia các cuộc chiến đấu. Trong một trận giao chiến, cô bị thương, bị gãy tay trái. Cô nói đùa: “Nhân viên điện đài chỉ cần tay phải là đủ”.

Cô được giấu trong rừng nhưng rồi bọn Đức lại kéo đến. Sáng ngày 11 tháng 11 năm 1944 đã trở thành buổi sáng cuối cùng đối với cô. Cô bị bao vây, mặc dù bị thương, cô vẫn bắn trả quyết liệt, và khi bọn Đức muốn bắt sống cô thì cô dùng lựu đạn tự làm nổ tung cả mình lẫn điện đài.

Các chiến sĩ du kích Ba Lan chôn cất cô tại ngôi mộ chung ở Grasdannule.

Năm 1963, Anna Morozova được truy tặng danh hiệu Anh hùng Liên Xô và được tặng thưởng huân chương “Thập Tự Grunvanda hạng II” của Ba Lan.

DIETER GERHARDT

ĐIỆP VIÊN XÔ VIẾT,
BẠN CỦA TỔNG THỐNG NAM PHI

Đây là một vụ án bí mật, không tiền khoáng hậu, chứa đựng những bí mật quốc gia trọng đại nhất, được xử không công khai, tham dự toàn là những người được tin cậy đặc biệt. Trong phòng xử, xung quanh phán quan là các đơn vị cảnh sát, được tăng cường bằng quân đội, sẵn sàng bất kỳ phút nào cũng có thể tóm ngay "bàn tay Moscva", nếu bàn tay ấy xía vào dây hồng cứu thoát các điệp viên của mình.



* Phiên tòa đặc-biệt

Phán quan của toà án vùng Keiptaun George Munnik lần đầu tiên sau nhiều năm công tác gặp phải một vụ án như vậy. Khi ông tuyên đọc: "Bây giờ toà sẽ xem xét các vật chứng", - thì lẽ ra ông phải cầm chúng trong tay, tự mình nhìn, đưa ra cho mọi người và các vị bồi thẩm xem, đằng này ông lại phải nói thêm:

- Xin mời các quý vị xem!

Lúc đó một số thanh niên trai tráng ngồi ở mấy ghế dưới mới cầm lên những quyển mật mã và các cuộn phim thu nhỏ

và từ xa giới thiệu với quan toà và những người khác. Ông Munnik không hề bực bội vì sự không tin tưởng đó, vả lại, bằng khoẻ mắt ông cũng đã nhận thấy bị can hơi nhếch miệng cười, đó là một người đàn ông đỉnh đạc, cao đến hai mét, bốn mươi bảy tuổi, ngồi sau chấn song, cạnh một người phụ nữ nhỏ bé, mảnh mai, duyên dáng.

Nhưng không có gì đặc biệt xảy ra cả. Toà án bắt đầu từ tháng 8 năm 1983 và kết thúc ngày 31 tháng 12, sau bốn tháng rưỡi xét xử. Trong số 124 nhân chứng bị thẩm vấn không có người nào đưa ra được bằng chứng về tội gián điệp của các bị can. Nhưng những bằng chứng đó đã có từ trước: ngoài những cuốn sách mật mã, những cuộn phim thu nhỏ, băng cassette, những máy móc gián điệp cỡ lớn xếp đầy một phòng trong toà. Thêm vào đó các bị can - một cặp vợ chồng - đã không phủ nhận những lời buộc tội rằng họ làm gián điệp cho Liên Xô. Trong lời cuối cùng, bị can chỉ xin một điều: khoan hồng cho vợ ông vì bà chỉ là người thực hiện mù quáng ý chí của ông và chỉ làm nhiệm vụ thư ký và đưa thư mà thôi. Theo pháp luật của Nam Phi thì tội phản quốc bị xử rất nặng, thậm chí tử hình. Ngày 31-12-1983, toà tuyên án...

*** Cuộc đời điệp viên bắt đầu từ...**

... Mọi việc bắt đầu năm 1962, khi Gerhardt (sinh năm 1936) còn công tác ở London, tại đó ông đã đến Đại sứ quán Liên Xô và yêu cầu được gặp tùy viên quân sự. Từ đó ông được đưa vào danh sách điệp viên với biệt danh "Felics". Có một điều đơn giản là cuộc sống phẳng lặng không thoả mãn được tính lãng mạn của ông, lòng mong mỏi muốn bộc lộ

mình và lòng căm thù chế độ Apacthai đã đưa ông tới chỗ hợp tác với tình báo Xô Viết.

Vào ngày Noel đẹp trời năm 1968, tại thị trấn Thụy Sĩ, Kloster ông làm quen với Ruth Johr - cô con gái 27 tuổi của một công nhân hăng được liệu, người trình diễn các một mĩ và là thư ký của một luật sư nổi tiếng Thụy Sĩ. Trong khi đi nghỉ những người trẻ tuổi thường làm quen với nhau rất nhanh. Dieter Gerhardt, sĩ quan hải quân của Nam Phi, lúc này là điệp viên Xô Viết, đã say mê nàng ngay từ ánh mắt đầu tiên và yêu cho đến cuối đời. Tháng 9-1969 ở Keiptaun, họ cưới nhau (bà là vợ thứ hai của ông). Vì Dieter Gerhardt là sĩ quan, nên theo luật pháp Nam Phi, người vợ không thể là người nước ngoài. Ruth là người Thụy Sĩ, bà đã nhập quốc tịch Nam Phi.

Là một phụ nữ vui vẻ, phóng khoáng, xinh đẹp, chẳng bao lâu sau Ruth đã nổi trội trong giới các phu nhân sĩ quan. Thậm chí họ còn bầu chọn bà là đại diện cho câu lạc bộ của họ. Bà biết các thứ tiếng Đức, Pháp, Anh và Italia, Ruth lại học thêm được tiếng Afrikanas và bà đã tổ chức các lớp dạy ngoại ngữ cho các bà vợ sĩ quan. Ngôi nhà của Dieter Gerhardt lúc nào cũng đầy khách, ở đây họ thấy mình được hoàn toàn tự do và cởi mở, dân thủy thủ uống rượu và nói mọi chuyện. Mặc dù những điều bí mật cứ tự nhiên rót vào tai Ruth, nhưng Dieter không sử dụng bà ngay lập tức: phải tới một năm rưỡi hoặc hai năm sau ông mới lôi kéo bà vào cuộc. Ông vẫn thu thập những tin tức mà ông biết thông qua cương vị công tác của mình. Ông còn là liên thuyền trưởng và là trưởng sĩ quan của căn cứ hải quân lớn nhất Nam bán cầu Saymonstaun. Dưới trướng của ông có hai ngàn bảy trăm người, ông phụ trách toàn bộ cơ sở vật chất kỹ thuật, việc xây dựng và khả năng tác chiến của hải

quân Nam Phi. Năm 1983, ông được phong hàm chuẩn tướng. Khi đã hoàn toàn tin tưởng vào lòng trung thực và trung thành của vợ, Dieter Gerhardt mới nhẹ nhàng cho vợ biết rằng ông làm việc cho tình báo Xô Viết. Ông lo lắng chờ đợi phản ứng của vợ. Cuối cùng bà nói:

- Em sẽ làm tất cả những gì anh làm.

Tổng thống Nam Phi Pieter Willem Botha một người phân biệt chủng tộc và căm thù Liên Xô, nhưng trong cuộc sống lại là người dễ chịu và độ lượng. Ông quen với bố của Dieter Gerhardt và che chở cho ông. Vì thế (và cũng vì trình



Cựu Tổng thống Pieter Willem Botha

độ chuyên môn cao) nên Dieter rất thích ông ta với tư cách là một nhà chuyên môn khi thảo luận trong phạm vi hẹp những vấn đề quân sự đặc biệt quan trọng. Những cuộc thảo luận như vậy thường kết thúc bằng một bữa cơm thân mật do bà vợ Tổng thống chuẩn bị. Một hôm bà Ruth cũng được mời tới dự. Hai bà vợ rất thích nhau, từ đó hai gia đình chơi với nhau, mặc dù có sự cách biệt về xã hội.

Bạn thân của Dieter Gerhardt là Tư lệnh Hạm đội Hải quân Nam Phi Birmann, ấy là chưa kể đến những sĩ quan cao cấp khác nữa. Tất nhiên, họ không chỉ bàn đến những chuyện thể thao và đua ngựa. Trong nhóm này có Dieter, trong nhóm khác có Ruth. Bà chăm chú nghe các câu chuyện, đôi khi còn lái câu chuyện vào chủ đề cần thiết. Tuy nhiên, nguồn thu

thập thông tin của vợ chồng ông không phải chỉ là những thông tin hải quân hoặc những phát ngôn của các nhân vật cao cấp. Vấn đề là ở chỗ Dieter Gerhardt được bước chân vào những nơi tuyệt mật không những đối với Nam Phi, mà còn đối với toàn bộ cánh phía Nam của NATO (mặc dù đường lối chính thức của quốc tế là tẩy chay Nam Phi, nhưng các nhà quân sự của NATO vẫn duy trì tiếp xúc với Nam Phi). Đó là căn cứ tuyệt mật Silvermayn, một kỳ quan về điện tử, được "tổ hợp" bằng mọi thiết bị hiện đại nhất để theo dõi tàu thủy và máy bay ở vùng Nam Đại Tây Dương và Ấn Độ Dương. Dieter được biết không những các thiết bị và phương pháp hoạt động của căn cứ, ông còn được biết tất cả mọi điều về sự hoạt động và sự di chuyển của các tàu nổi và tàu ngầm của Liên Xô ở Nam bán cầu. Nhưng một thông tin bất kỳ, dù có giá trị nhất đi nữa, cũng chẳng có ý nghĩa gì nếu không được truyền đi kịp thời đến đúng địa chỉ. Bây giờ đến lượt bà Ruth vào cuộc.

* Người cộng sự thân thương

Dieter và Ruth có biệt danh là Felics và Lina. Mọi tin tức thu được Lina chuyển cho các liên lạc viên. Những người này được thay đổi luôn, nhưng họ đều mang tên là Bob. Họ không những là các nhà chuyên môn có trình độ, mà còn là những con người duyên dáng khiến bà hết sức kính trọng và yêu mến, đồng thời yêu luôn cả nghề tình báo mà họ đại diện. Không phải ngẫu nhiên, sau bao nhiêu gian khổ và điều trị Ruth mới sinh được một cậu con trai, hai vợ chồng đặt tên là Gregori để tưởng nhớ thần tượng của mình ở Moscva là Gregori, mà họ đã quen ông trên đường tới thủ đô Xô Viết.

Lina tới các cuộc gặp mặt với các liên lạc viên mỗi năm mấy lần, chủ yếu là với lý do thăm thân. Đây là những cuộc thăm viếng trên quê hương bà ở Thụy Sĩ, ở Madagaskar kỳ thú và ở các nước khác nữa.

Những thiết bị mà sau này người ta đem trưng bày trong toà án là do các điệp viên mang đến theo nhiều đường phức tạp khác nhau. Họ nhận các nhiệm vụ và chỉ thị không những trong các cuộc gặp gỡ giữa Lina với các liên lạc viên, mà còn nhờ máy radio bình thường thu sóng cực ngắn. Trong máy có gắn một thiết bị ghi đặc biệt chạy mấy tốc độ. Đến giờ quy định Lina mở máy, trên sóng vang lên mật khẩu, sau đó mấy giây có tiếng rít. Sau khi ghi xong, Lina để máy ở tốc độ không lớn - bây giờ những tiếng rít vô nghĩa đã biến thành những tiếng tạch tẽ rõ nét, mà một nhân viên điện đài mới vào nghề cũng hiểu được. Ghi lại xong, bà lấy ra cuốn sách mật mã. Nhờ hoá chất một văn bản hiện ra. Bây giờ bà giải mã. Chỉ thị của Trung tâm bao giờ cũng ngắn gọn và rõ ràng. Đôi khi còn có lời cảm ơn vì một thông báo giá trị. Các đồng chí ở Trung tâm không quên chúc mừng ngày sinh nhật và các ngày lễ.

* Sa bẫy kẻ thù

Trước năm mới, 1983, Dieter đi Mỹ dự một lớp học ngắn ngày về quản lý và kinh doanh tại thành phố nhỏ Sirakuzy gần New York. Một người bạn cùng lớp tên là Dzhimmi mời ông đi nghỉ cuối tuần ở New York. Tại khách sạn ở đây ông bị bắt. Suốt 11 ngày liền ông bị tra hỏi dồn dập kèm theo những lời đe dọa, những tác động tâm lý. Đầu tiên ông cho rằng chúng không đủ bằng chứng, mà chỉ vì ông có những sơ

suất nhỏ, nhưng sau đó ông được biết rằng CIA đã biết rõ nội dung hồ sơ Moscva của ông. Ông không biết rằng ông bị khai ra bởi một tên tình báo Xô Viết phản động tên là Poliacov, sau này hẳn đã bị trừng trị thích đáng. Nhưng chính sự rò rỉ tin tức lại xảy ra từ chính cơ quan mà ông kính trọng dẫn ông đến chỗ thất bại, điều này đã làm ông nản chí. Hơn thế nữa, những lời đường mật cũng không thể không có ảnh hưởng: hợp tác với ban điều tra thì sẽ được giảm tội, rồi lại có những lời đe dọa: trừng trị thẳng tay không những đối với ông, mà còn đối với cả vợ và con trai nữa. Dieter đã không chịu đựng nổi. Ông khai ra hoạt động của mình, thậm chí khai cả tên người liên lạc là Nicolaev mà ông phải gặp trên đường từ Mỹ trở về Duyrich. Nicolaev cũng bị bắt. Bọn chúng đến lục soát nhà bà mẹ của Ruth, chúng phát hiện và tịch thu những cuốn phim thu nhỏ và những hộ chiếu giả. Ruth cũng bị bắt. Trước phiên toà diễn ra vào tháng tám Ruth chỉ nhìn thấy chồng có một lần, khi cả hai người được dẫn từ nhà tù về nhà để họ chứng kiến buổi khám nhà. Chúng tìm thấy máy truyền tin, nhưng chẳng có ích gì vì hai người không sử dụng.

Ngày 26-1-1983, Tổng thống Nam Phi Pieter Willem Botha trong một cuộc họp ở Keiptaun đã buồn rầu tuyên bố về việc bắt giữ viên sĩ quan hải quân Nam Phi Dieter vì tội gián điệp. Ông không nhắc đến chuyện Dieter là một người quen thân của mình. Bắt đầu một cuộc điều tra kéo dài. Trong một tư liệu có nói: "Những thiệt hại mà Dieter Gerhardt gây ra có liên quan đến NATO, các lực lượng hải quân Anh, các hệ thống tên lửa Pháp "Ekzoset", ấy là chưa nói đến cấu trúc căn cứ hải quân ở Saymonstaun". Tất nhiên, báo chí đã phần nộ viết rằng đối với Dieter Gerhardt thì Nam Phi chẳng có gì là bí mật cả,

rằng mới một tháng trước khi bị bắt ông đã có cuộc gặp mặt bí mật với Bộ trưởng Quốc phòng Tây Đức Manfred Verner. Tờ báo *Sandi star* ở Johannesburg viết: *“Những thông tin mà Dieter Gerhardt chuyển cho những người Xô Viết là một trong những đòn chí tử đánh vào Phương Tây kể từ ngày bắt đầu “chiến tranh lạnh”. Hàng loạt bí mật quân sự và chiến lược quan trọng nhất của Nam Phi, Anh và NATO đã được phanh phui. Đối với người Nga Dieter Gerhardt là một điệp viên có giá trị nhất sau Kim Philby”*.

... Quan toà George Munnik đằng hắng một tiếng, uống một hộp nước, kết thúc bản kết án và nói:

- Trên cơ sở những điều đã tuyên đọc Dieter Gerhardt bị kết tội tù chung thân, còn Ruth Gerhardt bị mười năm tù.

Trong phòng im lặng, chỉ có tiếng của Ruth vang lên:

- Con nhỏ đáng thương của tôi! Tôi biết làm gì đây với Gregori?!

Ruth đã được tha sớm trước thời hạn và trở về quê hương Thụy Sĩ. Năm 1992, sau khi trên tờ *Tin tức* công bố bài báo của B. Piliatskin “Felics và Lina”, tổng thống Nga B.N. Eltsin mới yêu cầu tổng thống Nam Phi ân xá cho Dieter Gerhardt. Yêu cầu đó được thoả mãn và ngày 27-8-1992 Dieter Gerhardt được trả tự do.

ĐÌNH THỊ VÂN

NỮ ĐẠI TÁ TÌNH BÁO ANH HÙNG

Trong lịch sử quân báo Việt Nam, có một nữ điệp báo suốt mấy chục năm âm thầm làm nhiệm vụ cực kỳ nguy hiểm trong lòng địch trong “vỏ bọc” một người lao động bình thường. Vì những đóng góp xuất sắc chị được phong tặng danh hiệu Anh hùng. Và khi đất nước ca khúc khải hoàn, người phụ nữ ấy vẫn sống một cuộc đời hết sức giản dị và thâm lặng cho đến ngày cuối đời, tránh xa mọi ồn ã, vinh hoa. Người đó là nữ đại tá tình báo Đình Thị Vân.



Đình Thị Vân (Vân là tên chồng, tên thật là Đình Thị Mậu) sinh năm 1916 tại xã Xuân Thành, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định, trong một gia đình nông dân giàu lòng yêu nước và truyền thống cách mạng. Ngay từ nhỏ chị đã ý thức được tinh thần đấu tranh chống thực dân đế quốc vì độc lập dân tộc. Được các anh trai Đình Lai Hạp và Đình Thúc Dự, những đảng viên Đảng Cộng sản Đông Dương giác ngộ và động viên, chị đã sớm hoạt động cách mạng, làm giao thông liên lạc, cất giữ tài liệu bí mật của Đảng và tham gia tổ chức nhóm “ái hữu tương tế”, nuôi dưỡng, bảo vệ cán bộ. Tháng 8 năm 1945,

với vai trò là cán bộ Việt Minh huyện Xuân Trường, Đình Thị Vân hăng hái vận động quần chúng tham gia tổng khởi nghĩa ở hai huyện Xuân Trường và Giao Thủy. Ngày 30 tháng 6 năm 1946, chị được kết nạp vào Đảng Cộng sản và giữ các chức vụ huyện ủy viên huyện Xuân Trường, ủy viên Ban Thường vụ Phụ nữ cứu quốc tỉnh. Từ năm 1951 đến 1953, Đình Thị Vân được bầu làm Hội trưởng Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh Nam Định. Trong các cương vị công tác của mình, chị đều hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, được cấp trên và đồng đội tín nhiệm, tin yêu.

*** Bắt tay vào công việc mới đầy nguy hiểm và khó khăn...**

Tháng 6 năm 1954, để chuẩn bị cho cuộc chiến đấu lâu dài của dân tộc, cấp trên quyết định điều động Đình Thị Vân lên công tác ở Cục Tình báo, Bộ Quốc phòng. Chị được giao nhiệm vụ về Hà Nội hoạt động bí mật trong lòng địch, gây dựng cơ sở, tìm hiểu những ý đồ chiến lược của địch. Trong thâm tâm, chị ý thức được những nguy hiểm trong công việc mới mẻ mà chị sẽ phải đương đầu. Hoàn cảnh gia đình chị đang gặp khó khăn, chồng bị đau ốm luôn, nay vì nhiệm vụ đặc biệt chị phải rời xa quê hương, xa mẹ già, xa những người thân yêu nhất. Mặc dù nghĩa tình sâu nặng, chị đã chủ động đề nghị với cấp trên, đồng thời khuyên chồng đi lấy vợ khác để có người thay chị chăm sóc lo toan việc nhà, tạo điều kiện để chị hoàn thành nhiệm vụ mà Đảng và quân đội giao cho.

Với một giấy thông hành mang tên Trần Thị Mỹ, chị lên đường đi Hà Nội cùng một đồng chí liên lạc tên là Hà trong vai chị dâu, em chồng đi thăm “chú ấy” đang ở trong quân đội quốc gia. Chị tìm đến bà cả Dòe (một người quen cũ ở làng Ngọc Hà,

Hà Nội); qua bà, chị đã móc nối với một số đồng chí cùng hoạt động trước đây nay đang làm việc ở các cơ quan của địch, tạo điều kiện thuận lợi trong việc thu thập tin tức và gây cơ sở



Chị Đinh Thị Vân chia tay với đơn vị ở căn cứ Dương Minh Châu (Tây Ninh)

trong nội bộ địch. Khi chị đã xây dựng được một số cơ sở tin cậy ở Hà Nội, cấp trên giao nhiệm vụ mới: phải mở rộng và phát triển phạm vi hoạt động xuống địa bàn Hải Phòng. Chấp hành chỉ thị, Đinh Thị Vân tìm cách lọt qua mạng lưới kiểm soát dày đặc của địch trên đường số 5 để xuống thành phố cảng. Chỉ trong một thời gian ngắn, nhờ các mối quan hệ cũ chị đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, cung cấp được nhiều tin tức quan trọng để cấp trên chỉ đạo thắng lợi và giành thế chủ động trong thời gian “300 ngày tập kết”.

Tháng 7 năm 1954, Hiệp định Genève được ký kết, đất nước bị chia cắt làm hai miền lấy vĩ tuyến 17 làm ranh giới tạm thời. Tháng 10 năm 1954, chị nhận chỉ thị bí mật vào Nam tiếp tục hoạt động. Để tạo vỏ bọc hợp pháp cho việc di cư vào Nam và phù hợp với hoạt động sau này, chị đã đóng vai một người đi buôn, vào Nam kiếm sống; đồng thời tìm cách động viên, lôi kéo một số gia đình cùng đi. Với danh nghĩa chị dâu em chồng, chị cùng gia đình anh Phúc (một điệp viên trong lưới) xuống Hải Phòng hòa vào đoàn người xuống tàu theo Chúa di cư vào Nam. Từ cái “vỏ bọc” đó, Đinh

Thị Vân đã tìm mọi cách kiếm sống ở Sài Gòn để vừa che mắt địch vừa dễ bề hoạt động. Mặc dù trên địa bàn mới vô cùng khó khăn phức tạp, chị đã nhanh chóng tạo được thế đứng hợp pháp và từng bước, từng bước xây dựng mạng lưới tình báo của mình. Chị vào nghề bán guốc để mưu sinh, ngày này sang ngày khác, vừa nắm bắt tình hình, vừa tìm cách đưa các đồng chí của mình vào làm việc trong các bộ máy chính quyền, quân sự của địch, ở các vị trí quan trọng, chủ chốt, có nhiều nguồn tin chính trị, quân sự. Tại thời điểm này, để hỗ trợ cho hoạt động của chị, cấp trên quyết định ra thông báo: *“Đinh Thị Vân đã phản Đảng, bỏ nhiệm vụ chạy trốn vào Nam. Tuyên án tử hình vắng mặt”*. Tin dữ lan truyền về quê, họ hàng, anh em đều bàng hoàng, sửng sốt. “Vụ án chính trị” này khiến nhiều người ruột thịt của chị bị “vạ lây” nhưng đã đánh hỏa mù vào cơ quan mật vụ của địch, tạo điều kiện hỗ trợ cho chị Vân hoạt động.

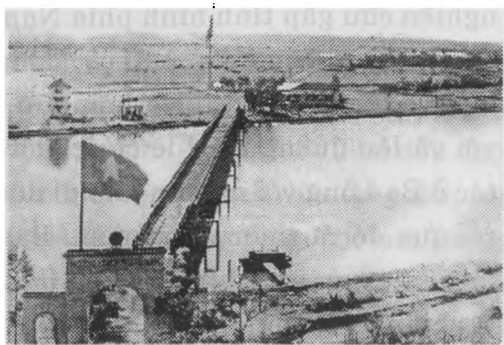
Khi các cơ sở ở Sài Gòn đã tạm ổn định và đi vào hoạt động, chị nhận được giấy triệu tập ra Hà Nội báo cáo tình hình và trực tiếp nhận chỉ thị của Cục 2. Kết quả hoạt động của chị trên cương vị của một tổ trưởng điệp báo đã được cấp trên đánh giá cao, nhiều anh em trong mạng lưới ở Hà Nội chuyển vào đã tìm được cách chui sâu vào hàng ngũ địch, như Đoàn ở không quân, Phúc ở quân sự, Quyên ở trường võ bị Thủ Đức, v.v... Sau bảy ngày ngắn ngủi vừa làm việc, học tập, nghiên cứu về tình hình và nhiệm vụ mới ở thủ đô, chị lại lên đường trở vào Nam mà không biết rằng đúng ngày ấy người mẹ yêu quý của chị, một cơ sở nuôi dưỡng và bảo vệ cách mạng, người đã được Bác Hồ tặng “đồng tiền vàng” vì có công với nước, đã qua đời trong một hoàn cảnh rất đau lòng: cho đến ngày cuối

đời bà vẫn bị mang tiếng là một bà mẹ có con phản Đảng, phản cách mạng...

Lúc này, tình hình ở Sài Gòn vô cùng rối ren, phố xá nhốn nháo. Chị thôi không đi bán guốc nữa mà theo bà con tản cư về Tân Sơn Nhì, ở xóm Mồ Côi và tiếp tục nhiệm vụ của mình. Nhưng những hoạt động lặng lẽ, độc lập của chị lại gây sự chú ý của tổ chức ta. Trong lúc chị đang tìm cách gây cơ sở ở địa điểm mới thì các đồng chí ở cơ quan tuyên huấn của Đặc khu ủy Sài Gòn - Chợ Lớn đã họp bàn về “mụ Sáu di cư” (tên gọi của Đinh Thị Vân hồi đó). Có người cho chị là tay sai của Ngô Đình Diệm đi dò la tin tức, lập phương án thủ tiêu chị. Ở vào tình thế “tiến thoái lưỡng nan”, chị vừa phải nguy trang để che mắt địch vừa phải khôn khéo tránh sự nguy hiểm từ phía lực lượng biệt động của ta, thì một sự kiện bất ngờ đã xảy ra với chị. Cơ quan chỉ đạo của Đặc khu ủy Sài Gòn - Chợ Lớn bị đàn áp. Đồng chí Ba, nguyên là Trưởng ban tuyên huấn của Đặc khu (vì có thân hình gầy yếu nên thường gọi là ông Ba ốm) có tên trong “sổ bìa đen” và bị mật vụ truy đuổi gắt gao. Qua báo cáo của đội biệt động về chị Vân, bằng sự nhạy cảm của một cán bộ dày dạn kinh nghiệm, ông tin rằng chị Vân là một người yêu nước, nên trong lúc cơ sở bị lộ ông đã quyết định chủ động chạy vào nhà riêng của chị Vân để ẩn nấp và giấu tài liệu. Biết mình không qua khỏi, trước khi trút hơi thở cuối cùng, ông đã trao tài liệu cho chị Vân và nói: *“Sau này sẽ có người trả ơn chị”*. Chị Vân ân cần bón thìa cháo cho ông và nói: *“Ông cứ yên tâm, đây là Đảng nuôi ông”*. Sau khi Ba ốm mất, không còn cách nào khác để đồng chí của mình có được phần mộ, chị quyết định nhận ông Ba ốm là chồng để lo tang lễ cho ông và che mắt địch. Đây là một việc

ngoài ý muốn của tổ chức, nhưng từ sau tang lễ ông Ba, biệt động Sài Gòn không còn “để mắt” đến chị nữa. Sau đó, với vành khăn trắng trên đầu, chị tìm cách báo cáo cấp trên, bắt liên lạc trao cho Đặc khu ủy Sài Gòn toàn bộ số tài liệu mà ông Ba đã gửi lại.

Tháng 3 năm 1956, hoạt động của chị gặp khó khăn nghiêm trọng: các đường dây liên lạc với Trung ương đều bị đứt. Theo quy định của cấp trên, một mặt chị Vân phải chủ động móc nối ra Bắc, mặt khác Cục sẽ bằng mọi cách chấp nối liên lạc vào. Không thể chậm trễ, chị lên đường ra Huế, Quảng Trị để tìm hiểu rồi bắt liên lạc với địa phương, cử người vượt biển Cửa Tùng, nếu không được thì chuyển phương án lên miền Tây Vĩnh Linh lập đường dây liên lạc với miền Bắc. Thế nhưng, mọi cố gắng của chị đều vô vọng. Với âm mưu chia cắt lâu dài, địch đã tìm mọi thủ đoạn để biến vĩ tuyến 17 thành giới tuyến vĩnh viễn, ngăn chặn triệt để mọi con đường liên lạc Bắc - Nam. Cơ sở cách mạng bị tróc hết, người nào còn có lòng nghĩ đến kháng chiến cũng phải nằm im. Vì vậy, tìm kiếm đường dây liên lạc sang phía bên kia sông Bến Hải lúc này là không thể thực hiện được.



*Cầu Hiền Lương - Vĩ tuyến 17
- vết thương chia cắt đất nước*

Mất liên lạc bằng con đường nội địa, chị đành quay trở lại Sài Gòn tìm hướng liên lạc ra Bắc qua đường sang Campuchia.

Ngày 15 tháng 7 năm 1956, Đinh Thị Vân lên đường đi Phnôm Pênh với bản căn cước là “người đi buôn”. Ở đây, chị có thể liên lạc với Hà Nội bằng cách trao đổi thư từ, bưu thiếp. Nhưng đường dây này cũng không an toàn. Năm 1957, cấp trên yêu cầu chị cắt đường liên lạc qua Phnôm Pênh và tổ chức đường dây khác lên phía Tây Nguyên qua Plei Ku - Kon Tum. Việc quan trọng trước tiên là phải có cơ sở. Chị tìm đến bà Khôi, một gia đình quen biết từ Hà Nội vào, bà Khôi ở ngay trong cơ quan quân cụ, do đó việc liên lạc với cấp trên theo đường số 14 được thiết lập và đi vào hoạt động.

Năm 1958, tình hình trở nên vô cùng căng thẳng. Sách lược “*Tát nước bắt cá*” của chính quyền Ngô Đình Diệm đã làm cho lực lượng của ta bị tổn thất nặng nề, có nơi thành cơ sở trắng. Để che mắt địch, Đinh Thị Vân phải xoay ra làm nghề may máy và bỏ mối hàng thêu ở ngã ba Vườn Lài. Công việc đang tiến triển thì chị nhận được chỉ thị: “Phải nghiên cứu gấp tình hình phía Nam, nhất là vĩ tuyến 17, sự bố phòng của sư đoàn 1 ngụy, đồng thời tìm hiểu xem địch biết về lực lượng ta ở Hạ Lào như thế nào?”. Đinh Thị Vân vội vã lên đường ra Huế cùng một đồng chí trước đây công tác ở Ba Lòng với danh nghĩa đi du lịch tới thăm các bạn cũ, rồi qua đó ra thăm giới tuyến. Bằng một trí nhớ tuyệt vời, một sự quan sát chính xác và một máy ảnh Betri, toàn bộ tuyến phòng thủ của địch từ Huế đến Gio Linh, vị trí các trung đoàn, hệ thống công sự, các bãi mìn, phương án tác chiến, hướng triển khai của các trung đoàn bộ binh ngụy... đã được lưới báo cáo chi tiết ra miền Bắc, góp phần cho chiến thắng của quân và dân ta trong giai đoạn lịch sử quan trọng này.

Nhiệm vụ vừa hoàn thành, chị lại nhận được lệnh mới: “Tổ chức đường dây từ Sài Gòn qua Nha Trang - Đà Nẵng và Huế, bắt liên lạc với giao thông Trung ương thay cho đường dây theo quốc lộ 14 lên Plei Ku”. Đinh Thị Vân lại lên đường đi Đà Nẵng, Huế với “vỏ bọc” là người đi buôn vải và các mặt hàng thô. Đến đâu chị cũng tìm đến những gia đình quen cũ để vừa tiện cho việc buôn bán vừa dễ bề hoạt động. Sau chuyến đi ra Đà Nẵng - Huế trở vào Sài Gòn, do sơ hở ở một mất xích trong lưới, Đinh Thị Vân bị địch nghi ngờ và bắt giam. Tại cơ quan an ninh quân đội, chúng sử dụng mọi thủ đoạn tra tấn rất dã man, nhưng không moi được bất cứ tin tức gì ở chị. Sau đó chúng đưa chị đi biệt giam ở Vân Đồn, trại Lê Văn Duyệt, Sở Thú. Năm năm tù đầy qua các nhà lao, nếm đủ mọi cực hình tra tấn về thể xác, uy hiếp khủng bố về tinh thần, nhưng chị đã vượt qua tất cả, tuyệt đối trung thành với cách mạng, bảo vệ trọn vẹn cơ sở mạng lưới tình báo do chị phụ trách.

Cuối năm 1963 đầu 1964, Dương Văn Minh lật đổ Ngô Đình Diệm, rồi Nguyễn Khánh lật đổ Dương Văn Minh. Những người bị giam ở trại Lê Văn Duyệt và Sở Thú đều được xem xét lại. Nhờ lúc chính quyền của địch vừa thay đổi, còn nhiều sơ hở, với bản hồ sơ là “*người đi buôn bị bắt oan*”, ngày 18 tháng 5 năm 1964, chị Đinh Thị Vân được trả tự do. Ra tù, chị lập tức kiểm tra lại an toàn của lưới tình báo, tìm cách chấp nối lại liên lạc với đồng chí và cấp trên để nhận nhiệm vụ tiếp tục hoạt động. Trong thời gian chị bị tù đầy, nhiều điệp viên trong lưới tình báo do chị gây dựng đã dần dần lún sâu, leo cao vào những vị trí trọng yếu trong các cơ quan quân sự của địch, hoặc có quan hệ với những nhân vật đang giữ

chức vụ quan trọng của ngụy quyền Sài Gòn: người làm thư ký trong sở quân cụ Sài Gòn, người là sĩ quan ngoại vụ Bộ Quốc phòng, người thì giữ chức trưởng ban thống kê thuộc Bộ Tư lệnh... Đinh Thị Vân được giao nhiệm vụ tìm hiểu các ý đồ chiến lược của Mỹ - ngụy: Nếu địch thất bại trong "Chiến tranh đặc biệt" thì tình hình sẽ diễn ra theo hướng nào, có thể hiệp thương và thành lập chính phủ như kiểu ba phái ở Lào, hay sẽ chuyển thành "Chiến tranh cục bộ"? Nếu quân Mỹ nhảy vào thì quy mô, số lượng ra sao? Chị suy tính, lên kế hoạch, vạch nhiệm vụ cụ thể cho từng anh em trong lưới. Về phần mình, chị lại tiếp tục lo nghề nghiệp làm ăn hợp pháp để che mắt địch đồng thời có kinh phí phục vụ cho hoạt động: buôn vải, đan bít tất khoán, bán hàng tạp hóa, sao trà... khi ở nơi này, lúc ở nơi khác. Những chủ trương, kế hoạch mới của địch được mạng lưới của Đinh Thị Vân cung cấp đều đặn và kịp thời gửi ra Trung ương: từ chiến lược "Chiến tranh cục bộ" đến kế hoạch xây dựng địa phương quân của địch để thay thế cho quân chủ lực rút khỏi nhiệm vụ lãnh thổ, tập trung mở những cuộc càn quét lớn; kế hoạch hành quân của những sư đoàn chủ lực; sơ đồ phòng thủ của địch; chiến dịch "Ba mũi tên tìm diệt" của Mỹ - ngụy; nội dung cuộc họp của tổng thống với cố vấn của bộ tổng tham mưu và tướng Cao Văn Viên v.v... Chính vì vậy, cuộc phản công chiến lược hai mùa khô 1965-1966, 1966-1967 của địch đánh vào căn cứ của ta nhằm "tìm diệt" và "bình định" bị quân ta bẻ gãy. Địch vô cùng hoang mang, khốn đốn. Một tên đại tá ngụy đã phải thốt lên: "Chúng nó như ma ấy. Không biết lực lượng chính ở chỗ nào mà sáu nơi mình thọc vào đều bị đánh, không tiến lên được...".

Phát huy đà thắng lợi hai mùa khô, nhận định cục diện trên toàn miền Nam thay đổi có lợi cho ta, Trung ương Đảng quyết định “*Chuyển cuộc chiến tranh cách mạng miền Nam sang một thời kỳ mới - thời kỳ giành thắng lợi quyết định*”. Chủ trương của ta được thực hiện bằng cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 mà tình báo gọi là kế hoạch “Vụ mùa”. Chị Đinh Thị Vân lại bận rộn với bao công việc: trực tiếp gặp và hướng dẫn về việc chuẩn bị “Vụ mùa”, tổ chức giao liên dẫn đường cho các lực lượng ở bên ngoài vào, thăm dò khả năng hiểu biết của địch về kế hoạch chuẩn bị của ta, sơ đồ phòng thủ của quân khu đô thành Sài Gòn... Tất cả tin tức được mạng lưới của chị Vân gửi kịp thời ra cơ quan chỉ đạo kèm theo những ý kiến phân tích xác đáng. Mọi kế hoạch đều được tuyệt đối giữ bí mật tới mức khi “Vụ mùa” đã triển khai thì địch vẫn khẳng định rằng hiện nay ta chỉ có thể mở những hoạt động bình thường mang tính chất củng cố vùng căn cứ địa mà thôi. Đến đêm 30 rạng ngày mồng một Tết, trong lúc bọn chúng đang say sưa chúc tụng lẫn nhau thì tiếng súng của cuộc tổng công kích bắt đầu phát hỏa. Địch trở tay không kịp, hoang mang lo sợ, máy bay bay rối loạn trên trời, xe nhà binh chạy đâm bừa vào nhau nhốn nháo. Trong thời điểm ấy, Đinh Thị Vân vẫn bình tĩnh điều động các chiến sĩ trong mạng lưới của mình, âm thầm và an toàn làm nhiệm vụ. Vì vậy, sau những ngày vang dội của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân, lưới tình báo do chị phụ trách vẫn giấu kín mình trong từng cái vỏ bọc khác nhau và hàng ngày vẫn hoạt động giữa vòng vây kẽm gai của cảnh sát và “*mắt kiếng đen*” dày đặc của mật vụ Sài Gòn tăng gấp bội so với trước, lặng lẽ đi lại, nắm tình hình, nhận định và tổng hợp báo cáo về Trung ương, góp

hắn quan trọng vào thắng lợi của quân và dân ta trên toàn mặt trận miền Nam.

Tháng 3 năm 1969, do yêu cầu công tác và tình hình sức khỏe của chị bị giảm sút sau những năm tháng bị địch tra tấn và hoạt động vất vả, căng thẳng, cấp trên đã quyết định điều động chị ra Hà Nội và phân công chị làm công tác huấn luyện. Trong cương vị công tác mới, người nữ sĩ quan tình báo dày dạn kinh nghiệm đã đem hết tinh thần, năng lực để truyền đạt kiến thức, kinh nghiệm của mình cho đội ngũ những chiến sĩ sẽ kế tiếp lên đường làm nhiệm vụ đặc biệt, đồng thời viết các bản báo cáo tổng kết, rút ra những bài học thành, bại đúc kết từ thực tiễn công tác trong hoạt động ở nội thành Sài Gòn, công tác vận động quần chúng và phương châm hoạt động độc lập, đó là những minh họa sâu sắc và sinh động trong những bài giảng của chị.

Với công lao cống hiến to lớn, ngày 25 tháng 8 năm 1970, chị Đinh Thị Vân đã được phong tặng danh hiệu cao quý Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân với lời tuyên dương: *“Đồng chí thiếu tá Đinh Thị Vân là một cán bộ mẫu mực trung thành tận tụy phục vụ nhân dân, phục vụ cách mạng, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ quan trọng trong những hoàn cảnh rất khó khăn”*.

Ngày 30 tháng 4 năm 1975, miền Nam hoàn toàn giải phóng. Nhiệm vụ đặc biệt của chị lúc này là vào ngay Sài Gòn để giúp các cơ quan bảo vệ xác minh để trả lại sinh mạng chính trị cho những đồng chí hoạt động trong lực lượng địch, giao nhiệm vụ mới để các đồng chí ấy tiếp tục tham gia công tác giải quyết các vấn đề hậu chiến, chống gián điệp lọt lưới cài lại chống phá cách mạng...

Tháng 10 năm 1977, chị được thăng quân hàm trung tá và năm 1990 thăng quân hàm đại tá Quân đội nhân dân Việt Nam.

Sau gần trọn một đời cống hiến, chị về nghỉ hưu ở ngôi nhà số 8 phố Cửa Đông, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, sống đời thường thanh bạch, giản dị, khiêm tốn và thật sự trong sạch trong sự yêu mến và ngưỡng mộ của bạn bè, bà con nhân dân.

Chị Đinh Thị Vân mất tại Hà Nội ngày 15 tháng 12 năm 1995, thọ 79 tuổi.

MỤC LỤC

♦ <i>Lời giới thiệu</i>	5
♦ ELIZABETH VAN LEW Nữ điệp viên “tình nguyện” trong chiến tranh Nam - Bắc Mỹ	7
♦ BELLE BOYD Khi người đẹp mê hồn làm điệp viên	15
♦ MATA HARI Nữ điệp viên với vô số huyền thoại	19
♦ LOUISA BETTINI (ALISA DUYBUA) Thành công sau những trò đùa với cái chết	29
♦ MARTA RISHE Con “sơn ca” lặng lẽ	41
♦ NICOLAI SCOBŁIN Con người và những điệp vụ bí ẩn	47
♦ MARIA DAKHARTSENCO-SULS Nữ điệp viên thù hận và khủng bố	53
♦ VAXILI ZARUBIN “Đằng sau thành công của người đàn ông có bóng dáng của người phụ nữ”	66
♦ ANNA VOLCOVA Lòng thù hận chủng tộc và cộng sản	77

✧ RUT KUTSINXKI	
Những điệp vụ và những cuộc tình	90
✧ KAWASHIMA YOSHIKO	
“Ngọc Phương Đông”, số phận một nữ điệp viên	110
✧ IUREK FON SOSNOVSKI	
Số phận các nữ người tình	115
✧ MATINDA CARRE	
Trò chơi ái tình và điệp vụ	134
✧ ILZA STIOBE	
Nữ điệp viên kiên cường đến phút chót	157
✧ MORIS KOEN Và LEONTINA TEREZA PETCA	
Cặp vợ chồng điệp viên	176
✧ RUT KUEN	
“Nữ điệp viên Trân Châu Cảng”	187
✧ ELIZABETH SHRAGMULLER	
Bà thầy của trường tình báo đầu tiên trong lịch sử	196
✧ MARGARITA CONENCOVA	
Mối tình cuối đời của nhà bác học Albert Einstein	207
✧ ANNA MOROZOVA	
Nữ điệp viên Nga anh hùng Thế chiến Thứ hai	215
✧ DIETER GERHARDT	
Điệp viên Xô Viết, bạn của Tổng thống Nam Phi	226
✧ ĐINH THỊ VÂN	
Nữ Đại tá tình báo anh hùng	234